

Agatha Christie®

Võ Thị Hương Lan dịch

CHUỖI ÁN MẠNG

A.B.C

NHỮNG VỤ ÁN BÍ ẨN CỦA

HERCULE POIROT



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



AGATHA CHRISTIE

CHUỖI ÁN MẠNG
A. B. C

The ABC Murders (1935)

Võ Thị Hương Lan *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ 2015

GIỚI THIỆU

Agatha Christie là nhà văn có tác phẩm được xuất bản nhiều nhất mọi thời đại và bằng nhiều ngôn ngữ nhất chỉ đứng sau Kinh Thánh và Shakespeare. Sách của bà đã được bán hơn một tỉ bản in bằng tiếng Anh và một tỉ bản in bằng 100 ngôn ngữ khác. Bà đã viết 80 tiểu thuyết trinh thám và truyện ngắn, 19 vở kịch, hai hồi ký và sáu quyển tiểu thuyết khác viết bằng bút danh Mary Westmacott.

Bà viết tiểu thuyết trinh thám đầu tiên khi đang làm việc cho một cơ sở chữa bệnh và phát thuốc của bệnh viện trong Thế chiến thứ nhất và đã tạo ra nhân vật huyền thoại *Hercule Poirot* trong tiểu thuyết đầu tay mang tên *The Mysterious Affair at Styles* (*Vụ án bí ẩn ở Styles*). Còn với tiểu thuyết *The Murder in the Vicarage* (*Án mạng ở nhà Cha xứ*) được xuất bản năm 1930, bà giới thiệu thêm một nhân vật thám tử được mọi người yêu mến nữa đó là bà *Jane Marple*. Ngoài ra còn có các nhân vật khác như cặp vợ chồng chuyên phá án là *Tommy* và *Tuppence Beresford*, thám tử tư *Parker Pyne*, và các thám tử của Scotland Yard như phó trưởng ty *Battle* và thanh tra *Japp*.

Nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn của *Agatha Christie* được chuyển thể thành kịch, phim điện ảnh và phim truyền hình. *The Mousetrap* (*Cái bẫy chuột*) là vở kịch nổi tiếng nhất của bà, được công diễn vào năm 1952 và là vở kịch được diễn dài hơi nhất trong lịch sử. Một số tác phẩm được chuyển thể thành phim nổi tiếng nhất của bà bao gồm *Murder on the Orient Express* (*Án mạng trên tàu tốc hành Phương Đông*) năm 1974 và *Death on the Nile* (*Án mạng trên sông Nile*) năm 1978 do Albert Finney và Peter Ustinov lần lượt thủ vai *Hercule Poirot*. Trên màn ảnh nhỏ, *Hercule Poirot* được nhớ nhất qua hình ảnh do David Suchet thủ vai, còn bà *Marple* thì do Joan Hickson thủ vai và sau đó là Geraldine McEwan và Julia McKenzie thủ vai.

Người chồng đầu tiên của *Agatha Christie* là Archibald Christie và sau đó là nhà khảo cổ học Max Mallowan, mà bà hay đi theo ông trong những chuyến đi thực tế đến các vùng quê nhờ đó mà có chất liệu để làm bối cảnh cho nhiều tiểu thuyết của bà. Vào năm 1971 bà vinh dự nhận được tước hiệu cao quý nhất của Hoàng gia Anh, Quý bà của Vương quốc Anh (Dame of the British Empire). Bà qua đời năm 1976, thọ 85 tuổi. Sinh nhật lần thứ 120 của bà được cả thế giới tổ chức vào năm 2010.

TÁC PHẨM

Khi một sát nhân giết người hàng loạt bí danh ABC chế nhạo *Hercule Poirot* bằng những lá thư úp mở và giết người theo thứ tự chữ cái, *Hercule Poirot* tiến hành một phương pháp điều tra bất thường để truy tìm ABC. Trong một câu chuyện có vẻ như không can hệ gì, một người bán rong tên Alexander Bonaparte Cust đã có mặt ở tất cả những địa điểm xảy ra án mạng và ngày tội ác đó diễn ra. Cust bị trúng đạn vào đầu lúc đi lính. Hậu quả là, ông bị mất trí nhớ, đau đầu và bị động kinh. Liệu một người ngờ nghệch như thế có thể là kẻ giết người mệnh danh ABC không?

MỞ ĐẦU

LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY ARTHUR HASTINGS SĨ QUAN HOÀNG GIA ANH



Trong truyện này, tôi không chỉ kể lại những sự việc và nơi chốn tôi có liên quan và có mặt, do đó một số chương truyện được viết theo ngôi thứ ba.

Tôi xin cam đoan với độc giả rằng tôi có thể đảm bảo tính xác thực của các sự kiện trong các chương này. Nếu tôi có hơi lãng mạn trong việc miêu tả suy nghĩ và tình cảm của nhiều người khác nhau thì đó là vì tôi nghĩ tôi đã kể về họ một cách chính xác nhất. Ngoài ra, tôi cũng muốn nói thêm rằng những chương đó đều được ông bạn Hercule Poirot của tôi “duyet” qua rồi.

Tóm lại, tôi muốn nói là nếu tôi có miêu tả dài dòng các mối quan hệ riêng tư không quan trọng lắm nhưng xuất hiện trong loạt vụ án kỳ lạ này thì đó là vì yếu tố con người và cá nhân không thể bỏ qua được. Có lần Hercule Poirot đã bảo tôi các vụ án hay làm nảy sinh ra những mối tình lắm.

Còn về việc phá vụ án A.B.C. bí ẩn này, tôi chỉ có thể nói rằng theo ý tôi Poirot đã chứng tỏ tài năng thật sự của ông trong việc xử lý một vấn đề hoàn toàn khác với những vụ ông đã phá trước đó.

BỨC THƯ



Tháng 6 năm 1935 tôi về thăm nhà sau chừng sáu tháng trời ở trang trại của mình bên Nam Mỹ. Thời gian đó thật là khó khăn. Cũng như mọi người, chúng tôi bị ảnh hưởng bởi suy thoái toàn cầu. Có nhiều việc ở Anh mà tôi cảm thấy phải đích thân xử lý thì mới ổn thỏa. Vợ tôi ở lại bên ấy quản lý trang trại.

Đương nhiên, một trong những việc đầu tiên tôi làm khi về tới Anh là thăm ông bạn già Hercule Poirot của tôi.

Tôi thấy Poirot sống trong một căn hộ cho thuê loại mới nhất ở Luân Đôn. Tôi chê (mà Poirot cũng đồng ý) rằng ông chọn sống trong tòa nhà này hoàn toàn là vì dáng vẻ vuông vức cũng như tầm cỡ của nó.

“Đúng thế ông bạn ạ, những đường nét đối xứng nhìn dễ chịu, ông không thấy vậy sao?”

Tôi nói tòa nhà quá nhiều góc vuông và lấy một chuyện đùa cũ để trêu ông rằng trong ngôi nhà siêu hiện đại này chắc người ta làm cho gà đẻ ra trứng vuông.

Poirot phá lên cười sáng khoái.

“Á, ông vẫn còn nhớ chuyện đó? Than ơi - khoa học chưa thể làm cho gà mái tuân theo thị hiếu mới, chúng vẫn đẻ trứng với đủ kích cỡ và màu sắc khác nhau thôi!”

Tôi triu mến ngắm nhìn ông bạn già. Poirot vẫn còn mạnh khỏe lắm và dường như chẳng già thêm chút nào kể từ lần gặp trước.

“Trông ông vẫn còn tinh anh lắm, ông Poirot ạ,” tôi nói. “Ông chẳng già thêm chút nào. Thiệt tình thì không thể tin được, nhưng có vẻ như ông ít tóc bạc hơn lần trước tôi gặp ông thì phải.”

Poirot nhìn tôi mỉm cười.

“Sao lại không tin cơ chứ? Đúng vậy mà.”

“Ý ông là tóc ông chuyển từ bạc sang đen chứ không phải ngược lại sao?”

“Đúng thế.”

“Nhưng mà phản khoa học quá!”

“Không hề.”

“Nhưng vậy thì rất kỳ. Có vẻ trái tự nhiên.”

“Hastings à, đầu óc ông lúc nào cũng suy nghĩ tốt đẹp và không bao giờ hoài nghi. Thời gian chẳng làm thay đổi cái tính đó của ông! Ông vừa thu nạp dữ kiện vừa đưa ra kết luận cùng lúc mà không hề hay biết mình đang làm như thế!”

Tôi nhìn ông trân trối vẻ khó hiểu.

Không nói thêm lời nào, ông bạn tôi đi vào phòng ngủ rồi trở ra với một cái chai trên tay và đưa cho tôi.

Tôi cầm lấy mà vẫn chưa hiểu gì.

Trên chai ghi: *Revivit. - Mang lại màu sắc tự nhiên cho tóc của bạn. Revivit không phải là thuốc nhuộm. Có năm màu: màu tro, màu hạt dẻ, màu hung, màu nâu và màu đen.*

Tôi la lên: “Poirot, té ra là ông nhuộm tóc!”

“À, cuối cùng ông cũng đã hiểu!”

“Thế đó là lý do vì sao tóc ông lại đen hơn hồi tôi về gặp ông lần trước.”

“Đúng vậy.”

Vừa hết kinh ngạc, tôi nói: “Trời ạ, chắc lần tới tôi về không chừng lại thấy ông đeo ria giả - hay là ông cũng đang đeo ria giả đấy?”

Poirot cau mày. Bộ ria luôn là điểm nhạy cảm của ông. Ông tự hào về chúng một cách cực kỳ thái quá.

Câu nói của tôi khiến ông cau.

“Làm gì có, *mon ami*!^[1] Tôi thề với ông cái ngày ấy vẫn còn xa lắm. Rĩa giả ư! *Quel horreur*!^[2]!”

Ông kéo mạnh rĩa mép của mình để chứng minh với tôi. “À ừ, nó vẫn còn rậm rạp lắm,” tôi khen.

“*N'est ce pas?*”^[3] Khắp Luân Đôn này chưa thấy bộ rĩa nào có thể so sánh với bộ rĩa của tôi đâu đấy.”

Sự nghiệp của ông cũng thế mà, tôi thầm nghĩ. Nhưng tôi không dám nói ra, sợ lại làm ông bạn Poirot phật lòng.

Thay vào đó tôi hỏi xem thỉnh thoảng ông có còn hành nghề không.

“Tôi biết ông nghỉ hưu nhiều năm rồi...”

“*C'est vrai.*”^[4] Để trông bí ngòi! Và rồi đột nhiên có một vụ án mạng xảy ra thế là đi tong cái vụ trông bí ngòi. Và kể từ đó - tôi biết ông sẽ nói - tôi giống như kếp chính đóng vở diễn cuối cùng! Cái vở diễn cuối cùng đó, cứ lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần rồi!”

Tôi cười xòa.

“Đúng như vậy đấy ông bạn ạ. Mỗi lần tôi nói: lần này là kết thúc rồi; thì không, lại một vụ khác xảy ra! Và phải thừa nhận tôi muốn nghỉ hưu cũng không được. Nếu mấy cái tế bào chất xám nhỏ bé không được luyện tập, nó sẽ hoen gỉ mất.”

Tôi đáp: “Hiểu rồi. Thế nên ông chỉ luyện tập chúng ở mức vừa phải thôi chứ gì.”

“Chính xác. Tôi chọn lựa rất kỹ. Bởi giờ đây Hercule Poirot chỉ tham gia những vụ án hóc búa thôi.”

“Có nhiều vụ như thế không?”

“*Pas mal.*”^[5] Cách đây không lâu tôi thoát chết trong gang tấc.”

“Vì thất bại à?”

Poirot có vẻ sững sốt. “Không, không phải. Nhưng tôi, Hercule Poirot, suýt mất mạng.”

Tôi rên lên một tiếng.

“Một tên giết người táo bạo!”

Poirot trả lời: “Táo bạo thì ít mà bất cẩn thì nhiều. Chính xác là rất bất cẩn. Nhưng thôi, đừng nói chuyện này nữa. Hastings biết không, xét trên nhiều phương diện tôi xem ông như bùa hộ mệnh của mình.”

Tôi hỏi lại: “Thật ư? Như thế nào kia?”

Poirot không trả lời thẳng, ông bảo:

“Ngay khi biết ông đến tôi tự nhủ: sẽ có chuyện cho mà xem. Như thuở trước, hai đứa mình đi săn cùng nhau, chỉ hai đứa mình thôi. Nhưng nếu chỉ thế thôi thì hẳn không phải là chuyện thường. Phải có điều gì đó” - Ông hào hứng vẫy tay - “Điều gì đó tao nhã - thanh lịch - tinh tế...” Ông bỏ lửng từ cuối cùng không thể diễn tả nổi ấy.

“Mèn ơi, Poirot. Người ta sẽ tưởng ông đang gọi món ăn ở nhà hàng Ritz mất,” tôi nói.

“Sao người ta không thể chọn vụ án nhi? Đúng thật.” Ông thờ dãi. “Nhưng nếu được, tôi tin vào sự may mắn, vào số phận. Số phận của ông là sát cánh bên tôi và ngăn tôi mắc những lỗi lầm không thể tha thứ.”

“Những lỗi không thể tha thứ như lỗi gì?”

“Bỏ qua những chi tiết quá rõ ràng.”

Tôi ngẫm nghĩ nhưng vẫn chưa hiểu lắm.

Sau đó tôi cười nói: “Vây siêu tội phạm này đã xuất hiện chưa?”

“*Pas encore.*”^[6] Ít ra là tôi nghĩ thế...”

Poirot ngừng nói. Ông nhăn trán vẻ khó hiểu. Tay ông bất giác xếp lại mấy vật mà tôi vô tình đẩy sai chỗ.

“Tôi cũng không chắc lắm,” ông chậm rãi trả lời.

Có cái gì kỳ lạ trong giọng nói của Poirot đến nỗi tôi phải nhìn ông ngạc nhiên.

Poirot vẫn nhăn trán nghĩ ngợi.

Đột nhiên ông gạt đầu dứt khoát rồi bước tới bàn làm việc gần cửa sổ. Không cần phải nói, mọi thứ trên bàn đều được dán nhãn và xếp theo từng ngăn để ông có thể lấy những giấy tờ ông muốn bất kỳ lúc nào.

Ông chậm rãi quay lại chỗ tôi và cầm theo một bức thư đã mở. Ông đọc thầm một lượt rồi đưa cho tôi.
“Nói cho tôi biết ông sẽ làm gì với cái này, *mon ami*?” Poirot lên tiếng.

Tôi nhận bức thư từ tay ông, lòng gọn chút tò mò. Thư được đánh máy trên loại giấy trắng khá dày.

Ngài Hercule Poirot, ngài tự huỷ hoặc chính mình rằng ngài có thể giải quyết những vụ án hóc búa mà bọn cảnh sát Anh dần dộn tội nghiệp không làm được chăng? Hãy đợi xem ngài thông minh đến mức nào, ngài Poirot Thông Minh. Có thể ngài sẽ thấy vụ này khó nhằn đấy. Lo mà canh chừng Andover vào ngày 21 tháng này.

Kính thư,

ABC

Tôi liếc qua bì thư. Địa chỉ trên đó cũng được đánh máy. Khi tôi để ý đến dấu bưu điện, Poirot nói:
“Dấu bưu điện ghi WC1. Vậy, ông nghĩ sao?”

Tôi nhún vai trả lại bức thư cho ông.

“Tôi đoán là thằng điên điên khùng khùng nào đó gửi thôi.”

“Ý ông sự việc chỉ đơn giản vậy thôi à?”

“Chứ ông không thấy có vẻ điên sao?”

“À, có chứ, ông bạn.”

Giọng ông chùng xuống. Tôi tò mò nhìn ông.

“Ông hơi nghiêm trọng hóa vấn đề rồi, Poirot à.”

“Ông bạn ơi, một kẻ điên thì càng cần phải được xem xét nghiêm túc. Người điên rất nguy hiểm.”

“Ừ, đương nhiên. Đúng thế... Tôi đã không nghĩ đến điều đó. Nhưng ý tôi là chuyện này có vẻ như trò đùa ngu ngốc. Có lẽ là một kẻ thích chèn chân tám chân chín nào đó.”

“*Comment?*^[7] Chín à? Chín gì?”

“Không có gì. Thành ngữ ấy mà. Ý tôi là thằng cha đó bị xỉn. Mà không, trời ạ, ý tôi là một gã say rượu ấy.”

“*Merci,*^[8] Hastings. Tôi biết từ “xỉn” rồi. Như ông nói đấy, chắc không có vấn đề gì nghiêm trọng thật...”

Ngạc nhiên trước giọng điệu chưa thỏa mãn của Poirot, tôi gắng hỏi: “Chứ ông nghĩ là có à?”

Poirot lắc đầu về hoài nghi nhưng không nói gì thêm.

Tôi lại chất vấn: “Thế ông đã làm gì với lá thư đó?”

“Còn làm gì nữa chứ? Tôi đưa cho Japp. Ông ấy cũng nghĩ như ông - một trò chơi khăm ngu ngốc - Japp bảo thế. Ở Scotland Yard, ngày nào họ cũng nhận được những thứ tương tự. Tôi cũng từng thế...”

“Nhưng ông xem bức thư này là chuyện nghiêm túc?”

Poirot chậm rãi trả lời.

“Có điều gì đó ở bức thư này mà tôi không thích, Hastings ạ...”

Dù không muốn nhưng giọng điệu của ông càng thúc giục tôi.

“Vậy ư? Điều gì?”

Poirot lắc đầu, nhặt lá thư lên rồi cất lại vào hộp bàn.

Tôi hỏi: “Nếu ông coi là chuyện nghiêm túc, sao ông không làm gì cả?”

“Tôi lúc nào cũng là người ưa hành động! Nhưng tôi có thể làm gì cơ chứ? Cảnh sát quận đã xem bức thư và họ cũng không coi là chuyện nghiêm túc. Không có dấu vân tay trên đó. Không có một manh mối nào để đoán ra kẻ viết thư.”

“Vậy thực ra chỉ là bản năng của ông mách bảo thôi sao?”

“Không phải bản năng, Hastings ạ. Bản năng là một từ dờ. Mà là kiến thức và kinh nghiệm của tôi chỉ ra rằng có gì đó bất ổn ở lá thư này...”

Poirot hoa tay múa chân khi không diễn đạt được bằng lời, rồi lại lắc đầu.

“Có thể là tôi chuyện bé xé ra to. Dù sao cũng không làm gì được ngoài chờ đợi.”

“Ừ, ngày 21 là thứ Sáu đấy. Biết đâu có một vụ cướp lớn xảy ra gần Andover...”

“À, nếu được thế thì dễ chịu biết nhường nào...!”

“Dễ chịu ư?” Tôi tròn mắt. Dùng từ đó trong hoàn cảnh này thì lạ quá.

“Một vụ cướp có thể ly kỳ chứ sao mà dễ chịu được!” Tôi phản đối.

Poirot lắc đầu quây quây.

“Hiểu lầm rồi, bạn tôi ơi. Ông không hiểu ý tôi. Nếu là một vụ cướp thì đỡ quá vì nó loại bỏ được nỗi ám ảnh khác trong tôi.”

“Ám ảnh về cái gì kia?”

“Giết người,” Hercule Poirot đáp.

KHÔNG PHẢI LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY HASTINGS



Ông Alexander Bonaparte Cust đứng dậy và nhìn chăm chăm xung quanh căn phòng ngủ tồi tàn. Ngồi gò bó hồi lâu khiến lưng ông cứng đờ và khi ông đứng dậy vươn mình hết cỡ hóa ra ông khá cao. Cái dáng khòm khòm và cái kiểu nhìn như bị cận thị làm người khác hiểu nhầm.

Ông bước về phía chiếc áo khoác đã cũ sờn treo đằng sau cánh cửa, lấy trong túi áo ra một gói thuốc lá rẻ tiền và vài que diêm, ông đốt một điếu rồi quay lại chiếc bàn ông ngồi nãy giờ. Ông cầm quyển thông tin đường sắt lên đọc rồi xem lại danh sách tên được đánh máy. Ông lấy bút đánh dấu một trong những cái tên đầu tiên trong danh sách đó.

Hôm ấy là thứ năm, ngày 20 tháng 6.

ANDOVER



Tôi đã rất ấn tượng lúc nghe phán đoán của Poirot về lá thư nặc danh ông nhận được, nhưng phải thú thật là tôi quên bồng mất chuyện đó cho đến ngày 21 khi Chánh thanh tra Japp của Scotland Yard ghé thăm ông bạn tôi. Ông thanh tra Cục Điều tra Hình sự Anh (CID) này quen biết chúng tôi nhiều năm rồi và ông chào tôi rất niềm nở.

Ông reo lên: “Chà, không thể tin được. Chẳng phải là Đại úy Hastings trở về từ miền hoang dã đây sao! Gặp ông với ông Poirot ở đây khiến tôi nhớ đến những ngày xưa. Trông ông cũng khỏe đấy. Chỉ khác là tóc ông có vẻ thưa đi một chút hả? ừ, chúng ta ai rồi cũng thế. Tôi cũng vậy mà.”

Tôi hơi cau mày. Tôi tưởng đã chải tóc hất lên đỉnh đầu kỹ thế thì cái chỗ tóc thưa mà Japp nói đến khó thấy được. Song, Japp vốn là người cư xử không mấy tế nhị nên tôi giả vờ như không và đồng tình rằng chúng tôi không còn trẻ nữa.

Japp nói: “Trừ ngài Poirot ra. Ông ấy có thể quảng cáo cho thuốc dưỡng râu tóc được đấy. Râu ông mọc tốt hơn bao giờ hết. Dù ở cái độ tuổi xế chiều rồi ông vẫn còn được công chúng chú ý. Ông can dự vào tất cả vụ án nổi tiếng của thời đại. Vụ án trên tàu, trên không, những cái chết của giới thượng lưu, ôi, ông thật là xuất quỷ nhập thần. Ông càng nổi tiếng hơn từ khi nghỉ hưu ấy chứ.”

Poirot vừa nói vừa cười: “Tôi cũng mới nói với Hastings rằng tôi giống như kép chính sắp giải nghệ mà lúc nào cũng phải quay trở lại sân khấu.”

“Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu rốt cuộc ông lại là người điều tra cái chết của chính mình,” Japp vừa nói vừa cười sảng khoái. “Ý tưởng này hay đó chứ. Phải viết thành sách mới được.”

Poirot nháy tôi và nói: “Đến lúc ấy thì Hastings phải làm việc đó cho tôi thôi.”

Japp cười lớn: “Ha ha! Tôi đùa thôi mà.”

Tôi chẳng thấy ý tưởng đó có gì thú vị đến thế và câu nói đùa đó thật là thô thiển. Poirot tội nghiệp phải ngậm bồ hòn làm ngọt rồi. Những câu đùa về chết chóc đối với ông bạn tôi không dễ chịu chút nào.

Có lẽ bộ dạng nói lên cảm nhận của tôi nên Japp thay đổi chủ đề.

“Ông nghe chuyện lá thư nặc danh của ông Poirot chưa?”

Ông bạn tôi trả lời giúp: “Tôi đã đưa Hastings xem hôm trước rồi.”

Tôi à lên: “Ừ nhỉ. Tôi quên mất chuyện đó. Để tôi nhớ xem, trong thư nói đến ngày nào ấy nhỉ?”

Japp trả lời: “Ngày 21. Đó là lý do vì sao tôi ghé đây. Hôm qua là ngày 21 và vì tò mò nên tôi qua tôi gọi điện đến Andover. Đúng là trò đùa mà. Không có gì xảy ra cả. Chỉ có một cửa hàng bị con nít ném đá với một vài kẻ say xỉn và bọn quấy rối thôi. Thế nên lần này ông bạn người Bỉ của chúng ta đã đoán sai rồi nhé.”

Poirot đáp: “Phải thừa nhận là tôi thấy nhẹ nhõm lắm.”

Japp nói về nhiệt tình: “Ông đã lo lắng về vụ đó chứ gì. Tội nghiệp ông, bọn tôi nhận hàng tá thư như thế mỗi ngày! Do những kẻ rối hơi và kém não viết. Chúng chẳng hại gì! Chỉ phấn khích chút thôi.”

Poirot đáp: “Tôi đúng là khờ khi quan trọng hóa vụ đó. Chỗ mũi vào chuyện không đâu.”

“Ông cứ chuyện nọ xọ chuyện kia thôi hà.”

“*Pardon?*”^[9]

“Mấy cái câu thành ngữ ấy mà. Thôi, tôi phải đi đây. Có công việc ở đường kẻ bên phải giải quyết - vụ chứa chấp nữ trang bị đánh cắp ấy mà. Nhân tiện trên đường tới đó tôi ghé qua báo để ông yên lòng. Đáng tiếc là mấy cái té bào chất xám của ông phải tốn công vô ích.”

Nói và cười sảng khoái xong, Japp đi.

Poirot hỏi: “Lão Japp ấy chẳng thay đổi gì nhỉ?”

“Lão ta già đi trông thấy đấy chứ,” tôi đáp. Rồi nói thêm như để trả đũa: “Tóc bạc gần hết.”

Poirot đằng hắng một tiếng rồi nói: “Hastings này, có một dụng cụ nhỏ mà theo thợ làm tóc của tôi - một người cực kỳ giỏi, bảo rằng mình có thể gắn nó vào da đầu rồi chải tóc che lên. Không phải là tóc giả, ông biết đấy, nhưng...”

Tôi gào lên: “Poirot, tóm lại là tôi không bao giờ dùng mấy cái phát minh kỳ quái của cái thằng cha làm tóc ấy đâu. Đầu tóc tôi có sao đâu cơ chứ?”

“Không, không sao cả.”

“Làm như thể đầu tôi sắp hói không bằng.”

“Không! Đương nhiên là không rồi!”

“Thời tiết nóng nực của Nam Mỹ đương nhiên làm tóc tôi rụng chút xíu. Tôi sẽ mang về bên ấy một loại dưỡng tóc cực tốt.”

“*Précisément.*”^[10]

“Nhưng mà việc đó thì có liên can gì tới lão Japp cơ chứ? Lão ấy đúng là ác mồm ác miệng. Không hề có óc hài hước. Cái loại người cười nhạo khi thấy ai đó bị kéo mất ghế lúc định ngồi xuống.”

“Nhiều người cũng sẽ cười mà.”

“Thật là vô duyên hết biết.”

“Đứng về phương diện của người chuẩn bị ngồi xuống cái ghế đó thì vô duyên thật, tất nhiên rồi.”

Khi cơn bức mình đã hạ nhiệt (phải thú thật là tôi hơi nhạy cảm với cái đầu tóc lưa thưa của mình), tôi nói: “À, rất tiếc là vụ bức thư nặc danh đó chẳng đi đến đâu.”

“Thật sự tôi đã phán đoán sai vụ này. Về lá thư đó, tôi nghĩ nó có mùi tanh. Rốt cuộc chỉ là một trò đùa ngu ngốc. Trời ơi, tôi đã già và đa nghi như con chó săn bị mù hay sữa ma.”

Tôi vừa cười vừa trêu: “Nếu tôi hợp tác với ông thì chúng ta phải tìm một vụ khác thật ‘hoành tráng’.”

“Ông có nhớ nhận xét của ông hôm rồi không? Nếu có thể chọn vụ án như chọn món ăn thì ông sẽ chọn cái gì?” Tôi thích cách đùa hóm hỉnh của Poirot.

“Để tôi nghĩ xem nào. Hãy xem thực đơn đã. Cướp bóc? Lừa đảo? Không, tôi không nghĩ thế đâu. Mấy ‘món’ này hơi chay tịnh quá. Phải là một vụ giết người - một vụ đẫm máu - có đủ món ăn kèm nữa.”

“Hiển nhiên rồi. Phải có món khai vị.”

“Nạn nhân là đàn ông hay đàn bà đây? Tôi nghĩ nên là đàn ông. Một nhân vật tầm cỡ nào đó. Tỉ phú Mỹ. Thủ tướng. Chủ báo. Hiện trường vụ án, xem nào, ở một thư viện lâu đời thì sao nhỉ? Không gian của chỗ đó thì không có nơi nào bằng. Còn về vũ khí thì sẽ là dao găm lưỡi xoắn kỳ lạ hoặc một dụng cụ hơi cùn như là cái tượng khắc bằng đá...”

Poirot thở dài.

Tôi tiếp: “Hoặc là có thuốc độc nhưng như thế thì phức tạp quá. Hoặc là một tiếng súng nổ trong đêm. Rồi thì có thêm vài cô gái đẹp...”

Ông bạn tôi lẩm bẩm: “Có mái tóc vàng nâu chứ gì.”

“Ông cứ hay đùa. Một trong mấy cô rất xinh đó phải bị nghi oan, hãm rồi, và có chuyện hiểu lầm xảy ra giữa nàng và chàng trai trẻ. Rồi thì có thêm những nghi phạm khác như một bà già bí ẩn và nguy hiểm, một vài người bạn hay địch thủ của người đàn ông bị giết, và một thư ký kiêu lời nhưng có khả năng tiềm ẩn và một người đàn ông nông hậu và chất phác, và một vài người giúp việc hoặc người giữ rừng bị sa thải hoặc đại loại thế, và một thằng cha thám tử ngu ngốc kiểu như Japp - vậy là đủ rồi đấy.”

“Ý tưởng của ông về một vụ án hoành tráng là vậy đó hả?”

“Ông không đồng ý sao?”

Poirot buồn bã nhìn tôi.

“Ông liệt kê ra hầu hết những câu chuyện trinh thám mà người ta đã viết rồi.”

Tôi hỏi lại: “Chứ ông chọn thế nào?”

Poirot nhắm mắt lại tựa vào lưng ghế. Giọng ông thều thào.

“Một vụ án rất đơn giản. Một vụ án không có những chi tiết phức tạp. Một vụ án về cuộc sống thường

nhật... rất lạnh lùng và rất riêng tư.”

“Vụ án thì làm sao riêng tư được?”

Poirot lầm bầm: “Giả sử bốn người ngồi chơi bài và một người không chơi, ngồi trên ghế bên lò sưởi. Cuối buổi chiều tối ấy người đàn ông ngồi bên lò sưởi bị chết. Một trong bốn người kia hạ bài và bước đến giết ông ta và vờ đang chơi để ra tay khiến ba người còn lại không để ý. Vụ án như thế đấy. Ai trong bốn người đó là kẻ giết người?”

Tôi nói: “Chà, tôi không thấy có gì gay cấn cả!”

Poirot nhìn tôi về trách móc.

“Không gay cấn vì không có dao găm lưỡi xoắn kỳ lạ, không tổng tiền, không có viên ngọc lục bảo mà kỳ thực là con mắt của một vị thần bị đánh cắp, không có loại thuốc độc khó phát hiện của phương Đông chứ gì. Ông thật là người ưa kịch tính quá mức, Hastings à. Ông không chỉ muốn có một vụ giết người đơn thuần mà là một vụ giết người hàng loạt.”

Tôi đáp: “Phải thừa nhận là vụ án thứ hai xuất hiện trong một quyển sách thường kích thích hứng thú. Nếu vụ giết người bắt đầu ở chương một thì độc giả phải theo dõi hết các chứng cứ ngoại phạm của tất cả các nhân vật cho tới trang cuối cùng, mà như thế thì hơi tẻ nhạt.”

Chuông điện thoại reo và Poirot đi nghe máy.

Ông nói: “Alô, Alô. Vâng, tôi Hercule Poirot đây.”

Ông lắng nghe một vài phút rồi tôi thấy sắc mặt ông thay đổi. Ông trả lời vắn tắt và rời rạc.

“*Mais oui...*^[11] Vâng, đương nhiên rồi... Vâng, chúng tôi sẽ đến... Tất nhiên... Có thể đúng như lời ông nói... Vâng, tôi sẽ mang nó theo. Vậy thì *a tout à l'heure*^[12].”

Ông gác điện thoại và đi về phía tôi.

“Là Japp gọi đó, ông Hastings.”

“Thế à?”

“Ông ấy mới quay về Sở Cảnh sát. Có tin từ Andover...”

“Andover ư?” Tôi la lên phấn khích.

Poirot chậm rãi trả lời: “Một bà cụ già chủ một quầy báo và thuốc lá có họ là Ascher mới bị giết.”

Tôi thấy hơi thất vọng. Cảm giác tò mò khi nghe cái tên Andover bùng lên nhanh bao nhiêu thì bây giờ xẹp xuống bấy nhiêu. Tôi mong có cái gì đó thật kỳ quái, khác thường! Vụ giết một bà già bán thuốc lá nghe có vẻ hèn hạ và chẳng thú vị gì cả.

Poirot kể tiếp với một giọng điệu chậm rãi và nghiêm nghị:

“Cảnh sát ở Andover tin họ có thể bắt được kẻ đã gây ra vụ đó...”

Tôi thất vọng lần nữa.

“Hình như bà cụ có chuyện xích mích với ông chồng. Ông ấy hay uống rượu và là một lão dữ dằn. Ông ta từng dọa giết bà cụ vài lần rồi.”

Poirot kể tiếp: “Dù sao thì theo sự việc xảy ra, cảnh sát ở đó muốn xem lại bức thư nặc danh mà tôi nhận được. Tôi nói với họ là ông và tôi sẽ xuống Andover ngay.”

Tôi hưng phấn lên đôi chút. Nói cho cùng, vụ án này có hèn hạ mấy thì cũng là một vụ án, và đã lâu lắm rồi tôi không can dự vào vụ án hay tên tội phạm nào cả.

Tôi chẳng để ý những gì Poirot nói tiếp. Mà về sau nhớ lại hóa ra là rất quan trọng.

Hercule Poirot nói: “Đây mới chỉ là bắt đầu.”

BÀ ASCHER



Thanh tra Glen, một người đàn ông cao lớn, tóc vàng và nụ cười dễ mến, đón chúng tôi ở Andover.

Để ngắn gọn có lẽ tôi xin giới thiệu qua những thông tin cơ bản của vụ án.

Vụ án do cảnh sát Dover phát hiện vào lúc 1 giờ sáng ngày 22. Khi đi tuần, anh kiểm tra khóa của cửa hàng và thấy nó không đóng, anh bước vào. Thoạt đầu anh tưởng cửa hàng không có người; tuy nhiên, khi rọi đèn pin lên quầy, anh thấy xác bà cụ già nằm co ro. Khi bác sĩ pháp y đến hiện trường thì phát hiện ra cụ bà bị đánh mạnh vào sau đầu, có lẽ lúc bà đang với tay lấy gói thuốc lá trên kệ hàng đằng sau quầy. Án mạng hẳn đã xảy ra khoảng bảy đến chín tiếng đồng hồ trước.

Viên thanh tra giải thích: “Nhưng chúng tôi đã biết thêm nhiều thông tin hơn thế. Chúng tôi tìm được một người đàn ông vào cửa hàng mua thuốc lá lúc 5 giờ 30. Và người đàn ông thứ hai vào mua lúc khoảng 6 giờ 5 và thấy cửa hàng không có ai. Như vậy khoảng thời gian là từ 5 giờ 30 đến 6 giờ 5. Cho tới bây giờ tôi chưa tìm ra được ai đã nhìn thấy ông Ascher quanh quần gần đó nhưng, tất nhiên, bây giờ vẫn còn sớm mà. Lúc 9 giờ tối hôm đó ông ấy ở quán Three Crowns nhậu khá lâu rồi. Khi chúng ta tóm được ông ấy thì sẽ bắt giữ để điều tra ngay.”

Poirot hỏi: “Ông ấy không phải là một nhân vật dễ chịu đúng không, thanh tra?”

“Hơi khó ưa.”

“Ông ấy không sống chung với vợ à?”

“Không, họ đã ly thân mấy năm rồi. Ascher là người Đức. Ông ta từng làm bồi bàn nhưng sa đà vào rượu chè nên dần dần bị mất việc. Vợ ông làm nghề giúp việc được một thời gian. Công việc cuối cùng bà làm là nấu bếp và trông nom nhà cửa cho một cụ bà tên là Rose. Bà cho chồng tiêu vào cả khoản tiền bà kiếm được nhưng ông luôn say xỉn, đi loanh quanh rồi gây chuyện ở những nơi bà làm việc. Thế nên bà xin làm cho cụ Rose ở Grange. Nơi đó cách Andover chừng ba dặm, vùng thôn quê hẻo lánh. Ông ta không dễ tới kiếm bà ở đó. Khi cụ Rose qua đời, cụ để lại cho bà Ascher một ít của cải nên bà đã mở cửa hàng bán báo và thuốc lá này. Cửa hàng khá nhỏ và chỉ bán vài loại thuốc lá rẻ tiền, dăm ba tờ báo và một số đồ lặt vặt khác. Bà kiếm chỉ đủ sống thôi. Ông Ascher hay tới gây gổ với bà nên bà phải cho ông ta một ít tiền để đuổi ông đi. Thường thì mỗi tuần bà cho ông chừng 15 đồng shilling.”

“Thế họ có con cái gì không?” Poirot hỏi.

“Không. Chỉ có một cô cháu gái. Cô ấy làm việc gần Overton. Cô gái này rất tốt tính và đứng đắn.”

“Và anh nói ông Ascher này hay dọa bà vợ lắm đúng không?”

“Đúng thế. Ông ấy rất đáng sợ khi có chút rượu vào. Ông chửi rủa và dọa đánh vỡ đầu bà nữa. Bà Ascher thật khốn khổ.”

“Bà ấy bao nhiêu tuổi rồi?”

“Gần 60. Bà làm việc chăm chỉ và được người ta kính trọng.”

Poirot nghiêm nghị nói: “Theo anh, có khả năng ông Ascher là kẻ gây ra án mạng không, thanh tra?”

Viên thanh tra dăng hăng vẻ thận trọng.

“Vẫn còn quá sớm không thể kết luận được, ông Poirot ạ, nhưng tôi muốn nghe ông Franz Ascher tường thuật tối qua ông ấy đã làm gì. Nếu ông ta có thể giải thích hợp lý thì không sao, còn nếu không thì...”

Viên thanh tra bỏ lửng câu nói đầy ẩn ý.

“Cửa hàng không mất gì chứ?”

“Không. Tiền trong học vẫn còn nguyên. Không có dấu hiệu của một vụ cướp.”

“Anh nghi ngờ ông Ascher đến cửa hàng lúc đang say rồi chửi rủa bà vợ và đánh chết bà?”

“Nhiều khả năng đó lắm. Nhưng nói thật tôi muốn xem lại lá thư kỳ quặc mà ông nhận được, thưa ông. Tôi đồ rằng có thể lá thư này do ông Ascher gửi.”

Poirot trao lá thư, thanh tra Glen đọc và nhíu mày. Cuối cùng Glen nói: “Giọng văn nghe không giống ông Ascher. Tôi không tin ông Ascher dùng cụm từ cảnh sát Anh ‘của chúng ta’ trừ phi ông ta muốn tỏ ra xảo quyệt và tôi không tin ông ấy có khả năng đó. Ngoài ra, ông ta chỉ là gã thân tàn ma dại. Tay ông ta run rẩy thế thì làm sao đánh ra được những dòng chữ rõ ràng như vậy. Giấy và mực đều là loại tốt nữa. Điều kỳ quặc là lá thư nhắc đến ngày 21. Có thể đây là một sự trùng hợp.”

“Ừ, có thể lắm chứ.”

“Nhưng tôi không thích sự trùng hợp này, ông Poirot ạ. Nó xảy ra đúng lúc quá.”

Thanh tra Glen im lặng một vài phút, nếp nhăn hiện rõ trên trán.

“ABC. Ai có thể là tên ABC khốn kiếp đó chứ? Chúng ta phải đợi xem Mary Drower (cô cháu gái) có thể giúp được gì không. Vụ án kỳ quặc thật. Nhưng đối với bức thư này tôi đặt cược vào Franz Ascher cho chắc.”

“Anh có biết gì về quá khứ của bà Ascher không?”

“Bà ấy là người Hampshire. Hồi còn con gái bà làm việc ở Luân Đôn rồi gặp và cưới ông Ascher ở đó. Thời chiến tranh cuộc sống của họ chắc cũng gặp nhiều khó khăn. Thật ra, bà bỏ ông ta năm 1922 để được yên thân. Lúc đó họ vẫn ở Luân Đôn. Bà về đây sống để tránh mặt ông nhưng ông ta lần ra được chỗ bà ở và theo xuống tận đây để quấy rầy và đòi tiền bà...”

Một viên cảnh sát bước vào.

“Gì vậy Briggs?”

“Ông Ascher, thưa sếp. Chúng tôi vừa mới đưa ông ta đến.”

“Tốt. Đưa ông ta vào đây. Ông ta đã ở đâu?”

“Ông ta núp trong một toa trên đường ray tránh tàu.”

“Thế à? Đưa ông ấy vào đây.”

Franz Ascher đứng là lão già nhìn có vẻ khắc khổ và khó ưa. Ông ta khóc lóc, khúm núm rồi quát tháo ầm ĩ. Đôi mắt lơ đãng của ông ta hết liếc người này đến người khác.

“Các ông cần gì ở tôi? Tôi chẳng làm gì cả. Còn gì nhục nhã và xấu hổ bằng việc các ông bắt tôi đến đây! Mấy ông là đồ tồi! Sao các ông dám làm thế?” Rồi thái độ của ông ta đột ngột thay đổi. “Không, không, ý tôi không phải vậy. Các ông sẽ không hại một ông già đáng thương, không ác với ông ta chứ. Ai cũng đối xử tệ bạc với Franz già đáng thương này. Tội nghiệp già Franz này quá.”

Ông Ascher bật khóc.

Thanh tra Glen nói: “Đủ rồi đấy, ông Ascher. Bình tĩnh nào. Tôi đã buộc tội ông gì đâu. Và ông cũng không bị ép khai gì cả nếu ông không muốn. Mặt khác, nếu ông không dính dáng gì đến vụ giết vợ ông...”

Ascher gào lên cắt ngang câu nói của viên thanh tra. “Tôi không giết bà ấy! Tôi không giết bà ấy! Tất cả đều là dối trá. Bọn người Anh các người là đồ tồi, ai cũng muốn hại tôi. Tôi không bao giờ giết bà ấy. Không bao giờ.”

“Ông hay dọa bà ấy cơ mà, ông Ascher.”

“Đâu có, đâu có đâu. Ông không hiểu thôi. Đó chỉ là những lời nói đùa giữa tôi và Alice. Bà ấy biết thế mà.”

“Nói đùa hay quá nhỉ! Thế thì tối qua ông ở đâu, hả ông Ascher?”

“Vâng, vâng, để tôi kể hết với các ông. Tôi không hề đến gần Alice. Tôi đi gặp mấy người bạn thân. Chúng tôi ở quán Seven Stars rồi chúng tôi qua quán Red Dog...”

Ascher hấp tấp nói, từ ngữ lộn tung phèo cả lên.

“Dick Willows đã ở với tôi, cả Curdie, Geogre, Platt và nhiều ông bạn khác nữa. Tôi nhắc lại tôi không hề đến gần Alice. Chúa ơi, thật đấy.”

Ông ta lên giọng thành như hét. Viên thanh tra gạt đầu ra hiệu cho cấp dưới.

“Cho ông ta lui. Nhưng giữ lại để điều tra nhé.”

Khi lão già run rẩy và khó ưa với kiểu ăn nói ác ý đó bị đưa đi, viên thanh tra nói: “Tôi không biết phải

nghĩ sao nữa. Nếu không có lá thư đó thì tôi đã khép ông ta vào tội giết người.”

“Những người đàn ông mà ông ta nhắc đến thì sao?”

“Một đám vợ vằn, không ai trong bọn họ dám khai man. Tôi tin ông già đã ở với họ suốt buổi tối hôm đó. Còn phụ thuộc rất nhiều vào việc có ai nhìn thấy ông ta đến gần cửa hàng từ 5 giờ 30 đến 6 giờ không.”

Poirot lắc đầu về nghĩ ngợi.

“Anh chắc là cửa hàng không bị mất gì chứ?”

Viên thanh tra nhún vai.

“Không chắc lắm. Có thể bị mất một vài gói thuốc lá - nhưng người ta đâu thể giết người chỉ vì nhiều đó.”

“Ý tôi là, không có cái gì để lại trong cửa hàng? Không có điều gì kỳ lạ hay bất thường ở đó sao?”

“Có một quyển thông tin đường sắt,” viên thanh tra đáp.

“Quyển thông tin đường sắt à?”

“Đúng thế. Nó được mở ra và đặt úp mặt xuống quầy. Có thể ai đó đã xem các chuyến tàu rời ga từ Andover. Có thể là bà cụ hoặc cũng có thể một người khách nào đó.”

“Bà cụ có bán những thứ như thế ở cửa hàng không?”

Viên thanh tra lắc đầu.

“Bà cụ bán bằng giờ tàu loại nhỏ còn cái này là loại lớn - loại mà cửa hàng Smith hoặc tiệm sách lớn hay bán ấy.”

Mắt Poirot bỗng sáng lên. Ông chồm người về phía trước.

Mắt của viên thanh tra cũng sáng lên.

“Anh nói một quyển thông tin đường sắt à. Loại Bradshaw hay loại ABC?”

Thanh tra Glen la lên: “Trời ơi, là loại ABC.”

MARY DRAWER



Tôi bắt đầu quan tâm đến vụ án từ ngày quyền thông tin đường sắt ABC được nhắc đến. Trước đó tôi chẳng có hứng thú gì. Một vụ giết người hèn hạ mà nạn nhân là bà cụ chủ cửa hàng trên một con hẻm có vẻ như những vụ án mà người ta hay đăng trên báo chẳng gây ấn tượng gì. Tôi đã nghĩ lá thư nhắc danh nhắc đến ngày 21 chỉ là sự trùng hợp. Tôi đã chắc như đinh đóng cột rằng bà Ascher là nạn nhân của gã chồng ác ôn say xin. Nhưng giờ đây sự xuất hiện của quyền thông tin đường sắt (mà người ta quen gọi tắt là ABC vì nó liệt kê tên các ga theo thứ tự bảng chữ cái) khiến tôi run lên vì phấn khích. Hẳn đây không phải là sự trùng hợp thứ hai chứ?

Vụ án hèn hạ này mở ra một hướng mới.

Kẻ bí mật nào đã giết bà Ascher và để lại quyền thông tin đường sắt ABC nhỉ?

Sau khi rời đồn cảnh sát, nơi đầu tiên chúng tôi ghé là nhà xác để xem thi thể nạn nhân. Một cảm giác lạ lùng bao trùm lấy tôi khi quan sát khuôn mặt già nua nhăn nheo và mái tóc muối tiêu thưa thớt được vén kỹ càng hai bên thái dương. Khuôn mặt bà thật bình yên, thật khó tin lại liên quan đến vụ bạo lực.

Viên hạ sĩ cảnh sát nhận xét: “Không biết ai hay vật gì đã đánh gục bà cụ. Bác sĩ Kerr bảo thế. Thà vậy còn hơn, tội nghiệp bà cụ. Bà là một người tử tế.”

“Hồi xưa chắc bà đẹp lắm,” Poirot nói.

Tôi lẩm bẩm về không tin: “Vậy à?”

“Ừ, nhìn đường nét chiếc cằm, thân hình và đầu bà ấy thì biết.”

Ông thở dài đắp tấm che thi thể lại rồi chúng tôi rời nhà xác.

Bước tiếp theo, chúng tôi phỏng vấn nhanh bác sĩ pháp y.

Bác sĩ Kerr là một người đàn ông trung niên và giỏi tay nghề. Ông ăn nói mạnh mẽ và quả quyết.

“Không tìm thấy vũ khí,” ông cho biết. “Cũng khó đoán được đó là vật gì. Một cái gậy nặng, một cái dùi cui, vật gì đó hình bao cát - cái nào cũng có vẻ trùng khớp với vụ án.”

“Để đánh một cú như thế có cần nhiều sức không ông?” Ông bác sĩ nhìn Poirot thích thú.

“Tôi đoán ý ông là liệu một ông già 70 có thể thực hiện cú đánh đó không chứ gì? Vâng, có thể lắm vì nếu đầu vũ khí đủ nặng thì một người yếu ớt cũng có thể làm được.”

“Thế thì kẻ sát nhân cũng có thể là đàn ông hay đàn bà đúng không?”

Lời nhận xét đó khiến ông bác sĩ hơi bất ngờ.

“Đàn bà ư? À, nói thật là tôi chưa từng nghĩ một người phụ nữ có thể dính líu đến loại tội ác này. Nhưng đương nhiên có thể lắm chứ. Chỉ là xét theo phương diện tâm lý thì tôi nghĩ đây không phải vụ án do phụ nữ gây ra.”

Poirot gật đầu tán thành.

“Có lý, rất có lý. Nhìn bề ngoài thì khó có thể là phụ nữ gây ra nhưng chúng ta cũng phải xem xét mọi khả năng. Tư thế thi thể nằm như thế nào?”

Ông bác sĩ miêu tả cẩn thận tư thế của nạn nhân. Theo ông, bà Ascher đang đứng quay lưng về phía quầy (và tức là cũng quay lưng lại với kẻ tấn công) thì bị đánh. Bà ngã sụp xuống đằng sau quầy nên người vào cửa hàng không nhìn thấy.

Khi chúng tôi cảm ơn bác sĩ Kerr và ra về, Poirot nói: “Ông thấy đấy, Hastings, chúng ta có thêm bằng chứng có lợi cho ông Ascher. Nếu ông ấy quấy rầy và dọa nạt bà vợ thì đáng lẽ bà ấy phải đứng quay mặt về phía ông ta đang đứng trước quầy. Đằng này bà lại quay lưng về phía kẻ tấn công chứng tỏ lúc ấy bà đang cúi xuống lấy thuốc lá hay thuốc điếu cho một người khách.”

Tôi hơi rùng mình.

“Thật là ác độc.”

Poirot lắc đầu vẻ nghiêm trọng.

“*Pauvre femme*,”^[13] ông lầm bầm.

Rồi ông liếc nhìn đồng hồ đeo tay.

“Tôi nghĩ Overton ở cách đây vài dặm thôi. Hãy chạy đến đó phỏng vấn cô cháu gái của bà đi.”

“Ông không tới cửa hàng nơi án mạng xảy ra trước sao?”

“Tôi muốn đến đó sau. Tôi có lý do.”

Poirot không giải thích gì thêm và vài phút sau chúng tôi lái xe trên đường từ Luân Đôn đi Overton.

Địa chỉ thanh tra Glen cho chúng tôi là một ngôi nhà bề thế nằm cách làng chừng một dặm về phía Luân Đôn.

Ra mở cửa khi chúng tôi nhấn chuông là một cô gái xinh xắn tóc đen, đôi mắt đỏ hoe như vừa mới khóc.

Poirot nhẹ nhàng nói: “A, tôi đoán cháu là Mary Drower - người giúp việc ở đây đúng không?”

“Vâng, thưa bác, đúng thế ạ. Cháu là Mary.”

“Nếu bà chủ của cháu cho phép thì tôi xin được nói chuyện với cháu vài phút. Chuyện về dì Ascher của cháu ấy mà.”

“Bà chủ đi vắng bác ạ. Nhưng cháu tin bà sẽ không phản đối nếu bác vào trong nhà.”

Cô gái mở cửa một căn phòng nhỏ. Chúng tôi bước vào, Poirot ngồi xuống ghế cạnh cửa sổ và nhìn kỹ khuôn mặt cô gái.

“Cháu đã nghe về cái chết của dì cháu rồi, đúng không?”

Cô gái gật đầu, mắt cô lại ngân ngấn nước.

“Sáng nay ạ. Cảnh sát đến báo cho cháu. Ôi, thật là khủng khiếp! Tội nghiệp dì quá! Dì sống quá khổ rồi giờ lại thế này nữa. Quá kinh hoàng.”

“Cảnh sát không bảo cháu về Andover à?”

“Họ bảo cháu phải đến để họ thẩm tra vào ngày thứ hai ạ. Nhưng đến đó thì cháu không biết ở đâu - cháu không dám tới cửa hàng - lúc này - và bà chủ có lẽ sẽ rất giận nếu người phục vụ vắng nhà.”

Poirot nhẹ nhàng hỏi: “Cháu có yêu quý dì của cháu không, Mary?”

“Có chứ ạ. Dì lúc nào cũng rất tốt với cháu. Cháu đến sống với dì ở Luân Đôn khi mẹ cháu qua đời lúc cháu mới 11 tuổi. Cháu bắt đầu đi làm khi cháu 16 tuổi, nhưng cháu thường tới nhà dì chơi khi được nghỉ phép. Dì cháu rất khổ sở với cái ông người Đức đó. Dì thường gọi ông ta là ‘lão già khốn kiếp’. Ông ta chẳng bao giờ để dì cháu yên thân. Đúng là thằng già ăn bám và nát rượu.”

Cô gái nói giọng giận dữ.

“Dì cháu không bao giờ nhờ luật pháp giải thoát cho bà khỏi sự hành hạ đó sao?”

“Dạ, bác biết đấy, ông ta là chồng của dì nên đâu làm gì khác được.”

Cô gái trả lời gọn gàng nhưng dứt khoát.

“Mary này, nói cho bác biết có phải ông ta có dọa dẫm dì cháu, đúng không?”

“Vâng ạ, ông ta hay nói những lời rất khủng khiếp. Ví dụ như ông sẽ cắt cổ dì cháu, ông ta vừa chửi vừa dọa bằng cả tiếng Đức và tiếng Anh. Vậy mà dì cháu vẫn khoe hời hợt với ông ấy là một anh chàng tốt bụng và đẹp trai. Thật đáng sợ khi thấy con người ta thay đổi nhiều đến thế bác ạ.”

“Ừ, đúng vậy. Mary này, cháu nghe ông ấy hay dọa dẫm dì cháu nên cháu không ngạc nhiên khi sự việc xảy ra đúng không?”

“Không, cháu ngạc nhiên lắm chứ. Bác biết không, cháu không hề nghĩ ông ấy nói là làm. Cháu chỉ nghĩ đó là những lời khó nghe, vậy thôi. Và dì cháu không có vẻ gì sợ ông ấy. Vì cháu thấy ông lần đi như chó cụp đuôi khi dì chống cự. Có vẻ ông ta sợ dì cháu.”

“Vậy mà bà vẫn cho ông ta tiền sao?”

“Dạ, ông biết đấy, dù sao ông cũng là chồng của dì mà.”

“Ừ, cháu có nói rồi.”

Poirot ngừng nói vài phút. Rồi ông tiếp: “Vậy thì tóm lại là ông ấy không giết dì cháu.”

“Không giết dì cháu à?”

Cô gái nhìn trần trời.

“Đây là bác nói thế. Giả sử người khác giết bà ấy... Cháu có đoán được đó là ai không?”

Cô gái càng kinh ngạc, tròn xoe mắt nhìn Poirot. “Cháu không biết đâu ạ. Cháu không chắc lắm.”

“Dì cháu có sợ ai không?”

Mary lắc đầu.

“Dì cháu chẳng sợ ai cả. Dì cháu rất sắc sảo và có thể đối đầu bất kỳ ai.”

“Thế cháu không bao giờ nghe dì kể chuyện ai đó thù oán với dì cháu à?”

“Không hề có đâu bác.”

“Thế bà ấy có bao giờ nhận được thư nặc danh không?”

“Bác bảo thư gì ạ?”

“Loại thư không có ký tên hay chỉ ký cái gì đó đại loại như là ABC.”

Poirot chăm chú quan sát cô gái nhưng rõ ràng trông cô rất bối rối. Cô lắc đầu về kinh ngạc.

“Ngoài cháu ra, dì cháu có bà con nào khác không?”

“Giờ thì không bác ạ. Dì là một trong mười người con của ông bà ngoại cháu nhưng lớn lên chỉ còn ba người. Cậu Tom mất ở chiến trường, cậu Harry đi Nam Mỹ rồi mất tăm mất tích từ đó, còn mẹ cháu thì đã chết, nên đương nhiên cháu là người thân duy nhất của dì.”

“Dì cháu có khoản tiền tiết kiệm nào không? Dì có dành dụm được đồng nào không cháu?”

“Dì có một ít tiền tiết kiệm đủ để lo hậu sự đằng hoàng, dì hay bảo thế bác ạ. Còn thì dì chỉ kiếm đủ sống qua ngày và chu cấp cho ông chồng trời đánh của dì.”

Poirot gật đầu về nghĩ ngợi. Ông nói - mà có lẽ nói với chính mình hơn là nói với tôi:

“Hiện tại, người ta đang ở trong tối, chúng ta chưa có hướng đi nào cả, nếu mọi sự sáng tỏ hơn...” ông đứng dậy. “Nếu bác muốn liên lạc với cháu, bác sẽ viết thư đến địa chỉ này cho cháu nhé, Mary.”

“Thật ra, cháu chuẩn bị nộp đơn xin nghỉ việc bác ạ. Cháu không thích nông thôn. Cháu ở đây vì nghĩ dì cháu sẽ vui vì có cháu ở bên. Nhưng bây giờ,” nước mắt lại trào lên trong mắt cô gái, “không còn lý do gì giữ cháu lại nơi này nữa và vì thế cháu sẽ đi Luân Đôn. Đối với bọn con gái như cháu thì ở đó vui hơn bác ạ.”

“Bác rất mong cháu sẽ cho bác địa chỉ của nơi cháu đến. Đây là danh thiếp của bác.”

Ông trao danh thiếp cho cô gái. Cô nhìn nó rồi nhăn trán về thắc mắc.

“Vậy ra bác không liên quan gì đến cảnh sát sao?”

“Bác là thám tử tư.”

Cô đứng đó nhìn ông một hồi trong im lặng. Cuối cùng, cô lên tiếng:

“Có gì đó bất thường phải không bác?”

“Đúng thế cháu à. Có điều gì đó bất thường đang diễn ra. Sau này có thể cháu sẽ phải giúp bác đấy.”

“Cháu sẽ làm bất kỳ điều gì. Thật - thật là ác, dì cháu bị giết rồi.”

Cách diễn đạt của cô gái hơi lạ nhưng rất cảm động. Vài giây sau chúng tôi lái xe về Andover.

HIỆN TRƯỜNG VỤ ÁN



Nơi thảm kịch xảy ra là một con hẻm nhỏ. Cửa hàng của bà Ascher nằm đoạn giữa con hẻm bên lề phải.

Khi chúng tôi rẽ vào con hẻm, Poirot liếc nhìn đồng hồ đeo tay thì tôi hiểu ra lý do ông hoãn việc đi xem hiện trường vụ án đến bây giờ. Lúc này là 5 giờ 30 phút, ông ấy muốn tái hiện khung cảnh của ngày hôm qua càng giống càng tốt.

Nhưng nếu đó là mục đích của Poirot thì ông đã thất bại. Hiển nhiên vào lúc này con hẻm rất khác so với chiều hôm trước. Có một số cửa hàng nhỏ nằm rải rác giữa những ngôi nhà riêng của dân nghèo. Tôi đoán bình thường sẽ có khá nhiều người chủ yếu là người nghèo qua lại con hẻm này và một vài đứa bé chơi đùa trên vệ đường hay trên lòng đường.

Giờ thì có rất nhiều người đứng nhìn chăm chăm vào một ngôi nhà hay cửa hàng và rất khó đoán đó là ngôi nhà nào.

Chúng tôi chỉ thấy một đám dân thường đang vô cùng tò mò nhìn vào chỗ có một con người đã bị sát hại.

Khi chúng tôi đến gần hơn thì đúng là như vậy. Trước cửa hàng trông bản thiêu có mấy ô cửa chớp đóng im ỉm ấy, một anh cảnh sát trẻ vẻ mặt căng thẳng đang uể oải yêu cầu đám đông “giải tán khỏi chỗ đó.” Nhờ một đồng nghiệp cảnh sát nữa giúp đỡ, đám đông mới giải tán. Vài người thờ dãi vẻ miễn cưỡng và quay lại với công việc của họ thì ngay lập tức một đám khác đến thế chỗ và nhìn chăm chăm vào nơi vụ giết người đã xảy ra.

Poirot dừng lại cách đám người đông đúc đó một quãng. Từ nơi chúng tôi đứng mấy dòng chữ sơn trên cửa hiện lên rõ mồn một. Poirot lặp đi lặp lại thật khẽ.

“A. Ascher. Qui, c’est peut-être là...”^[14]

Rồi ông bỏ lưng.

“Nào, chúng ta hãy vào bên trong đi, Hastings.”

Tôi đã sẵn sàng.

Lách người qua đám đông, chúng tôi đến gần viên cảnh sát trẻ hỏi chuyện. Poirot trình giấy ủy nhiệm mà thanh tra Glen đã cho ông. Viên cảnh sát gật đầu mở cửa cho chúng tôi. Chúng tôi bước vào trong sự tò mò quá đỗi của những người đứng xem ngoài kia.

Cửa chớp bị đóng nên bên trong rất tối. Viên cảnh sát tìm công tắc và bật đèn lên. Bóng đèn loại công suất thấp nên trong nhà chỉ sáng lơ mờ.

Tôi nhìn xung quanh.

Một nơi chật hẹp và nhộp nhúa. Vài quyển tạp chí rề tiền nằm rải rác và cả mấy tờ báo ra ngày hôm qua - tất cả đều phủ một lớp bụi mờ. Sau quầy là một hàng kệ cao tới gần chạm nóc nhà chất đầy thuốc sợi và gói thuốc điếu.

Ngoài ra còn có vài lọ kẹo bạc hà cứng và kẹo mạch nha. Chỉ là một cửa hàng nhỏ bình thường như hàng ngàn cửa hàng khác.

Viên cảnh sát nói giọng vùng Hampshire chậm rãi giải thích bối cảnh hiện trường với chúng tôi.

“Bà cụ ngã sập xuống phía sau quầy. Bác sĩ pháp y chưa biết vật gì đã đánh gục bà cụ. Có lẽ lúc đó bà đang với lấy hàng trên kệ.”

“Trong tay bà không cầm vật gì à?”

“Không, thưa ông, nhưng có một gói Player nằm bên cạnh bà.”

Poirot gật đầu. Ông đưa mắt quan sát quanh cửa hàng chật hẹp rồi ghi chú.

“Còn quyền thông tin đường sắt nằm ở đâu?”

“Đây thưa ông.” Viên cảnh sát chỉ về phía quầy. “Nó được giữ đúng trang có Andover và đặt úp xuống mặt quầy. Có vẻ như tên đó đã tra cứu giờ tàu đi Luân Đôn. Nếu vậy, chắc hẳn không phải là người ở Andover. Song, tất nhiên, quyền thông tin đường sắt có thể là của người khác không liên quan gì đến kẻ giết người hết, chỉ là bỏ quên ở đây.”

Tôi hỏi: “Có dấu vân tay không?”

Viên cảnh sát lắc đầu.

“Chúng tôi đã cho kiểm tra toàn bộ nơi này, thưa ông. Không có dấu vân tay nào lạ.”

“Trên quầy cũng không có à?” Poirot hỏi.

“Có quá nhiều, thưa ông! Chúng lộn xộn như một mớ bong bóng ấy.”

“Có dấu tay của Ascher trong số đó không?”

“Vẫn chưa biết, thưa ông.”

Poirot gật đầu, rồi hỏi có phải bà cụ quá cố sống ở tầng trên của cửa hàng không.

“Vâng thưa ông, ông đi bằng lối cửa sau đó ạ. Ông đi một mình nhé, tôi xin phép ở lại đây...”

Poirot băng qua lối cửa đó và tôi đi theo ông. Đằng sau cửa hàng có một gian vừa là phòng khách vừa là bếp rất hẹp. Căn phòng gọn gàng, sạch sẽ nhưng trông buồn tẻ và ít đồ đạc. Trên bệ lò sưởi có một vài tấm ảnh. Tôi bước đến xem và Poirot cũng làm theo tôi.

Có ba tấm ảnh. Một ảnh chân dung loại rẻ tiền của cô gái mà chúng tôi gặp chiều nay - Mary Drower. Hẳn là cô đang mặc bộ cánh đẹp nhất của mình. Nụ cười trên khuôn mặt cô ngượng ngáp và gương gao không giống với thường ngày, kiểu mà ta hay thấy trong các bức ảnh chụp có sắp đặt nhưng người ta lại thích thế.

Bức ảnh thứ hai có vẻ đắt tiền hơn và mờ ảo một cách nghệ thuật - ảnh của một bà cụ tóc trắng, cổ áo lông cao ôm lấy cổ bà.

Tôi đoán đây có thể là bà Rose, người đã để lại cho bà Ascher một ít của cải giúp bà ấy buôn bán làm ăn.

Tấm ảnh thứ ba là tấm ảnh rất cũ, đã bạc màu và ố vàng. Trong ảnh là một đôi trai gái ăn mặc khá lỗi thời đang đứng khoác tay nhau. Người con trai có hoa cài trên áo và không khí hội hè mới xong bao trùm trong bức ảnh.

Poirot lên tiếng: “Có lẽ ảnh cưới. Hastings này, tôi đã nói với ông là bà ấy hồi trẻ rất đẹp đúng không?”

Poirot nói đúng. Dù cô gái trong ảnh có kiểu tóc lỗi thời và ăn mặc kỳ quặc thì cũng không giấu nổi vẻ đẹp của khuôn mặt rõ nét và dáng vẻ năng động. Tôi nhìn kỹ hơn người thứ hai trong ảnh. Khó mà nhận ra dáng vẻ tiêu tụy của ông Ascher trong người con trai có phong thái chinh tề này.

Nhớ lại ông già say xỉn đôi mắt lão liên, và khuôn mặt bơ phờ của bà lão quá cố, tôi khẽ rung mình sợ hãi trước sự tàn nhẫn của thời gian...

Từ phòng khách có một cầu thang dẫn lên hai căn phòng phía trên. Một phòng trống không có đồ đạc gì, phòng còn lại ắt hẳn là phòng của bà lão quá cố. Sau khi cảnh sát lục soát căn phòng, nó được trả về trạng thái ban đầu. Có vài cái chăn cũ đã sờn trên giường, một đồng quần lót và chằng vá đụp nằm trong một ngăn kéo, còn ngăn khác chứa vài công thức nấu ăn. Ngoài ra còn có một quyển tiểu thuyết loại bìa mềm tựa đề Ốc đảo xanh tươi, một đôi tất dài mới bóng lộn rẻ tiền nhìn thật thảm hại, một ít đồ trang trí bằng sứ, tượng anh chàng chặn cừu Dresden bị vỡ và một con chó có đốm xanh và vàng, một cái áo mưa đen và áo len mắc trên móc. Đó là tất cả tài sản của bà Alice Ascher quá cố.

Nếu có loại giấy tờ cá nhân nào thì cảnh sát đã lấy đi rồi.

“Pauvre femme,” Poirot lầm bầm. “Đi thôi Hastings, chúng ta không kiểm thêm được manh mối nào ở đây nữa đâu.”

Khi chúng tôi ra tới ngoài phố, ông chần chờ vài phút rồi băng qua đường.

Cửa hàng rau quả nằm gần như đối diện với nhà bà Ascher, tất cả hàng hóa trong cửa hàng dường như được bày bán bên ngoài nhiều hơn là ở trong nhà.

Poirot hạ giọng hướng dẫn tôi vài điều rồi bước vào cửa hàng. Vài phút sau tôi cũng bước vào theo. Lúc đó ông đang trả giá mớ rau xà lách. Tôi thì mua mấy lạng dâu tây.

Poirot sôi nổi nói chuyện với bà bán hàng mập mạp.

“Vụ giết người xảy ra ở đối diện phải không nhỉ? Đúng là một vụ động trời. Hẳn nó làm bà khiếp vía!”

Rõ ràng bà bán hàng mập mạp đã chán nói về vụ giết người rồi. Bà đã mệt mỏi vì nó. Bà nhận xét:

“Tốt hơn hết cái đám đông đang đứng há hốc mồm đó giải tán hết đi. Có gì hay mà nhìn cơ chứ?”

“Khung cảnh tối qua chắc rất khác,” Poirot nói. “Thậm chí không chừng bà đã thấy kẻ giết người đi vào cửa hàng ấy chứ. Hẳn cao, trắng trẻo và có râu đúng không? Tôi nghe nói hẳn là người Nga.”

“Gì cơ?” Bà bán hàng ngẩng phắt lên. “Ông nói là một người Nga gây án sao?”

“Nghe nói cảnh sát bắt được hẳn rồi.”

“Thật thế ư?” Bà ta trở nên phấn khích, liến thoắng. “Một người nước ngoài.”

“*Mais oui.* [15] Tôi nghi không chừng bà đã trông thấy hẳn ta tối qua?”

“Thật ra tôi không có cơ hội thấy hẳn. Buổi chiều là lúc bán buôn đất hàng nhất và khi đó cũng có nhiều người đi làm về ngang qua đây. Một người đàn ông cao, trắng trẻo và có râu, không, tôi không nghĩ đã thấy ai có hình dáng như thế quanh đây.”

Đúng lúc đó, tôi chen vào.

“Xin lỗi thưa ông,” tôi nói với Poirot. “Có thể ông được báo thông tin sai rồi. Tôi nghe nói đó là một người đàn ông thấp và da đen.”

Cuộc tranh luận xảy ra giữa bà bán hàng mập mạp, ông chồng gầy gò của bà và thằng bé bán hàng có giọng khàn khàn. Họ thấy không dưới bốn người đàn ông thấp và da đen còn thằng bé giọng khàn thì thấy một người cao và trắng trẻo, thằng bé nói thêm về luyện tiếc, “nhưng mà ông đó không có râu.”

Cuối cùng chúng tôi cũng mua xong và rời cửa hàng mà không buồn đính chính câu chuyện bịa đặt vừa rồi.

Tôi hỏi về trách móc: “Vì sao chúng ta phải làm thế hả Poirot?”

“Ừ, tôi muốn thử xem liệu có khả năng người ta trông thấy ai lạ mặt bước vào cửa hàng đối diện không.”

“Sao ông không hỏi thằng đề khôi phải nói dối?”

“Không đâu, ông bạn à. Nếu ‘hỏi thẳng’ như ông bảo thì tôi không bao giờ nhận được câu trả lời nào. Ông là người Anh thế mà không biết người Anh phản ứng ra sao với câu hỏi trực tiếp. Người ta luôn nghi ngờ và kết quả tất yếu là họ sẽ trở nên dè dặt. Nếu tôi hỏi thẳng mấy người kia, họ sẽ câm như hến. Nhưng khi tôi kể chuyện (hơi sai lệch và phi lý) và ông lại thêm vào ý trái ngược thì người ta buộc phải lên tiếng ngay. Chúng ta còn biết lúc đó là giờ cao điểm, mọi người ai lo việc nấy và có nhiều người qua lại trên vỉa hè. Tên giết người đã chọn thời điểm quá thích hợp, Hastings à.”

Ông ngưng nói rồi lên tiếng trách móc:

“Kiến thức phổ thông của ông bỏ đi đâu hết vậy, Hastings? Tôi bảo ông mua gì cũng được và thế là ông chọn ngay dâu tây! Chúng bắt đầu thẩm qua bao và chuẩn bị vấy sang bộ comple của ông rồi đó.”

Tôi lo lắng khi nhận ra sự thật phũ phàng.

Tôi vội vàng đưa số dâu mới mua cho một đứa bé trai khiến nó rất ngạc nhiên và hơi nghi ngờ.

Poirot lại đưa thêm cả xà lách khiến đứa bé càng hoang mang.

Ông tiếp tục giảng giải.

“Ồ mấy cửa hàng rau quả rẻ tiền, đừng bao giờ mua dâu tây. Dâu tây nếu không phải mới hái thì hay bị chảy nước lã. Chuối, táo hay bắp cải thì được chứ đừng mua dâu tây.”

Tôi giải thích kiểu bào chữa: “Nó là thứ đầu tiên tôi nghĩ đến.”

Poirot lạnh lùng trả lời: “Trí tưởng tượng của ông phải hơn thế chứ.”

Ông dừng lại trên vỉa hè.

Nhà và cửa hàng phía bên phải nhà bà Ascher đều bỏ trống. Tấm biển “*Cho thuê*” treo trên cửa sổ. Bên phía còn lại là một ngôi nhà có rèm cửa may bằng vải Mousseline phủ đầy bụi bần.

Poirot chú ý đến ngôi nhà này. Nhà không có chuông nên phải gõ cửa nhiều lần.

Hồi lâu, một thằng bé dơ dáy mũi chảy lòng thòng ra mở cửa.

Poirot nói: “Chào cháu. Mẹ cháu có nhà không?”

Thằng bé hỏi lại: “Dạ?”

Nó nhìn chúng tôi không mấy thiện cảm và có vẻ rất nghi ngờ.

Poirot lặp lại: “Mẹ cháu ấy.”

Phải mất vài chục giây sau thằng bé mới quay về phía cầu thang và hét lớn: “Mẹ ơi, có khách” rồi nhanh chóng trốn biệt vào trong căn nhà lờ mờ tối.

Người phụ nữ về mặt sắc sảo nhìn qua lan can cầu thang rồi mới đi xuống.

“Ông chỉ tốn công vô ích thôi...” bà ta bắt đầu nói thì Poirot ngắt lời.

Ông ngả mũ và cúi đầu chào rất điệu nghệ.

“Chào bà. Tôi là nhân viên báo Evening Flicker. Tôi rất mong bà nhận 5 bảng Anh và cung cấp cho chúng tôi thông tin để viết về người hàng xóm quá cố của bà, bà Ascher.”

Những lời giận dữ chững lại trên môi bà nọ rồi bà ta đi xuống cầu thang, tay thì vuốt tóc, tay thì kéo váy áo.

“Mời ông vào, phía bên trái ấy. Mời ông ngồi.”

Bộ bàn ghế salon làm cho căn phòng chật hẹp càng bề bộn hơn nhưng chúng tôi cũng cố gắng lách mình qua để ngồi lên chiếc ghế sofa cứng nhắc.

Người đàn bà nói: “Ông thứ lỗi cho. Tôi rất xin lỗi vì đã nói với ông bằng giọng điệu gay gắt lúc này, nhưng ông khó mà tin được tôi phải chịu đựng đến mức nào đâu. Nào là mấy gã đến chào bán cái này cái kia, nào là máy hút bụi, tất, túi thơm và những thứ vớ vẩn khác. Tất cả đều là bọn dẻo miệng và ăn nói lịch sự. Họ nhớ cả tên của khách hàng nữa. Nào là bà Fowler này bà Fowler nọ.”

Poirot khéo léo nắm ngay tên bà, ông nói:

“Bà Fowler này, hy vọng bà sẽ làm theo yêu cầu của tôi.”

“Chắc là tôi không biết gì đâu.” Năm bảng Anh treo lơ lửng mời gọi trước mắt bà Fowler. “Đương nhiên tôi biết bà Ascher nhưng để viết về bà ấy thì chưa chắc.”

Poirot vội vàng trấn an. Bà không phải làm gì nhiều. Ông sẽ khai thác thông tin từ bà và sẽ viết thành một bài phỏng vấn.

Vì được khuyến khích, bà Fowler vui vẻ hồ hởi kể lại rồi đưa ra phán đoán và thêm thắt vào cả tin đồn nữa.

Bà Ascher sống rất khép kín. Bà không hẳn quá thân thiện nhưng ở đây ai cũng biết bà gặp nhiều phiền toái, tội nghiệp bà cụ. Và đúng ra Franz Ascher phải bị bỏ tù lâu rồi. Không phải bà Ascher sợ ông ta vì bà có thể nổi cơn tam bành khi bị chọc giận. Bà ấy lúc nào cũng ăn miếng trả miếng. Nhưng cái gì cũng có giới hạn, người ta nói già néo đứt dây. Nhiều lần bà Fowler nói với bà Ascher: “Rồi có ngày ông ấy hại bà cho mà xem. Nhớ lời tôi đó.” Và ông ta đã làm thế phải không nào? Bà Fowler ở sát bên mà không nghe thấy bất kỳ tiếng động nào.

Khi bà ta ngừng kể, Poirot cố chen vào một câu hỏi.

Bà Ascher có nhận được lá thư nào đặc biệt không, loại thư không có chữ ký đằng hoàng hoặc chỉ ký là ABC?

Đáng tiếc bà Fowler trả lời là không có.

“Tôi biết điều ông đang muốn nói tới, loại thư nặc danh có những ngôn từ mà khi đọc lên người ta thấy ngượng cả mồm chứ gì. Ừm, chắc chắn tôi không biết liệu Franz Ascher có thể viết những thứ như thế không. Mà nếu ông ta có viết thì bà Ascher cũng không tiết lộ với tôi đâu. Gì cơ? Quyển thông tin đường sắt ABC à? Không, tôi chưa bao giờ thấy nhưng chắc chắn nếu bà Ascher được gửi thì tôi đã biết rồi. Tôi quá đỗi ngạc nhiên khi nghe về chuyện đó. Con gái Edie của tôi kể với tôi rằng: ‘Mẹ ơi, bên nhà hàng xóm có nhiều cảnh sát quá’. Tôi giật mình. Khi nghe về vụ án tôi nói: ‘Chà, đáng lẽ bà không nên ở một mình, đáng lẽ đưa cháu gái đó phải ở với bà’. Tôi nói: ‘Đàn ông say rượu giống như con sói đối môi. Còn lão chồng khốn kiếp của bà thì như thú dữ. Tôi cảnh báo bà ấy thế nhiều lần rồi và giờ đây những lời tôi nói đã thành sự thật, ông ta sẽ làm thế với bà’. Và ông ta đã làm thế thật! Không ai có thể đoán được kẻ say rượu sẽ làm gì và vụ giết người này là một minh chứng.”

Nói rồi bà ta thở hắt hắt.

Poirot hỏi: “Tôi đoán không ai thấy ông Ascher vào cửa hàng đúng không?”

Bà Fowler khịt mũi về khinh bỉ.

“Đương nhiên là ông ấy không để ai thấy rồi,” bà nói.

Còn làm thế nào ông Ascher đi vào đó mà không ai biết thì bà không hề giải thích.

Bà thừa nhận nhà đó không có cửa sau và ở khu phố này ai cũng biết mặt ông Ascher rất rõ.

“Nhưng chắc chắn ông ấy không để lộ rồi, ông ấy núp rất kỹ.”

Poirot kéo cuộc nói chuyện lâu thêm chút nữa nhưng dường như bà Fowler đã kể hết những gì bà ấy biết không chỉ một lần mà rất nhiều lần nên ông kết thúc buổi phỏng vấn sau khi trả số tiền như đã hứa.

Khi chúng tôi đã ra ngoài đường tôi mạnh dạn nhận xét: “Cũng đáng 5 bảng Anh, Poirot nhỉ.”

“Ừ, cho đến bây giờ thì đúng thế.”

“Ông có nghĩ bà ấy biết nhiều hơn những điều bà ấy mới kể không?”

“Ông bạn thân mến, chúng ta đang ở trong tình thế không biết phải hỏi gì. Chúng ta như lũ trẻ con chơi trốn tìm trong bóng tối. Chúng ta đưa tay ra mò mẫm. Bà Fowler kể cho chúng ta tất cả những điều mà bà ta nghĩ là mình biết, rồi còn đưa ra phỏng đoán này nọ nữa! Dù vậy, sau này những chứng cứ của bà sẽ có ích cho chúng ta. Vì lợi ích sau này mà tôi phải đầu tư 5 bảng Anh đấy.”

Tôi chưa hiểu hết ý ông, nhưng đúng lúc ấy chúng tôi tình cờ gặp thanh tra Glen.

ÔNG PARTRIDGE VÀ ÔNG RIDDELL



Thanh tra Glen có vẻ buồn bã. Tôi đoán ông dành cả buổi chiều để thu thập một danh sách đầy đủ tên những người đã vào cửa hàng thuốc lá.

Poirot hỏi: “Người ta không thấy ai sao?”

“Ồ, có chứ. Ba người đàn ông cao lớn về mặt lén lút, bốn người đàn ông thấp có ria mép đen, hai người có râu, ba người đàn ông mập béo, tất cả đều là người lạ. Và nếu tôi tin lời của những nhân chứng này thì tất cả những người đó đều có vẻ mặt đầy sát khí! Sao người ta không nhìn thấy một băng đeo mặt nạ và mang súng lục lúc ra tay luôn đi!”

Poirot cười về thông cảm.

“Có ai khai đã thấy ông Ascher không?”

“Không, ông à. Vậy là ông ta lại có thêm bằng chứng có lợi. Tôi vừa nói với cảnh sát trưởng rằng tôi nghĩ đây là việc của Scotland Yard. Tôi không tin đây là một vụ án địa phương.”

Poirot nghiêm nghị nói: “Tôi đồng ý với anh.”

Viên thanh tra nói:

“Ông Poirot biết đấy, đây là một vụ độc ác - một vụ độc ác... Tôi không thích vụ này...”

Chúng tôi có thêm hai cuộc phỏng vấn trước khi quay lại Luân Đôn.

Đầu tiên là với ông James Partridge. Người ta cho rằng Partridge là người cuối cùng thấy bà Ascher trước khi bà bị giết. Ông đã mua hàng ở chỗ bà lúc 5 giờ 30.

Partridge là một người nhỏ thó, nhân viên ngân hàng. Ông mang kính không gọng, dáng người gầy gò, khô khan, và ông ăn nói cực kỳ chuẩn, ông sống trong một căn nhà nhỏ cũng gọn gàng và ngăn nắp như con người ông.

“Ông, ờ, Poirot,” ông vừa nói vừa nhìn danh thiếp bạn tôi mới đưa. “Ông ở chỗ thanh tra Glen đúng không? Tôi có thể giúp gì cho ông, thưa ông Poirot?”

“Ông Partridge này, tôi nghe nói ông là người cuối cùng nhìn thấy bà Ascher trước khi bà bị giết.”

Ông Partridge đặt mấy đầu ngón tay chạm vào nhau và nhìn Poirot như thể ông ấy là một tấm séc đáng ngờ.

Ông nói: “Chưa chắc đâu, ông Poirot ạ. Có thể nhiều người cũng đến mua đồ ở cửa hàng bà Ascher sau tôi.”

“Nếu thế thì chắc họ chưa đến trình báo rồi.”

Ông Partridge đằng hắng giọng.

“Ông Poirot à, có nhiều người không có ý thức nghĩa vụ công dân.”

Ông nhìn chúng tôi qua cặp kính, vẻ nghiêm nghị.

Poirot lầm bầm: “Đúng thế thật. Tôi nghe nói ông tự đi trình báo cảnh sát?”

“Đương nhiên. Ngay khi tôi nghe có vụ án kinh hoàng ấy tôi nghĩ những lời khai của mình có thể giúp ích ít nhiều nên tôi đã làm thế.”

Poirot nói về trang trọng: “Ông làm vậy là đúng đấy. Ông vui lòng thuật lại câu chuyện cho tôi nhé.”

“Đương nhiên rồi. Tôi đang trên đường về nhà và lúc đó là 5 giờ 30 đúng...”

“Xin lỗi, nhưng làm sao ông biết chính xác đến thế?”

Ông Partridge có vẻ bực mình vì bị chen ngang. “Đồng hồ nhà thờ gõ mấy tiếng báo giờ mà. Tôi nhìn đồng hồ và biết mình đến trễ một phút. Đó là ngay trước lúc tôi bước vào cửa hàng của bà Ascher.”

“Ông có hay mua hàng ở đó không?”

“Cũng khá thường xuyên. Cửa hàng nằm ngay trên đường tôi đi làm về mà. Khoảng một hay hai lần một tuần tôi lại có thói quen ghé lại mua vài lọ thuốc John Cotton loại nhẹ.”

“Ông có biết gì về bà Ascher không? Ví dụ như về hoàn cảnh hay quá khứ của bà ấy chẳng hạn?”

“Tôi không hề biết gì về bà ấy. Tôi chỉ mua hàng và thỉnh thoảng nói vài ba câu về thời tiết chứ chưa thật sự trò chuyện với bà ấy.”

“Ông có biết bà ấy có ông chồng nát rượu và hay dọa giết bà không?”

“Không, tôi không hề biết gì về bà ấy cả.”

“Tuy vậy, ông biết mặt bà. Thế thì ông có thấy bà có biểu hiện gì lạ vào chiều tối hôm qua không? Bà ấy có vẻ bồn chồn hay bức bối không?”

Patridge ngẫm nghĩ.

“Theo như tôi để ý thì bà ấy vẫn như mọi ngày,” ông nói.

Poirot đứng dậy.

“Cảm ơn ông đã trả lời câu hỏi của tôi, ông Patridge. Nhân tiện, trong nhà ông có quyền thông tin đường sắt loại ABC nào không? Tôi muốn tìm chuyến tàu để về Luân Đôn.”

Ông Partridge trả lời: “Nó nằm trên kệ ngay sau lưng ông đấy.”

Trên kệ có một quyển thông tin đường sắt loại ABC, một quyển loại Bradshaw, một quyển niên giám chứng khoán, một danh bạ điện thoại Kelly, một quyển danh nhân, và một quyển danh bạ địa phương.

Poirot lấy quyển thông tin đường sắt ABC, giả vờ tìm chuyến tàu rồi cảm ơn ông Partridge và ra về.

Cuộc phỏng vấn tiếp theo là với ông Albert Riddell - một người có tính cách khác hẳn. Ông Albert Riddell là thợ sửa chữa đường ray và cuộc nói chuyện của chúng tôi diễn ra trong tiếng loảng xoảng bát đĩa của bà vợ đang lo âu của ông Riddell, tiếng gầm gừ của con chó nhà ông Riddell và cả thái độ hung hăng của chính ông Riddell.

Riddell có dáng người cao lớn, thô kệch với khuôn mặt to và đôi mắt nhỏ đáng ngờ. Ông đang ăn bánh nhân thịt và uống trà đen đậm đặc. Từ vành tách trà ngẩng lên, đôi mắt ông nhìn chúng tôi chăm chăm về giận dữ.

Ông cầu nhàu: “Tôi đã nói những gì cần nói một lần rồi mà. Việc đó có liên quan gì đến tôi cơ chứ? Tôi đã khai với bọn cảnh sát trời đánh rồi và giờ tôi phải kể lại cho mấy người nước ngoài khốn kiếp này nữa.”

Poirot liền đưa mắt về phía tôi về thích thú rồi nói:

“Thật ra tôi rất thông cảm với ông, nhưng ông có thể làm gì khác cơ chứ? Vấn đề là vụ giết người phải không nào? Người ta phải hết sức cẩn trọng.”

Người vợ nói về căng thẳng: “Tốt nhất là kể cho quý ông đây nghe những gì mà ông ấy yêu cầu đi, Bert.”

Gã khổng lồ đó gầm lên: “Bà câm mồm đi.”

Poirot nhả nhả đưa ra nhận xét: “Theo tôi biết thì ông đã không đi trình báo cảnh sát.”

“Sao tôi phải làm thế chứ? Có mắc mớ gì đến tôi đâu.”

Poirot hờ hững nói: “Vấn đề là có một vụ giết người và cảnh sát muốn biết ai đã vào cửa hàng. Tôi trộm nghĩ, sao nhỉ, nếu ông đến trình báo thì thuận theo lẽ tự nhiên hơn.”

“Tôi bận việc lắm. Đừng bảo là tôi phải đi trình báo trong giờ làm việc của tôi...”

“Sự thật thì cảnh sát đã có được tên người ghé cửa hàng của bà Ascher và họ đã đến tìm gặp ông. Họ có thỏa mãn với những lời khai của ông không?”

“Tại sao không chứ?” Bert hùng hổ vặn lại.

Poirot chỉ nhún vai.

“Ý ông là sao? Không ai có điều gì chống lại tôi đúng không? Ai cũng biết ai ra tay với mụ già ấy, thằng chồng khốn kiếp của mụ chứ ai nữa.”

“Nhưng buổi chiều xảy ra chuyện ông ta không ở đó mà ông thì có.”

“Ông đang cố gắng gán tội cho tôi à? Hừm, thế thì ông không làm được đâu. Mắc gì tôi phải làm vậy? Hay ông nghĩ tôi làm thế vì muốn ăn trộm thuốc lá của bà ta? Hay tôi là kẻ điên cuồng ưa giết người như người ta vẫn nói? Hay là...?”

Ông đứng dậy về đe dọa. Bà vợ ré lên:

“Bert, Bert, đừng nói thế. Bert, họ sẽ nghĩ là...”

Poirot nói: “Bình tĩnh nào, ông bạn. Tôi chỉ muốn lấy lời khai việc ông ghé cửa hàng thôi mà. Ông cứ khẳng khái từ chối khiến tôi, nói sao nhỉ, thấy hơi kỳ lạ?”

“Ai nói tôi từ chối chứ?” Riddell ngồi lại xuống ghế. “Tôi không ngại kể đâu.”

“Khi ông vào cửa hàng là 6 giờ đúng không?”

“Đúng thế, thật ra là quá một vài phút. Tôi muốn mua một gói Gold Fake. Tôi đẩy cửa vào thì...”

“Lúc đó cửa đóng à?”

“Đúng thế. Tôi tưởng cửa hàng đã đóng cửa. Nhưng không phải thế. Tôi bước vào nhưng không có ai ở đó cả. Tôi gõ gõ lên quầy và đợi một lát. Không có ai ra nên tôi bỏ về. Hết rồi, có chừng đó thôi.”

“Ông không thấy có người bị ngã sau quầy sao?”

“Không, không thấy - nếu không tìm kiếm thì chắc là không thấy được.”

“Có quyền thông tin đường sắt nào nằm quanh đó không?”

“Có. Nó nằm úp xuống. Lúc đó tôi thoáng nghĩ có thể bà cụ phải vội vã lên tàu nên quên đóng cửa hàng.”

“Ông có cầm quyền thông tin đường sắt lên hay kéo nó trên quầy không?”

“Tôi không hề đụng vào nó. Tôi đã kể hết những gì tôi làm rồi.”

“Thế ông không thấy ai rời cửa hàng trước khi ông bước vào sao?”

“Không có. Tôi khai hết rồi, sao cứ quy cho tôi thế?”

Poirot đứng dậy.

“Chưa ai quy kết gì ông cả. Tạm biệt ông.”

Poirot bỏ đi trong khi gã kia há hốc mồm, tôi cũng theo chân ông.

Ra tới ngoài đường ông xem đồng hồ.

“Này ông bạn, nếu chúng ta đi nhanh hết cỡ thì có thể bắt kịp chuyến tàu 7 giờ 2 phút. Chúng ta phải đi nhanh lên.”

BỨC THƯ THỨ HAI



“Gì vậy?” tôi hăm hờ hỏi.

Chỉ có hai chúng tôi trong khoang hạng nhất. Tàu tốc hành vừa mới rời Andover.

Poirot trả lời: “Vụ án do một người đàn ông cao trung bình, tóc đỏ và mắt trái hơi bị lác gây ra. Chân phải hơi khập khiễng và có một nốt ruồi ngay dưới bả vai.”

Tôi reo lên: “Thật không Poirot?”

Tôi hoàn toàn bị lừa mất một lúc. Rồi ánh nhìn của ông bạn khiến tôi tỉnh ra.

“Cái ông Poirot này!” Tôi lại kêu lên, nhưng lần này giọng trách móc.

“*Mon ami*, thế mà cũng tin à? Ông nhìn tôi vẻ tận tụy trung thành và đòi tôi phán như thể Sherlock Holmes! Bây giờ nói thật nhé - Tôi không hề biết kẻ giết người trông ra sao, hay hắn ta sống ở đâu hay làm cách nào để tóm hắn.”

“Giá mà hắn để lại manh mối nào đó,” tôi lẩm bẩm.

“Ừ, manh mối. Ông lúc nào cũng chỉ quan tâm mỗi chứng cứ thôi. Trời ạ, hắn ta không hút thuốc và để lại tàn thuốc, và rồi giẫm lên tàn thuốc để lại dấu giày đinh kỳ lạ đâu. Không, hắn không dễ thế. Nhưng ông bạn à, ít nhất chúng ta có quyền thông tin đường sắt. Cái quyền ABC đó chính là manh mối dành cho ông đấy!”

“Vậy ông có nghĩ hắn vô tình để lại nó không?”

“Đương nhiên là không. Hắn cố tình để lại. Dấu vân tay cho chúng ta biết thế.”

“Nhưng trên đó đâu có dấu vân tay nào.”

“Chính là điều tôi muốn nói. Tôi hôm qua thời tiết thế nào nhỉ? Một đêm tháng sáu ẩm áp. Người ta có đi dạo vào một tối như thế mà mang gang tay không? Một người đàn ông như thế chắc chắn sẽ gây chú ý. Thế nên, không có dấu vân tay trên quyền ABC đó thì có nghĩa là nó đã được cẩn thận chùi đi. Một người vô tội sẽ để lại dấu vân tay còn người gây tội thì không. Vì thế tên giết người đã cố tình để lại quyền thông tin đường sắt nhưng ít ra cũng là một manh mối. Có người đã mua và mang đến quyền ABC đó, có thể như thế lắm chứ.”

“Ông nghĩ chúng ta có thể biết điều gì nếu điều tra theo hướng ấy?”

“Hastings à, nói thẳng nhé, tôi chẳng hy vọng lắm. Người đàn ông này, mình tạm gọi là ông X, hắn sẽ rất hạnh diện về những biệt tài của hắn. Hắn không để lại dấu vết để chúng ta có thể lần theo ngay được đâu.”

“Vậy thì cái quyền ABC đó không giúp ích được gì rồi.”

“Không phải theo cách ông hiểu đâu.”

“Vậy thì theo cách nào?”

Poirot không trả lời liền. Một lúc sau ông chậm rãi nói:

“Câu trả lời là đúng. Chúng ta đang đối đầu với một nhân vật ẩn. Hắn ở trong tối và tìm mọi cách để ở trong tối. Nhưng bản chất vấn đề là hắn cứ bị lộ dần ra ánh sáng. Một mặt, chúng ta không biết gì về hắn, mặt khác chúng ta đã biết quá nhiều. Tôi lơ mơ nhìn ra hình dạng của hắn. Đó là một người đàn ông đánh máy rất giỏi và rõ ràng, là người mua thứ giấy tốt, là người khao khát được thể hiện cá tính của mình. Tôi thấy hắn trong hình ảnh một đứa bé bị bỏ rơi và thiếu quan tâm, tôi thấy hắn lớn lên với mặc cảm thua kém, đấu tranh với cảm giác bất công... Tôi nhận thấy thôi thúc khẳng định mình bên trong con người hắn, tập trung vào bản thân hắn mạnh mẽ hơn bao giờ hết, nhưng những sự việc và hoàn cảnh xung quanh - làm nó đổ vỡ - chất thành đồng, có lẽ, khiến hắn còn nhục nhã hơn. Và sâu thẳm bên trong que diêm đã sẵn

sàng châm vào ngòai thuốc nổ...”

“Tất cả chỉ là phỏng đoán mà thôi,” tôi phản đối. “Chẳng giúp ích thiết thực cho ông đâu.”

“Ông thì thích mấy cái chứng cứ như mẩu que diêm, tàn thuốc, và giày đinh! Ông lúc nào cũng thế. Nhưng ít ra chúng ta có thể tự hỏi mình những câu hỏi thiết thực. Tại sao lại là quyển ABC? Tại sao chọn bà Ascher? Tại sao ở Andover?”

Tôi suy ngẫm: “Cuộc sống trước đây của bà ấy khá đơn giản. Phỏng vấn hai người đàn ông đó chẳng được gì. Họ không cung cấp thêm thông tin nào khác ngoài những thông tin mà chúng ta đã biết.”

“Nói thật tôi không trông đợi gì từ mạch điều tra ấy. Nhưng chúng ta không thể bỏ qua hai kẻ tình nghi này.”

“Chắc ông không nghĩ...”

“Có khả năng kẻ giết người sống tại Andover hay gần đó. Đó có thể là câu trả lời cho câu hỏi: ‘Sao lại là Andover?’ Ừm, có hai người đàn ông ghé cửa hàng vào đúng thời gian mình cần. Một trong hai người có thể là kẻ giết người. Và cũng chưa có bằng chứng nào cho thấy một trong hai người họ không phải là kẻ giết người.”

“Chắc cái gã thô lỗ cục mịch Riddell chứ ai vào đây nữa.”

“Ồ, tôi thì gạch Riddell ra khỏi danh sách những kẻ tình nghi. Gã đó có vẻ căng thẳng, ưa dọa nạt, hay bực bội...”

“Nhưng như thế càng chứng tỏ...”

“Tính cách đó hoàn toàn trái ngược với tính cách của người viết bức thư ABC. Tự tin và kiêu ngạo là tính cách của người chúng ta cần tìm.”

“Người ra về ta đây à?”

“Đại loại thế. Nhưng cũng có những người bề ngoài có vẻ lo lắng và khiêm tốn mà bên trong chứa đầy kiêu ngạo và tự mãn.”

“Tôi không nghĩ ông Partridge nhỏ thó đó...”

“Ông này có vẻ giống hơn. Chúng ta chỉ có thể đoán được chừng đó thôi. Ông ta xử sự giống tác giả bức thư - đi trình báo cảnh sát ngay, đẩy mình ra phía trước và thích thú với vị trí đó.”

“Ông nghĩ là...?”

“Không, Hastings ạ. Theo tôi thì kẻ sát nhân từ nơi khác đến Andover, nhưng chúng ta không được bỏ qua những nơi cần tìm. Và mặc dù tôi cứ luôn miệng gọi là ‘ông ta’, chúng ta cũng không được loại trừ khả năng đó là một phụ nữ.”

“Đương nhiên là không rồi!”

“Tôi đồng ý cách tấn công đó là của đàn ông. Nhưng bức thư nặc danh lại do đàn bà chứ không phải đàn ông viết. Chúng ta phải lưu ý điều đó.”

Tôi im lặng vài phút rồi nói: “Giờ chúng ta làm gì tiếp đây?”

Poirot nhìn tôi cười: “Cái ông Hastings hăng hái này.”

“Nhưng chúng ta phải làm gì đi chứ?”

“Chẳng làm gì cả.”

“Không ư?” Tôi thất vọng ra mặt.

“Tôi có phải là ảo thuật gia không? Hay là thầy phù thủy? Ông muốn tôi làm gì cơ chứ?”

Tôi suy nghĩ lung lăm nhưng vẫn không tìm ra được câu trả lời. Dù sao tôi cũng tin là phải làm gì đó và không nên trì hoãn nữa.

“Chúng ta có quyển ABC, thư và bì thư...” tôi nói. “Hiển nhiên mọi thứ đang diễn biến theo chiều hướng đó. Cảnh sát có tất cả những bằng chứng họ cần cho cuộc điều tra này. Nếu tìm kiếm theo hướng đó thì sợ gì họ tìm không ra.”

Bấy nhiêu khiến tôi phải hài lòng.

Những ngày sau đó, tôi băn khoăn không hiểu sao Poirot không muốn nhắc đến vụ án nữa. Khi tôi cố gắng lái đến chủ đề này thì ông gạt phăng đi.

Trong thâm tâm tôi hiểu động cơ của Poirot, về vụ án bà Ascher, Poirot vẫn đang là người thua cuộc. ABC đã thách thức ông và ABC đã thắng. Ông bạn tôi đã quen với những thành công liên tiếp và rất nhạy

cảm với thất bại đến độ không chịu đựng nổi khi nhắc đến đề tài đó. Có thể đây là biểu hiện của tính hẹp hòi ở một vĩ nhân, nhưng ngay cả người tinh táo nhất rất có thể cũng bị thành công làm cho kiêu ngạo. Trong trường hợp của Poirot thì quá trình đó diễn ra đã nhiều năm rồi. Không biết cuối cùng tác động của nó có lộ rõ ra không nữa.

Biết vậy nên tôi tôn trọng điểm yếu của bạn mình và không nhắc gì đến vụ án nữa. Tôi đọc trên báo lời khai từ cuộc thẩm tra. Rất vắn tắt và không nhắc gì đến bức thư ABC và người gây án thì chưa rõ tung tích. Vụ án ít được báo chí chú ý. Không có bài báo lớn hay đặc biệt nào viết về nó. Chẳng bao lâu vụ bà cụ trong hẻm bị giết bị báo chí lãng quên nhường chỗ cho mấy cái đề tài gay cấn hơn.

Thật tình mà nói tôi quên dần vụ đó một phần vì ghét phải nghĩ đến chuyện Poirot chịu thất bại. Vậy mà đến ngày 25 tháng 7, vụ án đột nhiên được khơi lên.

Tôi không gặp Poirot đã mấy hôm rồi vì bạn đi Yorkshire vào cuối tuần. Tôi trở về chiều thứ hai và thư đến lúc 6 giờ đúng. Tôi còn nhớ Poirot đột ngột hít sâu khi ông rọc bì thư.

Ông nói: “Nó đến rồi.”

Tôi nhìn ông chăm chăm, không hiểu gì.

“Cái gì đến?”

“Chương hai của vụ ABC.”

Tôi nhìn ông không hiểu gì mất một lúc. Thật sự tôi đã quên bằng vụ đó.

“Ông đọc đi,” Poirot nói và đưa cho tôi bức thư.

Cũng như lần trước, lá thư được đánh máy trên loại giấy tốt.

Ông Poirot kính mến,

Ừm, thế nào hả ông? Tôi nghĩ tôi thắng một ván rồi nhé. Vụ Andover thành công trót lọt, đúng không nào?

Nhưng mà trò vui mới chỉ bắt đầu. Ông hãy để ý Bexhill-on-Sea. Ngày 23 tháng này nhé. Chúng ta sẽ có một dịp vui đây!

Kính thư,

ABC

Tôi kêu lên: “Trời ơi, Poirot. Có nghĩa là thằng cha này sẽ gây thêm một vụ án mạng nữa sao?”

“Đương nhiên rồi, Hastings. Không phải vậy thì thế nào chứ? Bộ ông nghĩ vụ Andover chỉ là một vụ án riêng lẻ thôi sao? Ông có nhớ tôi đã từng nói: ‘Đây chỉ mới là bắt đầu’ không?”

“Nhưng thế thì khủng khiếp quá!”

“Ừ, khủng khiếp thật.”

“Chúng ta đang đương đầu với một kẻ cuồng sát.”

“Đúng thế.”

Sự im lặng của Poirot còn ấn tượng hơn bất kỳ một bản hùng ca nào. Tôi trả lại bức thư cho ông và thấy rung mình.

Sáng hôm sau chúng tôi tham dự một cuộc họp cấp cao. Cảnh sát trưởng hạt Sussex, phó đội trưởng điều tra hình sự, Thanh tra Glen từ Andover, phó cảnh ty Carter của Sở Cảnh sát hạt Sussex, Japp và một thanh tra trẻ tên Crome, và bác sĩ Thompson - bác sĩ tâm lý nổi tiếng - đều có mặt đông đủ. Dấu bưu điện trên bức thư là của quận Hampstead nhưng theo Poirot chi tiết này không có gì quan trọng lắm.

Vụ án được thảo luận đầy đủ. Bác sĩ Thompson là một người đàn ông trung niên tính tình vui vẻ. Là trí thức nhưng ông không thích ăn nói kiểu cách hay dùng thuật ngữ chuyên môn.

Phó cảnh ty phát biểu: “Không còn nghi ngờ gì nữa, hai bức thư đó đều từ một người. Cả hai đều do một người viết.”

“Và chúng ta có thể cho rằng người đó gây ra vụ giết người ở Andover.”

“Đúng vậy. Giờ đây chúng ta nhận được cảnh báo dứt khoát về một vụ án thứ nhì sắp xảy ra ở Bexhill vào ngày 25 - tức là ngày mốt. Chúng ta phải tiến hành các biện pháp nào đây?”

Cảnh sát trưởng hạt Sussex nhìn ông phó cảnh ty.

“Ừm, Carter, ông có ý kiến gì không?”

Ông phó cảnh ty nghiêm nghị lắc đầu.

“Khó quá, thưa ông. Chúng ta không có manh mối nào để lần ra ai sẽ là nạn nhân tiếp theo. Nói thẳng là chúng ta có thể tiến hành biện pháp gì cơ chứ?”

“Tôi có đề xuất này,” Poirot lẩm bẩm.

Ai nấy đều quay sang nhìn ông.

“Tôi nghĩ có khả năng họ của nạn nhân tiếp theo sẽ bắt đầu bằng chữ B.”

“Cũng có thể lắm chứ,” ông phó cảnh ty nói về hoài nghi.

“Ám ảnh bằng chữ cái,” bác sĩ Thompson trầm ngâm.

“Đó có thể là một khả năng. Tôi nghĩ ra điều này khi thấy cái tên Ascher viết rõ ràng trên cửa ra vào ở cửa hàng của bà lão xấu số bị giết tháng trước. Khi nhận được bức thư nhắc đến Bexhill tôi chợt nghĩ khả năng nạn nhân và địa điểm có thể chọn theo bảng chữ cái.”

Vị bác sĩ đồng tình: “Có thể lắm. Nhưng cũng có thể cái tên Ascher chỉ là một sự trùng hợp. Lần này dù nạn nhân tên gì đi nữa thì vẫn sẽ là một bà già bán ở cửa hàng. Nên nhớ chúng ta đang đối phó với một tên điên. Cho đến giờ hấn vẫn chưa để lộ manh mối cũng như động cơ.”

Ông phó cảnh ty hỏi về ngờ vực: “Người điên mà cũng có động cơ sao, thưa ông?”

“Có chứ. Lập luận giết người là một trong những đặc tính của chứng rối loạn tâm thần cấp tính. Một người đàn ông có thể ảo tưởng rằng hấn ta được Thượng đế phái xuống để giết tu sĩ hay bác sĩ hay bà già bán ở tiệm thuốc lá và lúc nào cũng có lý do. Chúng ta không được cuốn theo cái giả thiết về bảng chữ cái đó. Bexhill nói tiếp Andover có thể chỉ là một sự trùng hợp.”

“Carter à, ít ra chúng ta cũng có thể đề phòng và đặc biệt lưu ý đến chữ cái B, đặc biệt là những người buôn bán ở cửa hàng nhỏ, canh chừng tất cả những cửa hàng bán thuốc lá và quầy bán báo nhỏ của những người sống một mình. Tôi nghĩ chúng ta không thể làm gì hơn thế nữa. Đương nhiên, cũng cần theo dõi tất cả những kẻ lạ mặt.”

Ông phó cảnh ty bật ra một tiếng than.

“Với tình hình các trường học đóng cửa nghỉ lễ sao? Tuần này người ta sẽ đổ về nơi đó cho mà xem.”

Cảnh sát trưởng gay gắt: “Chúng ta phải làm hết mình.”

Đến lượt thanh tra Glen, ông nói:

“Tôi sẽ theo dõi những ai liên quan đến vụ bà Ascher. Hai nhân chứng là ông Partridge và ông Riddell, và dĩ nhiên cả ông Ascher nữa. Nếu họ có ý rời Andover, họ sẽ bị bám đuôi ngay.”

Sau khi nhóm đưa ra thêm một số ý kiến linh tinh và trao đổi nhỏ, cuộc họp giải tán.

“Poirot à,” tôi nói lúc cả hai đi dọc bờ sông. “Chắc chắn tội ác này có thể ngăn chặn được sao?”

Ông hướng gương mặt phờ phạc sang phía tôi.

“Sự tinh táo của cả một thành phố đông đúc đối đầu với sự mất trí của một gã đàn ông? Tôi thật sự rất lo ngại, Hastings à. Nhớ cái chuỗi thành công liên tiếp của Jack, biệt danh Thợ đào mỏ đấy.”

“Đáng sợ thật,” tôi thốt lên.

“Hastings à, sự điên loạn là một điều rất khủng khiếp... Tôi lo lắng... lo lắng lắm...”

VỤ GIẾT NGƯỜI Ở BEXHILL-ON-SEA



Tôi vẫn còn nhớ lúc mình thức dậy buổi sáng ngày 25 tháng 7. Chắc khoảng 7 giờ 30 phút. Poirot đứng bên giường lắc nhẹ vai tôi. Chỉ ánh nhìn của ông thôi cũng khiến tôi đang mơ màng bỗng dưng tỉnh cả người.

Tôi choàng dậy hỏi: “Chuyện gì thế?”

Câu trả lời của Poirot rất giản đơn nhưng có tầng tầng lớp lớp cảm xúc ẩn bên dưới ba từ mà ông thốt ra.

“Xảy ra rồi.”

“Gì cơ?” Tôi kêu lên. “Ý ông là... Nhưng hôm nay mới ngày 25 chứ mấy.”

“Xảy ra tối qua, mà đúng hơn là sáng sớm nay.”

Khi tôi nhảy ra khỏi giường và vội vàng làm vệ sinh cá nhân thì Poirot điểm lại những gì ông được thông báo qua điện thoại.

“Xác của cô gái được phát hiện trên bãi biển ở Bexhill. Cô gái tên là Elizabeth Barnard làm phục vụ cho một trong những quán nhỏ ở đó. Cô sống với bố mẹ trong một ngôi nhà gỗ nhỏ mới được xây gần đây. Bằng chứng pháp y cho biết cô gái chết trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 tối đến 1 giờ sáng.”

“Họ chắc chắn đây là một vụ giết người?” tôi vừa hỏi vừa bôi kem cạo râu lên mặt.

“Quyển ABC đang mở ở trang có thông tin về các chuyến tàu đi Bexhill được tìm thấy dưới xác nạn nhân.”

Tôi rùng mình.

“Khùng khiếp quá!”

“*Faites attention*,^[16] Hastings. Tôi không muốn lại có một thảm kịch nữa xảy ra trong nhà tôi đâu!”

Tôi lau vết máu trên cằm về thảm thương.

“Kế hoạch hành động của chúng ta là gì đây?” tôi hỏi.

“Một chốc nữa, xe sẽ đến đón chúng ta. Tôi sẽ mang đến cho ông một tách cà phê để chúng ta không bị chậm trễ.”

Hai mươi phút sau chúng tôi đã ngồi trong xe tốc hành của cảnh sát băng qua con sông Thames để rời Luân Đôn.

Cùng đi với chúng tôi là thanh tra Crome, đã tham gia buổi họp hôm trước và là người chính thức đảm nhận vụ án này.

Crome có phong cách rất khác với Japp. Anh ta trẻ hơn nhiều, khá trầm lặng và giỏi giang hơn. Ăn học đến nơi đến chốn và đọc nhiều nhưng tôi cảm thấy anh ta hơi tự phụ. Gần đây, anh ta được ca ngợi vì phá thành công một loạt vụ giết trẻ em. Anh ta kiên nhẫn tóm gọn kẻ sát nhân mà bây giờ đang ở trong bệnh viện tâm thần Broadmoor.

Rõ ràng Crome là người thích hợp đảm nhận vụ án hiện nay nhưng tôi thấy anh ta hơi quá để ý đến việc đó. Crome có vẻ trịch thượng với Poirot. Anh ta cư xử với ông kiểu người trẻ đối với người già một cách khá cao ngạo và “trẻ con.”

“Tôi vừa mới có một cuộc nói chuyện khá dài và thú vị với bác sĩ Thompson,” Crome nói. “Ông ta rất quan tâm đến những vụ án ‘hàng loạt’ hay ‘xâu chuỗi’ như thế này. Nó là ảnh hưởng của một loại bệnh tâm thần. Dĩ nhiên, xét dưới góc độ y học, nếu không là người có chuyên môn thì sẽ không thấy được tầm quan trọng của những chi tiết đắt giá đó.” Anh ta đằng hắng. “Thật ra, vụ án vừa rồi của tôi - không biết ông có đọc về nó chưa - vụ Mabel Homer, nữ sinh trường Muswell Hill - thì gã Capper thật là phi thường.

Rất khó khệp tội hấn - đó cũng là vụ thứ ba hấn ra tay! Hấn trông có vẻ bình thường như ông và tôi thôi. Nhưng chúng tôi thực hiện nhiều cuộc kiểm tra - gài bẫy lời nói, ông biết đấy - đương nhiên là khá hiện đại, chắc thời của ông không có những phương pháp kiểu như thế. Một khi ông có thể làm cho hấn ta để lộ bí mật về hấn thì ông tóm được hấn! Hấn mà biết ông đã biết thì sẽ mất bình tĩnh ngay. Hấn bắt đầu lộ tẩy thôi.”

“Ngay cả vào thời của tôi, chuyện đó đôi lúc cũng xảy ra,” Poirot trả lời.

Thanh tra Crome nhìn ông và lí nhí xã giao:

“Ồ, vậy à?”

Đôi lúc chúng tôi ngồi im không nói gì. Khi chúng tôi đi qua ga New Cross, Crome bảo:

“Nếu ông có gì muốn hỏi tôi về vụ án thì xin cứ hỏi nhé.”

“Tôi nghĩ anh chưa miêu tả cho tôi biết về cô gái bị giết.”

“Cô gái đó 23 tuổi, phục vụ ở quán Ginger Cat...”

“Không phải thế. Tôi tự hỏi không biết cô ấy có xinh không?”

Thanh tra Crome trả lời về ngắn gọn: “Về chuyện đó thì tôi không có thông tin gì, thưa ông.” Nhưng thái độ của anh ta thì như muốn nói: “Thiệt tình mấy cái ông ngoại quốc này! Người nào cũng như người nấy!”

Về thú vị ánh lên trong mắt Poirot.

“Hình như điều đó không quan trọng với anh thì phải? Tuy nhiên, với một người phụ nữ, đó là điều quan trọng nhất. Thường quyết định cả số phận của cô gái lận đấy!”

Chúng tôi lại rơi vào im lặng.

Khi đến gần Sevenoaks Poirot mới bắt chuyện lại.

“Người ta có cho anh biết cô gái đó đã bị siết cổ như thế nào không?”

Thanh tra Crome trả lời qua loa.

“Cô ta bị siết cổ bằng dây thắt lưng hàng dệt dày của chính mình.”

Mắt Poirot mở to.

Ông nói: “A ha, cuối cùng thì chúng ta cũng có một ít thông tin rất rõ ràng. Cho ta biết chuyện gì đấy, phải vậy không?”

“Tôi chưa thấy gì cả,” Crome lạnh lùng đáp.

Tôi hết chịu nổi sự thận trọng và thiếu trí tưởng tượng của anh chàng này.

“Nó cho chúng ta một dấu hiệu của kẻ sát nhân,” tôi lên tiếng. “Chiếc thắt lưng của cô gái. Nó cho chúng ta biết đầu óc dâm ô của hấn!”

Poirot liếc tôi một cái khó mà hiểu nổi. Bề ngoài cái liếc đó hóm hình chuyển tải về khó chịu. Tôi nghĩ có lẽ ông muốn cảnh báo đừng nói năng quá thẳng thắn trước anh chàng thanh tra này.

Tôi im lặng trở lại.

Ở Bexhill, chúng tôi được Phó cảnh ty Carter đón tiếp. Đi cùng ông là một thanh tra trẻ gương mặt dễ chịu, trông có vẻ thông minh tên Kelsey. Anh được cử đến phối hợp với Crome trong vụ án này.

Viên phó cảnh ty nói: “Anh Crome, có lẽ anh muốn tự mình thăm vấn nên tôi sẽ cung cấp cho anh một số manh mối chính của vụ án rồi anh có thể bắt tay vào việc ngay.”

“Cảm ơn ông,” Crome đáp.

“Chúng tôi đã báo tin cho bố mẹ nạn nhân,” viên phó cảnh ty nói. “Đương nhiên họ rất bàng hoàng. Tôi để họ trấn tĩnh một chút trước khi thăm vấn nên ông có thể bắt đầu hỏi từ đầu.”

Poirot hỏi: “Nạn nhân còn có những người thân khác nữa trong gia đình, đúng không?”

“Có một cô chị làm nghề đánh máy ở Luân Đôn. Chúng tôi đã liên lạc với cô ấy. Ngoài ra còn có một thanh niên - thật ra thì có lẽ nạn nhân đã hẹn hò với anh chàng đó tối qua.”

“Có manh mối nào từ quyển thông tin ABC không?” Crome hỏi.

“Nó ở đằng kia,” viên phó cảnh ty gạt đầu chỉ về hướng chiếc bàn. “Không có dấu vân tay. Sách được mở ở trang về Bexhill. Tôi nghĩ là sách còn mới vì có vẻ không được mở nhiều. Không phải mua ở gần đây. Tôi đã thử hỏi tất cả những người bán văn phòng phẩm.”

“Ai đã phát hiện xác nạn nhân thưa ông?”

“Một ông đại tá thích sáng sớm và không khí trong lành. Đại tá Jerome, ông đi dạo với chó vào khoảng 6 giờ. Ông đi dọc con đường dẫn về phía Cooden, và đi xuống bãi biển. Con chó bỏ chạy và đến ngửi vào vật gì đấy. Colonel gọi nó. Con chó không quay lại. Ông đại tá nhìn về phía ấy và cảm thấy có gì đó lạ. Ông bước đến xem. Ông xử trí tình huống rất hợp lý. Ông không hề chạm vào tử thi mà gọi cho chúng tôi ngay.”

“Thời gian tử vong là vào khoảng nửa đêm hôm qua?”

“Chắc chắn trong khoảng từ nửa đêm tới 1 giờ sáng. Tên giết người rất giữ lời hứa. Nếu hắn nói ngày 25 thì sẽ ra tay ngày 25 dù có thể chênh một vài phút.”

Crome gật đầu.

“Vâng, tâm lý của hắn rất ổn. Còn gì nữa không ạ? Có ai thấy điều gì có ích cho việc điều tra không, thưa ông?”

“Theo chúng tôi thì chưa. Nhưng hăng còn sớm mà. Bất kỳ ai thấy một cô gái mặc đồ trắng đi dạo với một người đàn ông tối qua sẽ báo chúng tôi ngay thôi. Và tôi đồ rằng nếu có chừng bốn đến năm trăm cô gái mặc đồ trắng đi với một chàng trai tối qua thì thật là một vụ quá hay.”

Crome nói: “Được rồi, thưa ông, tốt nhất tôi nên bắt tay vào việc. Có hai nơi là quán nước và nhà cô gái. Tôi nên đến cả hai. Kelsey có thể đi cùng tôi.”

“Thế còn ông Poirot?” viên phó cảnh ty hỏi.

“Tôi sẽ đi với anh,” Poirot nghiêng đầu nói với Crome.

Tôi nghĩ Crome có vẻ hơi bức mình. Kelsey chưa từng gặp Poirot, anh chàng nhe răng cười.

Khô cái khi người ta gặp ông bạn tôi lần đầu tiên họ luôn cho rằng ông là nhân vật quan trọng nhất.

Crome hỏi: “Thế còn cái thất lung dùng để siết cổ cô ấy thì sao ạ? Ông Poirot có ý cho rằng nó là manh mối đáng giá. Tôi nghĩ ông ấy muốn xem.”

Poirot nói nhanh: “Thật ra anh hiểu sai ý tôi rồi.”

“Ông sẽ không thu thập được gì từ nó đâu,” Carter đáp. “Không phải thất lung bằng da nên có thể sẽ không lưu lại dấu vân tay. Nó chỉ là loại thất lung bằng lụa được dệt khá dày - rất tiện cho mục đích đó.”

Tôi rùng mình.

“Vậy thì chúng ta đi thôi,” Crome nói.

Chúng tôi lên đường ngay lập tức.

Nơi đầu tiên chúng tôi đến là quán Ginger Cat. Nằm hướng ra biển, quán nhỏ này là kiểu quán khá phổ biến. Quán có mấy cái bàn nhỏ trái khế màu cam và ghế mây có gối tựa màu cam trông rất khó coi. Đây là loại quán chuyên phục vụ cà phê sáng, năm loại trà khác nhau (trà Devonshire, trà Farmhouse, trà Carlton, trà trái cây và trà bình thường), và một số món ăn trưa đơn giản dành cho các bà các cô như là trứng ốp lết, tôm và món mì ống sốt cà chua.

Cà phê sáng đang được chuẩn bị. Bà chủ vội vàng đưa chúng tôi vào phòng làm việc riêng khá bề bộn ở đằng sau.

Crome hỏi: “Cô... à... cô Merrion phải không ạ?”

Cô Merrion than phiền, giọng cô cao, buồn thảm và nhẹ nhàng nữ tính:

“Đúng rồi ạ. Đây là chuyện đau buồn nhất. Đau buồn nhất. Tôi thật sự không tưởng tượng được nó sẽ ảnh hưởng đến việc kinh doanh của chúng tôi nhường nào!”

Cô Merrion trạc 40 tuổi, người rất gầy và mái tóc màu hoe lụa thừa (thật bất ngờ là trông cô giống như một con mèo lông vàng hoe). Cô ta vịn vào mấy cái nơ và viền xếp trên bộ đồ đồng phục của mình với vẻ căng thẳng.

Thanh tra Kelsey động viên: “Rồi cô sẽ đất khách thôi. Rồi cô xem! Cô sẽ không đủ sức mà phục vụ trà ấy chứ!”

Cô Merrion đáp: “Kính thưa, kính thưa thật. Khiến người ta hết hy vọng vào bản chất con người.”

Dù vậy mắt cô ta sáng lên.

“Cô có biết gì về cô gái bị giết không, cô Merrion?”

Cô Merrion nói quả quyết: “Không, không có gì để kể cả!”

“Cô ấy làm việc ở đây bao lâu rồi?”

“Đây là mùa hè thứ hai.”

“Cô có hài lòng với cô ấy không?”

“Em ấy là một nhân viên tốt - nhanh nhẹn và biết nghe lời.”

Poirot hỏi: “Cô ấy xinh xắn, đúng không?”

Đến lượt Merrion nhìn ông như muốn nói: “Ồi, mấy ông người nước ngoài này.”

Crome hỏi: “Tối qua mấy giờ cô ấy xong việc?”

“8 giờ. Chúng tôi đóng cửa lúc 8 giờ. Chúng tôi không phục vụ ăn tối. Người ta không có nhu cầu ăn tối ở đây. Trứng ốp lết và trà (Poirot rung mình), người ta chỉ ở lại tới 7 giờ tối hoặc đôi lúc trễ hơn một chút nhưng chừng 6 giờ 30 là khách vãn dần.”

“Cô ấy có nói với bà là sẽ làm gì vào tối đó không?”

“Đương nhiên không rồi,” cô Merrion nhấn mạnh. “Chúng tôi không thân nhau đến thế.”

“Không ai đến tìm cô ấy à? Hay đại loại như thế?”

“Không có.”

“Cô ta trông có vẻ vẫn bình thường chứ? Không lo lắng hay buồn rầu gì?”

“Tôi không rõ lắm,” cô Merrion trả lời về thờ ơ.

“Cô có bao nhiêu nhân viên phục vụ?”

“Thường thì có hai và thêm hai người nữa từ ngày 10 tháng 7 đến hết tháng 8.”

“Nhưng Elizabeth Barnard không phải là một trong hai người mới đó chứ?”

“Barnard là một trong hai nhân viên chính.”

“Thế còn cô kia thì sao?”

“Higley à? Em ấy là một cô gái rất tốt.”

“Cô ấy và cô Barnard có phải là bạn bè không?”

“Tôi không rõ lắm.”

“Có lẽ tốt hơn hết chúng tôi xin được nói chuyện với cô ấy.”

“Bây giờ à?”

“Nếu được thì tốt quá.”

“Tôi sẽ gọi em ấy cho ông,” cô Merrion nói rồi đứng dậy. “Mong ông nói chuyện với em ấy càng nhanh càng tốt. Lúc này đang là giờ đông khách đến uống cà phê sáng.”

Cô Merrion tóc vàng hoe có dáng đi như mèo rời khỏi phòng.

“Rất tao nhã,” thanh tra Kelsey khen rồi anh giả giọng uốn éo của phụ nữ: “Tôi không rõ lắm.”

Một cô gái đầy đặn tóc đen, má hồng và đôi mắt sẫm mở to vì hồi hộp, cô thở hắt hắt chạy vào phòng.

“Cô Merrion bảo tôi đến,” cô nói không ra hơi.

“Cô Higley phải không?”

“Vâng, tôi đây ạ.”

“Cô biết Elizabeth Barnard chứ?”

“Ồ, vâng, tôi biết Betty. Kinh khủng quá phải không ạ? Quá kinh khủng. Tôi không thể tin đó lại là sự thật. Cả sáng nay tôi nói với các cô bạn đồng nghiệp là tôi không thể tin được! Tôi nói: ‘Các bạn à, hình như đây không phải là sự thật. Betty! Betty Barnard, bạn đồng nghiệp của chúng ta bấy lâu, đã bị giết! Mình không thể tin được’. Tôi nói thế đấy. Tôi véo mình năm sáu lần để xem đây có phải là mơ. Betty bị giết... Thật là, à, ông biết đấy, dường như không phải là sự thật.”

Crome hỏi: “Cô có biết rõ nạn nhân không?”

“À, cô ấy làm việc ở đây lâu hơn tôi. Tôi chỉ mới làm việc ở đây từ tháng 3. Còn cô ấy làm việc từ năm ngoái, ông biết đấy, cô ấy khá trầm tính. Cô ấy không phải là người hay trêu đùa hoặc cười nhiều. Ý tôi không phải là cô ấy ít nói hoàn toàn, cô cũng vui tính lắm nhưng cô ấy không, à, ông biết đấy, cô ấy lúc thì lặng lẽ lúc thì không.”

Tôi có thể nói thay cho thanh tra Crome là anh ta cực kỳ kiên nhẫn. Cô Higley đầy đà này đúng là một nhân chứng dễ làm cho người ta phát cáu. Cô ta cứ lặp đi lặp lại lời khai đến sáu bảy lần mà kết quả cuối cùng thì chẳng có gì đáng kể.

Cô ta chẳng thân thiết gì với nạn nhân cả. Có thể đoán Elizabeth Barnard tự cho mình hơn hẳn cô Higley. Cô ta có vẻ thân thiện trong giờ làm việc nhưng đồng nghiệp không biết gì về đời tư của cô hết. Elizabeth Barnard có một “người bạn” làm việc cho công ty bắt động sản gần ga xe lửa. Công ty Court & Brunskill. Không, anh ấy không phải tên là Court cũng không phải là Brunskill. Anh ấy là nhân viên ở đó. Cô không biết tên anh ta nhưng cô có gặp rồi. Bánh trai, ôi, bánh trai lắm và luôn luôn ăn mặc rất đẹp. Rõ ràng là trong lòng cô Higley có chút ghen tị.

Cuối cùng, có thể tóm tắt lại như sau: Elizabeth Barnard không tâm sự với ai trong quán về việc cô làm gì vào tối đó cả nhưng theo ý của Higley cô ấy đi gặp một “người bạn.” Cô ấy mặc áo đầm trắng và “trông dễ thương hơn khi mặc kiểu cổ áo mới.”

Chúng tôi nói chuyện với hai cô nhân viên kia nhưng kết quả cũng không khả quan hơn mấy. Betty Barnard không nói gì về việc cô đi đâu, làm gì và không ai thấy cô ở Bexhill suốt chiều tối hôm đó.

GIA ĐÌNH BARNARD



Bố mẹ của Elizabeth Barnard sống trong ngôi nhà gỗ nhỏ, một trong khoảng 50 ngôi nhà do một chủ thầu đầu cơ mới xây lên gần đây ở những vùng giáp ranh thành phố. Vùng này tên là Llandudno. Ông Barnard là người đàn ông to khỏe, tuổi chừng 55 và trông ông có vẻ hoang mang. Ông đã thấy chúng tôi đến và đang đợi ở bậc cửa.

“Mời các ông vào nhà,” ông nói.

Thanh tra Kelsey mở đầu trước.

“Đây là thanh tra Crome từ Scotland Yard, thưa ông. Ông ấy đến đây để giúp chúng tôi giải quyết vụ này.”

“Sở Cảnh sát à?” ông Barnard nói vẻ hy vọng. “Tốt quá. Tên giết người phải bị tổng giam vào ngục. Con gái bé bỏng tội nghiệp của tôi...” Mặt ông méo mó đi vì đau khổ.

“Và đây là ông Hercule Poirot, cũng từ Luân Đôn, và à...”

Poirot đỡ lời: “Đại úy Hastings.”

Ông Barnard nói một cách máy móc: “Rất hân hạnh được gặp các ông. Mời các ông vào phòng khách. Tôi không biết liệu bà xã tội nghiệp của tôi có thể dậy gặp các ông không nữa. Bà ấy hoàn toàn suy sụp.”

Tuy nhiên, khi chúng tôi đã ngồi trong phòng khách của căn nhà gỗ thì bà Barnard xuất hiện. Rõ ràng bà đã khóc rất nhiều, mắt bà đỏ ngầu và dáng đi không vững như người mới trải qua một cú sốc lớn.

Ông Barnard an ủi: “Mẹ nó ơi, không sao đâu. Em không sao chứ?”

Ông vỗ vỗ vào vai bà rồi dìu bà ngồi xuống ghế.

“Ông phó cảnh ty rất tốt bụng,” ông Barnard nói. “Sau khi báo tin cho chúng tôi, ông bảo sẽ hỏi chuyện chúng tôi khi nào chúng tôi đã qua cơn sốc ban đầu.”

Bà Barnard vừa nói vừa khóc: “Thật là tàn bạo! Ôi, tàn bạo quá! Đây là điều tàn bạo nhất mà tôi từng biết.”

Giọng bà ngậm nga như hát khiến tôi cứ nghĩ đó là tiếng nước ngoài cho đến khi nhớ tới cái tên được viết ngoài cổng và nhận ra cách nói của bà chứng tỏ bà là người gốc xứ Wales.

“Tôi biết bà đang rất đau khổ,” thanh tra Crome nói. “Và chúng tôi rất thông cảm, nhưng chúng tôi muốn biết tất cả các chứng cứ để có thể bắt tay vào việc điều tra càng sớm càng tốt.”

Ông Barnard gật đầu đồng tình: “Đúng đấy.”

“Theo tôi biết, con gái ông 23 tuổi. Cô ấy sống cùng ông bà tại đây và làm việc ở quán Ginger Cat đúng không ạ?”

“Đúng thế.”

“Đây là chỗ ở mới phải không? Trước đó ông sống ở đâu?”

“Tôi làm trong ngành đồ sắt ở Kennington nhưng đã nghỉ hưu hai năm rồi. Tôi luôn ao ước sống gần biển.”

“Ông có hai cô con gái đúng không ạ?”

“Vâng. Con gái lớn của tôi làm việc văn phòng ở Luân Đôn.”

“Tôi qua con gái ông bà không về nhà mà ông bà không lo lắng à?”

Bà Barnard vừa nói vừa khóc: “Vợ chồng tôi không biết cháu nó không về nhà. Bố nó và tôi hay đi ngủ sớm. Khoảng chừng 9 giờ tối. Chúng tôi không biết Betty không về nhà cho tới khi cảnh sát đến và báo... và báo...”

Bà ấy gục xuống.

“Con gái ông bà có hay... ờ... về nhà muộn không?”

Ông Barnard đáp: “Ông biết con gái thời nay rồi đó, ông thanh tra. Bọn chúng rất độc lập. Vào những tối mùa hè như thế này bọn chúng ít chịu về nhà sớm lắm. Tối nào cũng thế, Betty thường về nhà vào khoảng 11 giờ đêm.”

“Làm sao cô ấy vào nhà? Cửa mở à?”

“Chúng tôi luôn giấu chìa khóa dưới tấm thảm chùi chân.”

“Tôi nghe người ta đồn con gái ông bà đã đính hôn và sắp cưới đúng không à?”

Ông Barnard trả lời: “Thời nay, bọn trẻ không nói về chuyện đó trang trọng đến thế.”

“Tên cậu con trai đó là Donald Fraser và tôi thích cậu ta lắm,” bà Barnard nói. “Tôi rất thích cậu ta. Tôi nghiệp thẳng nhỏ, tin này sẽ khiến nó đau khổ lắm. Tôi không biết nó đã biết chưa nữa?”

“Theo tôi biết thì cậu ấy làm việc ở Court & Brunskill đúng không à?”

“Vâng, đó là công ty môi giới bất động sản.”

“Cậu ấy có hay gặp con gái ông bà vào mỗi chiều tối sau giờ làm việc không à?”

“Con bé không kể với chúng tôi. Betty hiếm khi nói nó làm gì hay ở đâu lắm. Nhưng Betty là một đứa ngoan, ời, tôi không thể tin được...”

Bà Barnard lại nức nở khóc.

Ông chồng khuyên can: “Bình tĩnh nào, bà ời. Cố gắng can đảm lên, mẹ nó. Chúng ta phải tìm ra sự thật của vụ này.”

Bà Barnard khóc lớn: “Tôi chắc chắn Donald không bao giờ... không bao giờ...”

Ông Barnard lặp lại: “Can đảm lên nào em.”

“Tôi ước gì tôi có thể giúp các ông nhưng sự thật là tôi chẳng biết chút gì, chẳng có chút manh mối nào để giúp các ông tìm ra tên côn đồ dê tiện đã gây ra việc này. Betty là con bé vui vẻ, hạnh phúc khi ở bên cạnh chàng trai tử tế đó. Ừm, chúng tôi hay nói hai đứa nó nhắc chúng tôi nhớ đến những ngày xưa của vợ chồng tôi. Tôi không tài nào hiểu nổi vì sao người ta lại muốn giết hại con bé.”

“Ông gần tìm ra sự thật rồi, ông Barnard à,” Crome nói. “Tôi muốn xem qua phòng của cô Barnard. Có thể sẽ có thư từ hay nhật ký.”

“Xin cứ tự nhiên xem xét,” ông Barnard nói và đứng dậy.

Ông dẫn đường. Crome theo sau rồi đến Poirot và Kelsey, còn tôi đi chót cùng.

Tôi dừng một chốc để cột lại dây giày và đúng lúc đó thì có chiếc taxi đỗ trước nhà rồi một cô gái nhảy ra khỏi xe. Cô trả tiền và vội vàng đi vào nhà xách theo chiếc vali nhỏ. Khi cô bước qua ngưỡng cửa, thấy tôi, cô đứng như trời trồng.

Cái kiểu cô đột ngột dừng lại khiến tôi tò mò.

Cô hỏi: “Ông là ai?”

Tôi bước xuống vài bước. Tôi ngượng ngùng không biết phải trả lời thế nào. Tôi có nên giới thiệu tên mình? Hay nói là tôi đến đây với cảnh sát? Tuy nhiên, cô gái không đợi câu trả lời.

Cô nói: “Ồi chào, tôi có thể đoán được.”

Cô giờ cái mũ len nhỏ màu trắng đang đội trên đầu và ném nó xuống sàn nhà. Giờ thì tôi thấy cô rõ hơn khi cô xoay người một chút về hướng có ánh sáng.

Ấn tượng đầu tiên của tôi là cô giống mấy con búp bê Hà Lan mà các chị em gái của tôi hay chơi thời thơ ấu. Tóc cô màu đen, ngắn quá vai và cô để tóc mái. Cô có đôi gò má cao và thân hình có nét xương kỳ lạ và không mấy gợi cảm. Cô không đẹp, bình thường là đằng khác, nhưng cô có cái gì đó mạnh mẽ - một sức mạnh khiến người ta không thể không chú ý.

“Cô là cô Barnard à?” tôi hỏi.

“Tôi là Megan Barnard. Tôi đoán ông ở chỗ cảnh sát tới?”

Tôi đáp: “Ừm, không hẳn thế...”

Cô cất ngang lời tôi.

“Tôi nghĩ tôi không có gì để nói với ông cả. Em gái tôi là một đứa thông minh, hiền lành và chưa có bạn trai. Chào ông.”

Cô ta vừa nói vừa cười và nhìn tôi thách thức.

“Tôi nghĩ cùm từ đó đúng phải không ạ?” Cô tiếp tục.

“Tôi không phải là phóng viên nếu đó là điều cô muốn biết.”

“Vậy ông là ai?” Cô ta nhìn quanh. “Bố mẹ tôi đâu rồi?”

“Bố cô đang chỉ cho cảnh sát phòng ngủ của em gái cô. Mẹ cô cũng ở đó. Bà ấy rất đau khổ.”

Cô gái quyết định.

“Mời ông vào đây.”

Cô ta kéo cửa và đi qua. Tôi theo cô vào một căn bếp nhỏ, gọn gàng.

Tôi định đóng cửa thì thấy cửa bị níu lại. Poirot lặng lẽ đi vào bếp và đóng cửa.

Ông nhanh nhẹn cúi chào: “Cô Barnard phải không ạ?”

“Đây là ông Hercule Poirot” tôi nói.

Megan Barnard liếc ông thật nhanh dò xét.

“Tôi có nghe về ông,” cô nói. “Ông là thám tử tư ăn mặc rất thời trang đúng không ạ?”

“Cô miêu tả tôi không hay ho lắm nhưng đầy đủ thông tin rồi đó,” Poirot trả lời.

Cô gái ngồi lên mép bàn ăn. Cô mò trong túi xách của mình để tìm thuốc lá. Cô ngậm điếu thuốc trên môi, đốt thuốc và vừa phì phèo vừa nói:

“Không hiểu sao tôi chẳng thấy có gì mà ông Hercule Poirot phải bận tâm với vụ án vật vãnh này.”

“Thưa cô,” Poirot đáp. “Những gì cô không thấy và những gì tôi không thấy có lẽ sẽ bổ sung cho nhau. Nhưng tất cả những điều đó đều không quan trọng. Điều quan trọng là điều không dễ tìm ra.”

“Điều gì vậy ạ?”

“Thưa cô, đáng tiếc là cái chết gây ra thành kiến. Thành kiến có lợi cho người đã chết. Tôi đã nghe những gì cô vừa nói với ông bạn Hastings của tôi. ‘Một cô gái thông minh, hiền lành và chưa có bạn trai’. Cô nói vậy để nhại báo chí. Và điều đó hoàn toàn đúng, khi một cô gái trẻ chết, người ta hay nói như thế. Cô ấy thông minh. Cô ấy hạnh phúc. Cô ấy rất đáng yêu. Cô sống trong một thế giới vô lo. Cô không có mối quan hệ nào phiền phức. Người ta thường tỏ ra độ lượng với người đã khuất. Cô có biết bây giờ tôi thích gì không? Đáng lẽ tôi phải tìm ai đó quen Elizabeth Barnard nhưng không biết cô ấy đã chết! Vậy tôi mới có thể nghe được điều ích lợi - là sự thật!”

Megan Barnard vừa hút thuốc vừa nhìn ông một vài phút trong yên lặng. Cuối cùng cô nói. Những lời cô thốt ra khiến tôi giật mình.

“Betty là một con ngốc!”

MEGAN BARNARD



Như tôi kể, những lời của Megan Barnard với giọng điệu gọn gàng, dứt khoát khiến tôi giật mình. Tuy nhiên, Poirot chỉ lặng lẽ gật đầu.

“*A la bonne heure.*”^[17] Cô rất thông minh.”

Megan Barnard nói vẫn với giọng điệu khách quan:

“Tôi cực kỳ thích Betty. Nhưng thích em đến mấy thì tôi vẫn nhìn ra em là một con bé đại ngốc và tôi đã nói thẳng với em vài lần! Chị em là vậy.”

“Thế cô ấy có nghe lời khuyên của cô không?”

“Chắc là không,” Megan trả lời về hoài nghi.

“Cô có thể nói rõ hơn được không?”

Cô gái ngập ngừng vài phút. Poirot mỉm cười nói:

“Tôi sẽ gợi ý cho cô. Tôi nghe cô nói chuyện với Hastings. Rằng em gái cô thông minh, vui vẻ và không có bạn trai. Có vẻ như hơi trái với thực tế, đúng không nào?”

Megan chậm rãi trả lời:

“Betty không làm gì xấu cả. Tôi muốn ông hiểu thế. Con bé lúc nào cũng thẳng thắn. Em không phải loại con gái thích tiệc tùng cuối tuần. Không phải kiểu ấy. Nhưng em thích được đưa đi chơi và khiêu vũ và thích được tán tỉnh, tặng bốc, đại loại thế.”

“Cô ấy xinh xắn lắm - đúng không?”

Câu hỏi này tôi đã nghe đến lần thứ ba mới nhận được câu trả lời thích đáng.

Megan tuột xuống khỏi bàn bước đến cái vali, mở vali ra và lấy gì đó đưa cho Poirot.

Trong khung ảnh bằng da là hình bán thân của một cô gái tóc vàng đang mỉm cười. Rõ ràng cô ấy mới uốn tóc và đầu tóc vẫn còn xoắn tít. Nụ cười lém lỉnh và hơi gượng gạo. Dĩ nhiên đó không phải là khuôn mặt mà người ta cho là đẹp nhưng rõ ràng có nét xinh xắn dễ nhìn.

Poirot trả lại khung ảnh và nói:

“Cô và em gái cô không hề giống nhau.”

“Ồ, trong gia đình, tôi chỉ là con bé bình thường thôi. Tôi vẫn biết thế mà.” Cô gạt đi như chẳng có gì quan trọng.

“Cô có thể nói rõ hơn những hành vi nào của em ấy mà cô cho là khờ dại không? Chắc ý cô là trong mối quan hệ với anh Donald Fraser?”

“Chính xác. Don là người ít nói nhưng anh ta... ừm, hay bực bội và rồi...”

“Và rồi sao nữa?”

Ông điềm tĩnh nhìn cô gái.

Có thể tôi tưởng tượng ra nhưng tôi thấy cô có vẻ do dự vài giây trước khi trả lời.

“Tôi sợ anh ta sẽ... bỏ em ấy. Mà như vậy thì thật là đáng tiếc. Anh ấy rất đứng đắn và chăm làm và sẽ là một người chồng tốt của em gái tôi.”

Poirot vẫn nhìn cô gái chăm chăm. Cô gái không đỏ mặt trước cái nhìn của ông mà cũng bình thản nhìn lại ông và ánh nhìn của cô có pha chút gì đó khác nữa - nhắc tôi nhớ đến thái độ thách thức và khinh khỉnh của cô lúc đầu.

Cuối cùng Poirot nói: “Vậy là chúng ta lại không nói thật với nhau rồi.”

Cô nhún vai rồi quay về phía cửa ra vào.

“Tôi đã giúp ông hết mình rồi,” cô nói.

Poirot gọi giữ cô lại.

“Gượng đã nào, cô gái. Tôi có điều cần nói với cô. Quay lại đây.”

Tôi thấy cô miễn cưỡng làm theo.

Tôi hơi ngạc nhiên là Poirot kể ngay toàn bộ vụ lá thư ABC, vụ án ở Andover và quyền thông tin đường sắt được tìm thấy cạnh thi thể nạn nhân.

Cô gái rất quan tâm đến chuyện ông kể. Miệng cô mở tròn, mắt cô sáng lên và cô nuốt từng lời ông nói.

“Tất cả chuyện đó là thật sao, ông Poirot?”

“Vâng, đó là sự thật.”

“Ý ông là em gái tôi bị một kẻ cuồng sát giết sao?”

“Đúng thế.”

Cô hít một hơi thật sâu.

“Ôi! Betty... Betty ơi... Rùng rợn... quá!”

“Cô biết rồi đấy, thông tin mà tôi yêu cầu cô cung cấp sẽ chẳng làm tổn thương ai đâu.”

“Vâng, giờ thì tôi hiểu rồi.”

“Vậy chúng ta nói tiếp nhé. Tôi hình dung ra anh chàng Donald Fraser này có lẽ là người dữ dằn và hay ghen, đúng không nào?”

Megan Barnard bình thản nói:

“Giờ thì tôi tin ông rồi, ông Poirot ạ. Tôi sẽ cung cấp cho ông toàn bộ sự thật. Như tôi đã kể, Don là người rất ít nói và hay kìm nén cảm xúc, ông hiểu ý tôi không. Không phải lúc nào anh ta cũng diễn đạt được cảm xúc của mình thành lời. Nhưng sâu thẳm bên trong anh ta là người hay để bụng. Và anh có thói hay ghen. Anh ta lúc nào cũng ghen Betty. Don rất chung thủy với em ấy và dĩ nhiên em ấy cũng rất thích anh ta nhưng tính Betty thì không có chuyện chỉ thích một người và không để ý đến ai khác. Tính em ấy không phải thế. Em ấy, ờ, hay để ý mấy anh chàng điển trai mà em gặp hằng ngày. Và đương nhiên, vì làm ở Ginger Cat nên em luôn chậm mặt bọn đàn ông, đặc biệt vào những kỳ nghỉ hè. Em ấy rất nhanh mồm nhanh miệng nên nếu họ trêu em thì em cũng trêu lại ngay. Và rồi có thể em hẹn họ đi xem phim hay đại loại thế. Không có gì nghiêm trọng cả - không có chuyện gì hết - nhưng em ấy chỉ thích được vui vẻ vậy thôi. Em hay nói nếu sau này lập gia đình với Don thì giờ em phải vui chơi cho thỏa sức khi vẫn còn chơi được.”

Megan ngừng nói và Poirot đáp: “Tôi hiểu rồi. Cô cứ tiếp tục kể đi.”

“Chỉ có điều Don không tài nào hiểu được cách nghĩ của em ấy. Nếu em ấy thích anh ta thật thì anh ta không hiểu được tại sao em vẫn muốn đi chơi với người khác. Có đôi lần họ cãi nhau rất to.”

“Vậy là anh Don không còn ít nói nữa à?”

“Giống như những người ít nói khác, một khi đã giận lên thì họ giận ghê gớm. Don hung dữ đến độ Betty phát khiếp.”

“Việc này xảy ra lúc nào?”

“Họ cãi nhau một lần cách đây một năm và một lần khác cãi to hơn chỉ cách đây hơn một tháng. Tôi về nhà dịp cuối tuần và hòa giải cho hai người và lúc đó tôi cố gắng khuyên giải thiệt hơn cho Betty. Tôi mắng em là đồ ngốc. Em chỉ trả lời vồn vện rằng em chẳng hại đến ai cả. Ừm, đúng thế, nhưng lúc nào em ấy cũng toàn chuốc vạ vào thân, ông biết không, sau vụ cãi vã năm ngoái, em bắt đầu quen thói nói dối với kiểu biện hộ nếu không biết thì sẽ không buồn. Lần xung đột cuối cùng đó xảy ra vì em nói với Don là em đi Hastings gặp bạn gái nhưng rồi anh ta phát hiện em đi Eastbourne với một gã nào đó. Té ra gã đó đã có vợ nên gã hẹn hò rất bí mật - thế mới càng khiến sự việc trở nên trầm trọng. Họ cãi nhau dữ dội và Betty nói em ấy chưa cưới anh ta thì em có quyền đi chơi với ai mà em thích, thế là Don giận run lên và nói một ngày nào đó... một ngày nào đó...”

“Sao cơ?”

Megan hạ giọng: “Anh ấy sẽ giết...”

Cô bỏ lưng câu và nhìn Poirot chăm chăm.

Ông gật đầu lia lịa về trầm trọng.

“Và dĩ nhiên cô sợ rằng...”

“Tôi nghĩ chắc anh ấy không làm thế... không bao giờ nghĩ thế! Nhưng tôi sợ biết đâu lại làm dấy lên - một cuộc tranh cãi và những gì anh ấy nói - nhiều người cũng biết.”

Poirot lại gật gù.

“Ra vậy. Và tôi có thể nói là dù tên giết người có cao ngạo ích kỷ đến mấy thì chuyện đó cũng đã xảy ra. Nếu Donald Fraser không bị nghi ngờ, chính là nhờ vào tính ưa khoe khoang lộ liễu của cái gã điên cuồng ABC.”

Ông im lặng vài phút rồi nói tiếp:

“Gần đây em gái cô có gặp người đàn ông có vợ đó hay anh chàng nào khác không?”

Megan lắc đầu.

“Tôi không biết. Tôi đi vắng mà.”

“Nhưng cô nghĩ sao?”

“Có thể em ấy không gặp lại người đàn ông đó. Có thể hẳn ta tránh đi vì thấy chỉ là chuyện qua đường, nhưng tôi không ngạc nhiên nếu Betty lại... ờ... nói dối Don. Ông biết đấy, con bé rất thích khiêu vũ và xem phim và đương nhiên không phải lúc nào Don cũng đưa em ấy đi được.”

“Nếu thế, chắc cô ấy sẽ tâm sự với ai đó chứ? Ví dụ, cô gái ở quán trà chẳng hạn?”

“Tôi không nghĩ thế. Betty không thích Higley lắm đâu. Em ấy nghĩ cô kia tầm thường. Còn mấy cô khác thì mới vào làm. Với lại, Betty không phải loại người ưa tâm sự với người khác.”

Chiếc chuông điện phía trên đầu cô gái reo lên.

Cô đi đến cửa sổ và nhòai người ra ngoài. Rồi cô rút đầu lại tức thì.

“Don đến...”

Poirot nói nhanh: “Mời anh ta vào đây. Tôi muốn nói với anh ấy vài lời trước khi ông thanh tra giỏi giang của chúng ta tóm được anh ấy.”

Nhanh như chớp, Megan Barnard biến khỏi căn bếp, và vài giây sau cô quay lại kéo tay Donald Fraser vào theo.

DONALD FRASER



Tôi thấy tội nghiệp cho chàng trai trẻ. Khuôn mặt trắng bệch phờ phạc và đôi mắt hoang mang chứng tỏ anh ta bị sốc ghê gớm.

Anh ta là một chàng trai cân đối và khỏe mạnh, cao chừng 1 mét 8, không điển trai nhưng khuôn mặt đầy tàn nhang của anh trông dễ mến, gò má cao còn đầu tóc thì đỏ chói.

“Sao thế Megan?” Anh ta hỏi. “Sao lại vào trong này? Trời ơi, nói cho anh biết đi... anh mới được nghe... Betty...”

Giọng anh ta lạc đi.

Poirot kéo cho anh một cái ghế và anh ngồi xuống. Ông bạn của tôi lấy từ trong túi ra một chai nhỏ, rót đại vào một cái cốc đang treo trên chạn bát đĩa và nói:

“Uống một chút đi, anh Fraser. Anh sẽ thấy đỡ hơn.”

Chàng trai vâng lời. Rượu mạnh khiến mặt anh đỡ nhợt nhạt. Anh ngồi thẳng dậy và quay sang cô gái. Thái độ của anh trở nên khá trầm lắng và bình tĩnh.

“Đó là sự thật sao?” Anh hỏi. “Betty... chết rồi... bị giết ư?”

“Đúng thế, Don à.”

Anh hỏi một cách máy móc:

“Em mới từ Luân Đôn về?”

“Vâng, bỏ gọi cho em.”

“Lúc 9 giờ 30 à?” Donald Fraser hỏi.

Trí óc anh, chùn lại trước hiện thực, vịn vào những chi tiết không quan trọng để ẩn nấp.

“Vâng.”

Im lặng một chốc rồi Fraser nói: “Cảnh sát thì sao? Họ có làm gì không?”

“Họ đang ở trên lầu. Chắc đang lục soát đồ đạc của Betty.”

“Họ không biết ai...? Họ không biết...?”

Anh ngừng nói.

Cũng như những người nhạy cảm và rụt rè khác, anh ghét phải diễn đạt sự việc bạo lực thành lời.

Poirot hơi nghiêng người về phía trước và bắt đầu hỏi. Ông nói gọn gàng và thản nhiên như thể những điều ông hỏi chẳng quan trọng gì.

“Cô Barnard có nói với anh cô ấy đi đâu tối qua không?”

Fraser trả lời có vẻ máy móc:

“Cô ấy bảo tôi là cô đi St. Leonards với bạn gái.”

“Anh có tin lời cô ta không?”

“Tôi...” Đột nhiên anh chàng người máy thức tỉnh. “Ý ông là sao chứ?”

Lúc ấy khuôn mặt anh ta nhăn nhúm rồi co gập vì con giận thỉnh linh bùng lên khiến tôi hiểu ra rằng bất kỳ cô gái nào cũng sẽ sợ làm anh ta giận.

Poirot quả quyết:

“Betty Barnard bị một kẻ cuồng sát giết. Chỉ có nói với anh hết sự thật thì anh mới giúp được chúng tôi lần ra hấn.”

Anh ta quay sang nhìn Megan một chốc.

“Đúng thế, Don à,” cô nói. “Đây không phải là lúc cân nhắc tình cảm của ai cả. Anh phải khai rõ ràng.”

Donald Fraser nhìn Poirot vẻ nghi ngờ; “Ông là ai? Ông không phải là cảnh sát sao?”

“Tôi còn giỏi hơn cảnh sát nữa,” Poirot nói. Ông nói mà không hề có ý kiêu ngạo. Đối với ông, đơn giản đó là sự thật hiển nhiên.

“Kể cho ông ấy đi anh,” Megan nói.

Donald Fraser chịu thua.

“Tôi... không chắc lắm,” anh nói. “Cô ấy bảo sao tôi tin vậy. Tôi không biết phải làm gì. Sau này, có lẽ thái độ của cô ấy hơi lạ. Tôi, tôi, ờ, tôi bắt đầu nghi ngờ.”

Poirot hỏi: “Thế ư?”

Ông đến ngồi đối mặt Donald Fraser. Ông nhìn chăm chăm vào mắt anh ta như thể đang thôi miên.

“Tôi thấy xấu hổ vì đa nghi quá. Nhưng... nhưng tôi rất nghi ngờ... Tôi định tới trước quán và theo dõi cô ấy khi cô rời quán. Thật sự tôi đã đến đó. Rồi tôi thấy mình không nên làm thế. Betty có thể thấy tôi và cô ấy sẽ nổi giận. Cô sẽ biết ngay là tôi đang theo dõi cô ấy.”

“Anh đã làm gì?”

“Tôi đi St. Leonards. Đến đó khoảng 8 giờ. Rồi tôi theo dõi mấy chiếc xe buýt... để xem cô ấy có đi trên đó không... Nhưng tôi không hề nhìn thấy bóng dáng của cô ấy...”

“Rồi sau đó thì sao?”

“Tôi... tôi nổi giận. Tôi đồ rằng cô ấy đang đi với trai. Tôi nghĩ có thể hẳn ta đã đưa cô đi Hastings bằng xe hơi. Tôi đến đó... tìm kiếm ở mấy khách sạn, nhà hàng và lảng vảng ở các rạp chiếu phim... tôi đến cả cầu cảng. Làm tất cả những chuyện ngu ngốc. Cho dù cô ấy có ở đó thì tôi cũng khó mà tìm ra và ngoài Hastings còn có rất nhiều nơi khác mà hẳn ta có thể đưa cô ta đến.”

Anh ta ngừng nói. Đúng như giọng điệu của anh, trong lúc anh kể tôi cảm nhận được sâu thẳm trong lòng anh chất chứa nỗi đau khổ và giận dữ đầy hoang mang và mù quáng.

“Cuối cùng tôi bỏ cuộc... quay về.”

“Lúc đó là mấy giờ?”

“Tôi không biết. Tôi đi bộ. Tôi về đến nhà chắc là nửa đêm hay trễ hơn một chút.”

“Sau đó...”

Cửa nhà bếp mở.

Thanh tra Kelsey nói: “Ôi, anh đây rồi.”

Thanh tra Crome chen qua trước Kelsey, anh ta nhìn Poirot rồi nhìn hai người lạ mặt.

Poirot giới thiệu hai người: “Cô Megan Barnard và anh Donald Fraser.”

“Đây là thanh tra Crome ở Luân Đôn,” ông giải thích.

Quay sang viên thanh tra, ông nói:

“Trong lúc anh điều tra trên gác thì tôi đã nói chuyện với cô Barnard và ông Fraser. Tôi cố gắng tìm xem có cái gì làm sáng tỏ thêm vấn đề không.”

“Ôi, vậy à?” thanh tra Crome nói, chẳng phải với Poirot mà với hai người mới gặp.

Poirot quay lại phòng khách. Thanh tra Kelsey thân thiện hỏi khi ông đi ngang qua:

“Có được gì không ạ?”

Nhưng rồi anh ta bị cuốn theo đồng nghiệp của mình nên không đợi nghe câu trả lời.

Tôi theo Poirot ra phòng khách.

“Có điều gì gây ấn tượng cho ông không, Poirot?” tôi hỏi.

“Chỉ có sự độ lượng kỳ lạ của kẻ sát nhân thôi, Hastings à.”

Tôi không dám nói là mình không hiểu ý ông muốn nói gì.

MỘT CUỘC HỌP



Hầu hết ký ức của tôi về vụ ABC đều liên quan đến họp hành.

Họp ở Scotland Yard. Ở nhà của Poirot. Họp chính thức. Họp không chính thức.

Còn cuộc họp này là để quyết định liệu nên hay không nên công bố trên báo chí những bằng chứng liên quan đến hai lá thư nặc danh.

Vụ giết người ở Bexhill gây chú ý hơn vụ ở Andover.

Đương nhiên có nhiều yếu tố khiến nó nổi tiếng hơn. Trước hết vì nạn nhân là một cô gái trẻ đẹp. Ngoài ra, vụ này diễn ra ở một khu nghỉ dưỡng ven biển nổi tiếng.

Tất cả chi tiết của vụ án được đưa tin đầy đủ và được xào đi xào lại hàng ngày mà không thêm bớt gì mấy. Quyền thông tin đường sắt ABC cũng được chú ý không kém. Giả thiết được đưa ra nhiều là quyền đó được tên sát nhân mua ở địa phương và là một manh mối giá trị để tìm ra nhận dạng của hắn. Quyền sách cũng có thể chứng minh rằng hắn ta đến nơi gây án bằng tàu và có ý định rời nơi đó để đi Luân Đôn.

Quyền thông tin đường sắt không hề được nhắc đến trong các bản báo cáo sơ sài của vụ Andover thế nên hiện tại trong mắt công chúng dường như không hề có mối liên kết giữa hai vụ án.

Phó đội trưởng điều tra hình sự nói: “Chúng ta phải đưa ra một cách giải quyết. Chỉ có điều là cách nào sẽ mang lại kết quả tốt nhất? Chúng ta có nên công bố bằng chứng cho công chúng biết nhằm tranh thủ sự cộng tác của họ vì dù sao đó sẽ là sự cộng tác của vài triệu người để tìm ra kẻ điên cuồng...”

Bác sĩ Thompson xen vào: “Hắn sẽ không giống một thằng điên đâu.”

“... tìm những nơi bán quyền ABC và đại loại vậy. Tuy nhiên, tôi nghĩ mình sẽ có lợi thế nếu làm việc trong bóng tối - nghĩa là không để cho hắn biết chúng ta đang làm gì, nhưng thực tế hắn biết rất rõ những thứ chúng ta biết. Hắn cố tình để chúng ta chú ý đến hắn thông qua các bức thư đó. Ồ, Crome, ý anh thì sao?”

“Tôi nghĩ thế này, thưa ông. Nếu mình công bố thì có nghĩa là mình tham gia trò chơi của ABC. Đó là điều hắn muốn - công khai - tiếng tăm. Đó là điều hắn đang theo đuổi. Tôi nói vậy có đúng không bác sĩ? Hắn muốn gây sự chú ý.”

Thompson gật đầu.

Phó đội trưởng điều tra hình sự thận trọng nói:

“Thế là ông đồng ý với ý kiến ngăn cản hắn. Không cho hắn công khai như hắn thèm muốn. Còn ông thì sao, ông Poirot?”

Poirot im lặng một lát. Khi nói ông lựa từng từ rất kỹ càng.

“Thật khó cho tôi quá, ông Lionel à. Như ông biết đấy, tôi là người mà hắn quan tâm. Hắn gửi cho tôi thư thách đố. Nếu tôi nói: ‘Ém nhèm chứng cứ - không công khai nó’, người ta có không nghĩ rằng tôi tự cao tự đại mà nói vậy đâu? Mà họ nghĩ rằng tôi sợ ảnh hưởng đến tiếng tăm của mình? Khó thật! Nói thẳng - kẻ hết - cũng có cái lợi của nó. Ít ra, cũng là một lời cảnh báo... Mặt khác, tôi cũng nghĩ như thanh tra Crome rằng đó là điều tên sát nhân muốn chúng ta làm.”

“Hừm!” Phó đội trưởng điều tra hình sự vừa nói vừa xoa cằm. Ông nhìn qua bác sĩ Thompson. “Giả sử chúng ta không để tên điên đó thỏa mãn mong muốn được công chúng biết đến. Hắn sẽ làm gì?”

Bác sĩ lập tức trả lời: “Gây thêm một án mạng nữa. Buộc chúng ta phải ra tay.”

“Còn nếu chúng ta tung tin trên các báo thì hắn sẽ phản ứng thế nào?”

“Câu trả lời vẫn thế. Một cách thì anh làm cho hắn càng hoang tưởng hơn còn một cách thì anh ngăn cản nó. Kết quả vẫn thế. Hắn vẫn lại gây án thôi.”

“Ông nghĩ sao, ông Poirot?”

“Tôi đồng ý với bác sĩ Thompson.”

“Tình thế tiến thoái lưỡng nan nhỉ? Ông nghĩ thằng điên này định gây ra bao nhiêu vụ án mạng?”

Bác sĩ Thompson nhìn về phía Poirot.

Ông hào hứng nói: “Có vẻ như là từ A tới Z.”

Rồi ông tiếp: “Đương nhiên hắn sẽ không làm được thế. Không đời nào. Chúng ta sẽ tóm hắn sớm thôi. Rất muốn biết hắn sẽ làm thế nào với chữ cái X đây.” Ông nói với vẻ có lỗi vì đã suy đoán một cách vui vẻ vô tư thế. “Nhưng chúng ta sẽ tóm được hắn sớm thôi. G hoặc H gì đó.”

Phó đội trưởng dậm tay xuống bàn.

“Trời ơi, ý ông là chúng ta sẽ có thêm nhiều vụ giết người nữa sao?”

Thanh tra Crome lên tiếng: “Không nhiều thế đâu, thưa sếp. Tin tôi đi.”

Anh ta nói một cách tự tin.

Poirot hỏi: “Thế anh đoán là chữ cái nào, anh thanh tra?”

Giọng ông có vẻ mỉa mai. Tôi cảm thấy Crome nhìn ông vừa ghen ghét vừa kè cả như thường lệ.

“Có thể tóm hắn vụ sau thôi, thưa ông Poirot. Bằng mọi giá, tôi đảm bảo sẽ bắt hắn trước khi hắn tới được chữ F.”

Anh ta quay sang phó đội trưởng điều tra hình sự.

“Tôi nghĩ tôi nắm được tâm lý vụ án khá rõ ràng. Bác sĩ Thompson vui lòng chinh tôi nếu có gì sai. Tôi cho rằng cứ sau mỗi vụ ABC gây ra thì sự tự tin của hắn lại tăng lên 100%. Mỗi lần hắn cảm thấy ‘Ta thông minh - họ không bắt được ta đâu!’ hắn càng trở nên tự cao tự đại hơn dẫn đến việc hắn trở nên bất cẩn. Hắn cường điệu sự thông minh của hắn và càng thấy kẻ khác thật ngu ngốc. Chẳng mấy chốc mà hắn không thêm đề phòng nữa. Đúng thế không, bác sĩ?”

Thompson gật đầu.

“Thường là thế. Theo cách nói bình dân thì vậy là quá chuẩn. Ông biết rõ những chuyện như thế đó rồi, ông Poirot ạ. Đúng không nào?”

Tôi nghĩ Crome không thích khi Thompson kéo cả Poirot vào. Anh ta cho rằng anh ta và chỉ mình anh ta thôi là chuyên gia trong vấn đề này.

“Đúng như thanh tra Crome nói,” Poirot đồng tình. “Bệnh hoang tưởng,” ông bác sĩ lẩm bẩm.

Poirot quay sang Crome.

“Có vật chứng nào đáng chú ý ở vụ Bexhill không?”

“Không có gì rõ ràng cả. Một phục vụ bàn ở Splendide, Eastbourne, nhận ra tấm ảnh của nạn nhân và cho hay cô gái này đã ăn tối với một người đàn ông trung niên có đeo kính vào chiều tối ngày 24. Bức ảnh cũng được người ở nhà nghỉ Scarlet Runner nằm ở đoạn giữa Bexhill và Luân Đôn nhận ra. Họ nói cô gái ở đó vào khoảng 9 giờ tối ngày 24 với một người đàn ông trông như sĩ quan hải quân. Có thể không phải cả hai đều đúng nhưng có lẽ một trong hai người đúng. Đương nhiên có nhiều người khai báo nhận dạng của nạn nhân nữa nhưng hầu hết không giúp ích được mấy. Chúng ta vẫn chưa tìm ra dấu vết của ABC.”

Phó đội trưởng điều tra hình sự nói: “Ừm, có vẻ anh đã làm mọi cách rồi Crome ạ. Ông nghĩ sao, ông Poirot? Việc điều tra có giúp ông tìm ra manh mối nào không?”

Poirot chậm rãi đáp:

“Tôi thấy là có một manh mối rất quan trọng - đó là tìm ra được động cơ.”

“Chẳng phải việc đó rõ ràng rồi ư? Hội chứng báng chữ cái. Có phải ông dùng thuật ngữ đó không, bác sĩ?”

“*Ça, oui*,”^[18] Poirot nói. “Đó là hội chứng báng chữ cái. Nhưng sao lại là hội chứng báng chữ cái? Một tên điên nói riêng luôn có một lý do phạm tội rất lớn.”

“Nào, nào, ông Poirot,” Crome nói. “Lấy vụ Stoneman năm 1929 làm ví dụ nhé. Hắn ta kết thúc bằng cách giết bất kỳ ai khiến hắn khó chịu dù là ở mức độ nhỏ nhất.”

Poirot quay sang anh ta.

“Đúng thế. Nhưng nếu ông là nhân vật có tầm cỡ hay quan trọng, nhất thiết ông không nên bức mình

chút nào. Nếu có con ruồi cứ liên tục đậu trên trán ông, khiến ông bực mình vì nó làm ông nhột - ông sẽ làm gì? Ông sẽ cố gắng giết con ruồi đó. Ông không chút may mắn bắn khoả về nó. Ông là người quan trọng - con ruồi chẳng là gì. Ông giết con ruồi và ông hết bị quấy rầy. Đối với ông, hành động đó là đúng đắn và chính đáng. Một lý do khác khiến ông giết con ruồi là nếu ông quá sạch sẽ. Con ruồi đó là nguồn nguy hiểm tiềm ẩn đối với cộng đồng - con ruồi phải bị loại bỏ. Đó là cách nghĩ của tên tội phạm bị rối loạn tâm thần. Nhưng bây giờ hãy xem xét vụ án này - nếu nạn nhân được chọn theo bảng chữ cái thì không phải họ bị giết vì là nguồn gây khó chịu cho bản thân tên giết người. Có quá nhiều sự trùng hợp nên không thể kết hợp hai làm một được.”

Bác sĩ Thompson phát biểu: “Nói thế cũng có lý. Tôi nhớ có một vụ ông chồng của một người phụ nữ bị kết án tử hình. Thế là bà ta bắt đầu giết từng thành viên trong hội đồng xét xử đó. Cũng mất khá nhiều thời gian người ta mới xâu chuỗi được vụ án. Mấy vụ đó rối rắm lắm. Nhưng như ông Poirot nói, vụ này thì khác vì tên sát nhân gây án ngẫu nhiên. Không phải hấn giết người đang cản trở hấn (mặc dù không quan trọng lắm) hay giết người theo lý lẽ của hấn. Hấn giết tu sĩ, hay cảnh sát hay gái điếm bởi vì hấn tin rằng họ đáng bị trừ khử. Theo tôi thì hai lý do trên đều không thể áp dụng vào vụ án này. Không thể liên kết vụ bà Ascher và Betty Barnard vì họ có cùng giai cấp. Đương nhiên, có khả năng đây là một vụ liên quan đến hội chứng giới tính. Cả hai nạn nhân đều là nữ. Đương nhiên, chúng ta có thể khẳng định chắc chắn hơn sau vụ tiếp theo...”

“Trời ơi, cái ông Thompson này, đừng có luôn mồm nói đến vụ tiếp theo thế,” Lionel bực mình nói. “Chúng ta sẽ làm hết mình để ngăn cản vụ tiếp theo.”

Bác sĩ Thompson im lặng và hỉ mũi thật mạnh. Tiếng hỉ mũi như muốn nói: “Cứ làm theo cách của ông đi. Nếu ông không đối mặt với sự thật...”

Phó đội trưởng điều tra hình sự quay sang Poirot.

“Tôi hiểu ý ông, nhưng tôi cũng chưa hoàn toàn rõ hết.”

“Tôi tự hỏi tên giết người đang suy tính gì?” Poirot đáp. “Theo như trong thư của hấn, hấn giết vì mục đích tiêu khiển - để cho vui. Có đúng vậy không? Và dù đúng là vậy thì hấn dựa trên nguyên tắc nào để chọn nạn nhân ngoài việc dùng bảng chữ cái? Nếu hấn giết để giải trí thôi thì hấn sẽ không công khai sự việc vì nếu hấn không công khai thì hấn có thể giết mà không bị trừng trị. Nhưng không phải thế, như chúng ta đều đồng tình, hấn muốn gây sự chú ý với công chúng để khẳng định cá tính của hấn. Cá tính của hấn bị dồn nén như thế nào mà người ta có thể thấy được mối liên hệ của hai nạn nhân bấy nay hấn chọn? Ý cuối cùng: Động cơ của hấn có phải nhắm đến sự thù ghét cá nhân tôi, Hercule Poirot? Có phải hấn thách thức tôi trước công chúng vì có lần nào đó trong sự nghiệp tôi đã đánh bại hấn (mà chính tôi cũng không hay biết gì) chẳng? Hay sự thù oán của hấn không liên quan đến riêng ai - mà nhắm vào một người nước ngoài nào đó? Và nếu như thế thì điều gì đã khiến hấn làm thế? Hấn đã bị người nước ngoài gây tổn thương gì?”

“Tất cả các câu hỏi trên đều đáng suy nghĩ,” bác sĩ Thompson nói.

Thanh tra Crome đăng hắng.

“Ồ, thế à? Tại thời điểm này thì có lẽ hơi khó trả lời.”

“Dù sao, anh bạn à,” Poirot nói và nhìn thẳng Crome, “cách giải quyết nằm trong những câu hỏi đó. Nếu chúng ta biết chính xác lý do - đối với chúng ta có lẽ kỳ quái - nhưng hợp lý đối với hấn - tại sao tên điên ấy gây ra những vụ án này, có lẽ chúng ta sẽ biết nạn nhân tiếp theo có thể là ai.”

Crome lắc đầu.

“Theo tôi nghĩ thì hấn tình cờ chọn họ thôi.”

“Một tên sát nhân hào hiệp,” Poirot nói.

“Ông bảo sao cơ?”

“Tôi nói - một tên sát nhân hào hiệp! Franz Ascher đáng lẽ đã bị bắt vì giết vợ - Donald Fraser đáng lẽ đã bị bắt vì giết Betty Barnard - nếu không nhờ có lá thư cảnh báo ABC. Vậy thì, hấn có nhân từ đến độ không muốn để cho kẻ khác phải chịu khổ vì những thứ họ không làm?”

“Tôi còn biết những vụ lạ lùng hơn thế,” bác sĩ Thompson nói. “Tôi từng chứng kiến những gã giết sáu bảy nạn nhân nát bét hết vì trước đó một trong những nạn nhân không chết ngay nên phải chịu đau đớn. Dù

sao đi nữa, tôi nghĩ đó không phải là lý do của gã này. Hắn muốn người ta công nhận những vụ án này do hắn gây ra vì thanh danh và vinh quang của hắn. Chỉ có giải thích như thế mới hợp lý thôi.”

“Vậy là chúng ta vẫn chưa quyết định được có nên đưa sự việc ra công chúng không,” phó đội trưởng nói.

“Thưa ông, tôi muốn đề xuất,” Crome lên tiếng. “Tại sao chúng ta không đợi đến khi nhận được lá thư tiếp theo? Lúc đó công bố nó trên các số báo đặc biệt, ví dụ thế. Nó sẽ gây hoang mang ở thành phố được nêu tên, nhưng sẽ giúp những ai có tên bắt đầu với chữ cái C cẩn thận hơn và thử thách nhuệ khí của ABC. Hắn sẽ quyết chí thành công. Và đó là lúc chúng ta tóm hắn.”

Chúng tôi chẳng biết chuyện gì sẽ xảy ra cả.

BỨC THƯ THỨ BA



Tôi nhớ rất rõ bức thư thứ ba của ABC đến như thế nào. Phải nói rằng mọi đề phòng đều được thực hiện để khi ABC tiếp tục chiến dịch của hắn thì chúng tôi không bỏ phí một phút giây nào. Một trung sĩ trẻ của Scotland Yard túc trực ở nhà Poirot phòng khi Poirot và tôi có đi ra ngoài thì anh chàng đó có nhiệm vụ mở bất kỳ thư tín nào gửi đến để kịp thời báo cáo với sở chỉ huy.

Ngày qua ngày chúng tôi càng lo lắng như đang ngồi trên lửa. Thanh tra Crome vốn cách biệt và trịch thượng ngày càng cách biệt và trịch thượng hơn khi những manh mối có ích của anh ta ngày càng cạn dần. Những miêu tả mơ hồ về những gã đàn ông được cho là đi cùng Betty Barnard trở nên vô ích. Nhiều loại xe hơi đã bị nhận diện có mặt ở vùng Bexhill và Cooden thì hoặc là có bằng chứng ngoại phạm hoặc là không thể tìm ra tung tích. Điều tra về việc mua quyền thông tin đường sắt ABC gây bất tiện và phiền hà cho rất nhiều người vô tội.

Còn về phần chúng tôi, mỗi lần tiếng gõ cộc cộc quen thuộc của người đưa thư vang lên ở cửa là tim chúng tôi đập thình thịch vì lo sợ. Ít nhất đó là cảm giác của tôi mà chắc Poirot cũng có cảm giác đó.

Tôi biết ông rất buồn vì vụ án này. Ông không muốn đi đâu khỏi Luân Đôn, chỉ muốn ở đó phòng có việc khẩn cấp. Trong những ngày dầu sôi lửa bỏng ấy ngay cả bộ ria mép của ông cũng rũ xuống - lần đầu tiên chúng bị ông chủ bỏ quên.

Rồi một chiều thứ sáu bức thư thứ ba của ABC đến. Bưu điện giao thư lúc khoảng 10 giờ đêm.

Khi chúng tôi nghe bước chân quen thuộc và tiếng cộc cộc gấp gáp, tôi đứng dậy đi về phía hộp thư. Có chừng bốn hay năm thư gì đó. Bức thư cuối cùng tôi để ý thấy địa chỉ được đánh máy.

“Poirot,” tôi la lên... Giọng tôi tắt lịm.

“Nó đến rồi à? Mở đi, Hastings. Nhanh lên. Mỗi một phút đều quý giá đấy. Chúng ta còn phải lên kế hoạch nữa.”

Tôi xé toạc bì thư (lần đầu tiên Poirot không quở trách tôi vì cái tính luộm thuộm) và lấy ra bức thư được đánh máy.

“Đọc đi,” Poirot giục.

Tôi đọc lớn:

Ông Poirot tội nghiệp!

Ông không giỏi điều tra mấy vụ án vặt vãnh như ông nghĩ đúng không nào? Có lẽ thời huy hoàng của ông đã lui tàn chẳng? Hãy chờ xem liệu lần này ông có làm tốt hơn không. Lần này là một vụ rất dễ. Ở Churston vào ngày 30. Hãy thử sức và làm gì đi chứ! Ông biết đấy, thật là chán khi phải một mình tự tung tự tác!

Chúc ông sẵn tốt!

Kính thư,

ABC

“Churston,” tôi nói rồi chộp lấy quyền ABC của chúng tôi. “Hãy xem nó ở đâu.”

“Hastings,” Poirot gắt giọng ngắt lời tôi. “Lá thư được viết khi nào thế? Nó có đề ngày không?”

Tôi liếc lá thư trên tay mình.

“Viết vào ngày 27,” tôi loan báo.

“Tôi có nghe nhầm không, Hastings? Có phải hắn nói ngày vụ án xảy ra là ngày 30?”

“Đúng thế. Để tôi xem nào, đó là...”

“Trời ơi, Hastings - ông không biết sao? Hôm nay là ngày 30.”

Ông hùng hồn chỉ tay về phía tờ lịch treo tường. Tôi chớp lấy tờ báo ngày để khẳng định lại cho chắc.
“Nhưng tại sao... thế nào...” tôi lắp bắp.

Poirot nhặt bì thư đã bị xé dưới sàn nhà lên. Có điều gì bất thường về địa chỉ mờ hồ lướt qua đầu tôi, nhưng vì quá lo lắng nội dung bức thư nên tôi không để ý nhiều đến nó.

Thời gian đó, Poirot đang sống ở khu Whitehaven Mansions. Thế mà địa chỉ được ghi là: Ông Hercule Poirot, Whitehorse Mansions, còn ở góc bì thư thì có dòng chữ nguệch ngoạc: “*Nếu không phải ở khu Whitehorse Mansions, ECI hay Whitehorse Court, xin thử gửi đến khu Whitehaven Mansions.*”

“*Mon Dieu!*”^[19] Poirot lâm bầm. “Thằng điên này đúng là hết thuốc chữa rồi sao? *Vite... vite...*”^[20] chúng ta phải báo Scotland Yard ngay.”

Mấy phút sau chúng tôi nói chuyện với Crome qua điện thoại. Lần đầu tiên viên thanh tra hay tỏ ra bình tĩnh này không trả lời “Ồ, thế à?” mà thay vào đó anh ta bật ra một tiếng chửi thề. Nghe chúng tôi trình bày xong, anh ta đập máy để nối điện thoại đến Churston càng nhanh càng tốt.

“*C’est trop tard,*”^[21] Poirot cảm râm.

“Sao ông chắc chắn thế chứ,” tôi cãi lại, dù không hy vọng lắm.

Ông liếc nhìn đồng hồ.

“10 giờ 20 rồi sao? Chúng ta còn 1 tiếng 45 phút nữa. Có chắc tên ABC đó đợi thêm chút nữa không?”

Tôi mở quyển thông tin đường sắt mà lúc này đã lấy từ kệ xuống.

“Churston, Devon,” tôi đọc, “cách Paddington 204 3/4 dặm (chừng 328km). Dân số 656. Nơi này khá nhỏ. Chắc chắn hẳn sẽ bị chú ý ở đó.”

“Dù vậy, lại một sinh mạng nữa sẽ bị cướp đi,” Poirot than. “Có những chuyến tàu nào thế? Tôi nghĩ tàu sẽ nhanh hơn xe hơi.”

“Có một chuyến tàu nửa đêm - toa giường nằm đi Newton Abbot - đến đó lúc 6 giờ 8 phút sáng, và đến Churston lúc 7 giờ 15.”

“Xuất bến từ Paddington?”

“Ừ, Paddington.”

“Chúng ta sẽ đi chuyến đó, Hastings.”

“Ông sẽ không có thời gian nhận tin tức trước khi chúng ta đi.”

“Nếu chúng ta nhận tin xấu thì tối nay hay ngày mai có khác gì nhau đâu?”

“Cũng có chứ.”

Tôi sắp đồ vào vali trong khi Poirot gọi cho Scotland Yard một lần nữa.

Vài phút sau, ông vào phòng ngủ và hỏi:

“*Mais qu’est ce que vous faites là?*”^[22]

“Tôi đóng hành lý giúp ông. Để tiết kiệm thời gian ấy mà.”

“*Vous éprouvez trop d’emotion, Hastings.*”^[23] Ảnh hưởng đến cả tay chân và đầu óc ông. Xếp áo choàng vậy đấy à? Và xem ông đã làm gì mấy bộ pyjama của tôi kia. Nếu chai dầu gội đầu đó mà vỡ thì chuyện gì sẽ xảy ra với chúng?”

“Trời ơi, cái ông Poirot này,” tôi kêu lên, “đây là chuyện sống còn đấy. Áo quần của chúng ta thế nào thì có gì quan trọng chứ?”

“Ông không biết ước lượng gì cả, Hastings. Chúng ta không thể bắt tàu sớm hơn giờ quy định, và làm hư áo quần cũng không ngăn được vụ giết người đâu.”

Poirot cương quyết lấy cái vali từ tay tôi và tự mình sắp xếp hành lý.

Ông nói chúng tôi sẽ mang lá thư đến Paddington. Người của Scotland Yard sẽ gặp chúng tôi ở đó.

Khi chúng tôi đến sân ga, người đầu tiên chúng tôi gặp là thanh tra Crome.

Anh ta trả lời ánh nhìn dò hỏi của Poirot ngay.

“Chưa có tin gì hết. Cảnh sát ở đó vẫn đang canh chừng. Tất cả những ai có tên bắt đầu bằng chữ C đều được cảnh báo qua điện thoại khi có thể. Chúng ta chỉ còn cách đó thôi. Lá thư đâu ạ?”

Poirot đưa nó cho anh ta.

Crome xem xét và khẽ chửi thề.

“Khốn nạn thật. Hẳn có cả thiên thời địa lợi.”

“Anh có nghĩ,” tôi gọi, “chuyện này là có chủ đích không?” Crome lắc đầu.

“Không, hẳn ta đưa ra luật riêng - luật rất điên - và làm theo chúng. Báo trước. Hẳn rất có lý khi làm thế. Để khoe khoang. Tôi tự hỏi - Tôi dám cá hẳn uống rượu White Horse.”

“Ah, *c'est ingénieux, ça*”^[24] Poirot buột miệng khen. “Hẳn ta đánh máy lá thư và chai rượu trước mặt hẳn.”

“Đúng thế,” Crome đáp. “Chúng ta hầu như ai cũng có lúc làm thế, vô tình viết lại thứ nằm ngay trước mắt mình. Hẳn ta đánh chữ White rồi đánh tiếp chữ horse thay vì chữ haven...”

Chúng tôi biết ra thanh tra Crome cũng đi tàu hỏa.

“Dù cho có may mắn khó tin là chẳng chuyện gì xảy ra, Churston vẫn là nơi hẳn chọn. Tên sát nhân đang ở đó hay đã ở đó hôm nay. Một cặp dưới của tôi ở đây canh điện thoại cho đến phút cuối cùng phòng trường hợp có chuyện gì xảy ra.”

Khi tàu sắp khởi hành, chúng tôi thấy một người chạy vào sân ga. Ông ta tiếp cận ô cửa nơi viên thanh tra ngồi và gọi với lên.

Khi tàu rời ga, Poirot và tôi vội vàng đi dọc hành lang tìm đến gõ cửa buồng tàu của thanh tra Crome.

“Anh có tin gì đúng không?” Poirot hỏi.

Crome lặng lẽ trả lời:

“Có tin xấu. Người ta tìm thấy ông Carmichael Clarke đã bị đập vỡ đầu.”

Mặc dù cái tên Carmichael Clarke không được đại chúng biết đến nhiều nhưng ông là một người có địa vị. Ông từng là chuyên gia về cổ họng rất nổi tiếng. Nghỉ hưu khá sung túc, ông có thể dồn hết tâm trí vào đam mê lớn nhất đời ông - bộ sưu tập đồ gốm sứ Trung Quốc. Một vài năm sau, được thừa kế khối tài sản kếch xù của người bác thế là ông chìm đắm trong đam mê của mình và hiện nay ông là người sở hữu một trong những bộ sưu tập nghệ thuật Trung Hoa nổi tiếng nhất, ông kết hôn nhưng không có con cái gì và sống trong ngôi nhà ông tự xây ở ven bờ biển Devon. Ông chỉ đến Luân Đôn vào những dịp hiếm hoi như khi có một cuộc mua bán quan trọng ở đó.

Không cần suy nghĩ nhiều cũng biết cái chết của ông ngay sau vụ án cô gái trẻ đẹp Betty Barnard sẽ khuấy động báo chí cho đến nhiều năm sau. Thời điểm đó là tháng 8 và việc báo chí đang cạn kiệt chủ đề sẽ làm cho tình hình càng xấu hơn.

“Eh bien!”^[25] Poirot lên tiếng. “Có thể báo chí sẽ làm được điều mà một vài cá nhân không làm được. Giờ đây cả nước đang tìm kiếm tên ABC đó.”

“Đáng tiếc,” tôi đáp, “đó chính là điều mà hẳn muốn.”

“Đúng thế. Nhưng dù sao đi nữa có thể đó sẽ là điều làm hại hẳn. Một khi đã hài lòng với thành công của mình, hẳn sẽ trở nên bất cẩn... Tôi hy vọng thế - rằng hẳn sẽ chìm đắm trong sự thông minh của hẳn.”

“Vậy thì kỳ quá, Poirot ạ,” tôi la lên, ngạc nhiên trước cái ý tưởng đó. “Ông có biết đây là vụ án đầu tiên loại này ông và tôi thực hiện cùng nhau không? Tất cả các vụ trước - ờ, đều là những vụ giết người riêng lẻ.”

“Ông nói đúng, ông bạn ạ. Từ trước đến nay luôn luôn thế, quá khứ của nạn nhân luôn quan trọng. Những điểm quan trọng là: ‘Ai được lợi từ cái chết đó? Những ai xung quanh người bị chết có cơ hội gây án?’ Lâu nay luôn là ‘vụ án giữa những người thân nhau’. Còn đây là lần đầu tiên có một vụ án vô cảm và máu lạnh. Vụ giết người được thực hiện từ bên ngoài.”

Tôi rùng mình.

“Kinh khủng thật...”

“Đúng vậy. Tôi đã thấy thế ngay từ đầu, lúc tôi đọc lá thư đầu tiên, tôi thấy có cái gì đó bất ổn - kỳ dị...”

Điệu bộ Poirot có vẻ nôn nóng.

“Chúng ta phải bình tĩnh... Vụ này không phải là một vụ án bình thường...”

“Đúng thế... đúng thế...”

“Giết người lạ có lẽ đáng sợ hơn giết người thân cận với mình - người tin tưởng mình, đúng không?”

“Đáng sợ hơn bởi vì điên rồ quá...”

“Không đâu, Hastings. Không đáng sợ hơn đâu. Chỉ khó hơn thôi.”

“Không, không, tôi không đồng ý với ông. Quá là đáng sợ hơn.”

Hercule Poirot trầm tư đáp:

“Dễ phá án hơn vì nó điên rồ quá. Một vụ án mà kẻ thực hiện là người gian xảo và tinh táo thì phức tạp hơn nhiều. Ở vụ này, nếu người ta biết được ý tưởng... Vụ bằng chữ cái này, có nhiều ý kiến trái chiều. Giá tôi có thể một lần nhận ra ý tưởng đó thì mọi thứ sẽ rõ ràng và đơn giản...”

Ông thở dài và lắc đầu.

“Những vụ thế này không được tiếp diễn nữa. Chẳng bao lâu, chẳng bao lâu, tôi sẽ tìm ra được sự thật... Thôi nào, Hastings. Đi ngủ thôi. Ngày mai có nhiều việc phải làm lắm.”

NGÀI CARMICHAEL CLARKE



Churston nằm ở chặng giữa đoạn cong của vịnh Torbay với Brixham một bên và Paignton và Torquay một bên. Mới mười năm trước, nơi này vẫn chỉ là một sân golf và bên dưới sân golf là khung cảnh miền quê xanh mướt uốn lượn ra đến tận biển, chỉ điểm xuyết một vài trang trại có người ở. Nhưng vài năm sau đó, có nhiều dự án xây dựng lớn mọc lên ở đoạn giữa Churston và Paignton và dải bờ biển này giờ đây rải rác nhiều nhà ngôi nhà nhỏ, con đường mới, vân vân.

Ngài Carmichael Clarke mua một khu đất rộng hai mẫu nhìn thẳng ra biển. Ngôi nhà ông xây có kiến trúc hiện đại - nhà hình khối chữ nhật màu trắng nhưng khá bắt mắt. Ngoài hai phòng trưng bày lớn dành cho bộ sưu tập của ông, ngôi nhà thật ra không lớn lắm.

Chúng tôi đến đây lúc 8 giờ sáng. Một cảnh sát địa phương đón chúng tôi ở ga và báo cáo tình hình vụ án.

Theo lời kể thì ngài Carmichael Clarke có thói quen đi dạo sau bữa ăn tối mỗi ngày. Khi cảnh sát gọi điện đến nhà - khoảng sau 11 giờ - lúc ấy ông chưa về. Vì ông hay đi dạo ở những nơi quen thuộc nên chẳng bao lâu đội tìm kiếm đã tìm thấy thi thể của ông. Nguyên nhân tử vong là do nạn nhân bị đánh vào sau đầu bằng một vật nặng. Quyền ABC đang mở nằm úp trên thi thể nạn nhân.

Chúng tôi đến Combeside (tên ngôi nhà) vào khoảng 8 giờ sáng. Một người quản gia già ra mở cửa, nhìn đôi tay run rẩy và khuôn mặt lo lắng cũng đoán được thảm kịch đó khiến ông ta bị chấn động đến mức nào.

“Xin chào ông Deveril,” viên cảnh sát lên tiếng.

“Xin chào, ông Wells.”

“Các vị đây từ Luân Đôn đến, ông Deveril ạ.”

“Đi lối này, thưa các ông.” Ông dẫn chúng tôi vào một phòng ăn dài và trên bàn đã bày bữa sáng. “Tôi sẽ đi mời ông Franklin.”

Vài phút sau, một người đàn ông tóc vàng cao to với khuôn mặt rám nắng bước vào phòng.

Đó là Franklin Clarke, em trai duy nhất của người đàn ông quá cố.

Anh ta là con người kiên định và đã quá quen đường đầu với những việc khẩn cấp.

“Xin chào các ông.”

Thanh tra Wells giới thiệu từng người.

“Đây là thanh tra Crome từ Cục Điều tra Hình sự, ông Hercule Poirot và Đại úy Hayter.”

“Hastings,” tôi lạnh lùng sửa lại.

Franklin Clarke lần lượt bắt tay từng người và cái bắt tay nào cũng kèm theo một cái nhìn sắc lẹm.

“Mời các ông dùng chút điểm tâm,” anh ta nói. “Chúng ta sẽ vừa ăn vừa bàn chuyện.”

Không ai phản đối nên chẳng bao lâu sau chúng tôi ngồi vào bàn thưởng thức bữa ăn sáng ngon lành gồm có trứng, thịt lợn muối xông khói và cà phê.

“Nói về vụ án,” Franklin Clarke mở lời. “Tối qua, thanh tra Wells đã cho tôi biết sơ qua tình hình - dù vậy tôi thấy đây là câu chuyện tàn bạo nhất mà tôi từng được nghe. Thanh tra Crome, có đúng người anh tội nghiệp của tôi là nạn nhân của một kẻ cuồng sát và đây là vụ án thứ ba hắn thực hiện và ở mỗi vụ án quyền thông tin đường sắt ABC lại được đặt bên cạnh thi thể nạn nhân?”

“Đúng như thế đấy, ông Clarke ạ.”

“Nhưng tại sao? Dù là trong ý nghĩ bệnh hoạn nhất, gây tội ác như thế thì được lợi ích gì...?”

Poirot gạt đầu đồng tình: “Ông đánh trúng vào trọng tâm vấn đề rồi đấy, ông Franklin.”

“Hiện tại chúng tôi chưa tìm ra động cơ nào chính đáng cả,” thanh tra Crome trả lời. “Đây là vấn đề của các nhà tâm thần học - dù thế có thể nói tôi đã có chút kinh nghiệm với loại tâm lý tội phạm này và động cơ thường rất ít. Có sự khao khát muốn khẳng định cá tính hẳn, để lôi cuốn sự chú ý của công chúng - trong trường hợp này là để được trở thành một ai đó thay vì là một kẻ vô danh tiểu tốt.”

“Có đúng vậy không, ông Poirot?”

Clarke có vẻ ngờ vực. Sự quan tâm của anh ta dành cho người lớn tuổi hơn khiến thanh tra Crome cau mày lộ vẻ không vui.

“Đúng đấy,” ông bạn tôi đáp.

“Sớm muộn gì tên đó cũng bị bắt thôi,” Clarke nói về nghĩ ngợi.

“*Vous croyez?*”^[26] A, nhưng chúng rất xảo quyệt - những kẻ đó là thế mà! Và anh phải biết là những kẻ như thế thường không quan trọng gì - hẳn thuộc loại người bị bỏ rơi, không ai để ý hoặc thậm chí bị chế nhạo!”

“Ông vui lòng cho chúng tôi một ít thông tin được không, ông Clarke,” Crome nói, cắt ngang câu chuyện.

“Được chứ.”

“Tôi đoán hôm qua sức khỏe và tinh thần của anh trai ông vẫn bình thường, đúng không ạ? Ông ấy không nhận được lá thư nào bất ngờ chứ? Không có gì khiến ông ấy phiền lòng chứ?”

“Không. Tôi thấy anh ấy vẫn thế.”

“Không câu hỏi hay lo lắng gì chứ.”

“Xin lỗi, ông thanh tra. Tôi không nói vậy. Đối với anh trai tôi thì câu hỏi và lo lắng là tình trạng bình thường của anh ấy.”

“Sao lại thế ạ?”

“Chắc ông chưa biết nhưng chị dâu tôi, phu nhân Clarke, lâm bệnh nặng. Giữa chúng ta với nhau, tôi xin nói thẳng là chị dâu tôi bị bệnh ung thư nan y và không sống được bao lâu nữa. Bệnh tình của chị ám ảnh tâm trí anh trai tôi ghê gớm. Tôi cũng chỉ mới từ miền Đông về không lâu và tôi thật sự bị sốc khi thấy anh tôi thay đổi quá nhiều.”

Poirot hỏi chen vào.

“Anh Clarke này, giả sử nếu người ta tìm thấy anh trai anh bị bắn ở chân vách núi hay bị bắn bằng súng lục tìm thấy bên cạnh thi thể của anh ấy thì ý nghĩ đầu tiên hiện ra trong đầu anh là gì?”

“Nói thật tôi sẽ kết luận ngay đó là một vụ tự sát,” Clarke đáp.

“*Encore!*”^[27] Poirot nói.

“Gì vậy ạ?”

“Một sự kiện lặp đi lặp lại. Không đáng chú ý đâu.”

“Dù sao, đây cũng không phải là một vụ tự sát,” Crome nói cộc lốc. “Thưa ông Clarke, có phải anh trai ông có thói quen đi dạo vào mỗi chiều tối không?”

“Đúng. Anh ấy luôn làm thế.”

“Đêm nào cũng thế?”

“Ồ, đương nhiên nếu mưa to quá thì thôi.”

“Và mọi người trong nhà ai cũng biết thói quen này của ông ấy?”

“Đúng thế.”

“Còn người ngoài thì sao ạ?”

“Tôi không hiểu ý ông nói người ngoài là sao. Tôi không rõ người làm vườn có để ý đến việc đó không.”

“Thế người trong làng thì sao?”

“Nói thật nơi này chưa hẳn là một ngôi làng. Ở Churston Ferrers chỉ có một bưu điện và một vài túp nhà thôi chứ không có làng hay cửa hàng gì cả.”

“Tôi đoán nếu một người lạ quanh quẩn ở đây thì sẽ dễ bị phát hiện đúng không ạ?”

“Ngược lại là đằng khác. Vào tháng 8, vùng này có nhiều người lạ đến lắm. Mỗi ngày đều có người từ

Brixham, Torquay và Paignton đi xe riêng, đi xe buýt, hay đi bộ đến đây. Broomsands ở dưới kia (anh ta chỉ tay theo hướng đó) là một bãi biển rất nổi tiếng và Elbury Cove cũng thế - là thắng cảnh lừng danh nên người ta đến để picnic. Tôi ước giá mà họ đừng đến! Ông không tưởng tượng nổi nơi này đẹp và yên bình thế nào vào tháng 6 và đầu tháng 7 đâu.”

“Thế ý ông là người lạ khó mà bị chú ý?”

“Không, trừ khi hắn bị... ờ.... điên.”

“Tên này không giống kẻ điên đâu ạ,” Crome nói chắc nịch. “Thưa ông Clarke, ý tôi là, tên này hẳn đã dòm ngó ở đây trước và hẳn phát hiện ra anh trai ông có thói quen đi dạo vào buổi tối. Nhân tiện, tôi đoán chắc hôm qua không có ai đến nhà và xin gặp ngài Carmichael đúng không?”

“Tôi không rõ lắm, nhưng để tôi hỏi Deveril xem.”

Anh ta rung chuông và đặt câu hỏi cho người quản gia.

“Không có thưa ông, không ai đến gặp ngài Carmichael cả ạ. Và tôi cũng không thấy ai lảng vảng bên ngoài nhà ạ. Tôi đã hỏi người hầu trong nhà và họ cũng không thấy ai lạ hết.”

Người quản gia đợi một chốc rồi hỏi: “Vậy thôi phải không, thưa ông?”

“Ừ, ông có thể lui ra, Deveril.”

Người quản gia lui ra, đi bằng lối cửa sau và nhường đường cho một cô gái trẻ bước qua.

Franklin Clarke đứng dậy khi cô gái tiến vào.

“Thưa các ông, đây là cô Grey. Thư ký của anh trai tôi.”

Làn da trắng khác thường của cô gái khiến tôi chú ý ngay lập tức. Cô có mái tóc màu xám bạc gần như không màu, đôi mắt nâu nhạt, và nước da trắng muốt như da của người Na Uy và Thụy Điển. Cô trông chừng 27 tuổi và có vẻ vừa giỏi giang vừa xinh đẹp.

Cô ngồi xuống ghế rồi hỏi: “Tôi có thể giúp gì được cho các ông không ạ?”

Clarke bung cho cô một tách cà phê, cô từ chối không ăn.

Crome hỏi: “Cô phụ trách thư từ của ngài Carmichael đúng không?”

“Vâng ạ, tất cả các loại thư từ.”

“Tôi đoán ông ấy không bao giờ nhận được lá thư nào ký tên là ABC đúng không?”

“ABC à?” Cô lắc đầu. “Không, tôi chắc chắn ông ấy không hề nhận được thư nào như thế.”

“Ông ấy không kể là thời gian gần đây có thấy ai đó lảng vảng xung quanh trong lúc ông ấy đi dạo vào buổi tối à?”

“Không, không có.”

“Cô cũng không thấy ai lạ sao?”

“Không hẳn là lảng vảng quanh đây. Đương nhiên có nhiều người quanh quẩn trong vùng vào khoảng thời gian này trong năm. Người ta thường thấy có người đi dạo loang quanh trên sân golf hoặc đi xuống mấy con đường dẫn ra biển. Thực ra bất kỳ ai mà người ta gặp vào khoảng thời gian này đều là người lạ.”

Poirot gật đầu về nghĩ ngợi.

Thanh tra Crome yêu cầu được đưa đến nơi mà ngài Carmichael hay đi dạo vào buổi tối. Franklin Clarke dẫn mọi người qua lối cửa kiểu Pháp, cô Grey cũng đi với chúng tôi.

Cô và tôi đi sau cùng.

Tôi mở lời: “Tất cả sự việc này đều gây sốc cho cả nhà nhĩ.”

“Đúng là khó mà tin được ạ. Tối qua tôi đi ngủ rồi thì cảnh sát gọi điện. Tôi nghe tiếng người dưới nhà và khi tôi đi xuống hỏi có chuyện gì xảy ra thì Deveril và ông Clarke vừa chuẩn bị đi ra tay cầm đèn.”

“Ngày Carmichael thường đi bộ về lúc mấy giờ?”

“Khoảng 10 giờ kém 15 ạ. Ông thường vào nhà bằng cửa bên và đôi khi ông đi ngủ luôn nhưng cũng có lúc ông đến phòng trung bày bộ sưu tập của ông. Đó là lý do vì sao nếu cảnh sát không gọi điện thì có lẽ không ai để ý cho đến khi họ đến tìm ông vào sáng nay.”

“Chắc bà vợ ông bị sốc dữ lắm nhĩ?”

“Phu nhân Clarke phải dùng morphine nhiều lắm. Tôi nghĩ bà ấy không tỉnh táo nên không biết chuyện gì đang xảy ra xung quanh.”

Chúng tôi đi đến sân golf bằng lối cổng phụ trong vườn. Sau khi băng qua một góc sân golf, chúng tôi

bước qua hàng rào thấp rồi xuống con đường dốc ngoằn ngoèo.

“Con đường này dẫn đến Elbury Cove.” Franklin Clarke giải thích. “Nhưng hai năm trước họ làm một con đường mới dẫn từ đường cái đến Broadsands và đến tận Elbury nên con đường này hầu như bị bỏ hoang.”

Chúng tôi đi dọc con đường đó. Cuối con đường, có một lối rẽ giữa những bụi mâm xôi và dương xỉ dẫn xuống biển. Đột nhiên chúng tôi ra tới mép bờ đất cỏ xanh rì nhìn ra biển và một bãi cát đầy những viên sỏi trắng óng ánh. Cây cối có tán tròn xanh đậm mọc tràn xuống tận biển. Đúng là một thắng cảnh quyến rũ lòng người với màu trắng, xanh lục đậm và màu ngọc bích.

Tôi ồ lên: “Đẹp quá!”

Clarke vui vẻ nhìn tôi.

“Chẳng phải thế sao? Sao người ta phải ra nước ngoài để đến tận Riviera trong khi chúng ta có cảnh đẹp thế này! Tôi đã lang thang khắp nơi trên thế giới bấy lâu và nói thật thì tôi chưa thấy nơi nào đẹp bằng nơi này.”

Rồi như xấu hổ vì vẻ hồ hởi của mình, anh ta nói với giọng hợp hoàn cảnh hơn:

“Đây là nơi anh trai tôi hay đi dạo vào buổi tối. Anh đi tới tận đây rồi quay lại con đường đó, và thay vì rẽ trái anh rẽ phải, đi ngang qua nông trại, sau đó băng qua mấy cánh đồng để trở về nhà.”

Chúng tôi tiếp tục đi cho tới khi đến nơi từ thì được phát hiện nằm gần hàng rào, đoạn giữa cánh đồng. Crome gật đầu.

“Dễ thật. Tên đó đứng đợi trong bóng tối. Anh trai của ông không thấy gì cho tới khi bị đánh gục.”

Cô gái đứng cạnh tôi chột rùng mình.

Franklin Clarke nói:

“Vững vàng lên nào Thora. Đúng là rất dã man nhưng tránh né sự thật cũng chẳng ích gì đâu.”

Thora Grey - cái tên rất hợp với cô gái.

Chúng tôi quay lại ngôi nhà lúc thì thể đã được đưa về sau khi người ta chụp ảnh xong.

Khi chúng tôi bước lên cầu thang rộng, vị bác sĩ bước ra khỏi phòng, tay cầm một cái túi đen.

Clarke hỏi: “Có điều gì ông cần báo cho chúng tôi không, bác sĩ?”

Vị bác sĩ lắc đầu.

“Một vụ án quá đơn giản. Tôi sẽ giữ lại các chi tiết chuyên môn để điều tra. Dù sao thì ông ấy không phải chịu đựng đau đớn. Cái chết đến tức khắc.”

Ông bỏ đi.

“Tôi đi khám bệnh cho phu nhân Clarke đã nhé.”

Một cô y tá bệnh viện bước ra từ căn phòng nằm phía cuối dãy hành lang và ông bác sĩ đến gặp cô ấy.

Chúng tôi đi vào căn phòng lúc này bác sĩ mới bước ra.

Tôi quay ra liền. Thora Grey vẫn đang đứng ở bậc trên cùng của cầu thang.

Trên khuôn mặt cô xuất hiện một nỗi sợ hãi kỳ lạ.

“Cô Grey này,” tôi dừng lại. “Sao thế cô?”

Cô ta nhìn tôi.

“Tôi đang nghĩ về chữ D,” cô nói.

“Về chữ D ư?” Tôi nhìn chăm chăm vào cô, mặt thộn ra.

“Vâng. Vụ giết người tiếp theo. Phải làm gì đó thôi. Phải ngăn chặn chứ.”

Clarke bước ra khỏi phòng và đứng sau lưng tôi. Anh nói:

“Cái gì cần phải bị ngăn chặn thế, Thora?”

“Những vụ giết người ghê rợn này ạ.”

“Ừ.” Mỗi anh ta trề ra vẻ hằn học, rồi đột nhiên nói: “Tôi muốn nói chuyện với ông Poirot một lúc... Thanh tra Crome có giỏi không?”

Tôi trả lời rằng anh ta có vẻ là một thanh tra rất thông minh.

Đáng lẽ giọng tôi phải hào hứng hơn.

“Thái độ của anh ta hung hăng quá,” Clarke nói. “Anh ta làm như thể cái gì anh ta cũng biết - nhưng anh ta biết gì cơ chứ? Tôi thấy là anh ta chẳng biết gì cả.”

Anh im lặng vài phút rồi nói tiếp:

“Ông Poirot đúng là người đáng đồng tiền tôi bỏ ra. Tôi có kế hoạch này nhưng chúng ta sẽ bàn sau.”

Anh ta đi dọc hành lang và gõ vào cánh cửa mà vị bác sĩ lúc nãy đã đi vào.

Tôi chần chờ vài giây. Cô gái thì đứng nhìn về phía trước mặt.

“Cô đang nghĩ gì thế, cô Grey?”

Cô gái đưa mắt nhìn tôi.

“Tôi băn khoăn không biết hắn ta bây giờ đang ở đâu... ý tôi là tên giết người ấy. Vụ án xảy ra chưa đầy 12 tiếng... Ôi! Sao không có nhà tiên tri tài ba nào có thể thấy được bây giờ hắn ở đâu và đang làm gì...”

Tôi đáp: “Cảnh sát đang truy tìm...”

Những lời cũ rích của tôi hóa ra lại hiệu nghiệm. Thora Grey bình tĩnh trở lại.

“Vâng. Tất nhiên rồi,” cô nói.

Xong cô bước xuống cầu thang. Tôi nán lại đó một chốc nữa để nghiền ngẫm những lời nói của cô trong đầu.

ABC...

Giờ này hắn ta đang ở đâu...?

KHÔNG PHẢI LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY HASTINGS



Ông Alexander Bonaparte Cust cùng các khán giả khác rời khỏi rạp Torquay Palladium, nơi ông vừa mới xem bộ phim khá ướt át mang tựa đề *Not a Sparrow* (Không phải chim sẻ)...

Ông hơi chớp mắt khi bước ra khỏi đó trong ánh nắng chiều và nhìn quanh như con chó bị lạc, vốn là kiểu của ông.

Ông lẩm bẩm: “Đó là một ý tưởng...”

Mấy thằng bé bán báo đi qua và rao lớn:

“Tin mới đây... Kẻ cuồng sát ở Churston...”

Chúng cầm những tấm bảng có ghi:

VỤ GIẾT NGƯỜI Ở CHURSTON. TIN MỚI NHẤT.

Ông Cust lục lọi trong túi được một đồng xu rồi mua tờ báo. Ông không mở ra liền.

Bước vào công viên Princess Gardens, ông chậm rãi tìm đến một mái che hướng mặt ra cảng Torquay. Ông ngồi xuống và mở báo ra xem.

Có mấy tựa đề lớn như:

NGÀI CARMICHAEL CLARKE BỊ SÁT HẠI. THẨM KỊCH KINH HOÀNG Ở CHURSTON. HÀNH ĐỘNG CỦA KẼ CUỒNG SÁT.

Và bên dưới chúng là:

Chỉ một tháng trước, cả nước Anh bàng hoàng và hoang mang khi nghe vụ giết cô gái Elizabeth Barnard ở Bexhill. Chắc mọi người đều nhớ quyển thông tin đường sắt ABC có mặt trong vụ đó. Một quyển ABC khác cũng được tìm thấy bên cạnh thi thể của ngài Carmichael Clarke, và cảnh sát tin chắc hai vụ đều do cùng một người gây ra. Liệu có khả năng tên cuồng sát đó sẽ lảng vảng ở các khu nghỉ dưỡng ven biển của chúng ta không...

Một chàng trai mặc quần chất liệu flanel và áo Aertex màu xanh da trời ngồi bên cạnh ông Cust lên tiếng:

“Vụ này ghê quá, ông nhỉ?”

Ông Cust giật bản mình.

“Ồi, rất... rất ghê...”

Chàng trai trẻ để ý thấy bàn tay ông run rẩy đến độ gần như không cầm nổi tờ báo.

Chàng trai huyền thuyên: “Mấy kẻ điên đó thì khó mà nói được. Ông biết đấy, thường thì họ không có vẻ gì là gàn dở cả. Họ trông cũng giống ông và cháu vậy thôi...”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” ông Cust đáp.

“Thật đó. Đôi lúc chiến tranh làm cho họ mất thăng bằng và không trở lại bình thường được.”

“Tôi... tôi nghĩ anh nói đúng đấy.”

“Cháu không ủng hộ chiến tranh,” chàng trai trẻ nói.

Bạn đồng hành của anh ta phản đối ngay.

“Tôi thì không chấp nhận dịch bệnh, chứng rối loạn giấc ngủ, đói nghèo và ung thư... nhưng chúng vẫn diễn ra đấy thôi!”

“Chiến tranh có thể tránh được,” chàng trai trả lời chắc nịch.

Ông Cust phá lên cười, ông cười khá lâu.

Chàng trai chột cảnh giác.

“Ông này hơi khùng khùng,” anh ta nghĩ.

Nhưng anh ta nói:

“Xin lỗi ông, cháu đoán ông đã từng đi lính.”

“Đúng thế,” ông Cust đáp. “Chiến tranh làm tôi mất thăng bằng. Kể từ đó, đầu óc tôi không bình thường lắm. Đầu tôi đau lắm anh ạ. Đau khủng khiếp.”

“Ôi! Tôi nghiệp ông quá,” chàng trai trả lời vụng về.

“Đôi lúc tôi không biết mình đang làm gì nữa....”

“Thế ạ? À ờ, cháu phải đi đây,” chàng trai nói rồi vội vàng bỏ đi. Anh biết khi người ta bắt đầu nói về bệnh tật thì họ sẽ như thế nào.

Ông Cust ở lại với tờ báo. Ông đọc đi đọc lại...

Người ta đi qua đi lại trước mặt ông.

Hầu như ai cũng đang bàn về vụ giết người...

“Kinh khủng thật... anh có nghĩ vụ này liên quan đến người Trung Quốc không? Không phải cô phục vụ đó làm ở quán ăn Trung Hoa à...”

“Thật ra là trên đường dẫn đến sân golf...”

“Tôi thì nghe đồn là trên bãi biển...”

“... nhưng mà em ơi, chúng ta mang trà đến Elbury mới hôm qua chứ mấy...”

“... chắc chắn cảnh sát sẽ tóm được hắn...”

“... chắc hắn sẽ sớm bị bắt thôi...”

“... chắc hắn đang ở Torquay... cô gái bị giết bởi, anh gọi là gì nhỉ...”

Ông Cust xếp tờ báo thật gọn gàng rồi đặt nó lên chỗ ngồi. Rồi ông đứng dậy và bước chậm rãi về phía thị trấn.

Các cô gái đi ngang qua ông, họ mặc nào là váy, pyjama và quần ngắn màu trắng, hồng và xanh da trời. Họ cười ha hả và cười rúc rích. Mắt họ dò xét những người đàn ông mà họ đi ngang qua.

Vậy mà họ chẳng thèm nhìn ông Cust lấy một cái... Ông ngồi xuống bên một chiếc bàn nhỏ, gọi trà và kem Devonshire...

THỜI ĐIỂM NƯỚC SÔI LỬA BỎNG



Thêm án mạng của ngài Carmichael Clarke nữa khiến vụ án bí ẩn ABC bỗng nhiên nổi như cồn. Tất cả các báo đều chỉ nói về vụ này. Báo chí đăng là đã tìm thấy nhiều loại “chứng cứ” khác nhau. Người ta công bố các vụ bắt bớ sắp xảy ra. Ảnh của những người và địa điểm có mối quan hệ xa lắc xa lơ cũng được đăng. Còn có cả các bài phỏng vấn bất kỳ ai mà nhà báo phỏng vấn được. Rồi cả những câu hỏi đặt ra trong quốc hội.

Vụ giết người Andover giờ đây cũng được xếp chung với hai vụ kia.

Scotland Yard tin rằng đưa hết lên báo là cơ hội tốt nhất để tóm gọn tên sát nhân. Toàn bộ người dân Vương quốc Anh biến mình thành một đội quân thám tử nghiệp dư.

Báo Daily Flicker khiến người ta cực kỳ phấn khích khi đăng cái tít:

HÃN CÓ THỂ ĐANG Ở TRONG THỊ TRẤN CỦA BẠN!

Đương nhiên Poirot dấn sâu vào vụ này. Những bức thư gửi đến cho ông được đăng báo và gửi qua fax. Ông bị lãng mạ thê thảm vì không ngăn chặn được những vụ án đó rồi lại được bào chữa với lý do là ông chuẩn bị nêu tên kẻ sát nhân.

Phóng viên thì liên tục làm phiền ông để được phỏng vấn.

Những gì thám tử Poirot nói hôm nay.

Kèm theo cái tựa trên thường là nửa trang báo viết toàn chuyện ngu ngốc.

Thám tử Poirot cho rằng tình hình rất nghiêm trọng. Thám tử Poirot gần chạm đến thành công.

Đại úy Hastings, người bạn thân nhất của thám tử Poirot trao đổi với đại diện đặc biệt của chúng tôi...

“Poirot,” tôi nói lớn. “Tin tôi đi. Không đời nào tôi nói thế.”

Ông bạn tôi trả lời về độ lượng:

“Tôi biết mà, Hastings - tôi biết chứ. Những lời nói ra và những bài viết khác nhau một trời một vực ấy. Người ta vận vẹo thế nào mà câu chữ trái ngược hoàn toàn với ý gốc ông ạ.”

“Tôi không muốn ông nghĩ là tôi đã nói...”

“Đừng lo ông bạn. Tất cả những điều này chẳng quan trọng gì hết. Thậm chí những lời ngu ngốc đó có thể còn giúp ích cho chúng ta ấy chứ.”

“Giúp thế nào?”

“*Eh bien*,” Poirot nói dứt khoát. “Nếu thằng điên đó đọc được những gì hẩn cho là tôi đã nói với báo Daily Blague hôm nay, hẩn sẽ coi thường một đối thủ như tôi!”

Tôi có cảm tưởng người ta chẳng làm gì thiết thực để điều tra cả. Nhưng thực ra, Scotland Yard và cảnh sát địa phương ở các hạt ngày đêm theo dõi các manh mối dù là nhỏ nhất.

Khách sạn, những người cho thuê trọ, nhà trọ trong bán kính rộng của các hiện trường vụ án đều bị chất vấn cặn kẽ.

Hàng trăm câu chuyện của những người giàu trí tưởng tượng đã khai đại loại như họ “thấy một người đàn ông trông rất khả nghi và mắt thì lão liên,” hay “để ý thấy một gã mặt đầy sát khí lượn lờ quanh đây,” đều được sàng lọc cho đến chi tiết cuối cùng. Không một thông tin hay thậm chí là chi tiết mơ hồ nhất nào bị bỏ qua. Tàu lửa, xe buýt, xe điện, nhân viên đường sắt, nhân viên soát vé trên xe buýt, quầy sách, hay quầy văn phòng phẩm đều bị chất vấn và thẩm tra.

Ít ra có rất nhiều người bị bắt và bị hỏi cung cho tới khi họ có thể trình bày thỏa đáng với cảnh sát họ đã làm gì vào đêm xảy ra án mạng.

Kết quả nói chung không phải là không được gì. Một vài lời khai được lưu ý và ghi chép lại vì có thể có giá trị, dù vậy không có thêm chứng cứ nào khiến vụ án đi vào ngõ cụt.

Nếu như Crome và đồng sự của anh ta điều tra không biết một mồi thì lạ thay Poirot lại nằm ngửa chẳng làm gì. Chúng tôi đôi khi còn cãi nhau.

“Nhưng ông bắt tôi phải làm gì bây giờ, ông bạn? Việc thẩm vấn hàng ngày thì cảnh sát làm còn tốt hơn tôi ấy chứ. Lúc nào cũng thế - lúc nào ông cũng muốn tôi chạy loanh quanh như con chó.”

“Còn hơn ông ngồi nhà như là - như là...”

“Như là một người biết điều! Ông Hastings ơi, sức mạnh của tôi là ở bộ óc, có phải ở đôi chân đâu! Những lúc ông thấy tôi chẳng làm gì là lúc tôi đang suy ngẫm.”

“Suy ngẫm ư?” tôi gào lên. “Đây là lúc để suy ngẫm sao?”

“Đúng thế. Ngần lẩn đúng.”

“Nhưng ông có thể tìm ra được gì nếu chỉ ngồi đó suy ngẫm? Ông đã thuộc lòng hết tình tiết của ba vụ án rồi mà.”

“Tôi không suy nghĩ về các tình tiết mà về tâm trí của kẻ giết người.”

“Tâm trí của kẻ giết người ư!”

“Đúng thế. Và vì thế không có câu trả lời ngay lập tức. Khi tôi biết được tên sát nhân trông như thế nào, tôi sẽ tìm ra hắn. Và càng ngày tôi càng biết nhiều hơn. Sau vụ Andover, chúng ta biết gì về tên sát nhân nào? Hầu như không biết gì hết. Sau vụ Bexhill? Biết thêm một chút. Sau vụ Churston? Biết thêm chút nữa. Tôi bắt đầu thấy - không phải thứ ông muốn thấy như đường nét khuôn mặt và hình dáng mà là phác thảo tâm trí hắn. Tâm trí đó di chuyển và hoạt động theo một hướng cụ thể nào đó. Sau vụ tiếp theo...”

“Poirot!”

Ông bạn nhìn tôi thản nhiên.

“Nhưng, đúng thế mà, Hastings. Tôi nghĩ gần như chắc chắn là sẽ có thêm một vụ nữa. Cũng còn phụ thuộc nhiều vào cơ may. Cho tới bây giờ tên bí ẩn đó đã gặp may. Nhưng bất luận thế nào, sau vụ tiếp theo chắc chắn chúng ta sẽ biết nhiều hơn. Tội ác tiết lộ rất nhiều điều. Dù anh có thử áp dụng và thay đổi phương pháp của anh bao nhiêu đi nữa, sở thích của anh, thói quen của anh, tâm lý của anh, và tâm hồn anh sẽ bộc lộ qua hành động của anh. Đôi khi sự biểu lộ có chút khó hiểu như thể hai bộ óc đang hoạt động cùng lúc nhưng chẳng bao lâu cái đường nét đó sẽ rõ ra, rồi tôi sẽ biết.”

“Đó là ai?”

“Không đâu Hastings, tôi sẽ không biết tên và địa chỉ của hắn ta! Mà tôi sẽ biết hắn thuộc loại người nào...”

“Rồi sau đó...?”

“*Et alors, je vais à la pêche.*”^[28]

Trong lúc tôi còn hoang mang thì Poirot nói tiếp:

“Ông biết đấy Hastings, một người câu cá chuyên nghiệp sẽ biết loại mồi nào nên thả cho loại cá nào. Tôi sẽ như đúng loại mồi cho mà xem.”

“Rồi sau đó thì sao?”

“Và rồi? Và rồi sau đó thì sao? Ông cũng như cái gã Crome tự phụ lúc nào cũng nói đi nói lại câu ‘Ồ, thế à?’ Ồ, rồi sau đó hắn ta sẽ cắn mồi và cả móc câu nữa và chúng ta chỉ việc kéo cần câu thôi...”

“Trong lúc đó thì người ta đã chết la liệt.”

“Ba người rồi. Và có chừng 120 người chết vì tai nạn giao thông mỗi tuần, đúng không?”

“Chuyện đó hoàn toàn khác.”

“Có thể đối với những người chết thì như nhau cả thôi. Còn đối với những người khác, bà con, bạn bè - thì ừ, có khác, nhưng ít ra trong vụ án này có một điều khiến tôi vui.”

“Hãy làm mọi cách để chúng tôi được nghe bất kỳ cái gì thật sự vui vẻ đi nào.”

“Đừng chế nhạo thế. Điều khiến tôi vui là không có cái bóng đen tội lỗi nào làm khổ những người vô tội.”

“Chết chóc chưa đủ tệ hay sao?”

“Không, ngàn lần không! Không có gì đáng sợ hơn là sống trong cảm giác nghi ngờ- khi nhận ra những cặp mắt đang dòm ngó mình và bao nhiêu yêu thương trong ánh mắt đó đã biến thành sợ hãi - không có gì ghê gớm bằng việc nghi ngờ những người thân yêu của mình - Điều đó thật hiểm độc - một luồng khí độc. Không, ít ra đầu độc cuộc sống của người vô tội là điều mà ABC không làm.”

“Chẳng sớm thì muộn ông lại bào chữa cho thằng cha đó mất thôi!” tôi chua chát.

“Sao lại không chứ? Có thể hẳn tin rằng hẳn đúng. Biết đâu cuối cùng chúng ta lại thông cảm với quan điểm của hắn.”

“Thiệt tình cái ông Poirot này!”

“Trời ơi! Tôi đã làm ông sốc rồi. Lúc này là do sự trì trệ - và bây giờ là do quan điểm của tôi.”

Tôi lắc đầu không trả lời.

Sau vài phút Poirot nói: “Cũng giống nhau cả thôi. Tôi có việc này sẽ khiến ông vui đây - vì việc này khiến ông phải hoạt động chứ không ngồi một chỗ. Ngoài ra, đòi hỏi phải nói chuyện nhiều và không cần phải suy nghĩ.”

Tôi không thích giọng điệu của ông chút nào.

“Việc gì thế?” tôi thận trọng hỏi.

“Lấy tất cả các thông tin mà bạn bè, bà con và người giúp việc của các nạn nhân biết được.”

“Ông nghi ngờ họ vẫn chưa khai hết với chúng ta à?”

“Ừ, nhưng họ không cố ý đâu. Nhưng kể tất cả những gì ông biết luôn luôn ẩn chứa sự chọn lọc. Giả sử tôi bảo ông kể lại chi tiết những gì ông làm ngày hôm qua cho tôi, có thể ông sẽ trả lời: ‘Tôi thức dậy vào lúc 9 giờ sáng, tôi ăn sáng lúc 9 giờ 30, tôi ăn trứng, thịt lợn muối xông khói và cà phê, rồi tôi đến câu lạc bộ của tôi, v.v...’ ông sẽ không kể vào các chi tiết như: ‘Tôi làm xước móng tay và phải cắt nó. Tôi gọi nước cạo râu. Tôi làm đổ một ít cà phê lên khăn trải bàn. Tôi chùi cái mũ rồi mới đội lên đầu’. Người ta không thể kể mọi thứ được. Thế nên người ta phải chọn lọc. Khi án mạng xảy ra, người ta chọn những gì người ta cho là quan trọng để kể. Nhưng thường là họ nghĩ sai!”

“Vậy thì làm sao người ta có thể kể đúng?”

“Như tôi vừa mới nói, đơn giản là bằng đối thoại. Bằng cách nói chuyện! Bằng cách bàn về một sự việc hay một người nào đó hay một ngày nào đó, cứ lặp đi lặp lại thế, những chi tiết thêm vào sẽ xuất hiện.”

“Những chi tiết nào cơ?”

“Đương nhiên là tôi chưa biết, nếu biết tôi đã không tìm kiếm làm gì. Nhưng giờ thì hơi trễ rồi nên khó lấy lại những chi tiết tưởng như bình thường đó. Trái ngược với tất cả những quy tắc toán học là trong ba vụ giết người không có một thông tin hay câu nào liên quan đến vụ án. Chỉ có mấy sự việc và nhận xét vặt vãnh, phải có điểm nào đó đáng chú ý chứ! Chuyện này như thể mò kim đáy biển nhưng tôi nghĩ trong lòng biển ít ra có một cây kim - tôi tin chắc thế!”

Tôi thấy cực kỳ mơ hồ và mù mịt.

“Ông không hiểu sao? Đầu óc ông không sắc bén bằng một cô phục vụ tầm thường nữa.”

Ông thấy cho tôi một bức thư. Chữ viết rõ ràng nhưng hơi lên dốc xuống dèo.

Kính thưa bác!

Cháu hy vọng bác bỏ quá cho cháu vì đã tự ý viết thư cho bác. Kể từ sau hai vụ án khủng khiếp như vụ án của dì cháu, cháu suy nghĩ nhiều lắm. Có vẻ như chúng ta đang cùng cánh ngó. Cháu thấy ảnh của cô gái trên báo, ý cháu là, cô chị của cô gái trẻ bị giết ở Bexhill ấy ạ. Cháu đã lấy hết can đảm viết thư cho cô ấy và báo là cháu sẽ đến Luân Đôn để tìm chỗ ở và hỏi xem liệu cháu có thể đến gặp cô ấy hay mẹ của cô ấy vì dù sao hai người suy nghĩ thì vẫn hơn một người, cháu không cần tiền lương nhiều, cháu chỉ muốn tìm ra kẻ tàn ác đó là ai và có lẽ chúng ta sẽ tìm ra sự thật nhanh hơn nếu chúng ta đều kể ra những gì mình biết, biết đâu sẽ tìm ra được cái gì đó. Cô gái ấy hơi âm lại cho cháu rất tử tế và cô ấy kể là cô làm việc ở một văn phòng và sống trong một nhà trọ nhưng cô ấy đề nghị cháu viết thư cho bác và viết rằng cô ấy cũng đang suy nghĩ giống cháu. Và cô bảo là chúng cháu gặp hoạn nạn giống nhau thế nên chúng cháu phải sát cánh bên nhau. Vì vậy, cháu viết thư cho bác để báo cho bác biết cháu sẽ đến Luân Đôn và đây là

địa chỉ của cháu.

Hy vọng cháu không làm phiền bác.

Kính thư.

Marry Drower

Poirot nói: “Mary Drower là một cô gái rất thông minh.”

Ông cầm lá thư khác lên.

“Đọc thư này đi.”

Đó là thư của Franklin Clarke viết rằng anh ta sắp đến Luân Đôn và nếu được phép anh ta sẽ đến gặp Poirot.

Poirot nói: “Đừng tuyệt vọng ông bạn. Hành động sắp sửa bắt đầu.”

POIROT PHÁT BIỂU



Hôm sau Franklin Clarke đến lúc 3 giờ chiều và chẳng thèm vòng vo, anh ta đi thẳng vào vấn đề luôn.

“Ông Poirot này, tôi không thỏa mãn chút nào,” anh ta nói.

“Không ư, anh Clarke?”

“Tôi biết Crome là một thanh tra rất có năng lực nhưng nói thật anh ta làm tôi khó chịu. Cái kiểu biết tuốt của anh ta ấy! Tôi đã bật mí một chút dự định của tôi với ông bạn của ông khi ở Churston, nhưng tôi phải lo hậu sự cho anh trai nên giờ mới có thời gian, ông Poirot ạ, ý tưởng của tôi là chúng ta không nên giậm chân tại chỗ nữa...”

“Hastings cũng luôn bảo tôi thế đấy!”

“...mà phải tiếp tục tiến lên. Chúng ta phải chuẩn bị cho vụ án tiếp theo.”

“Vậy anh cũng nghĩ sẽ có vụ án tiếp theo ư?”

“Ông không nghĩ thế sao ạ?”

“Có chứ.”

“Thế thì tốt quá. Tôi muốn chúng ta phải chuẩn bị chu đáo.”

“Anh nói kỹ hơn ý tưởng của anh được không?”

“Ông Poirot ạ, tôi đề xuất là chúng ta nên có một đội đặc nhiệm - hoạt động dưới sự chỉ đạo của ông - bao gồm bạn bè và người thân của những người bị giết.”

“*Une bonne idée.*”^[29]

“Tôi rất vui là ông cũng đồng tình. Nếu chúng ta hợp sức lại thì có thể tìm ra được điều gì đó. Ngoài ra, khi bức thư cảnh báo tiếp theo đến, nếu chúng ta có mặt ở hiện trường, một người trong chúng ta - tôi không nói là chắc chắn - nhưng chúng ta có thể nhận ra ai đó có mặt gần hiện trường vụ án trước.”

“Tôi hiểu ý anh và tôi đồng ý, nhưng anh Clarke này, anh phải nhớ rằng những người thân và bạn bè của các nạn nhân khác không cùng đẳng cấp của anh. Họ là những người làm công ăn lương và mặc dù họ xin nghỉ phép ngắn hạn thì...”

Franklin Clarke cắt lời.

“Đúng thế. Tôi sẽ đứng ra trang trải mọi chi phí. Thật ra tôi không giàu có gì nhưng anh trai quá cố của tôi rất giàu nên rút cuộc tài sản của anh cũng sẽ là của tôi. Như tôi đã nói, tôi đề nghị lập đội đặc nhiệm này nên đương nhiên các thành viên trong đội sẽ được trả lương đúng với số tiền mà họ thường kiếm được.”

“Anh nghĩ chúng ta nên mời ai vào đội này?”

“Tôi đã tính rồi. Tôi đã viết thư cho cô Megan Barnard - thật ra, cô ấy có góp phần vào việc đưa ra ý kiến này. Tôi đề nghị đội gồm có tôi, cô Barnard và anh Donald Fraser - vị hôn phu của cô gái đã qua đời. Tiếp theo là cháu gái của cụ bà ở Andover - cô Barnard biết địa chỉ của cô ấy. Tôi nghĩ ông chồng của bà cụ chẳng giúp được tích sự gì đâu - tôi nghe nói ông ta say xỉn suốt ngày. Tôi nghĩ ông bà Barnards - bố mẹ của cô gái hơi già nên không hợp với chiến dịch đòi hỏi tính năng động như vậy.”

“Còn ai nữa không?”

“À, ờ, thêm cô Grey nữa.”

Anh ta hơi đỏ mặt khi nhắc đến cái tên ấy.

“Ồ, cô Grey ư?”

Trên đời này không ai có thể dậm chân tại chỗ mãi mãi vào trong vùi từ giới hơn Poirot. 35 năm qua

đường như biến khỏi Franklin Clarke. Anh bỗng đứng trở lại là một cậu học trò bẽn lẽn.

“Vâng, ông biết đấy, cô Grey đã ở bên cạnh anh trai tôi hơn hai năm. Cô biết rõ vùng ấy, những người sống ở đó và nhiều thứ khác nữa. Tôi thì xa nhà một năm rưỡi nay rồi.”

Poirot thấy tội nghiệp anh ta nên đổi đề tài.

“Anh đã từng ở phương Đông à? Ở Trung Quốc đúng không?”

“Vâng. Tôi có nhiệm vụ đi khắp nơi để mua hàng cho anh tôi.”

“Chắc là thú vị lắm. Ồ, tốt rồi, anh Clarke, tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của anh. Mới hôm qua tôi nói với Hastings rằng kết nối những người có liên quan lại là việc rất cần thiết. Chúng ta cần nhớ lại và gộp nhặt những sự kiện đã xảy ra, so sánh những ghi chép của nhau - cuối cùng là bàn lui bàn tới vấn đề đó. Biết đâu từ những cụm từ vụ vợ chúng ta lại tìm ra được câu trả lời.”

Vài ngày sau, “Đội Đặc nhiệm” họp tại nhà Poirot.

Trong khi họ ngoan ngoãn ngồi quanh bàn nhìn về phía Poirot ở đầu bàn, trông ông như một vị giám đốc điều hành cuộc họp công ty, tôi nhìn họ một lượt như để khẳng định lại hay ôn lại ấn tượng đầu tiên của tôi về họ.

Ba cô gái, cô nào cũng cũng nổi bật - Thora Grey xinh đẹp thì trắng một cách lạ kỳ, Megan Barnard có làn da đậm màu và khuôn mặt cô bất động lạ thường như thổ dân da đỏ, còn Mary Drower mặc một cái áo khoác và váy đen gọn gàng, khuôn mặt xinh xắn của cô ánh lên vẻ thông minh.

Trong hai người đàn ông, Franklin Clarke cao to, da rám nắng và thích nói chuyện còn Donald Fraser thì kín đáo và ít nói. Hai người họ tạo nên sự tương phản vô cùng thú vị.

Dĩ nhiên, Poirot không bỏ qua cơ hội trình bày một bài phát biểu nho nhỏ.

“Thưa các cô và các anh, chắc mọi người đã biết lý do chúng ta có mặt ở đây hôm nay. Cảnh sát đang dốc sức tìm kiếm tên tội phạm đó. Tôi cũng tìm nhưng theo cách riêng của mình. Nhưng theo tôi, tập hợp những ai quan tâm đến vụ án cũng như biết rõ nạn nhân sẽ đem đến những kết quả mà những cuộc điều tra bên ngoài khó đạt được.

Giờ đây chúng ta có ba vụ giết người - một bà cụ, một cô gái trẻ và một ông lớn tuổi. Thứ duy nhất gắn kết ba con người này với nhau - họ đều bị cùng một người giết. Có nghĩa là người đó có mặt ở ba địa điểm khác nhau và có nhiều người đã thấy hắn. Việc hắn là tên điên ở giai đoạn trầm trọng là điều không cần bàn cãi nữa. Còn chuyện dáng hình và hành vi của hắn không biểu lộ bệnh tình của hắn cũng quá rõ rồi. Người này - mặc dù tôi gọi là hắn nhưng nên nhớ đó có thể là đàn ông hay đàn bà - dù điên nhưng rất xảo quyệt và nham hiểm. Cho đến bây giờ hắn vẫn giấu kín được tung tích của mình. Cảnh sát biết một vài manh mối mơ hồ nhưng không thể làm được gì với chừng đó manh mối.

Dù vậy, hắn phải có dấu hiệu gì đó chắc chắn chứ không mơ hồ. Lấy một vụ giết người làm ví dụ, hắn ta không đến Bexhill nửa đêm và dễ dàng tìm thấy trên bãi biển một cô gái có tên bắt đầu với chữ B...”

“Chúng ta có cần bối lại chuyện này không ạ?”

Câu đó là của Donald Fraser, lời nói của anh ta dường như rung lên từ sâu thẳm bên trong nỗi đau của mình.

Poirot quay về phía anh ta, ông đáp:

“Cần phải nói lại chi tiết anh ạ. Anh đến đây không phải để che giấu cảm xúc của mình bằng cách từ chối nghĩ đến chi tiết vụ án, trái lại, nếu cần chúng ta phải đào bới chúng bằng cách đi sâu vào cốt lõi vấn đề. Như tôi đã từng nói, không phải ngẫu nhiên mà ABC chọn Betty Barnard làm nạn nhân. Hắn là hắn ta đã cố tình lựa chọn và lên kế hoạch trước. Nói cách khác, hắn đã do thám trước hiện trường. Hắn đã nắm rõ các thông tin như thời điểm tốt nhất để ra tay vụ Andover, hiện trường vụ Bexhill và thói quen của ngài Carmichael Clarke ở Churston. Theo tôi, tôi không tin là không có dấu hiệu hay dấu vết nào dù lơ mờ nhất có thể giúp định hình được nhận dạng của hắn.

Tôi cho rằng một trong số các anh chị hoặc có thể là tất cả các anh chị biết điều gì đó mà anh chị không biết là mình biết.

Chẳng sớm thì muộn, nhờ việc hợp sức lại với nhau này mà các anh chị sẽ tìm ra được điều gì đó, sẽ đảm nhận một trọng trách mà mình chưa từng mơ tưởng đến thì sao. Giống trò chơi ghép hình - mỗi người trong các anh chị là một miếng ghép chẳng có ý nghĩa gì nhưng khi ghép lại với nhau thì có thể tạo nên

một mảng nhất định nào đó trong tổng thể bức tranh.”

“Nói suông thôi!” Megan Barnard lên tiếng.

“Hả?” Poirot nhìn cô ta đầy thắc mắc.

“Những điều ông nói đấy. Chỉ là nói suông. Chẳng có nghĩa gì cả.”

Cô ta nói với một vẻ rất dữ dội khiến tôi bắt đầu liên tưởng đến tính cách của cô.

“Cô à, lời nói chỉ là vỏ bọc bề ngoài của ý tưởng thôi.”

“Ồ, em thì nghĩ có ý nghĩa đó chị ạ,” Mary Drower nói. “Em thật tình nghĩ như thế. Thường thì khi chị nói đi nói lại một vấn đề gì chị càng sáng tỏ hơn. Đôi lúc trí óc mình tự tưởng tượng ra mà mình không hề hay biết. Thế nào đó việc nói chuyện cũng dẫn đến nhiều thứ lắm chị.”

“Nếu như người ta nói ‘ít nói thì mau quên’ thì chúng ta muốn điều ngược lại,” Franklin Clarke nói.

“Ý anh thế nào, anh Fraser?”

“Tôi thấy những điều ông nói không có tính khả thi lắm, ông Poirot ạ.”

“Cò nghĩ sao, Thora?” Clarke hỏi.

“Tôi nghĩ ý tưởng kể lại chuyện đã xảy ra có vẻ hợp lý đấy.”

Poirot gọi ý: “Các anh chị thử lục lại trí nhớ của mình về thời điểm xảy ra vụ án xem sao. Có lẽ mời anh Clarke bắt đầu trước nhé.”

“Để xem nào, vào buổi sáng ngày Car bị giết thì tôi dong thuyền đi chơi. Tôi bắt được tám con cá thu. Hôm đó trên vịnh trời rất đẹp. Tôi ăn trưa ở nhà. Tôi nhớ mình ăn món hầm Ireland. Tôi ngủ trưa trên võng, uống trà. Rồi viết vài lá thư, hết giờ lấy thư nên phải lái xe đến tận Paignton để gửi thư. Rồi ăn tối và - tôi không ngại khi kể rằng - tôi đọc lại quyển sách của E. Nesbit mà tôi rất thích từ hồi còn nhỏ. Rồi thì chuông điện thoại reo...”

“Chừng đó đã nào. Bây giờ anh nhớ lại xem anh có gặp ai trên đường xuống biển vào buổi sáng không anh Clarke?”

“Gặp nhiều người lắm.”

“Anh có nhớ điều gì về họ không?”

“Giờ thì tôi chẳng nhớ gì cả.”

“Anh chắc chứ?”

“Ồ, để tôi xem nào, tôi nhớ ra một người đàn bà rất mập mạp - bà ấy mặc cái áo đầm lụa có kẻ sọc và tôi tự hỏi tại sao bà đi cùng với một đám con nít, hai người đàn ông đi cùng con chó giống Anh trên bãi biển ném đá để nó chạy đi lượm... Ồ, có một cô gái tóc vàng vừa tắm vừa la the the... Buồn cười thật, những sự việc đó cứ ủa về rõ mồn một như ta đang rửa một tấm ảnh.”

“Tốt lắm. Vậy thì đến chiều - khu vườn - đi bưu điện...”

“Người làm vườn đang tưới nước... Đi bưu điện à? Tôi suýt tông vào một người đang đi xe đạp - cô gái ngốc nghếch ấy lao đảo và la lớn gọi bạn. Tôi e là chỉ có chừng đó thôi.”

Poirot quay sang Thora Grey. “Còn cô Grey thì sao?”

Thora Grey trả lời bằng một giọng rõ ràng và chắc chắn:

“Vào buổi sáng tôi xử lý thư từ với ngài Carmichael rồi tôi làm việc với bác quân gia. Tôi nhớ là tôi viết thư và khâu vá vào buổi chiều. Khó nhớ quá ông ạ. Hôm đó chỉ là một ngày bình thường. Tôi đi ngủ sớm.”

Tôi ngạc nhiên là Poirot không hỏi gì thêm.

“Cô Barnard, cô kể lại chuyện lần cuối cô gặp em gái nhé.”

“Lần đó cách ngày em gái tôi mất chừng hai tuần. Tôi về nhà vào dịp thứ bảy và chủ nhật. Trời hôm ấy đẹp lắm. Chúng tôi đi tới hồ bơi ở Hastings.”

“Hai cô chủ yếu nói chuyện gì?”

“Tôi cho em một vài lời khuyên thôi,” Megan đáp.

“Còn gì nữa không? Cô ấy nói về việc gì?”

Cô gái nhăn trán cố nhớ lại.

“Em than phiền bị cháy túi vì vừa mua mũ và váy ao mùa hè. Và kể một chút về Don... Em cũng có kể là em ghét Milly Higley - cô gái bán ở quán trà - và chúng tôi cười nhạo Merrion chủ tiệm trà... Tôi không

nhớ gì khác nữa...”

“Cô ấy không nhắc tới người đàn ông nào - thứ lỗi cho tôi nhé anh Fraser - mà cô ta sẽ gặp sao?”

“Em chẳng nói với tôi đâu.” Megan đáp cộc lốc.

Poirot quay sang chàng trai tóc đỏ có khuôn mặt vuông vức, ông nói: “Anh Fraser này, tôi muốn anh cố gắng nhớ lại. Anh nói là anh đã đến quán trà vào buổi chiều định mệnh đó. Ý định ban đầu của anh là đi cho đến khi Betty Barnard đi ra. Trong khi đợi ở đó anh có nhớ là thấy người nào mà anh để ý không?”

“Có rất nhiều người qua lại ở phía trước. Tôi không nhớ ai trong số đó cả.”

“Xin lỗi, nhưng anh hãy cố nhớ thêm chút nữa đi. Dù tâm trí có bận rộn suy nghĩ đến mấy thì mắt anh vẫn để ý được những thứ xung quanh một cách máy móc, không nhanh nhạy nhưng rất chính xác...”

Chàng trai kiên trì lặp lại:

“Tôi không nhớ ai cả.”

Poirot thở dài và quay sang Mary Drower. “Bác đoán cháu hay nhận thư của dì cháu đúng không?”

“Ồ, vâng, thưa bác.”

“Lần cuối cùng là lúc nào thế?”

Mary suy nghĩ một chút.

“Hai ngày trước khi vụ giết người xảy ra, thưa bác.”

“Thư viết gì vậy?”

“Dì kẻ lão chồng già cứ lờn vờn ở đó và dì phải đuổi hẩn đi như đuổi tà - xin lỗi vì cháu dùng từ hơi thô lỗ; dì nói dì mong cháu đến chơi vào ngày thứ tư - đó là ngày cháu được nghỉ làm bác ạ; dì nói dì và cháu sẽ đi xem phim cùng nhau vì sắp đến sinh nhật của cháu, thưa bác.”

Đường như ý nghĩ về chuyến đi chơi đó khiến Mary rung rung muốn khóc. Cô gái cố nuốt nước mắt rồi xin lỗi vì phút yếu lòng.

“Cháu xin lỗi bác. Cháu không muốn tỏ ra yếu đuối thế đâu. Khóc cũng chẳng có ích gì. Chỉ là cái ý nghĩ cháu và dì được vui chơi cùng nhau khiến cháu bỗng nhiên thấy nhói đau ạ.”

“Tôi hiểu cảm giác của cô,” Franklin Clarke lên tiếng. “Những điều tưởng như nhỏ nhặt lại khiến ta xúc động, đặc biệt những thứ như một cuộc đi chơi hay quà cáp hay cái gì đó vui vẻ và tự nhiên. Tôi nhớ có lần thấy một người phụ nữ bị xe tông. Cô ấy vừa mua đôi giày mới. Tôi thấy cô ta nằm đó và chiếc hộp bị rách toạc khiến đôi giày cao gót nhỏ trông kỳ cục lòi ra ngoài. Cảnh đó khiến tôi sợ hãi - đôi giày trông thảm hại quá.”

Megan bỗng dưng hào hứng nói:

“Đúng thế - quá đúng luôn. Điều đó cũng xảy ra với chúng tôi khi Betty...chết. Mẹ tôi mua cho em một vài đôi tất làm quà và mua vào đúng ngày vụ giết người xảy ra. Tôi nghiệp mẹ tôi, bà đau đớn tột cùng. Tôi thấy mẹ tôi ôm mấy đôi tất đó và khóc. Mẹ cứ lặp đi lặp lại: ‘Mẹ mua chúng cho Betty... mẹ mua chúng cho Betty... thế mà con bé không bao giờ được thấy’.”

Giọng của cô gái run run. Cô rướn người về phía trước vào nhìn thẳng vào Franklin Clarke. Bỗng dưng giữa họ trào lên một sự đồng cảm - tình anh chị em bị chia cắt.

Donald Fraser bứt rứt cựa mình, anh nói: “Tôi biết, tôi biết lắm chứ. Nhớ lại những thứ đó thật là đau khổ.”

Thora Grey đổi chủ đề.

“Chúng ta không lập kế hoạch tương lai sao?” cô hỏi.

“Có chứ.” Franklin Clarke lấy lại vẻ bình thường. “Tôi nghĩ khi thời cơ đến - ý tôi là khi bức thư thứ tư đến - chúng ta phải hợp sức lại. Còn giờ thì có lẽ chúng ta mỗi người phải tự mình tìm kiếm câu trả lời thôi. Tôi không biết liệu thám tử Poirot có điều gì có thể hỗ trợ điều tra không?”

“Tôi có một số gợi ý này,” Poirot đáp.

“Tốt quá. Tôi sẽ viết lại.” Anh lấy ra một quyển vở. “Ông nói tiếp đi ông Poirot. A...?”

“Tôi cho rằng có thể cô phục vụ Milly Higley biết điều gì đó có ích.”

“A - Milly Higley,” Franklin Clarke viết xuống.

“Tôi đề nghị hai phương pháp tiếp cận. Cô Barnard sẽ thử phương pháp công kích.”

Megan nói cộc lốc: “Ý ông là việc đó hợp với tính cách của tôi chứ gì?”

“Gây gổ với cô gái đó - bảo là cô biết cô ta chưa bao giờ thích em gái cô - và em gái cô kể cho cô biết mọi chuyện về cô ấy. Nếu tôi không nhầm thì việc đó sẽ dẫn tới một vụ tố cáo lẫn nhau. Cô ta sẽ nói cho cô biết cô ta thật sự nghĩ gì về em gái cô! Lúc đó ta có thể lược lật được một số thông tin hữu ích.”

“Còn phương pháp thứ hai?”

“Tôi đề nghị anh Fraser nên giả vờ thích cô gái đó nhé.”

“Có cần phải thế không?”

“Không, không cần thiết lắm. Chỉ là một cách để khai thác thông tin thôi.”

“Tôi thử được không?” Franklin hỏi. “Tôi... ờ... có kha khá kinh nghiệm, ông Poirot à. Để xem tôi có thể làm gì được với cô gái đó không.”

“Anh có khối việc phải lo mà,” Thora Grey nói khá gay gắt.

Mặt Franklin hơi xụ xuống.

“Ừ, đúng thế.” Anh ta đáp.

“*Tout de même*,^[30] tôi nghĩ hiện tại dưới đó không có nhiều việc đâu,” Poirot nói. “Cô Grey đây thích hợp hơn...”

Thora Grey ngắt lời ông.

“Nhưng ông thấy đấy ông Poirot, tôi đã rời Devon để được yên thân rồi.”

“Hả? Tôi chưa hiểu ý cô.”

“Cô Grey có ý tốt muốn ở lại để giúp tôi lo liệu mọi việc,” Franklin nói. “Nhưng rõ ràng cô ấy thích làm việc ở Luân Đôn hơn.”

Poirot đưa cái nhìn sắc lẹm từ người này sang người kia rồi ông hỏi: “Phu nhân Clarke bệnh tình sao rồi?”

Tôi mãi mê ngắm đôi má trắng ngần của Thora Grey nên suýt bỏ lỡ câu trả lời của Clarke.

“Không được tốt lắm. Ông Poirot này, ông có thể sắp xếp thời gian để xuống Devon thăm chị ấy được không? Trước khi tôi đến đây chị ấy có ý muốn gặp ông. Đương nhiên, thỉnh thoảng chị ấy không thể gặp ai cả mấy ngày, nhưng nếu ông muốn thử thì tôi sẽ lo chi phí đi lại cho ông.”

“Được chứ, anh Clarke. Ngày kia có được không?”

“Được chứ ạ. Tôi sẽ báo y tá biết để cô ấy lo liệu chuyện thuốc thang liên quan cho chị ấy.”

“Còn cháu, cháu gái này,” Poirot quay sang Mary và nói, “bác nghĩ có lẽ cháu sẽ làm tốt phần việc ở Andover. Cháu thử hỏi mấy đứa nhỏ ở đó xem.”

“Mấy đứa con nít sao ạ?”

“Ừ. Con nít thường không dễ dàng nói chuyện với người ngoài. Nhưng những người ở con phố nhà di cháu thì biết cháu rồi. Có nhiều con nít chơi ở khu vực đó. Biết đâu chúng có thấy ai vào ra cửa hàng của dì cháu.”

“Thế cô Grey và tôi thì sao?” Clarke hỏi. “Ý tôi là nếu tôi không đi Bexhill.”

“Ông Poirot à,” Thora Grey nói, “dấu bưu điện trên bức thư thứ ba là ở đâu ạ?”

“Ở Putney, thưa cô.”

Cô nói về nghĩ ngợi: “SW15, Putney có phải không ạ?”

“Ngạc nhiên là báo chí in đúng đấy.”

“Điều đó chứng tỏ ABC là người Luân Đôn.”

“Có vẻ thế.”

“Ai đó phải nhử hấn ta,” Clarke nói. “Ông Poirot này, hay tôi đăng quảng cáo với dòng thông báo sau: ABC. Tin khẩn, H.P gần tìm ra ông rồi. Một trăm bảng để đổi lấy sự im lặng của tôi. X.Y.Z. Không có gì lộ liễu hơn thế nhưng đó cũng là một ý kiến mà. Nó có thể gây sự chú ý của hấn.”

“Ừ, cũng là một cách.”

“Vậy có thể xui hấn để ý đến tôi.”

Thora nói gay gắt: “Tôi nghĩ việc đó rất nguy hiểm và ngu ngốc.”

“Ông Poirot nghĩ sao ạ?”

“Thử thì cũng chẳng có hại gì. Tôi nghĩ ABC xảo quyệt lắm, hấn chả dại mà trả lời đâu.” Poirot hơi

mim cười. “Anh Clarke ạ, tôi thấy - tôi không có ý làm anh phật lòng - nhưng anh vẫn còn non nớt lắm.”

Franklin Clarke có vẻ bối rối.

Anh ta nhìn quyển sổ ghi chép rồi nói: “Ồ, chúng ta bắt đầu đi.”

A - Cô Barnard và Milly Higley.

B - Anh Fraser và cô Higley.

C - Con nít ở Andover.

D - Quảng cáo.

“Tôi không thấy ý nào hay cả nhưng dù sao chúng ta cũng có cái gì đó để làm trong khi chờ đợi.”

Anh ta đứng dậy và vài phút sau cuộc họp giải tán.

TỪ THUY ĐIỀN



Poirot quay lại chỗ ngồi và ngâm nga giai điệu gì đấy một mình.

“Đáng tiếc là cô ta thông minh quá,” ông lẩm bẩm.

“Ai cơ?”

“Megan Barnard. Cô Megan. Cô ta nói ngay: ‘Những lời sáo rỗng’. Cô ta nhận ra ngay tức khắc những lời tôi nói chẳng có ý nghĩa gì cả. Còn những người khác thì tin sái cổ.”

“Tôi thấy nó hợp lý đấy chứ.”

“Ừ, thì hợp lý thật. Chỉ là cô ta nhận ra được.”

“Thế thì ông đã nghĩ một đằng rồi nói một nẻo à?”

“Những gì tôi nói thật ra chỉ tóm lại bằng một câu ngắn gọn thôi. Thay vào đó tôi cứ lặp đi lặp lại tùy hứng mà không ai để ý ngoại trừ cô Megan.”

“Nhưng tại sao?”

“*Eh bien* - để có cái gì đó mà nói chứ! Để làm cho mọi người có cảm tưởng là có việc phải làm! Ý tôi là để bắt đầu những cuộc đối thoại!”

“Thế ông không nghĩ những cuộc đối thoại này sẽ đưa tới ích lợi gì sao?”

“Ồ, có thể có chứ.”

Ông lặng lẽ cười.

“Trong cái mớ thương đau đó chúng ta lại diễn hài kịch. Chẳng phải thế sao?”

“Ý ông là sao?”

“Vỡ kịch nhân sinh đó, Hastings à! Nghĩ một chút nhé. Có ba cặp con người ngồi lại với nhau vì chịu chung một bi kịch. Ngay tức khắc, vỡ kịch thứ hai xảy ra - *tout à fait à part*^[31]. Ông có nhớ vụ án đầu tiên của tôi ở Anh không? Ôi, lâu lắm rồi ấy. Tôi đưa hai người yêu nhau lại với nhau - chỉ bằng cách đơn giản là bắt một trong hai người vì tội giết người! Không cần làm gì hơn! Giữa hoang tàn chết chóc chúng ta mới thật sự sống, Hastings à... Tôi hay để ý thấy, án mạng là một bà mối cực giỏi.”

Tôi nghe chương tai nên la lên: “Cái ông Poirot này, tôi dám chắc không ai trong số họ nghĩ đến chuyện đó nhưng...”

“Ôi, ông bạn yêu quý của tôi. Thế còn ông thì sao?”

“Tôi ư?”

“*Mais oui*, chẳng phải khi họ đi rồi ông vừa quay vào vừa ngâm nga đó sao?”

“Người ta vẫn làm thế nhưng không phải họ là người tàn nhẫn.”

“Đương nhiên rồi, nhưng giai điệu đó cho tôi biết ông đang nghĩ gì.”

“Thật à?”

“Ừ. Ngâm nga một giai điệu nào đó là cực kỳ nguy hiểm. Nó để lộ tiềm thức của ông. Giai điệu mà ông ngâm nga đó có từ thời chiến tranh. *Comme ça*^[32],” Poirot hát bằng cái giọng nam cao dờ ọc:

Lúc thì anh yêu cô có nước da ngăm,

Khi thì anh yêu cô có mái tóc vàng

(Cô đến từ vườn địa đàng Thụy Điển).

“Còn gì rõ ràng hơn thế? *Mais je crois que la blonde l'emporte sur la brunette!*^[33]”

Tôi đỏ mặt la: “Cái ông Poirot này.”

“*C'est tout naturel.*^[34] Ông có để ý Franklin đột nhiên đồng tình và đồng cảm với cô Megan không?

Cái cách anh ta rướn người về phía trước và nhìn thẳng vào cô ấy? Và anh có để ý cô Thora Grey tỏ ra rất bức mình trước chuyện đó? Và anh chàng Donald Fraser, anh ta...”

“Poirot ơi,” tôi nói. “Trí óc ông lúc nào cũng đa cảm.”

“Không hề nhé. Ông mới chính là người đa cảm đó, Hastings à.”

Tôi định gân cổ lên cãi nhưng lúc đó bỗng dừng cửa mở.

Tôi ngạc nhiên thấy Thora Grey bước vào.

Cô ta điềm tĩnh nói: “Thứ lỗi cho tôi, tôi phải quay lại vì có chuyện cần nói với ông, ông Poirot.”

“Không sao đâu, thưa cô. Mời cô ngồi.”

Cô ta ngồi xuống, do dự một hồi như thể đang đắn đo từng lời.

“Chuyện là thế này, ông Poirot ạ. Ông Clark rất hào hiệp khi lúc nãy kể với ông là tôi tự quyết định rời Combeside. Ông ấy là người rất tử tế và trung thành. Nhưng sự thật không phải như thế. Tôi cũng có ý định rời lại đó vì có nhiều việc liên quan tới mấy bộ sưu tập mà tôi cần giải quyết. Chính phu nhân Clarke là người muốn tôi đi! Tôi biết có vài lý do. Bà ấy ốm rất nặng và đầu óc bà ấy hơi không được minh mẫn vì người ta kê cho bà nhiều thứ thuốc quá. Thuốc khiến bà trở nên đa nghi và mộng mị. Bà ghét tôi vô cớ và khăng khăng đuổi tôi ra khỏi nhà.”

Tôi ngưỡng mộ lòng can đảm của cô gái vô cùng. Không như người khác, cô ta không hề cố che đậy sự thật mà thẳng thắn đối mặt với nó. Tôi thật sự rất ngưỡng mộ và thông cảm với cô.

Tôi nói: “Tốt quá, cô dám đến kể cho chúng tôi chuyện này.”

“Tốt hơn hết là nói sự thật,” cô gái mỉm cười đáp. “Tôi không muốn núp sau cái bóng hào hiệp của ông Clarke. Ông ấy là người rất hào hiệp.”

Lời nói của cô thật nồng hậu. Hẳn cô vô cùng ngưỡng mộ Franklin Clarke.

“Cô quả là thành thật, cô gái à,” Poirot nói.

“Đối với tôi, đó thật sự là một đòn mạnh.” Thora rầu rĩ kể. “Tôi không biết phu nhân Clarke ghét tôi đến thế. Vậy mà lâu nay tôi cứ nghĩ bà ấy yêu quý tôi.” Cô gái nhăn mặt. “Thức khuya mới biết đêm dài.”

Cô ta đứng dậy.

“Đó là tất cả những gì tôi quay lại để nói. Tạm biệt hai ông.”

Tôi tiễn cô xuống tận cầu thang.

Khi quay lại phòng tôi nói: “Cô ấy rất thẳng thắn. Quả là một cô gái can đảm.”

“Và tính toán.”

“Tính toán ư? Ý ông là sao?”

“Ý tôi là cô ấy có khả năng nhìn xa trông rộng.”

Tôi nhìn ông ngờ vực.

“Cô ấy dễ thương đấy chứ,” tôi nói.

“Và ăn mặc cũng rất đẹp. Cái áo lụa Ma Rốc có cổ lông chồn đó - *demier cri*^[35].”

“Ông nói như là chuyên gia thời trang phụ nữ ấy, Poirot à. Tôi không bao giờ để ý người ta mặc cái gì.”

“Ông nên tham gia vào nhóm khóa thân đi là vừa.”

Tôi chưa kịp trả đũa thì Poirot đổi chủ đề ngay, ông nói:

“Ông biết không Hastings, tôi không thể xóa được cảm tưởng rằng trong những câu chuyện chúng ta nói chiều nay có cái gì đó quan trọng. Kỳ lạ là tôi chưa xác định được đó là điều gì.. Chỉ là một cảm giác thoáng qua trong đầu... Nó nhắc tôi nhớ đến cái gì đó tôi đã nghe hoặc thấy hoặc đã để ý...”

“Điều gì đó ở Churston à?”

“Không, không phải ở Churston... Trước đó nữa... Không sao, chẳng mấy chốc tôi sẽ nhớ ra thôi...”

Ông nhìn tôi (có lẽ lúc ấy tôi không chú tâm lắm), cười rồi lại bắt đầu ngâm nga.

“Cô ấy đúng là thiên thần phải không nào? Bước ra từ vườn địa đàng Thụy Điển...”

Tôi nạt: “Quý tha ma bắt ông đi, Poirot!”

PHU NHÂN CLARKE



Combeside như bao trùm trong không khí buồn bã và trầm lắng khi chúng tôi đến thăm lần thứ hai. Một phần có lẽ do thời tiết - hôm đó là một ngày tháng 9 ẩm ướt báo hiệu mùa thu đã đến, và một phần do nửa ngôi nhà bị đóng cửa. Những phòng ở tầng trệt đều đóng cửa và căn phòng nhỏ nơi chúng tôi vào cũng nghe mùi ẩm ướt và ngột ngạt.

Cô y tá bệnh viện đáng vẻ thành thạo đến gặp chúng tôi, cô kéo tay áo xuống.

“Ông Poirot phải không ạ?” cô nói về dặn dĩ. “Tôi là y tá Capstick. Tôi có nhận được thư ông Clarke báo ông sẽ đến.”

Poirot hỏi thăm bệnh tình phu nhân Clarke.

“Không có gì trầm trọng cả, mọi thứ đều nằm trong tầm kiểm soát.”

“Mọi thứ đều nằm trong tầm kiểm soát,” tôi đồ rằng điều đó có nghĩa là bà ấy đã lĩnh án tử hình.

“Đương nhiên không hy vọng bà ấy phục hồi nhiều nhưng một số liệu pháp mới được áp dụng để bà thấy dễ chịu hơn. Bác sĩ Logan khá hài lòng với tình trạng của bà ấy.”

“Nhưng có phải bà ấy sẽ không bao giờ hồi phục đúng không?”

“Ồ, chúng tôi không nghĩ thế,” y tá Capstick có vẻ hơi kinh ngạc vì lời nói thẳng đó.

“Tôi nghĩ cái chết của ông chồng khiến bà ấy sốc ghê lắm phải không?”

“À, ông Poirot ạ, ý tôi là với thể chất và sức khỏe của những người như bà thì chẳng có gì có thể gây bàng hoàng được. Sức khỏe của phu nhân Clarke không được khá quan cho lắm.”

“Cho phép tôi hỏi bà ấy có gần bó mật thiết với chồng hay chồng bà có gần bó với bà không?”

“Ồ, có chứ, họ là một đôi rất hạnh phúc, ông rất lo lắng và đau buồn về tình trạng sức khỏe của bà, tội nghiệp ông ấy. Mà như ông biết đấy, bác sĩ với nhau thì rất khó. Họ không thể động viên nhau bằng hy vọng hão huyền được. Tôi e rằng lúc đầu điều đó ám ảnh trí óc ông rất nhiều.”

“Lúc đầu thôi ư? Sau đó thì không thể nữa à?”

“Dần dà rồi người ta cũng quen thôi phải không ạ? Sau đó ngài Carmichael có bộ sưu tập. Sở thích ấy là nguồn an ủi lớn lao đối với ông. Thỉnh thoảng ông ấy lo việc kinh doanh và rồi ông và cô Grey bận rộn làm lại danh mục hàng và sắp xếp lại phòng trưng bày theo hệ thống mới.”

“Ồ vâng - Cô Grey. Cô ấy nghĩ việc rồi đúng không?”

“Vâng, tôi thấy rất tiếc về việc đó nhưng các quý bà thỉnh thoảng hay suy nghĩ lung tung khi không được khỏe. Và không ai dám cãi lại họ. Tốt hơn hết là nhường họ. Cô Grey xử lý vụ này rất phải lẽ.”

“Phu nhân Clarke lúc nào cũng ghét cô ấy thế à?”

“Không, nói đúng hơn không phải là ghét. Thật ra, tôi nghĩ lúc đầu bà ấy cũng có thích cô Grey. Nhưng tôi không nên tán chuyện với ông thế này. Bệnh nhân của tôi sẽ băn khoăn không biết chúng ta đang làm gì.”

Cô y tá đưa chúng tôi lên cầu thang dẫn đến một căn phòng ở tầng hai. Căn phòng này hồi trước là phòng ngủ và bây giờ được bày trí làm phòng khách trông rất vui mắt.

Phu nhân Clarke ngồi lọt thỏm trong một cái ghế bành lớn cạnh cửa sổ. Bà ốm yếu, khuôn mặt có vẻ phờ phạc và xám xịt vì phải chịu nhiều đau đớn. Bà nhìn xa xăm và mơ hồ và tôi để ý hai đồng tử trong mắt bà thu nhỏ lại.

Y tá Capstick giới thiệu, giọng cô cao vút vui vẻ: “Ông Poirot mà bà muốn gặp đây ạ.”

Phu nhân Clarke nói về lơ đãng: “Ồ, vâng, ông Poirot.”

Bà chìa tay ra.

“Đây là đại úy Hastings bạn của tôi, thừa phụ nhân Clarke.”

“Rất hân hạnh được gặp hai ông. Hai ông đến được thật tốt quá.”

Chúng tôi ngồi xuống chỗ bà vừa chỉ. Im lặng bao trùm. Phụ nhân Clarke như đang trôi vào mộng mị. Ngay sau đó bà giật tỉnh dậy.

“Ông đến vì chuyện của Car phải không? Về cái chết của Car. Ô, vâng.”

Bà thờ dài nhưng vẫn giữ vẻ xa xăm, rồi bà lắc đầu. “Chúng tôi chưa bao giờ nghĩ lại xảy ra ngược đời thế. Tôi chắc chắn mình sẽ đi trước ông ấy vậy mà...” Bà suy nghĩ một vài phút. “Car rất mạnh khỏe - quá cường tráng so với tuổi của ông. Ông không bao giờ bị ốm. Ông gần 60 mà trông vẫn như là 50... Vâng, còn rất mạnh khỏe...”

Bà trở lại trạng thái mộng mị. Poirot đã quá quen với tác dụng phụ của một số loại thuốc khiến cho người uống thuốc rơi vào chiều sâu bất tận của thời gian nên ông chẳng nói gì.

Phụ nhân Clarke đột nhiên nói:

“Vâng, ông đến được thì tốt quá. Tôi đã nói với Franklin. Chú ấy bảo sẽ không quên mời ông đến. Tôi mong Franklin sẽ không làm gì ngu ngốc... chú ấy rất dễ bị lừa dù đã đi khắp nơi và rất trải đời. Đàn ông là thế... Họ vẫn là những cậu bé... Đặc biệt là Franklin.”

“Tính anh ta rất bốc đồng,” Poirot nói.

“Vâng, vâng... Và rất hào hiệp. Đàn ông ngốc thế đấy. Thậm chí Car cũng thế...” Giọng bà yếu dần.

Bà lắc đầu về mặt kiên nhẫn.

“Mọi thứ đều mơ hồ hết cả... Cơ thể con người thật là phiền phức ông Poirot à, đặc biệt khi nó bị điều khiển. Người ta không còn biết gì nữa - thậm chí không biết còn đau hay không - chẳng có gì đáng phải bận tâm cả.”

“Tôi hiểu, thừa phụ nhân. Đó là một trong những bi kịch cuộc đời.”

“Tôi cảm thấy ngu ngốc quá. Tôi thậm chí không nhớ mình định nói gì với ông nữa.”

“Có phải bà định nói về cái chết của chồng bà?”

“Cái chết của Car? Ồ, có lẽ thế... Kẻ điên tàng đáng thương, ý tôi nói cái tên giết người ấy. Điều là do sự náo nhiệt và quay cuồng của thời thế cả thôi - người ta không chịu nổi. Tôi luôn thấy tội nghiệp cho những người điên - đầu óc họ hẳn là cảm thấy kỳ quặc lắm. Và rồi, bị giam cầm thì thật đáng sợ. Nhưng người ta có thể làm gì khác chứ? Nếu họ giết người...” Bà lắc đầu và thấy hơi đau. “Ông chưa bắt được hắn sao?” bà hỏi.

“Thưa chưa.”

“Chắc hôm đó hẳn có làng vắng ở đây.”

“Có rất nhiều người lạ, thừa phụ nhân Clarke. Lúc đó là mùa nghỉ lễ mà.”

“Ừ, tôi quên mất... nhưng họ đi xuống mấy bãi biển chứ không lên gần nhà tôi đâu.”

“Không có người lạ đến nhà bà hôm đó mà.”

“Ai nói thế?” phụ nhân Clarke hỏi, giọng bà đột nhiên mạnh bạo hẳn.

Poirot hơi ngạc nhiên.

“Người giúp việc,” ông đáp. “Cô Grey.”

Phụ nhân Clarke nói rõ từng lời: “Cô gái đó nói dối!”

Tôi ngồi trên ghế mà giật mình. Poirot liếc tôi.

Phụ nhân Clarke nói tiếp về luống cuống.

“Tôi không thích cô ta. Tôi chưa bao giờ thích cả. Car rất yêu quý cô ta. Lúc nào ông ấy cũng ca cái điệp khúc cô ta là trẻ mồ côi và đơn độc một mình trên cõi đời này. Trẻ mồ côi thì có sao chứ? Đôi lúc thế lại tốt hơn. Thế còn đỡ hơn là có ông bố chẳng ra gì còn bà mẹ thì nát rượu - lúc đó mất công cô ta lại phàn nàn. Rồi ông còn khen cô ta can đảm và làm việc tốt. Tôi biết là cô ta làm tốt! Còn chuyện can đảm thì tôi không biết ông lôi đâu ra cái ý nghĩ đó!”

Y tá Capstick nói chen vào: “Đừng có xúc động thế, phụ nhân ơi. Chúng tôi không được để bà mệt đâu.”

“Sau đó tôi bắt cô ta phải thu dọn hành lý! Franklin hẳn là dám bảo cô ta sẽ là nguồn an ủi cho tôi. Làm gì có chuyện an ủi tôi chứ! Tôi không phải gặp mặt cô ta sớm ngày nào hay ngày đó - tôi nói thế đấy!”

Franklin ngốc lắm! Tôi không muốn chú ấy dính líu gì đến cô ta đâu. Chú ấy vẫn là một cậu con nít! Chưa hiểu đời! Tôi nói: ‘Chị sẽ cho cô ta ba tháng lương nếu em muốn nhưng cô ta phải cắt ra khỏi nhà ngay. Chị không muốn cô ta ở trong nhà một phút giây nào nữa’. Cái hay của việc bị đau là đàn ông không dám cãi lại mình. Chú ấy làm theo lời tôi và cô ta phải ra đi. Tôi đoán, cô ta ra đi như một kẻ tử vì đạo với dáng vẻ ngọt ngào và can đảm đó!”

“Bà ơi, xin đừng xúc động quá thế. Không tốt cho bà đâu.”

Phu nhân Clarke xua y tá Capstick đi.

“Cô cũng khờ như mấy người kia thôi.”

“Ồi, phu nhân Clarke, bà không nên nói thế. Tôi nghĩ cô Grey là một cô gái tốt - trông cô ấy lãng mạn như một nhân vật bước ra từ tiểu thuyết ấy.”

“Tôi hết kiên nhẫn với các người rồi đó,” phu nhân Clarke trả lời yếu ớt.

“Ồ, thì giờ cô ta đi rồi mà bà ơi. Đi xa lắm rồi.”

Phu nhân Clarke lắc đầu về hơi mất kiên nhẫn nhưng chẳng nói gì thêm.

Poirot hỏi:

“Sao bà bảo cô Grey là kẻ nói dối?”

“Bởi vì cô ta nói dối thật mà. Cô ta bảo là không có người lạ nào đến nhà đúng không?”

“Vâng.”

“Thế ư. Qua khung cửa sổ này, tôi tận mắt thấy cô ta nói chuyện với một người đàn ông hoàn toàn xa lạ ở bậc cửa.”

“Lúc ấy là lúc nào thế?”

“Vào buổi sáng, ngày mà Car chết, khoảng 11 giờ trưa.”

“Người đàn ông đó trông thế nào?”

“Chỉ là một người bình thường. Chẳng có gì đặc biệt.”

“Là một quý ông hay là một người buôn bán?”

“Không phải là người buôn bán. Chỉ là một kẻ xoàng xĩnh thôi. Tôi không nhớ rõ lắm.”

Đột nhiên mặt bà ta co giật vì đau đớn.

“Mời các ông đi cho. Tôi hơi mệt rồi. Y tá ơi.”

Chúng tôi vâng lời và ra về.

“Thật là một câu chuyện kỳ lạ,” tôi nói với Poirot khi chúng tôi trên đường trở lại Luân Đôn. “Về cô Grey với người đàn ông xa lạ mặt.”

“Ông thấy không, Hastings? Tôi đã nói rồi: chúng ta sẽ tìm ra được điều gì đó.”

“Tại sao cô gái nói dối rằng chẳng gặp ai cả?”

“Tôi nghĩ ra gần cả chục lý do khác nhau và một trong những lý do đó cực kỳ đơn giản.”

“Có phải vì sợ bị mất mặt không?” tôi hỏi.

“Có lẽ phải viện đến tài khéo léo của ông thôi. Nhưng chắc chúng ta không cần lo lắng đâu. Cách đơn giản nhất là trực tiếp hỏi cô ấy.”

“Nhớ đâu cô ta lại nói dối thì sao.”

“Thế thì càng thú vị và cần phải suy ngẫm chứ sao.”

“Một cô gái như thế mà lại đồng lõa với một tên điên thì kỳ quá.”

“Chính xác, thế nên tôi không nghĩ vậy.”

Tôi suy nghĩ nhiều hơn.

“Đúng là hồng nhan bạc phận,” cuối cùng tôi thờ dãi nói.

“Làm gì có. Đẹp bỏ ý nghĩ đó ra khỏi đầu ông đi.”

“Nhưng đúng mà,” tôi khẳng định, “ai cũng chống lại cô ấy vì cô ấy đẹp.”

“Ông nói ngu ngốc gì thế, ông bạn. Ai ở Combeside chống lại cô ta nào? Ngài Carmichael? Franklin? Y tá Capstick?”

“Phu nhân Clarke lẩn xá vào cô ấy thế còn gì.”

“Bạn của tôi ơi, ông lúc nào cũng đầy lòng thương hại những cô gái trẻ đẹp. Tôi thì thấy thương cho những người phụ nữ già đau yếu. Có thể phu nhân Clarke là người nhìn thấy rõ mọi chuyện còn chồng bà,

Franklin Clarke và y tá Capstick đều mù cả nút, cả ông nữa, đại úy Hastings.”

“Ông đổ kị cô gái đó, Poirot à.”

Trước sự ngạc nhiên của tôi mắt ông đột nhiên sáng long lanh.

“Có lẽ tôi cũng muốn cười lên con bạch mã lãng mạn của ông, Hastings à. Ông lúc nào cũng là một hiệp sĩ thực thụ sẵn sàng đến cứu mỹ nhân gặp nạn, *bien e camabendu*^[36].”

“Ông kỳ cục quá đi, Poirot,” tôi nói, không nhịn được cười.

“À, ờ, người ta không thể thâm thương mãi được. Càng lúc tôi càng quan tâm đến sự phát triển con người trong những bi kịch như thế này. Có ba thảm kịch về cuộc sống gia đình. Đầu tiên là ở Andover - tất cả cuộc đời ngang trái của bà Ascher, sự chống chọi của bà, rồi việc bà hỗ trợ cho ông chồng và việc bà yêu thương cô cháu gái hết mực. Chừng đó thôi cũng đủ để viết thành tiểu thuyết rồi. Sau đó là vụ Bexhill - ông bố bà mẹ hạnh phúc và dễ mến có hai cô con gái khác nhau một trời một vực - một đứa thì ngốc nghếch nhưng mềm mại và xinh đẹp còn Megan thì mạnh mẽ, cương quyết, thông minh và khao khát cháy bỏng tìm ra sự thật. Và một nhân vật khác - anh chàng Scotland lúc nào cũng tỏ ra tự chủ nhưng có máu ghen và yêu cô gái xấu số tha thiết. Cuối cùng là gia đình ở Churston - người vợ sắp chết còn ông chồng mê suu tầm thì ngày càng quý mến và cảm thông cho cô gái trẻ đẹp đang giúp đỡ và cũng đồng cảm với ông, rồi thì đứa em trai cường tráng, quyến rũ, thú vị và có sức hút lãng tử mà anh chàng tích lũy được từ những chuyến ngao du dài ngày.”

“Ông thấy đấy, Hastings, nếu bình thường thì ba thảm kịch đó không hề có điểm chung đâu. Mỗi vụ sẽ tiến triển theo cách riêng mà không ảnh hưởng tới nhau. Hastings ơi, sự hoán đổi và kết hợp của cuộc sống thật kỳ lạ, tôi chưa bao giờ thôi thích thú.”

“Tới Paddington rồi,” đó là câu trả lời duy nhất mà tôi đáp lại.

Tôi có cảm giác đã đến lúc người ta phải chấp nhận thực tế phũ phàng.

Về đến Whitehaven Mansions, chúng tôi được báo có một quý ông đang đợi Poirot.

Tôi tưởng là Franklin hoặc Japp nhưng tôi kinh ngạc phát hiện ra không phải ai khác mà chính là Donald Fraser.

Anh ta trông rất bối rối và sự vụng về trong cách ăn nói của anh ta càng lộ rõ hơn bao giờ hết.

Poirot không ép anh ta nói ra anh đến để làm gì, thay vì vậy ông mời anh ăn bánh mì kẹp và uống rượu.

Khi đồ ăn thức uống đã dọn lên, Poirot một mình đọc thoại, kể lại chuyện chúng tôi ở đâu và kể rất tử tế và tình cảm về người phụ nữ bệnh tật đó.

Chúng tôi ăn gần hết bánh kẹp và nhâm nhi rượu thì ông mới bắt đầu chuyển cuộc nói chuyện theo hướng thân mật hơn.

“Anh Fraser mới đi từ Bexhill đến đây à?”

“Vâng.”

“Có gặt hái được gì từ Milly Higley không?”

“Milly Higley? Milly Higley ư?” Fraser lặp đi lặp lại cái tên đó vẻ ngạc nhiên, “Ồ, cô gái đó à! Chưa, tôi chưa làm gì cả. Chỉ là...”

Anh ta im bặt. Hai bàn tay anh đan vào nhau vẻ căng thẳng.

Rồi anh ta bật ra: “Tôi không biết tại sao tôi đến gặp ông nữa.”

Poirot đáp: “Tôi biết.”

“Không thể nào. Sao ông biết được?”

“Anh đến gặp tôi vì có điều gì đó anh cần tâm sự với người khác. Anh đến đúng rồi. Tôi chính là người thích hợp đây. Nói đi!”

Cái giọng điệu chắc nịch của Poirot có hiệu nghiệm. Fraser nhìn ông với vẻ vâng lời pha chút hàm ơn lạ lùng. “Ông nghĩ vậy sao?”

“Đương nhiên là thế rồi.”

“Ông Poirot này, ông có biết gì về những giấc mơ không?” Tôi không ngờ anh ta lại hỏi thế. Tuy nhiên, Poirot không có vẻ gì ngạc nhiên.

“Có chứ,” ông đáp. “Anh đã mơ à...?”

“Vâng. Tôi đoán ông sẽ nói tôi mơ về vụ đó là chuyện tự nhiên thôi. Nhưng không phải một giấc mơ bình thường.”

“Không ư?”

“Không?”

“Tôi đã mơ như vậy ba đêm liên tiếp... Tôi nghĩ chắc tôi điên lên mất...”

“Anh kể đi.”

Mặt anh ta có vẻ sinh động hẳn lên. Mắt anh lờ ra. Thật ra, anh ta trông giống người điên.

“Giấc mơ lặp đi đi lặp lại. Tôi đang ở trên bãi biển. Đang đi tìm Betty. Cô ấy đi lạc, chỉ đi lạc thôi, ông ạ. Tôi phải tìm cô ấy. Tôi phải đưa cho cô ấy chiếc thắt lưng của cô. Tôi cầm nó trong tay. Và rồi...”

“Rồi sao nữa?”

“Giấc mơ thay đổi... Tôi không tìm kiếm nữa. Cô ấy đã ở trước mặt tôi, cô đang ngồi trên bãi biển. Cô không thấy tôi bước đến - Thế rồi - ôi, tôi không thể...”

“Cứ kể tiếp đi.”

Giọng Poirot chắc nịch như ra lệnh.

“Tôi đến phía sau lưng cô... cô ấy không biết tôi bước đến... tôi quàng dây thắt lưng quanh cổ cô ấy và kéo... ôi... tôi kéo...”

Giọng nói đau đớn của anh ta thật là đáng sợ... Tôi bấu chặt hai thành ghế... Câu chuyện nghe sinh động quá.

“Cô ấy nghẹt thở... cô ấy chết rồi... Tôi đã siết cổ cô ấy - và rồi đầu cô ấy ngã ra đằng sau và tôi thấy khuôn mặt cô... nhưng đó là khuôn mặt của Megan chứ không phải của Betty!”

Fraser dựa ra sau, toàn thân tái nhợt và run rẩy. Poirot rót thêm một ly rượu đưa cho anh ta.

“Điều đó có nghĩa là gì vậy, ông Poirot? Tại sao tôi lại mơ như thế mỗi đêm...?”

“Uống hết ly rượu đi,” Poirot bảo.

Chàng trai làm theo rồi anh ta hỏi với giọng bình tĩnh hơn: “Điều đó nghĩa là gì thế? Tôi - tôi không giết cô ấy đúng không?”

Tôi không biết Poirot đã trả lời gì vì đúng lúc đó tôi nghe tiếng gõ cửa của người đưa thư nên lập tức rời khỏi phòng.

Thứ mà tôi lấy ra từ thùng thư xóa hết mọi quan tâm của tôi vào câu chuyện kỳ lạ của Donald Fraser.

Tôi quay lại phòng khách ngay lập tức.

“Poirot ơi,” tôi la lớn. “Nó đến rồi. Bức thư thứ tư.”

Ông ấy đứng dậy, chộp bao thư từ tay tôi, lấy dao rọc giấy và mở thư ra. Ông trái nó lên bàn.

Cả ba chúng tôi cùng đọc.

Vẫn chưa có kết quả gì sao? Thật là xấu hổ! Xấu hổ quá! Ông và cánh cảnh sát đang làm gì thế? Chà, chà, không vui sao? Rồi lần tới chúng ta sẽ đi đâu để lấy mật đây?

Tội nghiệp ông Poirot. Tôi thấy thương cho ông quá. Nếu lúc đầu ông không đạt được gì thì phải cố gắng, cố gắng, cố gắng hơn chứ. Chúng ta còn một chặng đường dài đấy.

Hạt Tipperary à? Không, còn xa lắm. Tận chữ T lận. Vụ tiếp theo sẽ diễn ra ở Doncaster vào ngày 11 tháng 9.

Hẹn gặp lại ông.

ABC

MIÊU TẢ KẺ GIẾT NGƯỜI



Tôi nghĩ chính vào lúc này cái mà Poirot gọi là yếu tố nhân sinh bắt đầu nhạt nhòa dần. Dường như vì trí óc không thể chịu đựng nổi toàn chuyện rùng rợn nên chúng tôi tạm thời không còn thiết tha gì đến cuộc sống bình thường nữa.

Tất cả chúng tôi đều cảm thấy không thể làm được gì cho tới khi bức thư thứ tư về địa điểm vụ giết người D được gửi đến. Không khí đợi chờ đó giải tỏa bớt căng thẳng.

Nhưng giờ đây những con chữ đánh máy nhảy nhót trên tờ giấy trắng cứng đờ xuất hiện khiến cho cuộc săn lùng lại trở dậy.

Thanh tra Crome từ Scotland Yard đến và khi anh ta vẫn còn ở đó thì Franklin Clarke và Megan Barnard bước vào.

Cô gái giải thích là vừa từ Bexhill lên.

“Tôi muốn hỏi anh Clark vài điều.”

Cô ấy có vẻ khá lo lắng nên quên cả việc xin lỗi và giải thích lý do của mình. Tôi chỉ nghe thông tin cô kể mà không thấy có gì quan trọng. Hiển nhiên bức thư đã chiếm toàn bộ tâm trí khiến tôi không còn để ý đến điều gì khác.

Tôi nghĩ Crome không hài lòng lắm khi thấy có nhiều bên tham gia vào vụ này. Anh ta bỗng dừng tỏ ra cực kỳ trịnh trọng và lấp lửng.

“Tôi sẽ lấy cái thư, ông Poirot ạ. Ông vui lòng làm một bản sao nhé...”

“Thôi, không cần đâu.”

Clarke hỏi: “Kế hoạch của anh thế nào, anh thanh tra?”

“Chúng tôi đã có một vài kế hoạch khá toàn diện, ông Clarke ạ.”

“Lần này chúng ta phải tóm được hắn,” Clarke nói. “Anh thanh tra à, tôi muốn báo anh biết chúng tôi vừa lập một nhóm riêng để xử lý vụ này. Một đội gồm những người có liên quan.”

Thanh tra Crome cố gắng vui vẻ trả lời: “Ồ, thế à?”

“Tôi đoán anh không để ý lắm đến những kẻ nghiệp dư phải không, thanh tra?”

“Chúng ta khó có sẵn nguồn hỗ trợ như thế này phải không, ông Clarke?”

“Chúng tôi có lý do riêng để làm thế - có còn hơn không.”

“Ồ, thế à?”

“Tôi đoán nhiệm vụ của anh cũng chẳng dễ dàng gì đâu, thanh tra ạ. Nói thật, tôi nghĩ có thể gã ABC lại thắng anh lần nữa.”

Tôi để ý thấy khi bị dồn vào thế bí, Crome thường phát biểu tràng giang đại hải.

Anh ta nói: “Tôi nghĩ công chúng sẽ không có gì phải chê những chuẩn bị của chúng ta lần này đâu ạ. Gã ngốc đó báo trước cho chúng ta một thời gian khá dài mà. Ngày 11 là tới thứ tư tuần sau cơ. Chúng ta có dư thời gian để sắp xếp một chiến dịch truyền thông trên báo chí. Doncaster sẽ được cảnh báo kỹ càng. Bất kỳ ai có tên bắt đầu bằng chữ D đều tự phòng bị - thế là tốt quá rồi còn gì. Ngoài ra, chúng tôi sẽ phải một đội cảnh sát lớn đến thị trấn đó. Việc sắp xếp này đã được sự đồng ý của tất cả các cảnh sát trưởng ở Anh. Tất cả mọi người ở Doncaster, cảnh sát cũng như dân thường, sẽ cùng nhau tìm bắt một người đàn ông - và nếu may mắn chúng ta sẽ tóm gọn hắn!”

Clarke nói khẽ:

“Có thể dễ nhận thấy anh không phải là người yêu thể thao rồi, thanh tra ạ.”

Crome trợn mắt nhìn anh ta.

“Ý ông là sao, ông Clarke?”

“Trời đất, anh không biết thứ tư tuần sau lễ hội St. Leger sẽ được tổ chức ở Doncaster à?”

Thanh tra Crome há hốc. Anh ta hết dám lặp lại cái cụm từ quen thuộc “Ồ, thế à?” của mình. Thay vào đó, anh ta nói:

“Đúng rồi. Vâng, sẽ làm cho vấn đề thêm phức tạp đây...”

“ABC không phải là thằng ngốc, cho dù hần là một thằng điên.”

Tất cả mọi người đều im lặng trong giây lát, suy nghĩ về tình thế hiện tại. Đám đông ở trường đua - đám người Anh yêu thể thao và sôi nổi - rắc rối nổi tiếp rắc rối.

Poirot lầm bầm:

“C'est ingénieux. Tout de même c'est bien imagine, ça.”^[37]

Clarke nói: “Tôi tin rằng vụ giết người sẽ xảy ra ở trường đua - có lẽ trong lúc lễ hội Leger đang diễn ra.”

Trong phút chốc, lòng đam mê thể thao khiến trí óc của anh ta tràn ngập niềm vui...

Thanh tra Crome đứng dậy, cầm theo bức thư.

“Lễ hội St. Leger đúng là phiền phức thật,” anh ta thừa nhận. “Xui xẻo quá đi.”

Anh ta ra về. Tôi nghe có tiếng xì xào trước tiền sảnh. Một phút sau, Thora Grey bước vào.

Cô ấy nói về lo lắng:

“Thanh tra bảo tôi là mới có thêm một bức thư nữa. Lần này là ở đâu ạ?”

Ngoài trời đang mưa. Thora Grey mặc một chiếc áo khoác đen, váy và khăn quàng bằng lông. Chiếc mũ nhỏ đội lệch trên mái tóc vàng óng ả.

Cô đi thẳng đến và nói với Franklin Clarke, bàn tay cô chạm vào cánh tay anh và đợi anh trả lời.

“Doncaster - vào ngày lễ St. Leger.”

Chúng tôi ngồi xuống bàn luận. Không hẹn mà chúng tôi đều có mặt đông đủ, nhưng lễ hội đua ngựa chắc chắn làm cho kế hoạch chúng tôi chuẩn bị trước đây trở nên phức tạp hơn.

Một cảm giác chán nản thoáng qua trong đầu tôi. Nói cho cùng nhóm sáu người này có thể làm được gì dù họ quan tâm đến vụ án nhiều đến đâu đi nữa? Sẽ có vô số cảnh sát chờ đợi và ở trong tình trạng báo động, họ sẽ canh gác tất cả những nơi mà tên giết người có khả năng sẽ xuất hiện. Thêm sáu cặp mắt nữa thì có thể giúp thêm gì chứ?

Như để trả lời cho câu hỏi trong đầu tôi, Poirot cất cao giọng, ông nói như một ông hiệu trưởng hay cha xứ giảng bài.

“Mes enfants”^[38], chúng ta không được phân tán sức mạnh của mình. Chúng ta phải xử lý vụ này có phương pháp và theo tư duy riêng của mỗi người. Để tìm ra sự thật chúng ta phải tìm kiếm từ bên trong chứ không phải từ bên ngoài. Mỗi người trong chúng ta phải tự hỏi mình rằng chúng ta biết gì về tên giết người? Chúng ta phải dựng lên một bức tranh tổng hợp về người đàn ông mà chúng ta sẽ tìm kiếm.”

“Chúng ta chẳng biết gì về hần cả,” Thora Grey thở dài vô vọng.

“Không, không đâu cô gái ạ. Không đúng. Mỗi chúng ta đều biết một điều gì đó về hần - nếu chúng ta biết được mình đã biết gì. Tôi tin cái chúng ta biết vẫn ở đó nếu chúng ta có thể nắm bắt được.”

Clarke lắc đầu.

“Chúng tôi chẳng biết gì cả - không biết hần ta già hay trẻ, trắng hay đen! Không ai trong chúng ta từng thấy hần hay nói chuyện với hần! Chúng ta đã lật đi lật lại mọi thứ chúng ta biết rồi còn gì.”

“Chưa hần là tất cả đâu! Ví dụ cô Grey nói với chúng ta cô không thấy hay không nói chuyện với ai lạ vào ngày ngài Carmichael Clarke bị giết cả.”

Thora Grey gật đầu: “Đúng thế mà.”

“Thật không? Cô à, phu nhân Clarke kể với chúng tôi rằng từ cửa sổ phòng bà ấy đã thấy cô đứng nói chuyện với một người đàn ông ở cửa trước.”

“Bà ấy thấy tôi nói chuyện với một người lạ ư?” Cô gái có vẻ ngạc nhiên thật sự. Chắc hần về trong treo và tinh khiết của cô chẳng có ẩn chứa điều gì không chân thật cả.

Cô gái lắc đầu.

“Phu nhân Clarke hẳn đã nhầm lẫn rồi. Tôi không hề - Ồ!”

Từ cảm thán đó đột nhiên vọt ra. Má cô ửng đỏ.

“Giờ thì tôi nhớ ra rồi! Tôi thật ngốc! Tôi quên mất chuyện đó. Nhưng chẳng quan trọng gì cả. Đó chỉ là người đàn ông đến bán bút tất - cụ thể chiến binh ấy mà. Họ li lăm. Tôi phải đuổi ông ta đi đấy. Tôi đi ngang phòng khách thì ông ta đến ngay bậc cửa. Ông ta nói chuyện trực tiếp với tôi chứ không bấm chuông nhưng ông ta trông không có vẻ gì là người xấu. Tôi nghĩ đó là lý do vì sao tôi quên mất ông ấy.”

Poirot lắc lư người, hai tay ông vỗ vỗ vào đầu. Ông lăm lăm một mình vẽ dữ dội nên không ai dám nói gì mà chỉ nhìn chăm chăm vào ông.

Ông lăm lăm: “Bút tất... bút tất... bút tất... bút tất... sắp ra rồi... bút tất.. bút tất... mô-típ đó... đúng rồi... ba tháng trước... ngày hôm kia... và bây giờ. Trời ơi, tôi tìm ra rồi!”

Ông ngồi thẳng dậy và nhìn tôi về tự hào.

“Ông nhớ không, Hastings? Andover. Ở cửa hàng đó. Chúng ta lên tầng trên. Trong phòng ngủ. Trên ghế. Có một đôi bút tất mới bằng vải lụa. Và bây giờ tôi biết hai hôm trước cái gì đã khiến tôi chú ý. Chính là cô...” ông quay sang Megan. “Cô bảo mẹ cô khóc vì bà mua cho em gái cô mấy đôi bút tất mới vào ngày vụ giết người xảy ra...”

Ông nhìn từng người một.

“Mọi người thấy không? Cùng một mô-típ xảy ra ba lần. Chúng ta không thể cho đó là sự trùng hợp được. Khi cô ấy nói tôi đã có linh cảm điều cô nói liên quan đến cái gì đó. Bây giờ thì tôi biết là cái gì rồi. Lời nói của bà Fowler - hàng xóm kế bên nhà bà Ascher. Rằng có mấy người hay đến nài nỉ để bán hàng và bà có nhắc đến bút tất. Cô hãy cho tôi biết có phải mẹ cô mua những đôi tất đó không phải ở cửa hàng mà từ người bán dạo đến tận nhà đúng không?”

“Vâng, vâng, đúng thế... Giờ tôi mới nhớ ra. Mẹ tôi nói bà thấy tội nghiệp mấy người đàn ông khôn khổ đó vì họ phải đi khắp nơi để bán cho được hàng.”

“Nhưng có liên quan gì chứ?” Franklin hỏi lớn. “Một người đàn ông bán bút tất chẳng nói lên được điều gì cả!”

“Các bạn ạ, tôi khẳng định đây không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên đâu. Ba vụ án - và cứ mỗi lần người đàn ông đó đi bán bút tất, ông ta cũng đi thám thính trước địa bàn.”

Ông xoay người sang Thora.

“*A vous la parole!*”^[39] Miêu tả người đàn ông này đi.”

Cô gái ngậy người nhìn ông.

“Tôi không thể... Tôi không biết kể thế nào... Tôi nghĩ ông ấy có đeo kính và mặc một cái áo khoác đã sờn vai...”

“*Mieux que ça, mademoiselle?*”^[40]

“Đáng ông ấy đứng hơi khòm... Tôi cũng không chắc lắm. Tôi không nhìn rõ mặt ông ta. Ông ta chẳng có gì đáng chú ý cả...”

Poirot nói về nghiêm trọng:

“Cô nói đúng. Tất cả bí ẩn của các vụ giết người đều nằm ở những gì cô vừa miêu tả về kẻ giết người đó - vì thế không còn nghi ngờ gì nữa hẳn ta chính là kẻ giết người! ‘Hẳn ta không có gì đáng chú ý cả’. Đúng thế, không còn nghi ngờ gì nữa. Cô đã miêu tả đúng tên giết người rồi đó!”

KHÔNG PHẢI LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY HASTINGS



Ông Alexander Bonaparte Cust ngồi yên như tượng. Đồ ăn sáng trên đĩa đã nguội ngắt và ông không hề động đến miếng nào. Có tờ báo đang nằm dựa vào ấm trà. Đó là tờ báo mà ông Cust đã đọc rất hào hứng.

Bỗng nhiên ông đứng dậy đi lui đi tới một chốc rồi ngồi phịch xuống chiếc ghế cạnh cửa sổ. Hai tay ông bung đầu rồi ông rên ư ừ.

Ông không nghe tiếng cửa mở. Bà Marbury chủ nhà đã đứng ở bậc cửa rồi.

“Ông Cust ơi, tôi đang nghĩ không biết ông có muốn... sao thế? Chuyện gì vậy? Ông ốm à?”

Ông Cust thả tay, ngẩng đầu lên.

“Không, không có gì đâu, bà Marbury ạ. Sáng nay tôi thấy không được khỏe lắm.”

Bà Marbury kiểm tra khay đồ ăn sáng.

“Tôi thấy ông chẳng đụng đến bữa ăn sáng. Đầu ông lại đau à?”

“Không. À, vâng... Tôi - tôi thấy hơi khó chịu trong người.”

“Ồi, tội nghiệp ông quá. Vậy hôm nay ông không đi đâu sao?”

Ông Cust bỗng nhiên đứng bật dậy.

“Không, không. Tôi phải đi chứ. Công việc mà. Quan trọng. Quan trọng lắm.”

Hai bàn tay ông run rẩy. Nhìn ông có vẻ bức bối, bà Marbury cố vỗ về ông.

“À, ông cứ đi nếu ông thấy cần phải đi. Lần này ông đi đâu có xa không?”

“Không. Tôi đi...” - Ông ngập ngừng vài phút rồi nói tiếp “... Cheltenham.”

Về ngập ngừng kỳ lạ của ông khi nhắc đến cái tên đó khiến bà Marbury nhìn ông ngỡ ngàng.

Bà trả lời kiểu xã giao: “Cheltenham đẹp lắm. Có năm tôi đi Bristol rồi đến đó. Cửa hàng ở đó rất tuyệt.”

“Ồ, tôi cũng nghĩ thế.”

Bà Marbury cúi người nhưng lưng bà cứng đờ - vì bà không quen cúi người - để nhặt tờ báo nhàu nhĩ trên sàn nhà lên.

“Mấy bữa nay báo chí không đưa tin gì khác ngoài mấy vụ giết người,” bà vừa nói vừa liếc các tiêu đề trước khi đặt tờ báo lên bàn. “Tôi thấy sờn cả gai ốc. Tôi chả đọc làm gì. Giống như vụ tên Jack Đào Mỏ ấy mà.”

Mỗi ông Cust mấp máy nhưng ông không thốt ra lời nào.

“Doncaster - đó là nơi mà hấn ra tay vụ tiếp theo,” bà Marbury nói. “Ngày mai rồi đấy! Làm mình nổi da gà ông nhì? Nếu tôi sống ở Doncaster và tên của tôi bắt đầu bằng chữ D thì tôi sẽ bắt chuyến tàu đầu tiên rời khỏi đó ngay. Tôi không muốn liều mạng đâu. Ông nói gì hả, ông Cust?”

“Đâu, tôi có nói gì đâu, bà Marbury.”

“Có đua ngựa và mấy trò khác ở đó nữa. Chả trách hấn sẽ có cơ hội ra tay. Họ bảo là có hàng trăm cảnh sát được phái đến đó và... Sao thế ông Cust, ông ốm thật rồi. Ông phải uống thuốc men gì đi chứ. Nói thật là hôm nay ông không nên đi đâu cả.”

Ông Cust đứng thẳng đờ.

“Có việc cần bà Marbury à. Tôi luôn luôn đến các cuộc hẹn đúng giờ. Người ta phải - phải tin tưởng mình! Khi tôi nhận làm việc gì, tôi làm cho đến nơi đến chốn luôn. Đó là cách duy nhất để thành công trong làm ăn bà ạ.”

“Nhưng nếu ông ốm thì sao?”

“Tôi có ốm đau gì đâu, bà Marbury. Chỉ là tôi hơi lo lắng vì một số việc riêng thôi. Tôi không ngủ được. Tôi thấy ổn rồi.”

Thái độ của ông cương quyết quá nên bà Marbury dọn dẹp đồ ăn sáng và miễn cưỡng rời phòng.

Ông Cust lôi dưới giường ra một cái vali và bắt đầu xếp đồ. Một bộ đồ ngủ, túi đựng đồ vệ sinh cá nhân, cổ áo rời, dép da. Rồi ông mở tủ chuyển chừng 10 cái hộp giấy đẹp cỡ 10x7 inch trên kệ xuống xếp vào vali.

Ông liếc nhìn quyển thông tin đường sắt trên bàn rồi rời phòng, mang theo cái vali.

Vào phòng khách, ông đặt vali xuống rồi đội mũ và mặc áo khoác vào. Ông vừa khoác áo vừa thở dài thườn thượt đến nỗi cô gái bước ra khỏi phòng bên nhìn ông vẻ lo lắng.

“Có chuyện gì vậy, bác Cust?”

“Không có gì đâu, cô Lily.”

“Bác mới thở dài mà!”

Ông Cust đột ngột nói:

“Cháu linh tính có điềm gì sao Lily? Có linh cảm gì à?”

“Ồ, thật ra, cháu có linh tính gì đâu... Đương nhiên, có ngày buồn ngày vui vậy thôi bác ạ.”

“Chắc vậy,” ông Cust đáp. Rồi ông lại thở dài.

“Ồ, tạm biệt Lily. Tạm biệt. Bác biết là lúc nào cháu cũng đối xử với bác rất tốt.”

Lily vừa cười vừa nói: “Ồi, bác đừng nói tạm biệt như thể bác sẽ đi luôn không về vậy.”

“Không, không, đương nhiên là về chứ.”

Cô gái lại cười và nói: “Hẹn gặp bác thứ sáu nhé. Lần này bác đi đâu? Đi biển nữa ạ.”

“Không, không, ờ, bác đi Cheltenham.”

“À, chỗ đó cũng đẹp. Nhưng không thích bằng Torquay đâu. Ở đó dễ thương hơn. Năm sau, cháu muốn đi nghỉ ở đó. Nhân tiện, lần trước chắc bác ở gần hiện trường vụ án lăm - vụ ABC ấy. Vụ đó xảy ra lúc bác ở đây phải không ạ?”

“Ồ, đúng rồi. Nhưng Churston cách đó chừng sáu bảy dặm cơ.”

“Cũng thế cả mà, chắc là náo động lắm! À, biết đâu bác đã đi ngang qua kẻ giết người trên phố không chừng! Biết đâu bác ở rất gần hẳn đấy!”

“Ừ, dĩ nhiên là có thể lắm chứ,” ông Cust đáp, hé một nụ cười méo mó và ghé ghé đến nỗi Lily Marbury cũng để ý thấy.

“Ồi, bác Cust, bác bị ốm rồi.”

“Bác không sao, không sao đâu cháu ạ. Tạm biệt cháu.” Ông lóng ngóng nhắc mũ ra chào rồi xách vali và vội vàng đi ra khỏi cửa.

Lily Marbury nói về khoan dung: “Bác này kỳ quá! Có vẻ hơi khùng khùng nữa.”

...

Thanh tra Crome nói với thuộc cấp:

“Kiểm cho tôi một danh sách tất cả các nhà máy sản xuất bút tất rồi gửi đến đây. Tôi cần một danh sách tất cả các đại lý - anh biết đấy, những người bán hàng để ăn hoa hồng và đi chào hàng ấy.”

“Cho vụ án ABC này ư, thưa ông?”

“Ừ, ý kiến của ông Hercule Poirot.” Giọng viên thanh tra pha chút khinh khỉnh. “Chắc cũng chẳng tìm ra được gì đâu nhưng chúng ta không được bỏ qua dù là cơ hội nhỏ nhất.”

“Đúng thế, thưa ông. Hồi trước ông Poirot đã điều tra thành công nhiều vụ nhưng tôi nghĩ bây giờ ông ấy hơi lăm cẩm rồi ạ.”

“Ông ta chỉ là tên lang băm thôi,” thanh tra Crome nói. “Lúc nào cũng làm bộ làm tịch. Lừa được người khác chứ dễ gì lừa được tôi. Còn giờ thì về việc chuẩn bị cho vụ Doncaster...”

...

Tom Hartigan nói với Lily Marbury:

“Sáng nay anh gặp bác lính già của em đấy.”

“Ai cơ? Bác Cust hả anh?”

“Ừ, bác Cust. Ở Euston. Nhìn bác ấy lúc nào cũng như thỏ lạc. Anh nghĩ bác ấy hơi khùng khùng. Bác ấy cần người chăm sóc em à. Đầu tiên bác làm rơi tờ báo rồi sau đó làm rơi vé. Anh lượm lên giúp bác - bác ấy thậm chí còn không biết mình làm rơi vé nữa kia. Bác cảm ơn anh nhưng về bức bối lắm, anh nghĩ bác không nhận ra anh.”

“Ôi dào,” Lily nói. “Bác chỉ mới gặp anh vài lần ở phòng khách chứ mấy.”

Họ khiêu vũ xong một vòng.

Tom khen: “Em nhảy đẹp quá.”

“Nhảy tiếp nào anh,” Lily đáp và uốn sát người vào anh.

Họ lại nhảy vòng nữa.

“Anh bảo là Euston hay Paddington?” Bỗng dưng Lily hỏi. “Ý em là anh gặp bác Cust ở đâu?”

“Euston.”

“Anh có chắc không đấy?”

“Có chứ. Sao thế?”

“Kỳ quá. Em nghĩ đi Cheltenham thì đi từ ga Paddington chứ.”

“Đúng rồi em. Nhưng bác Cust không đi Cheltenham. Bác ấy đi Doncaster mà.”

“Cheltenham chứ.”

“Doncaster. Anh biết chắc thế, cung ơi! Chính anh nhật cái vé của bác ấy lên mà.”

“Ồ, bác bảo em là bác đi Cheltenham. Em chắc chắn bác đã nói thế.”

“Ôi dào, chắc em nhớ nhầm thôi. Ông ấy đi Doncaster mà. Có người may mắn thật. Anh thích con Firefly ở lễ hội Leger và anh muốn xem nó đua thế nào.”

“Em nghĩ bác Cust không đi xem đua ngựa đâu, bác có vẻ không thích môn đó. Ôi, Tom, em mong là bác ấy sẽ không bị giết. Vụ giết người ABC tiếp theo sẽ diễn ra ở Doncaster đấy.”

“Bác Cust sẽ không sao đâu. Tên của bác đâu có bắt đầu bằng chữ D.”

“Lần trước may không bác ấy bị giết rồi. Bác ấy ở gần Churston ở Torquay khi vụ giết người xảy ra đó anh.”

“Thế à? Trùng hợp quá nhỉ?”

Chàng trai cười lớn.

“Lần trước nữa bác ấy không ở Bexhill chứ?”

Lily nhú mày suy nghĩ.

“Bác ấy vắng nhà... Vâng, em nhớ bác ấy đi vắng... bởi vì bác ấy quên mang theo đồ bơi. Mẹ em vá nó cho bác mà. Và bà nói: ‘Đấy, ông Cust đi hôm qua mà quên đem theo đồ bơi rồi’, và em trả lời: ‘Ồi, mẹ đừng bận tâm đến bộ đồ bơi cũ kỹ đó làm gì - có một vụ giết người thảm khốc nhất kia. Một cô gái bị siết cổ ở Bexhill’.”

“Ồ, nếu bác ấy muốn đem theo đồ bơi, chắc ông đã đi về vùng biển. Anh nói này, Lily” - khuôn mặt anh ta đầy vẻ phấn khích. “Nếu bác lính già của em là kẻ giết người thì sao nhỉ?”

“Bác Cust tội nghiệp đó ư? Bác còn không dám làm đau một con ruồi nữa là,” Lily cười lớn.

Họ vẫn nhảy thật hạnh phúc - họ ý thức niềm vui sướng được ở bên nhau.

Nhưng trong vô thức, có một điều gì đó đang trôi lên trong đầu họ...

NGÀY 11 THÁNG 9 DONCASTER



Doncaster!

Tôi nghĩ mình sẽ nhớ cái ngày 11 tháng 9 đó suốt đời.

Thật sự, cứ mỗi lần ai nhắc đến St. Leger là lập tức đầu óc tôi nghĩ ngay tới vụ giết người chứ không phải đua ngựa.

Nhớ lại cảm giác của mình lúc đó, điều nổi lên rõ nhất là cảm giác kinh sợ vì bất lực. Chúng tôi có mặt ngay tại hiện trường - Poirot, tôi, Clarke, Fraser, Megan Barnard, Thora Grey và Mary Drower, nhưng suy cho cùng ai trong số chúng tôi có thể làm được gì?

Chúng tôi đang bám víu vào một hy vọng mỏng manh - cơ may nhận ra được một khuôn mặt hay dáng hình mà có lần mình đã gặp hai hay ba tháng trước trong đám đông hàng ngàn người đó.

Thực tế phũ phàng hơn nhiều. Trong bọn tôi, người duy nhất có thể nhận dạng hẳn là Thora Grey.

Căng thẳng làm có không giữ được vẻ bình tĩnh vốn có. Phong cách điềm tĩnh và nhanh nhẹn của cô tan biến hết. Cô ngồi đan tay vào nhau, mặt như muốn khóc, cô cất từng tiếng rời rạc cầu cứu Poirot.

“Tôi chưa thật sự nhìn rõ hẳn đâu... Sao lúc đó tôi lại không nhìn hẳn cơ chứ? Tôi thật ngốc quá. Ai cũng đặt niềm tin vào tôi hết... vậy mà tôi sẽ làm mọi người thất vọng mất. Bởi vì dù có gặp lại hẳn ta lần nữa chắc tôi sẽ không nhận ra đâu. Tôi không giỏi nhớ mặt người lạ đâu ạ.”

Poirot, dù nói gì với tôi hay muốn phê bình cô gái đó thậm tệ bao nhiêu, chẳng tỏ thái độ bức mình mà rất ân cần. Thái độ của ông cực kỳ nhẹ nhàng. Tôi ngạc nhiên khi thấy Poirot quan tâm đến người đẹp đang đau khổ còn hơn tôi nữa.

Ông ôn tồn vỗ nhẹ vào vai cô gái.

“Thôi nào cô gái, đừng quá kích động thế. Chúng ta không được hoang mang đâu. Nếu gặp hẳn, cô sẽ nhận ra ngay.”

“Làm sao tôi nhận ra được chứ?”

“Ồ, có nhiều lý do lắm - nhưng có một lý do đó là hết ô đen thì sẽ đến ô đỏ thôi.”

“Ý ông là gì hả, Poirot?” tôi hỏi lớn.

“Tôi đang nói theo ngôn ngữ cờ bạc. Trên bàn quay roulette, có thể bóng sẽ liên tiếp lăn vào ô đen nhưng cuối cùng thì cũng phải lăn vào ô đỏ mà thôi. Đó là quy luật ngẫu nhiên của toán học.”

“Ý ông là tình thế sẽ xoay chuyển?”

“Đúng thế, Hastings. Và đó là khi con bạc (và kẻ sát nhân, nói cho cùng cũng chỉ là một loại con bạc cao cấp nhất vì thứ hẳn liệu lĩnh đánh cược không phải là tiền bạc mà là mạng sống của hẳn) thường thiếu suy nghĩ sáng suốt. Vì hẳn đang thắng nên hẳn nghĩ hẳn sẽ thắng mãi! Hẳn không rời cuộc chơi đúng lúc để bảo toàn số tiền thắng được. Thế nên trong vụ án mà tên sát nhân đang thành công thì hẳn không thể nhận thấy nguy cơ mình sẽ thất bại! Hẳn nhận hết chiến công về mình nhưng tôi nói cho các bạn biết nhé dù hẳn có lên kế hoạch kỹ lưỡng đến chừng nào, không có vụ án nào thành công mà không nhờ may mắn cả!”

“Chẳng phải chúng ta đang đi quá xa sao?” Franklin Clarke ra vẻ từ tốn.

Poirot phẩy tay kịch liệt.

“Không, không đâu. Nếu muốn anh có thể nghĩ hai bên có cơ hội ngang nhau nhưng phải thiên về chúng ta. Nghĩ kỹ nhé! Lẽ ra có thể thế này: ai đó vào cửa hàng bà Ascher khi tên sát nhân vừa đi ra. Người đó có thể đã nhìn phía sau quầy và thấy bà lão đã chết - và người đó hoặc bắt được tên sát nhân ngay hoặc có thể miêu tả chính xác tên sát nhân với cảnh sát để hẳn bị bắt tức khắc.”

“Vâng, đúng thế, có thể thế lắm chứ,” Clarke thừa nhận. “Nói vậy thì tên sát nhân phải chớp được cơ hội.”

“Đúng thế. Kẻ giết người luôn là một con bạc. Và giống như những tay cờ bạc, tên sát nhân thường không biết lúc nào nên dừng. Cứ sau mỗi vụ án, hắn nghĩ khả năng của hắn mạnh thêm. Khả năng phán đoán tỷ lệ của hắn bị lệch đi. Hắn không nói ‘Tôi thông minh và may mắn!’ Đúng, hắn chỉ nói là ‘Tôi thông minh!’ thôi. Và ý nghĩ về sự thông minh của hắn ngày càng mạnh mẽ và rồi, các bạn ạ, quả bóng xoay và mấy ô màu ngừng chạy rồi bóng rơi vào một số mới và thế là nhà cái gọi ‘Màu đỏ’.”

Megan nhú mày hỏi: “Ông nghĩ điều đó sẽ xảy ra ở vụ này ạ?”

“Sớm muộn gì rồi cũng phải xảy ra thôi! Cho tới giờ may mắn đang mỉm cười với tên tội phạm - nhưng chẳng sớm thì muộn nó sẽ quay sang mỉm cười với chúng ta thôi. Tôi tin là may mắn vừa mới đổi hướng! Manh mối về mấy đôi bí tất là điểm bắt đầu. Giờ đây thay vì mọi việc diễn ra theo hướng có lợi cho hắn thì mọi việc bắt đầu trục trặc rồi! Và hắn cũng sẽ mắc lỗi...”

“Tôi thấy ông có vẻ phấn khích,” Franklin Clarke nói. “Tất cả chúng ta đều cần một chút an ủi. Từ khi ngủ dậy đến giờ tôi cảm thấy vô vọng đến tê liệt ông ạ.”

“Tôi thấy chúng ta khó mà đạt được cái gì hiệu quả,” Donald Fraser lên tiếng.

Megan nạt:

“Đừng có nói kiểu chưa làm đã sợ thua thế, Don.”

Mary Drower hơi đỏ mặt nói:

“Em thì nghĩ biết đâu đấy. Cái tên quý quyết đó có mặt ở đây, chúng ta cũng có mặt ở đây - và suy cho cùng đôi khi người ta lại chạm mặt nhau trong tình huống trở trêu nhất.”

Tôi cúi kính:

“Giá mà chúng ta làm được nhiều hơn thế này.”

“Hastings à, ông phải nhớ rằng cảnh sát đang làm mọi điều có thể. Các cảnh sát đặc nhiệm cũng được mời đến. Thanh tra Crome giỏi giang thái độ có thể khó chịu nhưng anh ta là một cảnh sát có năng lực còn đại tá Anderson là một cảnh sát trưởng ưa hành động. Họ áp dụng những biện pháp tối ưu nhất để theo dõi và tuần tra thị trấn này cũng như cuộc đua ngựa. Cảnh sát chìm sẽ có mặt mọi nơi. Ngoài ra còn có các chiến dịch truyền thông. Dân chúng sẽ được cảnh báo đầy đủ.”

Donald Fraser lắc đầu.

“Tôi nghĩ hắn sẽ không dám ra tay đâu,” anh ta nói về hy vọng hơn. “Thằng cha đó bị điên mà!”

Clarke lạnh nhạt: “Rất tiếc là hắn ta bị điên! Ông nghĩ sao, ông Poirot? Hắn sẽ từ bỏ hay sẽ cố gắng thực hiện vụ này?”

“Tôi nghĩ hắn có một nỗi ám ảnh mạnh mẽ rằng phải cố gắng thực hiện cho được lời hứa của hắn! Nếu không làm được thế có nghĩa là hắn thừa nhận mình thua, mà cái tính tự cao tự đại điên loạn của hắn sẽ không cho phép hắn làm thế. Tôi nghĩ bác sĩ Thompson cũng cùng quan điểm với tôi. Giờ chúng ta chỉ còn hy vọng là hắn sẽ bị bắt khi chuẩn bị ra tay.”

Donald lại lắc đầu.

“Hắn sẽ rất xảo quyết cho mà xem.”

Poirot liếc nhìn đồng hồ đeo tay. Chúng tôi hiểu ý ông ngay. Chúng tôi đã đồng ý với nhau là sẽ dành hết cả ngày cho vụ này. Chúng tôi sẽ đi tuần khắp các đường phố vào buổi sáng và sau đó chốt ở các điểm khác nhau ở trường đua ngựa.

Tôi dùng đại từ “chúng tôi.” Dĩ nhiên, trong trường hợp của tôi thì việc đi tuần như thế chẳng ích lợi gì vì tôi chưa bao giờ thấy tên ABC đó. Tuy nhiên, vì ý tưởng chia nhau ra để tìm được nhiều khu vực hơn, tôi đề nghị đi kèm với một trong ba có gái.

Poirot đồng ý nhưng hình như kèm theo cái nheo mắt.

Mấy cô gái đi lấy mũ đội lên. Donald Fraser đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài, rõ ràng anh ta đang nghĩ ngợi nhiều lắm.

Franklin Clarke liếc về phía anh ta nhưng rồi thấy người kia quá lơ đãng vẻ như không muốn nghe chuyện của ai nên anh ta hạ giọng gọi Poirot.

“À, ông Poirot này. Khi ông xuống Churston gặp chị dâu tôi, chị ấy có kẻ hay có ám chỉ - ý tôi là - chị

ấy có gợi ý gì không...?”

Anh ta ngừng nói, bối rối.

Poirot trả lời, vẻ mặt ông giả vờ ngạc nhiên khiến tôi rất nghi ngờ.

“Comment?”^[41] Chị dâu của anh có nói, ám chỉ, gợi ý gì kia?”

Franklin Clarke mặt đỏ như gấc.

“Có lẽ ông nghĩ bây giờ không lúc nhắc đến chuyện cá nhân...”

“Du tout!”^[42]

“Nhưng tôi cảm thấy tôi muốn mọi chuyện được rõ ràng.”

“Suy nghĩ như thế là rất phải.”

Lần này tôi nghĩ Clarke đã bắt đầu nghi ngờ về mặt ngây thơ của Poirot ẩn giấu điều gì đó về thích thú lắm. Anh ta khó nhọc kể tiếp câu chuyện.

“Chị dâu tôi là một người phụ nữ cực kỳ tốt bụng - Tôi lúc nào cũng yêu quý chị ấy - nhưng chị bị ốm một thời gian rồi - và với bệnh tình như thế - phải uống thuốc và trị liệu như thế - người ta thường - ờ, nghĩ quá về người khác!”

“Hả?”

Giờ thì không còn nghi ngờ gì nữa về cái ánh nhìn của Poirot. Nhưng Franklin Clarke đang bận tìm cách nói sao cho khéo nên không để ý đến.

Anh nói tiếp: “Đó là về chuyện cô Grey.”

“Ồ, anh đang nói chuyện về cô Grey à?” Giọng điệu của Poirot tỏ ra ngạc nhiên ngạc nhiên.

“Vâng. Phu nhân Clarke cứ giữ khư khư ý kiến của mình. Ông biết đó, Thora - cô Grey, ờ, khá xinh xắn...”

“Có lẽ - đúng thế,” Poirot thừa nhận.

“Và phụ nữ, dù là người tốt nhất, cũng đối xử không tốt với phụ nữ khác. Đương nhiên, đối với anh trai tôi mà nói thì Thora rất quan trọng - anh luôn khen rằng cô là thư ký tốt nhất của anh - và anh cũng rất mến cô ấy. Nhưng tình cảm đó rất đường hoàng và không có gì phải giấu diếm. Ý tôi, Thora không phải là loại con gái...”

Poirot nói như đỡ lời: “Không ư?”

“Nhưng tôi nghĩ chị dâu tôi thấy thế lấy làm - ờ - ghen tuông. Không phải là chị tỏ thái độ với anh tôi. Nhưng sau khi anh Car qua đời, thì chuyện về cô Grey lại nảy sinh - ờ chị Charlotte chỉ trích rất gay gắt. Đương nhiên, một phần do chị đau ốm cộng với việc dùng morphine và mấy thứ khác - Y tá Capstick bảo thế - cô ấy bảo chúng tôi không được trách chị Charlotte vì đã nghĩ ngợi lung tung...”

Anh ta ngừng nói.

“Rồi sao nữa?”

“Ông Poirot ạ, tôi muốn ông hiểu là chẳng có chuyện gì giữa họ cả. Đó chỉ là những hoang tưởng của người ốm thôi. Đây này!” - Anh ta lục trong túi áo, - “đây là một lá thư tôi nhận được từ anh trai tôi khi tôi ở Malaysia. Tôi muốn ông đọc vì nó nói rõ mối quan hệ của họ như thế nào.”

Poirot nhận lấy bức thư. Franklin đến bên cạnh ông, chỉ tay vào bức thư và đọc to một số đoạn trong thư.

... mọi việc vẫn thế. Chị Charlotte cũng không đỡ hơn mấy. Anh ước giả mà tình hình tốt hơn. Em có nhớ Thora Grey không? Có gái đó rất đáng yêu và là nguồn an ủi lớn đối với anh em ạ. Anh không biết mình sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn này thế nào nếu không có cô ấy. Cô ấy lúc nào cũng cảm thông và quan tâm đến anh. Cô ấy có sở thích tinh tế và có mắt nhìn cái đẹp và còn có chung niềm đam mê nghệ thuật Trung Hoa với anh. Thật sự mà nói thì anh đã rất may mắn khi được gặp cô ấy. Không đứa con gái ruột nào có thể gần gũi và cảm thông với anh như cô bé. Cuộc đời cô bé gặp nhiều bất hạnh và khó khăn nhưng anh vui vì ở đây cô bé có một mái ấm và được yêu thương hết lòng.

Franklin nói: “Ông thấy đấy, đó là tình cảm anh trai tôi dành cho cô ấy. Anh xem cô ấy như con gái. Tôi thấy bất công là ngay sau khi anh trai tôi qua đời, vợ của anh lại đuổi cô ấy ra khỏi nhà! Phụ nữ đúng là ác độc, ông Poirot ạ.”

“Chị dâu của anh đang bệnh tật, ốm đau mà.”

“Tôi biết chứ. Đó là lý do vì sao tôi luôn tự nhủ mình không được nghĩ xấu về chị ấy. Dù sao tôi cũng muốn cho ông biết. Tôi không muốn ông có ấn tượng sai về Thora vì những điều mà phu nhân Clarke có thể kể cho ông.”

Poirot trả lại bức thư.

“Tôi cam đoan với anh,” ông mỉm cười nói, “rằng tôi không bao giờ cho phép mình hiểu sai dựa trên những gì người khác nói với tôi. Tôi tự có phán đoán riêng của mình mà.”

Clarke vừa nói vừa cất bức thư đi: “Ồ, dù sao tôi cũng rất vui vì đã giải bày với ông. Các cô gái đến rồi. Chúng ta đi thôi.”

Lúc chúng tôi rời phòng thì Poirot gọi tôi lại.

“Ông quyết định sẽ đi cùng mọi người chứ, Hastings?”

“Ồ, có chứ. Ở lại đây mà không làm gì tôi thấy buồn lắm.”

“Có cả hoạt động trí óc lẫn tay chân đó, Hastings.”

“Ồ, ông giỏi mấy vụ đó hơn tôi mà,” tôi đáp.

“Ông chỉ được cái nói đúng thôi, Hastings. Tôi đoán ông có ý đi theo hộ tống một trong các quý cô của chúng ta phải không nào?”

“Đúng thế.”

“Thế quý cô nào may mắn được ông tháp tùng?”

“Ờ... tôi... ờ... chưa quyết định.”

“Thế cô Barnard thì sao?”

“Cô ấy có vẻ khá độc lập,” tôi lưỡng lự nói.

“Cô Grey thì sao?”

“Được đấy. Cô ấy hợp hơn.”

“Bắt quả tang nhé, Hastings! Thật ra thì ông đã quyết định dành cả ngày để đi cùng thiên thần tóc vàng của mình chứ gì!”

“Ôi, thật tình cái ông Poirot này!”

“Rất tiếc tôi phải phá vỡ kế hoạch của ông, nhưng tôi đề nghị ông hộ tống người khác.”

“Ồ, thế cũng được. Tôi nghĩ ông đã xiêu lòng vì cô gái hệt như búp bê Hà Lan đó rồi.”

“Người mà ông sẽ đi cùng là Mary Drower - và tôi yêu cầu ông không được rời cô bé nửa bước.”

“Nhưng tại sao thế, Poirot?”

“Bạn thân mến ơi, vì tên của cô bé bắt đầu bằng chữ D. Chúng ta không được liêu lĩnh.”

Tôi thấy Poirot nói rất có lý. Thoạt đầu có vẻ khó tin, nhưng rồi tôi nhận ra ABC cực kỳ ghét Poirot nên ắt hẳn hẳn sẽ để ý từng đường đi nước bước của Poirot. Và nếu thế thì việc loại trừ Mary Drower sẽ một cú trời giáng đối với ông ấy.

Tôi hứa sẽ không nuốt lời.

Tôi bước ra ngoài còn Poirot ngồi lại một mình trên chiếc ghế cạnh cửa sổ.

Trước mặt ông là một bàn quay roulette nhỏ. Ông quay nó khi tôi ra khỏi cửa rồi và gọi với theo:

“Màu đỏ - điềm tốt Hastings ạ. May mắn đã đổi hướng!”

KHÔNG PHẢI LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY HASTINGS



Ông Leadbetter cần nhìn khe khẽ về mắt kiên nhẫn khi người ngồi bên cạnh đứng dậy và lóng ngóng thể nào lại vấp chân ngã nhào ngay trước mặt ông, cái mũ của gã đó rơi xuống ghế phía trước nên hẳn ta phải chồm người qua để nhặt.

Lúc này đang là đoạn cao trào của *Not A Sparrow*, bộ phim tâm lý kỳ đầy chất bi ai và đẹp đẽ này hết sức cảm động do dàn diễn viên toàn sao đóng mà ông Leadbetter đã đợi xem cả tuần nay.

Nhân vật nữ chính tóc vàng do Katherine Royal (mà theo ông Leadbetter là nữ diễn viên màn bạc hàng đầu thế giới) thủ vai, đang vừa trút nỗi căm phẫn vừa la khản cả giọng:

“Không đời nào. Tôi thà chết đói. Nhưng tôi sẽ không chết đói đâu. Hãy nhớ những lời này: Không con chim sẽ nào gục ngã cả...”

Ông Leadbetter cúi kính nghiêng đầu qua trái rồi qua phải. Mấy cái người này! Tại sao họ không đợi đến hết phim... mà bỏ về ngay đoạn xúc động thế này cơ chứ.

À, giờ thì tốt hơn rồi. Cái ông ăn vận lịch sự đáng ghét đó đã đi ra ngoài, ông Leadbetter giờ lại được xem trọn màn hình và cả cô Katherin Royal đang đứng bên khung cửa sổ biệt thự Van Schreiner ở New York nữa.

Và đoạn này cô đang lên tàu lửa, tay bế đứa con nhỏ... Tàu lửa ở Mỹ kỳ quặc thật, chẳng giống ở Anh chút nào.

Và giờ lại là cảnh Steve sống trong túp lều trên núi...

Bộ phim cứ thế chảy theo mạch cho đến tận cái kết đầy cảm động và pha chút màu sắc tôn giáo.

Ông Leadbetter thờ phào về thỏa mãn khi đèn trong rạp bật sáng.

Ông chậm rãi đứng dậy, mắt hơi nhấp nháy.

Ông không bao giờ vội vàng rời rạp chiếu phim. Lúc nào ông cũng mất một vài giây mới có thể quay lại với hiện thực tẻ nhạt của cuộc sống đời thường.

Ông liếc nhìn xung quanh. Chiều nay không có nhiều khán giả lắm. Cũng phải thôi, họ đang ở trường đua ngựa hết rồi còn đâu. Ông Leadbetter chẳng ưa gì mấy cái trò đua ngựa, đánh bài, uống rượu hay hút thuốc. Điều này càng khiến ông hứng thú với việc đi xem phim hơn.

Mọi người ai nấy đổ xô về phía lối ra. Ông Leadbetter cũng chuẩn bị theo sau. Người đàn ông ngồi hàng ghế trước ông đang ngủ rũ rượi xuống ghế. Ông Leadbetter cảm thấy giận dữ khi nghĩ ai xem bộ phim hay như *Not a Sparrow* mà lại ngủ được kia chứ.

Một quý ông giận dữ nói với người đàn ông đang ngủ mà chân anh ta thì duỗi ra chắn cả lối đi:

“Này ông gì ơi.”

Ông Leadbetter đã tới được lối ra. Ông nhìn lại.

Hình như có chút náo động ở trong đó. Người bảo vệ rạp hát... một vài người khác... Có lẽ người đàn ông ở ghế trước ông đang say bí tỉ chứ chẳng phải đang ngủ...

Ông chần chừ rồi đi tiếp và thế nên ông đã bỏ lỡ tin giật gân trong ngày - một tin còn giật gân hơn cả chuyện gần nửa số người đã thắng cược trong cuộc đua St. Leger khi chọn con 85 chứ không phải con số 1.

Người bảo vệ nói:

“Có thể ông nói đúng thưa ông... Ông ta bị ốm... Sao? Chuyện gì thế, thưa ông?”

Người kia rút tay và vừa la lớn vừa nhìn vết bẩn dính dính màu đỏ.

“Máu...”

Người bảo vệ la thất thanh.

Anh ta chợt thấy góc của vật gì đó màu vàng lòi ra từ phía dưới ghế ngồi.
Anh ta hô: “Trời ơi! Đó là a b - ABC.”

KHÔNG PHẢI LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY HASTINGS



Ông Cust rời rạp chiếu phim Regal và nhìn lên trời. Một buổi chiều đẹp... Một buổi chiều thật đẹp...

Câu nói của Browning^[43] bỗng dung xuất hiện trong đầu ông. “*Sáng danh Thiên chúa trên trời. Bình an dưới thế cho người trần gian.*”

Ông luôn ngưỡng mộ câu nói đó.

Chỉ có điều nhiều lúc, ông rất thường cảm thấy câu nói đó không đúng...

Ông vừa thủng thẳng bước trên đường vừa cười một mình cho tới khi đến nhà nghỉ Black Swan nơi ông trọ.

Ông bước lên cầu thang dẫn lên phòng mình, căn phòng nhỏ bí bách ở tầng hai nhìn xuống khuôn viên lát gạch và nhà đỗ xe.

Khi ông bước vào phòng nụ cười trên môi ông bỗng vụt tắt. Có một vết bẩn trên tay áo cạnh cổ tay. Ông ngập ngừng chạm vào đó - nó ướt và màu đỏ - máu...

Ông thọc tay vào túi lấy ra một vật - một con dao dài và mỏng. Lưỡi dao cũng dính máu đỏ còn ướt...

Ông Cust ngồi thừ hồi lâu.

Đôi mắt ông nhìn quanh phòng như con thú bị săn.

Lưỡi ông lập cập...

Ông Cust nói: “Không phải là lỗi của tôi.”

Ông nói như thể đang tranh luận với ai đó - một cậu học trò đang van xin ông hiệu trưởng.

Ông lại lập cập...

Rồi ông lại luống cuống sờ lên tay áo khoác.

Mắt ông nhìn về phía chiếc chậu rửa trong phòng.

Một lúc sau ông rót nước từ cái bình cũ kỹ vào chậu rửa tay. Ông cởi áo khoác ra, giặt phần tay áo rồi ông cẩn thận vắt cho ráo nước...

Nước giờ chuyển sang màu đỏ...

Có tiếng gõ cửa.

Ông đứng đó như trời trồng - nhìn chằm chằm.

Cửa mở ra. Có gái trẻ đáng người đầy đặn đứng đó, tay cầm chiếc bình.

“Ôi, xin lỗi ông. Nước nóng của ông đây ạ.”

Cuối cùng ông cũng cố trả lời.

“Cảm ơn cô... Tôi vừa mới giặt bằng nước lạnh rồi...”

Sao ông lại nói thế cơ chứ? Ngay lập tức mắt cô gái nhìn về phía chậu rửa tay.

Ông ta rồi rít: “Tôi... tôi vừa làm đứt tay...”

Cả hai ngừng nói - vâng, ngừng rất lâu - rồi cô gái trả lời: “Vâng, thưa ông.”

Cô gái bước ra ngoài đóng cửa lại.

Ông Cust đứng như hóa đá.

Ông lắng nghe.

Cuối cùng chuyện đã đến...

Có phải là tiếng người - tiếng cảm thán - tiếng chân người bước lên cầu thang?

Ông không còn nghe gì nữa ngoài tiếng đập thình thịch của tim mình...

Rồi đột nhiên từ từ thể như trời trồng ông trở nên nhanh nhẹn.

Ông mặc áo khoác vào, đi rón rén đến cửa chính và mở cửa ra. Không có tiếng động nào ngoại trừ tiếng xì xào quen thuộc vọng từ quầy rượu. Ông bước lên lên xuống cầu thang...

Cũng không có ai ở đó. May quá. Ông dừng lại ở chân cầu thang. Đi ngã nào bây giờ?

Ông quyết định trong đầu, lao nhanh về phía lối đi và ra bằng cửa sân sau. Một vài tài xế đang sửa xe và bàn về chuyện người thua kẻ thắng.

Ông Cust vội vàng băng qua khoảng sân đó và bước ra đường.

Ông rẽ vào ngã rẽ bên phải đầu tiên - rồi rẽ trái - rồi lại rẽ phải...

Ông có dám đi tới ga không?

Ừ, ở đó đông người lắm - những con tàu đặc biệt - nếu gặp may ông sẽ bình an vô sự...

Nếu ông gặp may...

KHÔNG PHẢI LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY HASTINGS



Thanh tra Crome đang lắng nghe lời kể đầy phấn khích của ông Leadbetter.

“Tôi cam đoan với ông, ông thanh tra, rằng tôi thót tim khi nghĩ đến chuyện đó. Hẳn là hẳn đã ngồi bên cạnh tôi suốt cả buổi chiếu phim!”

Thanh tra Crome hoàn toàn không quan tâm đến tình trạng tim mạch của ông Leadbetter, anh nói:

“Để tôi làm rõ hơn nhé. Người đàn ông này đi ra khi gần kết thúc phim...”

Ông Leadbetter bắt giác lăm lăm: “Not a Sparrow do Katherine Royal thủ vai nữ chính.”

“Ông ta bước ngang qua trước mặt ông rồi bị ngã...”

“Giờ thì tôi thấy thật ra ông ta già vờ ngã. Rồi ông ta nhào người qua ghế trước để nhặt mũ. Chắc ông ta đã đâm người đàn ông tội nghiệp lúc đó.”

“Ông không nghe tiếng gì sao? Tiếng kêu? Hay tiếng rên rĩ?”

Ông Leadbetter không nghe gì ngoài tiếng ồn và giọng khàn khàn của Katherin Royal nhưng trong trí tưởng tượng phong phú của mình ông bịa ra tiếng rên rĩ.

Thanh tra Crome không đánh giá cao chi tiết về tiếng rên rĩ và anh cứ để ông ta tiếp tục nói.

“Và rồi ông ta đi ra ngoài...”

“Ông có thể miêu tả người đó được không?”

“Ông ta cao lớn. Chỉ ít là 1 mét 8. Cao như khổng lồ ấy.”

“Da trắng hay da màu?”

“Tôi - ờ - tôi không chắc lắm. Tôi nghĩ ông ấy bị hói. Dáng vẻ đầy sát khí.”

“Ông ta có đi khập khiễng không?” thanh tra Crome hỏi.

“Có - có chứ, giờ ông nhắc tôi mới nhớ là ông ta đi khập khiễng. Da rất đậm màu, chắc là người lai.”

“Lúc ông ta vào chỗ ngồi thì đèn còn bật sáng không?”

“Không. Ông ta vào khi phim đã bắt đầu chiếu.”

Thanh tra Crome gật đầu và đưa cho ông Leadbetter một bản khai để ký vào rồi cho ông ta về.

Anh than vãn về bị quan: “Nhân chứng gì mà chán quá. Gợi ý cho ông ta chút xíu là ông ta bịa chuyện luôn. Chắc hẳn ông ta chẳng biết mặt mũi ông kia trông thế nào. Hãy mời người bảo vệ rạp chiếu phim vào đi.”

Người bảo vệ, dáng vẻ nhà binh và cứng nhắc, đi vào và đứng chờ được hỏi tới, mắt anh nhìn chăm chăm vào Đại tá Anderson.

“Rồi, đến lượt Jameson, anh trình bày đi.”

Jameson chào.

“Vâng, thưa ông. Lúc đó là vào cuối buổi chiếu phim, thưa ông. Tôi được báo có một quý ông bị ốm, thưa ông. Quý ông đó đang ở khu ghế 2-4, sụp xuống chỗ ngồi. Còn quý ông kia đang đứng cạnh đó. Tôi thấy quý ông đó có vẻ ốm, thưa ông. Một trong mấy quý ông đứng bên và đặt tay vào áo khoác của quý ông bị ốm và gọi tôi đến. Có máu, thưa ông. Hóa ra là ông ấy đã chết - bị đâm, thưa ông. Rồi tôi thấy quyền thông tin đường sắt ABC dưới ghế, thưa ông. Tôi muốn xử lý cho đúng nên tôi không chạm vào mà ngay lập tức báo cho cảnh sát về vụ thảm sát mới xảy ra ạ.”

“Tốt lắm. Jameson, anh xử lý thế là tốt rồi.”

“Cảm ơn ông.”

“Anh có để ý thấy người đàn ông nào rời khu ghế 2-4 chừng 5 phút trước đó không?”

“Có một vài người, thưa ông.”

“Anh có thể miêu tả họ được không?”

“Tôi rất tiếc là không nhớ hết, thưa ông. Một người là ông Geoffrey Parnell. Tiếp đến là anh chàng Sam Baker đi với một cô gái. Tôi không để ý ai khác nữa ạ.”

“Tiếc quá. Vậy được rồi, anh Jameson ạ.”

“Vâng, thưa ông.”

Người bảo vệ chào rồi lui về.

Đại tá Anderson nói: “Với những thông tin pháp y mà chúng ta có, tốt nhất chúng ta nên mời người đã phát hiện nạn nhân vào tiếp đi.”

Một viên cảnh sát đi vào và chào.

“Ông Hercule Poirot và một quý ông khác đang ở đây, thưa ông.”

Thanh tra Crome nhăn trán.

Anh nói: “Ồ, thế à? Mời họ vào đi.”

TÊN GIẾT NGƯỜI Ở DONCASTER



Tôi bám sát gót Poirot nên kịp nghe đoạn cuối câu chuyện của Crome.

Cả anh ta lẫn cảnh sát trưởng trông có vẻ lo lắng và tuyệt vọng.

Đại tá Anderson gật đầu chào chúng tôi.

“Tôi rất vui vì ông đã đến, ông Poirot,” ông lịch sự nói. Tôi nghĩ ông đại tá đoán những lời nhận xét của Crome đã lọt vào tai chúng tôi. “Ông thấy đấy, chúng ta lại bị hấn chơi tiếp rồi.”

“Một vụ giết người khác của ABC à?”

“Vâng. Một vụ hết sức táo bạo. Hấn nhào người qua ghế và đâm vào lưng nạn nhân.”

“Lần này là đâm sao?”

“Vâng. Hấn có vẻ có nhiều phương thức ra tay nhỉ? Nào là đánh mạnh vào đầu, thắt cổ, bây giờ là dùng dao. Đúng là tên ác độc nhiều mảnh khảnh nhỉ? Đây là những thông tin pháp y. Nếu các ông muốn xem thì xem nhé.”

Ông đưa tờ giấy về phía Poirot và nói thêm: “Quyển ABC ở ngay dưới sàn giữa hai chân người chết đấy.”

Poirot hỏi: “Thế ông đã biết danh tính của nạn nhân chưa?”

“Biết. Lần này ABC ra tay nhằm rồi - nói thế không biết chúng ta có vui thêm chút nào không. Người bị giết đó tên là Earlsfield - George Earlsfield. Làm nghề cắt tóc.”

Poirot nhận xét: “Kỳ quặc thật.”

“Chắc là bỏ qua một chữ cái,” ông đại tá gợi ý.

Ông bạn tôi lắc đầu về nghi ngờ.

Crome hỏi: “Chúng ta mời nhân chứng tiếp theo vào nhé. Ông ấy nôn nóng muốn về nhà sớm.”

“Vâng, vâng - hãy tiếp tục nào.”

Một quý ông trung niên đáng vẻ rất giống nhân vật người nhái trong truyện Alice ở xứ sở thần tiên bước vào. Ông ta có vẻ hết sức bồn chồn và giọng ông the the đầy kích động.

“Đây là vụ sốc nhất mà tôi từng được chứng kiến,” ông ta rít lên. “Tôi bị yếu tim, thưa ông - tim tôi rất yếu, tôi suýt chết ấy chứ.”

Thanh tra hỏi: “Ông tên gì ạ?”

“Downes. Roger Emmanuel Downes.”

“Nghề nghiệp ạ?”

“Tôi là hiệu trưởng trường nam sinh Highfield.”

“Ông Downes, giờ thì mời ông kể cho chúng tôi nghe chuyện gì đã xảy ra đi ạ.”

“Thưa các ông, chuyện chỉ ngắn thế này thôi. Khi phim vừa kết thúc tôi đứng lên khỏi chỗ ngồi. Ghế bên phía trái trống nhưng cách đó có một người đàn ông đang ngồi, rõ ràng là đang ngủ. Tôi không thể đi qua khỏi chỗ ông ta vì chân ông duỗi ra phía trước. Tôi bảo ông ta cho tôi đi qua. Nhưng ông ta vẫn không nhúc nhích nên tôi lặp lại lời đề nghị với... à... ờ... giọng hơi lớn tiếng hơn một chút. Ông ta vẫn không phản ứng gì. Rồi tôi lay vai ông ta để gọi dậy. Thân hình ông ta cúi xuống thấp hơn và tôi nghĩ ông ta chắc bị bất tỉnh hoặc ốm nặng. Tôi kêu lên: ‘Ông này bị ốm rồi. Gọi bảo vệ giúp tôi với’. Bảo vệ đến. Khi tôi rút tay ra khỏi vai ông ấy tôi thấy cái gì đó ướt và màu đỏ... Các ông biết sao không, tôi bị sốc kinh khủng! Chuyện gì cũng có thể xảy ra! Mấy năm nay tôi bị yếu tim...”

Đại tá Anderson nhìn ông Downes với vẻ rất kỳ lạ. “Ông Downes ạ, ông đúng là người hết sức may mắn.”

“Tôi cũng nghĩ thế, thưa ông. Tìm tôi không hề đập mạnh chút nào!”

“Ông chưa hiểu ý tôi, ông Downes à. Ông nói là ông ngồi cách đó hai ghế đúng không?”

“Thật ra thì lúc đầu tôi ngồi ở ghế kế bên, cạnh người đàn ông bị giết... sau đó tôi chuyển qua ghế khác để được ngồi phía sau một ghế trống.”

“Ông có chiều cao và hình dáng gần giống với người chết đó và ông cũng quàng một chiếc khăn len quanh cổ giống ông ấy đúng không?”

Ông Downes trả lời về khó nhọc: “Tôi chưa hiểu...”

“Ông ạ, ý tôi là ông đã gặp may,” đại tá Anderson nói. “Có thể tên giết người đã đi theo ông vào rạp rồi hấn bị nhầm lẫn. Hấn nhầm nhầm lưng của người khác. Nếu nhát dao đó không phải để dành cho ông thì tôi đi đầu xuống đất đây, ông Downes ạ!”

Tim của ông Downes rất giỏi chịu đựng thử thách vừa rồi nhưng đến thử thách này nó đã đầu hàng. Ông ta ngồi phịch xuống ghế, thở dốc và mặt trở nên tím tái.

Ông vừa thở hổn hển vừa kêu: “Nước... nước...”

Người ta mang đến cho ông một ly nước, ông uống từng ngụm nhỏ và sắc mặt của ông dần trở lại bình thường. Ông ta nói: “Tôi ư? Sao lại là tôi?”

“Có vẻ như thế lắm,” Crome nói. “Thật ra, đó là cách lý giải duy nhất.”

“Ý anh là người đàn ông này - cái tên quý đội lột người này - thằng điên khát máu này đã bám theo tôi và đợi thời cơ ra tay sao?”

“Tôi nghĩ thế.”

Ông hiệu trưởng giận dữ hỏi lại: “Nhưng trời ơi, sao lại là tôi cơ chứ?”

Thanh tra Crome cổ lăm mới không đáp lại là: “Tại sao không chứ?” và rút cuộc anh nói: “Tôi e là đối với một kẻ hoang tưởng thì khó bắt hấn phải đưa ra lý do vì sao hấn làm thế.”

Ông Downes trấn tĩnh lại và thì thầm: “May cho tôi quá trời ơi!”

Ông ta đứng dậy. Bỗng dưng trông ông trở nên già đi và run rẩy.

“Nếu các ông không cần tôi nữa thì tôi xin phép về đây. Tôi... tôi không được khỏe.”

“Được rồi ông Downes. Tôi sẽ cho một cảnh sát đưa ông về - chỉ là để biết ông về nhà an toàn thôi.”

“Ồ, không...không. Cảm ơn ông. Không cần đâu.”

Đại tá Anderson nói giọng khàn khàn: “Có thể cần đây.”

Mắt ông liếc ngang như muốn ngẫm hỏi vị thanh tra. Anh thanh tra kín đáo gật đầu đáp lại.

Ông Downes run rẩy ra về.

“May là ông ta không hiểu ý của chúng ta,” đại tá Anderson nói. “Chắc phải nhờ một vài người nữa nhỉ?”

“Vâng, thưa đại tá. Thanh tra Rice đã sắp xếp rồi ạ. Họ sẽ theo dõi ngôi nhà đó.”

“Ông nghĩ là,” Poirot lên tiếng, “khi ABC nhận ra sự nhầm lẫn của hấn thì hấn sẽ ra tay lại à?”

Anderson gật đầu.

“Có thể lắm chứ,” ông nói. “Tên ABC đó hành động có quy củ lắm. Hấn sẽ giận dữ nếu mọi việc không diễn ra theo sắp đặt của hấn.”

Poirot gật đầu về nghĩ ngợi.

Đại tá Anderson cau kính: “Giá mà chúng ta có được nhận dạng của hấn. Chúng ta vẫn mù tịt như trước.”

“Sắp có rồi,” Poirot nói.

“Ông nghĩ vậy à? ừ, có thể lắm chứ. Khốn nạn thật, mọi người đều mù hết cả hay sao thế không biết?”

Poirot: “Xin ông hãy kiên nhẫn.”

“Ông có vẻ tự tin đây, ông Poirot. Lý do nào khiến ông lạc quan thế?”

“Vâng, thưa đại tá Anderson. Cho đến bây giờ, tên sát nhân chưa mắc lỗi nào. Nhưng hấn sẽ sớm mắc lỗi thôi.”

“Nếu đó là điều ông căn cứ vào...” ông cảnh sát trưởng khịt mũi nói nhưng chưa dứt câu thì có ai đó cắt lời.

“Ông Ball chủ nhà nghỉ Black Swan đến đây cùng với một cô gái trẻ thưa ông. Ông ta nói có vài điều

cần khai báo và có thể có ích cho các ông.”

“Mời họ vào đi. Mời họ vào. Chúng ta phải nghe bất kỳ cái gì có ích cho việc điều tra.”

Ông Ball chủ nhà nghỉ Black Swan là một người đàn ông to lớn, phản ứng chậm chạp và đi đứng rất nặng nề. Hơi thở của ông toàn mùi bia. Đi cùng ông là một cô gái mập mạp có đôi mắt tròn, rõ ràng cô ta đang rất hồi hộp.

Ông Ball nói với giọng chậm rãi và nặng nề: “Tôi hy vọng không vào bữa hay làm mất thì giờ của các ông. Nhưng cô hầu phòng Mary đây nghĩ cô ấy có chuyện cần báo cho các ông biết.”

Mary cười vẻ miễn cưỡng.

Anderson nói: “Nào, cô gái, có chuyện gì thế? Tên cô là gì?”

“Mary, Mary Stroud, thưa ông.”

“Nào, Mary, cô kể đi.”

Mary đưa đôi mắt tròn xoe nhìn về phía ông chủ.

Ông Ball nói thay: “Nhiệm vụ của cô ấy là đưa nước nóng lên phòng của khách nam. Lúc đó có chừng sáu bảy khách ở trọ chỗ chúng tôi. Một vài khách đến để xem đua ngựa còn số khác thì đi buôn bán.”

Ông Anderson nói về cốt ruột: “Vâng, vâng.”

“Cháu kể tiếp đi. Kể đi cháu. Đừng sợ.” Ông Ball nói.

Mary thờ dốc, lăm bằm rồi hớn hên kể câu chuyện của mình.

“Tôi gõ cửa, không thấy ai trả lời, nếu có trả lời chỉ ít tôi sẽ không bước vào liền. Tôi chỉ vào khi ông ấy nói ‘Mời vào’, và vì ông không nói gì cả nên tôi đẩy cửa bước vào khi ông ấy đang đứng rửa tay ở đó.”

Cô ngừng kể và hít thật sâu.

Anderson nói: “Cô kể tiếp đi cô gái.”

Mary nhìn sang ông chủ và như thể được ông tiếp sức bằng cái gật đầu chậm rãi, cô liền kể tiếp.

“Nước nóng của ông đây ạ và tôi có gõ cửa”, tôi nói. Ông ta đáp: ‘Ồ, tôi rửa bằng nước lạnh rồi’. Vì thế tôi nhìn vào trong chậu rửa và trời ơi, ông ơi, nước toàn màu đỏ!”

Anderson hỏi đột: “Màu đỏ ư?”

Ball chen vào.

“Cô ấy nói với tôi rằng hấn ta cởi áo khoác ra và cảm phần tay áo ướt đỏ - đúng thế không cháu?”

“Vâng, thưa ông, đúng thế ạ.”

Cô gái tiếp tục kể:

“Và khuôn mặt của ông ấy, thưa ông, trông lạ, lạ ghê lắm. Khiến tôi điếng người.”

Anderson đột nhiên hỏi: “Lúc đó là mấy giờ?”

“Tôi đoán là khoảng 5 giờ 15 phút hay gần gần thế.”

Anderson ngắt lời: “Hơn ba tiếng đồng hồ rồi cơ à. Sao hai người không đến trình báo ngay?”

Ball đáp: “Chúng tôi đâu có biết vụ án ngay đâu. Mãi sau tôi mới nghe được tin có một vụ giết người khác xảy ra. Và rồi cô hầu phòng la lớn vì nước trong chậu rửa giống như máu và tôi hỏi cô ấy ý cô là sao và cô kể đầu đuôi câu chuyện với tôi. Ồ, tôi không tin lắm nên tôi đích thân lên xem. Không có ai trong phòng cả. Tôi hỏi xung quanh và một người trong số đám thanh niên ngồi trong sân kể họ thấy hấn lên ra ngoài theo hướng đó và theo như lời miêu tả của anh ta thì đúng là hấn. Vì thế tôi nói với bà xã của tôi là tốt nhất Mary phải đi trình báo cảnh sát. Cô ấy không muốn, ý tôi là Mary ấy, nên tôi hứa sẽ đi cùng cô ấy tới đây.”

Thanh tra Crome đưa cho ông Ball một tờ giấy.

Anh nói: “Cô hãy miêu tả người đàn ông này đi. Càng nhanh càng tốt. Chúng ta không được bỏ phí dù là một giây.”

Mary đáp: “Ông ấy cỡ người trung bình. Dáng hơi khòm khòm và đeo kính ạ.”

“Hấn ăn mặc áo quần thế nào?”

“Mặc bộ vest đen và đội mũ nỉ. Trông hơi xoàng xĩnh.”

Cô ấy không tả thêm được gì nữa.

Thanh tra Crome không ép. Chẳng bao lâu các đường dây điện thoại trở nên bận rộn nhưng cả thanh tra và cảnh sát trưởng đều không mấy lạc quan.

Crome rút ra một dữ kiện rằng khi người ta thấy hắn đi ngang qua sân, hắn không mang theo túi xách hay vali. Anh nói: “Có một cơ hội rồi đó.”

Hai cảnh sát viên được phái tới nhà nghỉ Black Swan. Ông Ball tỏ ra hãnh diện và quan trọng lắm, còn Mary thì nước mắt giọt ngắn giọt dài đi theo hai cảnh sát viên đó.

Mười phút sau, viên trung sĩ quay lại.

Anh nói: “Tôi đã mang giấy đăng ký phòng khách sạn đến, thưa ông. Đây là chữ ký.”

Chúng tôi đứng tùm lại. Chữ viết nhỏ và nguệch ngoạc - rất khó đọc.

Cảnh sát trưởng hỏi: “A. B. Case - hay là Cash?”

Crome nói với vẻ hiểu biết lắm: “ABC”

Anderson hỏi: “Thế hành lý thì sao?”

“Một vali lớn chất đầy các hộp carton nhỏ thưa ông.”

“Hộp ư? Đựng gì thế?”

“Bít tất, thưa ông. Bít tất lụa.”

Crome quay sang Poirot.

“Chúc mừng ông,” anh nói. “Linh cảm của ông đúng rồi.”

KHÔNG PHẢI LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY HASTINGS



Thanh tra Crome đang trong văn phòng của mình ở Scotland Yard.

Điện thoại trên bàn anh ta reo từng tiếng dè dặt và anh nhắc máy.

“Jacobs đây, thưa ông. Có một chàng trai đến trình báo mà tôi nghĩ ông nên nghe.”

Thanh tra Crome thờ dãi. Trung bình một ngày có chừng 20 người đến trình báo thông tin về vụ ABC mà họ cho là quan trọng. Một vài người trong số họ chỉ là những kẻ hoang tưởng vô hại, số khác thì có ý muốn giúp và cho rằng thông tin của họ có giá trị. Trung sĩ Jacobs đóng vai trò như một cái sàng - giữ lại phần thô và chuyển phần đã lọc cho cấp trên.

Crome nói: “Tốt lắm Jacobs. Cho anh ta vào đi.”

Vài phút sau có tiếng gõ cửa phòng thanh tra và trung sĩ Jacobs xuất hiện, đi cùng với một anh chàng trông khá bảnh trai và cao ráo.

“Đây là anh Tom Hartigan, thưa ông. Anh ấy có một số chuyện cần kể có thể liên quan đến vụ ABC.”

Thanh tra vui vẻ đứng dậy bắt tay chàng trai.

“Chào anh Hartigan. Mời anh ngồi. Anh có hút thuốc không? Làm một điếu nhé?”

Tom Hartigan vụng về ngồi xuống ghế. Anh tôn sùng hình tượng mà trong tâm trí anh cho là “một trong những nhân vật tầm cỡ” thế nên khi thanh tra xuất hiện, anh có chút thất vọng. Ông thanh tra cũng như người thường chớ có khác gì đâu!

Crome nói: “Nào, anh có chuyện liên quan đến vụ án muốn kể đúng không. Vậy thì xin hãy bắt đầu.”

Tom bắt đầu kể với vẻ căng thẳng.

“Dĩ nhiên có thể chuyện tôi kể chẳng là gì. Chỉ là tôi nghĩ nó quan trọng. Có thể tôi đang lãng phí thì giờ của ông.”

Thanh tra Crome kín đáo thờ dãi. Anh lại phải tốn thời gian để trấn an người ta!

“Chúng tôi là người đưa ra phán xét có quan trọng hay không. Cứ kể với chúng tôi thông tin anh có đi anh Hartigan.”

“À, sự việc là thế này thưa ông. Tôi có một cô bạn gái và mẹ của cô ấy chuyên cho thuê phòng trọ. Ở thị trấn Camden. Tầng thứ hai phía sau ngôi nhà đã được một người đàn ông tên Cust thuê hơn một năm nay.”

“Cust à?”

“Vâng, thưa ông. Ông ấy chắc khoảng tuổi trung niên, có vẻ hơi lơ đãng và yếu đuối - tôi thấy ông ta giống như người trên trời rơi xuống. Kiểu người hiền lành như đất ấy. Vì thế nếu không phải vì có một số chuyện kỳ lạ thì tôi chẳng bao giờ dám nghĩ lại có gì sai quấy.”

Tom hơi lúng túng và cứ lặp đi lặp lại vài lần mới kể lại chuyện anh gặp ông Cust ở ga Euston và chuyện ông ấy đánh rơi vé tàu.

“Ông biết không, không biết ông nghĩ sao nhưng tôi thấy chuyện này hơi tức cười. Lily - bạn gái tôi khẳng định ông ấy nói sẽ đi Cheltenham và mẹ của cô ấy cũng bảo thế - bà còn kể là nhớ rõ cả cuộc nói chuyện vào buổi sáng ngày ông ấy đi. Đương nhiên lúc đó tôi không để ý lắm. Lily - bạn gái tôi nói rằng cô ấy hy vọng ông sẽ không bị gã ABC đó tóm vì đi tới Doncaster - và rồi cô kể có một sự trùng hợp là ông ấy cũng đi xuống phía Churston vào hôm xảy ra vụ án mạng ở đó. Thấy buồn cười nên tôi đùa là liệu ông ấy có đi Bexhill đợt trước không. Cô ấy nói cô không biết ông đi đâu lúc đó chỉ biết là ông đi về miền biển. Và tôi nói với cô ấy nếu ông ấy chính là ABC thì kỳ lạ quá và cô ấy nói ông Cust tội nghiệp không làm hại dù chỉ là một con ruồi - và lúc ấy câu chuyện chỉ dừng lại ở đó. Chúng tôi không nghĩ về nó nữa.

Dù thế trong lòng tôi vẫn băn khoăn về ông Cust và tôi nghĩ rằng dù trông có vẻ hiền lành nhưng ông ấy hơi lập dị.”

Tom hít một hơi rồi kể tiếp. Lúc này thanh tra Crome lắng nghe có vẻ chăm chú hơn.

“Và thưa ông, sau vụ Doncaster, trên khắp các báo đều đang tìm thông tin về một người tên là ABCase hay Cast, và miêu tả trên báo có vẻ rất khớp với thông tin tôi có. Chiều đó tôi tới nhà Lily và hỏi cô xem mấy chữ cái đầu trong tên riêng của ông Cust là gì. Lúc đầu cô ấy không nhớ nhưng mẹ cô ấy vẫn nhớ. Bà bảo đó là A B. Và rồi chúng tôi lần theo đó để tìm hiểu xem ông Cust có vắng nhà vào thời điểm diễn ra vụ án mạng đầu tiên ở Andover không. Ồ, như ông biết đấy, khó mà nhớ chuyện đã diễn ra từ ba tháng trước lắm. Chúng tôi vào đầu bút tai mãi rồi cuối cùng chúng tôi đã tìm ra vì bà Marbury có một người anh trai từ Canada về thăm bà vào ngày 21 tháng 6. Ông ấy đến bất ngờ và bà muốn tìm cho ông một chỗ ngủ nên Lily đề nghị cho Bert Sith ngủ trong phòng ông Cust vì ông ấy vắng nhà. Nhưng bà Marbury không đồng ý vì bà thấy chủ nhà không nên làm thế. Làm gì bà ấy cũng muốn minh bạch và đàng hoàng. Nhưng chúng tôi đã tính đúng ngày vì tàu của ông Bert Smith cập cảng Southampton vào ngày đó.”

Thanh tra Crome lắng nghe rất chăm chú và thỉnh thoảng còn ghi chép nữa.

Anh hỏi: “Hết rồi à?”

“Hết rồi ạ, thưa ông. Tôi hy vọng ông không cho rằng thông tin tôi cung cấp không có ích gì.”

Tom hơi đỏ mặt.

“Không đâu. Anh đã rất đúng khi đến trình báo. Đương nhiên chúng cứ không nhiều vì những mốc thời gian đó có thể chỉ là sự trùng hợp và có thể tên của hai người đó trùng nhau. Nhưng chắc chắn tôi muốn phỏng vấn ông Cust của anh. Bây giờ ông ấy có ở nhà không?”

“Có ạ.”

“Ông ấy về lúc nào thế?”

“Vào buổi tối cùng ngày xảy ra vụ án mạng ở Doncaster, thưa ông.”

“Từ hôm đó đến giờ ông ấy làm gì?”

“Ông ấy ở nhà suốt, thưa ông. Bà Marbury nói ông ấy rất kỳ lạ. Ông ấy mua nhiều báo - buổi sáng ông ấy đi ra ngoài mua báo và rồi buổi tối lại ra ngoài để mua báo tiếp. Bà Marbury nói ông ấy cũng nói chuyện một mình nhiều hơn. Bà nghĩ càng ngày ông ấy càng kỳ lạ.”

“Địa chỉ của bà Marbury là ở đâu thế?”

Tom cho anh ta địa chỉ.

“Cảm ơn anh. Có thể tôi sẽ đến đó trong hôm nay. Chắc tôi không cần nói thì anh cũng biết anh nên để ý thái độ của mình khi gặp ông Cust này chứ.”

Crome đứng dậy bắt tay chào tạm biệt khách.

“Anh cứ yên lòng nhé vì anh đã làm đúng khi tìm đến chúng tôi. Chào anh Hartigan.”

Vài phút sau, Jacobs trở vào phòng hỏi: “Ồ, thưa ông. Ông nghĩ những lời khai đó có ích chứ?”

Thanh tra Crome nói: “Rất có triển vọng nếu sự thật đúng như lời chàng trai đó khai báo. Chúng ta chưa có tin gì hay về mấy nhà máy sản xuất bút tất cả. Đã đến lúc chúng ta phải tìm được cái gì đó chứ. Nhân tiện, anh đưa cho tôi tập tài liệu về vụ Churston đi.”

Thanh tra Crome mất vài phút mới tìm ra thứ anh cần.

“A, đây rồi. Nó nằm trong đồng lời khai mà cảnh sát ở Torquay lấy được. Một chàng trai tên là Hill khai anh ta rời rạp chiếu phim Torquay Palladium sau khi xem bộ phim *Not a Sparrow* và để ý thấy một người đàn ông cư xử rất kỳ lạ. Ông ta nói chuyện một mình. Hill nghe ông ta nói ‘Đó cũng là một ý tưởng hay’. *Not a Sparrow* - chẳng phải là bộ phim được chiếu ở rạp Regal ở Doncaster sao?”

“Đúng rồi, thưa ông.”

“Có thể có gì ẩn chứa trong đó. Giờ thì chưa thấy gì nhưng có thể lúc đó hán nghĩ ra ý tưởng về phương thức thực hiện vụ án tiếp theo. Chúng ta có tên và địa chỉ của Hill. Anh ta miêu tả người đàn ông đó rất mơ hồ nhưng khớp với miêu tả của Mary Stroud và của Tom Hartigan...”

Crome gật đầu về nghĩ ngợi.

“Chúng ta bắt đầu thấy ấm lên rồi đây,” thanh tra Crome nói nhưng không hoàn toàn đúng vì anh lúc nào cũng thấy hơi lạnh.

“Ông có chỉ thị gì không ạ?”

“Hãy cho người theo dõi cái nhà ở thị trấn Camden nhưng đừng để mục tiêu của chúng ta hoảng sợ. Tôi phải nói chuyện với phó cảnh sát trưởng. Rồi sau đó đưa ông Cust đến đây và lấy lời khai của ông ta. Có vẻ ông ta sẽ có nhiều chuyện để kể đây.”

Bên ngoài, Tom Hartigan trở ra với Lily Marbury đang đợi anh ở đoạn đường đắp cao dành cho tàu lửa.

“Ồn không, anh Tom?”

Tom gật đầu.

“Anh thấy thanh tra Crome rồi. Cái ông phụ trách vụ này ấy.”

“Ông ấy thế nào?”

“Ông ấy hơi ít nói và có vẻ trịch thượng - không như anh nghĩ về một thám tử.”

Lily nói với vẻ kính trọng: “Chắc là phong cách mới của Lord Trenchard. Vài người trong số họ rất lỗi lạc. Ồ, thế ông ấy nói gì hả anh?”

Tom kể vắn tắt cuộc khai báo cho cô nghe.

“Thế họ nghĩ bác ấy thật sự là thủ phạm à?”

“Họ nói có thể thế lắm. Dù sao họ sẽ đến và thẩm vấn ông ấy.”

“Tội nghiệp bác Cust.”

“Em không nên nói tội nghiệp ông Cust em à. Nếu ông ấy là ABC thật thì ông ấy đã gây ra bốn vụ án mạng khủng khiếp đấy.”

Lily lắc đầu thờ dãi.

Cô nhận xét: “Nghe có vẻ kinh khủng thật.”

“Nào, bây giờ chúng ta đi ăn trưa thôi, em yêu. Em tưởng tượng thế này nhé, nếu chúng ta đúng thì anh nghĩ tên của anh sẽ được đăng lên báo!”

“Ồ, thật thế không anh Tom?”

“Có thể lắm chứ. Cả tên của em nữa. Và tên của mẹ em nữa chứ. Và anh dám chắc là ảnh của em cũng sẽ được đăng lên nữa.”

“Ôi, anh Tom ơi.” Lily nắm chặt cánh tay anh ta vẻ tràn ngập hạnh phúc.

“Còn giờ thì chúng ta đi ăn ở Corner House em nhé?”

Lily siết tay anh ta chặt hơn nữa.

“Vậy thì đi thôi em!”

“Dạ. Đợi em chút xíu. Em phải chạy đến ga để gọi điện thoại nhé.”

“Gọi cho ai thế em?”

“Một cô bạn mà em sắp gặp.”

Cô nhanh nhẹn băng qua đường rồi mấy phút sau quay lại chỗ anh, mặt hơi ửng đỏ.

“Nào đi thôi, anh Tom.”

Cô khoác lấy tay anh.

“Kể tiếp cho em về Scotland Yard đi anh. Anh không gặp ông kia ở đó à?”

“Ông nào cơ?”

“Quý ông người Bỉ ấy. Người mà ABC hay viết thư cho ông ấy đấy.”

“Không. Ông ấy không có ở đó.”

“Ồ, vậy thì kể cho em đi. Anh đi vào trong rồi sao nữa? Anh nói chuyện với ai và anh đã nói gì?”

...

Ông Cust nhẹ nhàng đặt ống nghe vào chỗ cũ.

Ông quay lại phía bà Marbury đang đứng ở bậc cửa. Bà ấy rõ ràng đang nhìn chòng chọc với vẻ rất tò mò.

“Hiếm khi ông có điện thoại, ông Cust nhỉ?”

“Vâng - ờ - vâng, bà Marbury ạ. Ít lắm.”

“Tôi hy vọng không có tin xấu gì chứ?”

“Không - không có.” Bà này thật là dai dẳng. Ông nhìn thấy mấy dòng chữ in trên tờ báo mà ông đang cầm.

Sinh nhật - Đám cưới - Ma chay...

Ông thốt ra: “Em gái tôi mới sinh được một bé trai.”

Ông không hề có em gái!

“Ôi, vậy à! Giờ thì - ờ, tôi đoán chắc là họ vui lắm. (Bà thầm nghĩ: ‘Vây mà suốt mấy năm nay chưa bao giờ ông kể là ông có chị em gái gì. Nếu thế thì chẳng giống đàn ông chút nào!’) Nói thật với ông là tôi ngạc nhiên khi cô ấy nói nhờ chuyển máy cho ông Cust. Lúc đầu tôi cứ nghĩ đó là giọng của Lily hoặc gần như thế. Nhưng giọng này có vẻ kiêu kỳ hơn, ý tôi là giọng nói có vẻ cao hơn. Ờ, ông Cast này, chúc mừng ông. Đây có phải là cháu đầu tiên của ông không, hay ông đã có các cháu trai và cháu gái khác nữa?”

Ông Cust đáp: “Đây là đứa cháu đầu tiên. Đứa duy nhất mà tôi có và... ờ... tôi nghĩ là tôi phải đi ngay đây. Họ muốn tôi đến thăm. Tôi... tôi nghĩ tôi đang vội nên tôi sẽ bắt taxi đi cho nhanh.”

“Ông vắng nhà có lâu không ông Cust?” bà Marbury gọi với theo khi ông đã đi lên cầu thang.

“Ồ, không, chỉ hai hay ba ngày thôi bà ạ.”

Ông biến vào phòng ngủ của mình còn bà Marbury đi vào bếp và nghĩ về “em bé dễ thương.”

Bà thấy lương tâm bị cắn rứt.

Tối qua Tom và Lily và chuyện lần lại những mốc thời gian cũ! Để cố chứng minh ông Cust là tên ác quỷ ABC đáng sợ chỉ vì mấy chữ cái đầu trong tên của ông trùng với hần và vì một số sự trùng hợp khác.

Bà nghĩ thoáng hơn: “Chắc hai đứa nó chỉ đùa thôi. Giờ mình mong hai đứa sẽ thấy xấu hổ vì đã làm thế.”

Bà Marbury không thể giải thích được rõ ràng nhưng việc ông Cust kể em gái ông mới sinh em bé đã xóa sạch mọi nghi ngờ về sự chân thành của người khách trọ này.

“Mình mong cô ấy sinh con không khó quá. Tội nghiệp cô ấy,” bà Marbury vừa nghĩ vừa đưa bàn ủi lên má để kiểm tra độ nóng trước khi ủi váy lót của Lily.

Đầu óc bà chỉ nghĩ về chuyện sinh con đẻ cái cũ rích ấy thôi.

...

Ông Cust lặng lẽ đi xuống cầu thang, tay mang theo túi xách. Mắt ông nhìn về phía chiếc điện thoại.

Cuộc nói chuyện ngắn ngủi đó như văng vẳng trong đầu ông.

“Có phải bác đó không, bác Cust? Cháu muốn báo cho bác là thanh tra từ Scotland Yard có thể đến gặp bác đây...”

Ông trả lời thế nào? Ông chẳng còn nhớ nữa.

“Cảm ơn, cảm ơn cháu nhé... Cháu tốt quá...” Hay đại loại như thế.

Tại sao cháu ấy gọi điện cho ông nhỉ? Có thể cháu đã đoán ra? Hay cháu chỉ muốn kiểm tra xem ông có ở nhà để thanh tra cảnh sát đến? Nhưng tại sao cháu lại biết thanh tra sắp đến? Và giọng của cháu - cháu giả giọng để mẹ cháu không nhận ra... Có vẻ như... có vẻ như cháu ấy biết rồi...

Nhưng chắc chắn nếu cháu biết, cháu sẽ không...

Dù vậy có thể cháu đã biết. Phụ nữ kỳ lạ lắm. Lúc thì ác độc lúc thì từ tâm. Có lần ông thấy Lily mở bẫy chuột cho con chuột trốn thoát. Thật là một cô bé tốt bụng...

Một cô bé tốt bụng và dễ thương...

Ông dừng ở phòng khách nơi có rất nhiều dù và áo khoác.

Ông có nên không?

Tiếng động nhẹ vọng ra từ bếp khiến ông quyết định luôn...

Không, không còn thời gian nữa...

Bà Marbury có thể sẽ bước ra...

Ông mở cửa trước, đi ra rồi đóng cửa lại...

Đi đâu đây...?

Ở SCOTLAND YARDS



Lại họp hành.

Phó đội trưởng điều tra tội phạm, thanh tra Crome, Poirot và tôi.

Phó cảnh sát trưởng nói:

“Ông Poirot ạ, đề nghị kiểm tra những chỗ kinh doanh bút tất trên diện rộng của ông rất là hay đấy.”

Poirot chia tay ra.

“Có dấu hiệu nhận biết mà. Người đàn ông này không thể là nhân viên kinh doanh chính thức của công ty được. Ông ta bán trực tiếp chứ không phải qua đặt hàng.”

“Mọi thứ đã rõ ràng cả chưa, thanh tra?”

Crome xem hồ sơ rồi nói: “Rồi, thưa ông. Tôi xin báo cáo sơ qua tình hình cho đến hôm nay.”

“Vâng, xin mời anh.”

“Tôi vừa kiểm tra với Churston, Paignton và Torquay và lấy được danh sách những người mà ông ta đến chào bán bút tất. Tôi phải công nhận ông ta làm mọi thứ đâu vào đấy. Ông ta ở Pitt, một khách sạn nhỏ gần ga Torre. Quay lại khách sạn lúc 10 giờ 30 vào cái đêm cùng ngày diễn ra vụ án mạng. Có thể ông ta đã bắt chuyến tàu lúc 9 giờ 57 ở Churston, đến Torre lúc 10 giờ 20. Không ai nhận diện được ông ta ở trên tàu cũng như ở sân ga. Hôm thứ Sáu là hội đua thuyền Dartmouth nên tàu từ Kingswear về khá đông khách.

Bexhill cũng gần như thế. Ông ta ở khách sạn Globe và lấy tên chính mình để đăng ký nhận phòng. Chào bán bút tất cho khoảng chục địa chỉ bao gồm cả nhà bà Barnard và quán Ginger Cat. Rồi khách sạn vào buổi chiều tối. Trờ lại Luân Đôn chừng 11 giờ 30 sáng hôm sau. Đối với Andover thì trình tự cũng như thế. Nghi lại khách sạn Feathers. Chào bán bút tất cho bà Ascher và chừng sáu bảy người khác ở đường đó. Đôi bút tất mà bà Ascher được cô cháu gái (có họ là Drower) tặng cũng được xác nhận là do ông Cust bán.”

Phó đội trưởng nhận xét: “Vây là tốt rồi.”

Thanh tra tiếp: “Dựa vào thông tin nhận được, tôi đến căn nhà mà Hartigan cho địa chỉ nhưng ông Cust đã rời đi chừng nửa tiếng. Tôi nghe bảo trước đó ông nhận được một cuộc điện thoại. Bà chủ nhà cho hay đó là lần đầu tiên ông có người gọi điện.”

Phó đội trưởng hỏi: “Ông ta có tông phạm à?”

Poirot nói: “Không có đâu. Thế thì kỳ lạ quá... trừ phi...”

Vì ông bỏ lửng câu nói nên ai cũng nhìn ông vẻ dò hỏi. Tuy nhiên, ông chỉ lắc đầu nên thanh tra Crome nói tiếp.

“Tôi đã lục soát rất kỹ phòng trọ của ông ta. Việc tìm kiếm đó càng khiến nghi ngờ của chúng ta có cơ sở hơn. Tôi tìm được một tập giấy giống với loại giấy của mấy lá thư chúng ta nhận được, có một số lượng bút tất lớn và đằng sau tủ đựng bút tất là một cái hộp có cùng hình dạng và kích cỡ với mấy thùng đựng bút tất nhưng hóa ra bên trong không phải đựng bút tất mà là tám quyển thông tin đường sắt ABC!”

Phó đội trưởng bảo: “Chứng cứ khá quan đấy.”

“Tôi còn tìm thêm được thứ khác nữa,” thanh tra Crome nói giọng đột nhiên tràn ngập vẻ đắc thắng. “Chỉ mới tìm ra sáng nay thôi, thưa ông. Tôi chưa có thời gian để làm báo cáo ạ. Không tìm thấy con dao đó trong phòng của ông ta...”

Poirot nhận xét: “Họa là ngu mới đem nó về.”

“Xét cho cùng ông ta không phải người đầu óc minh mẫn,” thanh tra nhận xét. “Dù sao, lúc đó tôi nghĩ có thể ông ta đã mang nó về nhà và rồi nhận ra rằng giấu nó trong phòng thì nguy hiểm quá (như ông

Poirot đã đề cập) nên ông ta tìm chỗ khác. Thế thì chọn nơi nào trong nhà đây? Tôi tìm ra ngay lập tức. Giá treo mũ và áo - không ai đụng đến chỗ đó cả. Phải vất vả lắm tôi mới nhờ người kéo được cái giá ra... và đúng là nó nằm ở đó!”

“Con dao à?”

“Đúng là con dao. Không còn nghi ngờ gì nữa. Vết máu khô vẫn còn bám trên đó.”

Phó đội trưởng khen về hài lòng: “Làm tốt lắm, Crome ạ. Bây giờ chúng ta chỉ cần thêm một thứ nữa.”

“Thứ gì ạ?”

“Người đàn ông đó chứ gì nữa.”

“Chúng ta sẽ tóm được hắn, thưa ông. Xin ông đừng lo.”

Thanh tra nói về tự tin.

“Ông thấy sao, ông Poirot?”

Poirot như người vừa tỉnh mộng.

“Ông nói gì cơ?”

“Chúng tôi đang nói chuyện bắt hắn ta chỉ là vấn đề thời gian. Ông thấy sao?”

“Ồ, chuyện đó à... vâng. Chắc chắn rồi.”

Ông trả lời lơ đãng đến độ mấy người kia nhìn ông vẻ tò mò.

“Có gì khiến ông lo lắng sao, ông Poirot?”

“Điều khiến tôi rất lo lắng. Đó là tại sao? Động cơ gây án.”

Phó đội trưởng sốt ruột trả lời: “Nhưng anh bạn thân mến ơi, tên đó bị điên mà.”

“Tôi hiểu ý ông Poirot,” Crome nói, từ từ giải vây. “Ông ấy có lý đấy. Hắn phải là do một ám ảnh nào đó. Tôi nghĩ chúng ta sẽ tìm ra căn nguyên vấn đề từ mặc cảm thua kém quá lớn của hắn ta. Cũng có thể do chứng sợ bạo hành và nếu thế hắn ta hẳn có liên quan tới ông Poirot. Có thể hắn có ảo tưởng ông Poirot là thám tử được thuê để rình bắt hắn.”

Phó đội trưởng nói: “Hừm. Đó là thuật ngữ thời thượng bây giờ. Ở thời tôi, nếu một người đàn ông bị điên thì là hắn bị điên thôi chứ chúng tôi không đi tìm mấy cái thuật ngữ khoa học để giảm nhẹ nghĩa của nó. Tôi nghĩ một ông bác sĩ thời nay sẽ đề nghị đưa người như ABC vào bệnh viện và 45 ngày liên tục chỉ nhắc đi nhắc lại với hắn ta rằng hắn là một người tốt rồi thả cho hắn về như thể hắn là một công dân có trách nhiệm của xã hội.”

Poirot chỉ mỉm cười không nói gì.

Cuộc họp giải tán.

Phó đội trưởng nói: “Ồ, Crome này, theo như anh nói, bắt hắn ta chỉ là vấn đề thời gian nhì.”

Thanh tra đáp: “Đáng lẽ chúng ta đã tóm hắn lâu rồi nếu trông hắn khác người bình thường. Chúng ta đã làm cho những người dân thường lo lắng.”

“Tôi đang nghĩ không biết giờ này hắn đang ở đâu,” phó đội trưởng nói.

KHÔNG PHẢI LỜI KỂ CỦA ĐẠI ÚY HASTINGS



Ông Cust đứng bên cửa hàng bán rau củ.

Ông nhìn chăm chăm về phía bên kia đường.

Ừ, đúng là nó.

Bà Ascher. Người bán báo và thuốc lá...

Trên cửa sổ trông hoác là một tấm biển *Cho thuê phòng*.

Trống rỗng...

Thiếu sức sống...

“Ông gì ơi.”

Bà vợ ông chủ cửa hàng rau quả với lấy mấy quả chanh.

Ông xin lỗi rồi đứng dịch qua một bên.

Ông chậm rãi lê bước quay lại con đường chính của thị trấn...

Thật là khó... khó quá... bây giờ ông chẳng còn một xu dính túi.

Cả ngày không có gì vào bụng khiến ông cảm thấy rất khó chịu và choáng váng...

Ông nhìn lên tấm biển bên ngoài quầy báo.

Vụ án ABC. Kẻ giết người vẫn nhởn nhơ ngoài vòng pháp luật. Các cuộc phỏng vấn với thám tử Hercule Poirot.

Ông Cust nói một mình:

“Hercule Poirot. Không biết ông ta có biết...”

Ông tiếp tục bước đi.

Đứng nhìn chăm chăm vào cái biển đó cũng chẳng ích gì...

Ông nghĩ:

“Mình không đi nổi nữa...”

Lê từng bước một... bước đi thật là kỳ cục...

Từng bước từng bước một - kỳ quặc thật.

Kỳ quặc hết sức...

Nhưng dù sao con người cũng là loài động vật kỳ quặc mà...

Và ông ta, Alexander Bonaparte Cust, là người đặc biệt kỳ quặc.

Lâu nay ông vẫn thế...

Người ta lúc nào cũng chế nhạo ông...

Ông chẳng trách họ được...

Ông đang đi đâu đây? Ông chẳng biết. Ông sắp đến ngõ cụt rồi. Giờ ông chẳng nhìn đâu nữa ngoại trừ đôi chân mình.

Từng bước một.

Ông nhìn lên. Có ánh đèn phía trước. Và những con chữ... *Đồn Cảnh sát*.

Ông Cust nói: “Kỳ quá.” Rồi ông cười rúc rích.

Rồi ông bước vào. Đột nhiên, khi ông bước vào, ông đi xiêu vẹo và ngã nhào về phía trước.

HERCULE POIROT ĐẶT CÂU HỎI



Đó là một ngày tháng 11 trong xanh. Bác sĩ Thompson và trưởng thanh tra Japp đến nhà báo cho Poirot biết kết quả thủ tục kiện ra tòa án hình sự vụ Alexander Bonaparte Cust.

Poirot bị viêm phổi nhẹ nên không tham dự buổi đó. May là ông không nhất mực muốn tôi ở bên cạnh ông.

“Vụ án đã được đệ lên tòa để xét xử,” Japp nói. “Vậy là đâu vào đấy rồi.”

“Không có gì bất thường nếu được biện hộ ở giai đoạn này chứ?” tôi hỏi. “Tuồng tù nhân luôn có quyền được biện hộ.”

“Theo thông lệ là thế,” Japp đáp. “Tôi nghĩ anh chàng Lucas muốn xử vụ này càng sớm càng tốt. Anh ta là người xét xử mà. Bệnh tâm thần là biện hộ duy nhất.”

Poirot so vai.

“Dù là bệnh tâm thần cũng không được xử trắng án đâu. Lĩnh án ở tù vô hạn cũng chẳng thua gì án tử hình cả.”

“Hình như Lucas thấy có một cơ hội đấy,” Japp nói. “Với chứng cứ ngoại phạm tốt nhất ở vụ Bexhill, toàn bộ vụ án sẽ nhẹ đi. Tôi nghĩ anh ta không biết vụ án này nghiêm trọng đến mức nào đâu. Dù sao, Lucas vẫn sẽ làm theo nguyên tắc. Anh ta còn trẻ và muốn gây ấn tượng với công chúng.”

Poirot quay sang Thompson.

“Ông nghĩ sao, bác sĩ?”

“Về Cust à? Nói thật là tôi chẳng biết nói gì. Ông ta đóng vai người bình thường giỏi quá. Dĩ nhiên là ông ta bị động kinh.”

“Đoạn kết hay quá trời luôn,” tôi nói.

“Lúc ông ta ngất đi ở đồn cảnh sát Andover á? Ờ, đúng là một hạ màn đầy kịch tính. ABC lúc nào cũng canh thời điểm quá chuẩn.”

“Có lúc nào người ta phạm tội mà không biết mình đã làm không?” Tôi hỏi. “Sự phủ nhận của ông ta nghe có vẻ rất thật.”

Bác sĩ Thompson hơi mỉm cười.

“Ông đừng có tin vào cái luận điệu đóng kịch ‘Tôi thì có trời đất’ đó. Theo tôi thì thằng cha Cust đó biết rất rõ mình đã gây ra các vụ án mạng.”

“Họ lúc nào cũng hùng hồn thế đấy,” Crome lên tiếng.

Đến lượt bác sĩ Thompson, ông nói: “Về câu hỏi của ông, người bị động kinh hoàn toàn có thể hành động ở trong trạng thái mộng du và hoàn toàn không biết mình đã làm gì. Nhưng thông thường thì hành động đó phải không ‘trái ngược với ý muốn của người đó khi họ tỉnh táo’.”

Rồi ông bác sĩ cứ tiếp tục nói về vấn đề này và nhắc tới chứng động kinh nặng và chứng động kinh nhẹ, và thú thật là những thuật ngữ đó khiến tôi hoàn toàn khó hiểu nhất là khi người có chuyên môn cứ huyên thuyên nói mãi.

“Tuy vậy, tôi phản đối giả thiết ông Cust gây ra những vụ này mà không hề hay biết. Giả thiết ấy có thể xét tới nếu không có những bức thư đó. Những bức thư đã bác bỏ cái lý thuyết kia vì chúng là minh chứng của việc lập mưu và lên kế hoạch cặn kẽ cho hành vi phạm tội.”

“Nhưng rồi chúng ta cũng chưa biết giải thích thế nào về những bức thư mà,” Poirot lên tiếng.

“Điều đó khiến ông quan tâm à?”

“Đương nhiên rồi - vì người ta viết cho tôi mà. Và nói về mấy lá thư đó, Cust khẳng khái không biết.

Đến chừng nào tôi chưa tìm ra được lý do vì sao người ta viết những bức thư đó cho tôi thì tôi cho là vụ án này vẫn chưa xử lý xong.”

“Vâng - tôi hiểu ý ông rồi. Chẳng có lý do gì ông ta muốn chống lại ông cả đúng không?”

“Đúng thế.”

“Tôi có ý này. Chắc là do cái tên của ông!”

“Tên của tôi ư?”

“Đúng thế. Rõ ràng Cust mang trên mình một gánh nặng áp lực từ người mẹ (tôi chắc là hội chứng Oedipus) khi bà đặt cho ông ta cái tên kếp nghe rất kiêu: Alexander và Bonaparte. Các ông có để ý ý nghĩa của cái tên không? Người ta cho Alexander là bất bại và luôn khao khát đi chinh phục thế giới. Bonaparte là đại đế nước Pháp. Ông ta muốn có đối thủ mà kẻ đó phải cùng đẳng cấp với mình. Ồ, mà ông lại là chàng Hercules dũng mãnh đấy.”

“Ý của ông rất hay, bác sĩ ạ. Nó khiến tôi nghĩ đến...”

“Ồi, tôi chỉ nêu ra một ý thế thôi. Ồ, tôi phải đi đây.”

Bác sĩ Thompson đi rồi. Japp còn nán lại.

“Chúng cứ ngoại phạm này làm ông lo lắng à?” Poirot hỏi.

Thanh tra công nhận: “Cũng có đôi chút. Nói thật tôi không tin lắm bởi vì tôi biết đó không phải là sự thật. Nhưng rất khó phá. Cái gã Strange này đúng là một nhân vật khó chơi.”

“Ông miêu tả anh ta cho tôi nghe đi.”

“Anh ta chừng 40 tuổi. Kỹ sư ngành mỏ. Cứng đầu, tự tin và bảo thủ. Tôi có cảm giác anh ta cứ đòi chúng ta phải xét lời khai của anh ta ngay lập tức. Anh ta vội đi Chilê nên muốn thu xếp xong xuôi mọi việc ngay lập tức.”

Tôi nhận xét: “Anh ta là một trong những người quyết đoán nhất mà tôi từng gặp đấy.”

Poirot nói về trầm ngâm: “Anh ta là loại người không chấp nhận rằng mình có thể sai sót.”

“Anh ta khẳng khái kể câu chuyện đó và không muốn ai chen ngang cả. Anh ta thề rằng anh ta tình cờ quen ông Cust tại khách sạn Whitecross ở Eastbourne vào chiều tối ngày 24 tháng 7. Anh ta thấy cô đơn và cần người trò chuyện. Tôi thấy Cust có vẻ là người rất biết lắng nghe người khác, ông ta không hề ngắt lời ai! Sau bữa ăn tối, anh ta và Cust chơi trò domino. Có vẻ Strange là một tay chơi domino rất cừ và anh ta rất ngạc nhiên khi biết Cust cũng chơi hay không kém. Domino đúng là trò chơi kỳ quặc. Người ta cuồng trò này quá trời. Họ có thể chơi hàng giờ đồng hồ liền. Rõ ràng Strange và Cust cũng thế. Cust muốn đi ngủ rồi mà Strange không chịu và đòi chơi ít nhất là cho tới nửa đêm. Và họ đã làm thế. Họ chia tay lúc 0 giờ 10 phút sáng. Và nếu Cust ở khách sạn Whitecross ở Eastbourne cho đến 0 giờ 10 phút sáng ngày 25 thì ông ta không thể thất cổ Betty Barnard trên bãi biển ở Bexhill trong khoảng từ nửa đêm đến 1 giờ sáng được.”

Poirot nhận xét về nghĩ ngợi: “Vấn đề này khó giải quyết thật. Rõ ràng, nó khiến người ta phải suy nghĩ.”

“Đó là điều Crome phải suy xét đấy,” Japp nói.

“Gã Strange này quả quyết lắm à?”

“Đúng thế. Gã rất ngoan cố. Và khó mà phát hiện ra có sơ hở ở chỗ nào. Giả sử Strange nhầm lẫn và người đàn ông mà anh ta gặp không phải là Cust - tại sao ông ta phải nói ra tên ông ta là Cust chứ? Và chữ viết trong sổ đăng ký lưu trú khách sạn cũng là của ông ta. Không thể cho rằng anh ta là tông phạm - những kẻ cuồng sát thường không có tông phạm! Thế có phải cô gái sau đó mới chết không? Bác sĩ rất chắc chắn về chứng cứ của mình và dù sao ông Cust phải mất khá nhiều thời gian mới từ khách sạn ở Eastbourne đến được Bexhill cách đó chừng 14 dặm mà không bị phát hiện...”

Poirot nói: “Vấn đề là ở chỗ đó... đúng thế.”

“Đương nhiên, thẳng thắn mà nói thì đó không phải là vấn đề. Chúng ta quy cho Cust tội giết người ở vụ Doncaster - cái áo khoác có dính máu, con dao - không hề có một sơ hở nào ở vụ đó. Chúng ta không thể ép hội đồng xét xử xử trắng án cho ông ta được. Nhưng chứng cứ đó quả thật đã làm cho vụ án không trọn vẹn. Ông ta gây ra vụ án mạng ở Doncaster. Ở Churston. Ở Andover. Thế thì, trời ạ, ông ta hẳn phải là thủ phạm của vụ Bexhill chứ. Nhưng tôi chưa biết bằng cách nào!”

Japp lắc đầu rồi đứng dậy.

“Bây giờ đến lượt ông đó, Poirot,” ông nói. “Crome đang rối như tơ vò rồi. Ông hãy vận dụng khối chất xám nổi tiếng của ông đi. Chỉ cho chúng tôi biết bằng cách nào ông ta thực hiện được vụ án đó.”

Nói rồi Japp ra về.

“Giờ thì làm sao hã Poirot? Tôi hỏi. “Mấy cái tế bào chất xám nhỏ nhoi của ông có làm gì được vụ này không?”

Poirot trả lời câu hỏi của tôi bằng câu hỏi khác.

“Hastings, nói cho tôi biết ông có nghĩ liệu có phải vụ án này đã kết thúc?”

“À, vâng, trên lý thuyết là thế. Chúng ta đã bắt được hung thủ. Và chúng ta hầu như có đầy đủ các chứng cứ rồi. Chỉ cần mấy chi tiết phụ nữa là xong.”

Poirot lắc đầu.

“Vụ án đã kết thúc! Vụ án đó! Vụ án là chính hung thủ, Hastings à. Chừng nào chúng ta hiểu hết hung thủ thì chừng đó bí ẩn mới hé lộ. Không phải cứ đưa hân ra trước vành móng ngựa là chiến thắng đâu!”

“Chúng ta biết khá nhiều về hân rồi đó chứ.”

“Chúng ta có biết gì nhiều đâu! Chúng ta biết hân ta sinh ra ở đâu. Chúng ta biết hân ta đã từng ra trận và bị thương nhẹ ở đầu và rồi được giải ngũ vì bị bệnh động kinh. Chúng ta biết hân thuê trọ ở nhà bà Marbury gần hai năm rồi. Chúng ta biết hân ta ít nói và nhút nhát - kiểu người mà ít ai để ý. Chúng ta biết hân đã nghĩ ra và tiến hành những âm mưu gây án rất tinh khôn và gọn gàng. Chúng ta biết hân mắc những sai lầm cực kỳ ngớ ngẩn. Chúng ta biết hân ra tay không thương tiếc và rất tàn nhẫn. Chúng ta biết hân cũng khá tốt bụng khi không để cho những người khác phải bị vạ lây vì những vụ án mà hân ra tay. Nếu hân muốn giết người mà không bị cản trở thì việc để cho người khác phải bị trừng phạt vì tội của hân để như trở bàn tay. Tên này là một con người đầy mâu thuẫn, ông có nhận ra điều đó không, Hastings? Ngu ngốc và láu cá, tàn nhẫn và cao thượng - và phải có một yếu tố nổi trội nào đó hòa hợp hai phẩm chất trái ngược đó chứ.”

Tôi đáp: “Đương nhiên là thế nếu ông xem hân như một đối tượng nghiên cứu tâm lý học.”

“Vụ án này ngay từ đầu đã có thêm yếu tố nào nữa nhi? Ngay từ đầu đến giờ tôi phải mò mẫm tìm đường để mong hiểu được tên giết người này. Và giờ đây tôi nhận ra rằng tôi chẳng biết gì về hân ta cả, Hastings à! Tôi hoang mang quá.”

“Khao khát quyền lực...” tôi gọi.

“Ừ, điều đó cũng giải thích được nhiều khúc mắc lắm... Nhưng tôi chưa thấy thỏa mãn. Có nhiều điều tôi cần phải biết. Tại sao hân ra tay mấy vụ này? Tại sao hân chọn những người đó...?”

“Chọn theo bảng chữ cái mà...” tôi đáp.

“Betty Barnard có phải là người duy nhất ở Bexhill có họ là Barnard đâu? Betty Barnard... Tôi có một ý tưởng... Nó phải là sự thật... nó phải là sự thật. Nhưng nếu thế thì...”

Ông im lặng vài giây. Tôi không muốn ngắt lời ông. Thật ra tôi nghĩ lúc đó mình bắt đầu bị cơn buồn ngủ kéo đi.

Poirot lắc vai gọi tôi dậy.

Ông nói, giọng triu mến: “*Mon cher Hastings*,^[44] ông đúng là thiên tài.”

Tôi thấy hơi bối rối khi đột nhiên được quý mến quá như thế.

“Thật mà,” Poirot khẳng định, “ông luôn luôn giúp tôi, đem may mắn đến cho tôi. Ông khiến tôi phải nghĩ đến điều mà tôi bỏ quên đấy.”

Tôi hỏi: “Lần này tôi đã làm gì khiến ông nghĩ thế?”

“Khi tôi đang tự đặt câu hỏi cho mình tôi nhớ lại lời nhận xét của ông - nó lóe lên một hình ảnh thật rõ ràng. Tôi chưa nói với ông rằng ông có tài phát hiện ra những sự thật hiển nhiên. Những thứ hiển nhiên mà tôi lại không để ý.”

“Thế cái nhận xét xuất sắc lần này của tôi là gì?” tôi hỏi.

“Nó làm tôi thấy mọi việc sáng rõ hơn. Tôi tìm ra câu trả lời cho những câu hỏi của mình. Đó là tìm được nguyên nhân của vụ bà Ascher (sự thật thì tôi đã thoáng thấy lâu rồi), của vụ ngài Carmichael Clarke,

của vụ Doncaster và cuối cùng cũng là quan trọng nhất, đó là nguyên nhân chọn Hercule Poirot.”

“Ông giải thích rõ hơn xem nào?”

“Không phải lúc này. Trước tiên tôi phải tìm thêm một vài thông tin nữa đã. Tôi chỉ có thể có được thông tin đó từ Đội Đặc nhiệm của chúng ta. Và rồi, rồi thì, khi tôi đã có câu trả lời cho một câu hỏi mấu chốt của mình, tôi sẽ đi gặp ABC. Lúc ấy chúng tôi sẽ mặt đối mặt - ABC và Hercule Poirot - như hai đối thủ.”

“Rồi sau đó thì sao?” Tôi hỏi.

“Rồi sau đó chúng tôi sẽ trò chuyện!” Poirot đáp. “*Je vous assure*,^[45] Hastings ạ, không có gì nguy hiểm bằng một cuộc đối thoại nhất là với người có điều gì cần giấu diếm! Một ông già thông thái người Pháp đã từng nói với tôi rằng lời nói là phát minh con người tìm ra để họ khỏi phải suy nghĩ. Không sai vào đâu được, lời nói còn là phương tiện tìm ra những gì mà người ta muốn giấu đi. Hastings ạ, người ta khó mà không có lúc để lộ suy nghĩ của mình và thể hiện cá tính của mình khi nói chuyện. Càng nói anh ta càng để lộ mình.”

“Ông mong Cust sẽ nói gì với ông?”

Hercule Poirot mỉm cười.

Ông nói: “Một lời nói dối. Và từ lời nói dối đó tôi sẽ tìm ra được sự thật!”

BẮT ĐƯỢC MỘT CON CÁO



Những ngày sau đó Poirot rất bận rộn. Ông biến mất về bí ẩn và rất ít nói, ông nhấn trán một mình và một mực từ chối thỏa mãn sự tò mò cổ hữu của tôi cũng như để tôi thể hiện sự tài giỏi mà có lần ông đã nhắc đến.

Tôi rất bức mình vì không được ông rủ đi cùng trong những chuyến đi về bí ẩn đó.

Tuy nhiên đến gần cuối tuần ông báo cho tôi ý định đi Bexhill và các vùng xung quanh rồi rủ tôi đi cùng. Khỏi phải nói, tôi sốt sắng nhận lời ngay.

Tôi vỡ lẽ ra ông không chỉ mời riêng tôi mà còn mời các thành viên trong Đội Đặc nhiệm nữa.

Poirot cũng khiến họ ngạc nhiên như tôi vậy. Tuy nhiên, vào cuối ngày đó, tôi vẫn chưa biết Poirot đang tính toán đi theo hướng nào.

Đầu tiên ông thăm gia đình ông bà Barnard và đề nghị bà vợ kể lại thời điểm ông Cust đến nhà bà và ông ấy đã nói những gì.

Rồi ông đến khách sạn nơi Cust trọ xin được xem quyển ghi chép về việc trả phòng của ông ta. Theo phán đoán của tôi thì không có thông tin mới nào thêm sau những câu hỏi của ông nhưng ông có vẻ hài lòng lắm.

Tiếp đến ông ra bờ biển nơi thi thể của Betty Barnard được tìm thấy. Ở đó, ông đi lòng vòng vài phút để xem kỹ bãi đá cuội. Tôi chẳng hiểu vì sao phải làm thế vì thủy triều lên khu vực đó ngày hai lần.

Tuy nhiên nhờ lần này mà tôi học được một điều rằng những hành động của Poirot thường bắt nguồn từ một ý tưởng nào đó - tuy chúng có vẻ rất vô nghĩa.

Sau đó, ông đi bộ từ bãi biển đến điểm gần nhất mà xe có thể đỗ được. Từ điểm đó, ông lại đi đến nơi xe buýt đi Eastbourne đợi khách trước khi rời Bexhill.

Cuối cùng, ông đưa tất cả chúng tôi đến quán Ginger Cat. Cô phục vụ béo tròn Milly Higley bung ra cho chúng tôi mấy tách trà nguội ngắt.

Lúc ở đó, ông khen hình dáng cổ chân của cô với vẻ rất nịnh đầm.

“Căng chân của người Anh thường quá mảnh khảnh! Nhưng chân của cô thì hoàn hảo cô gái ạ. Chúng có da có thịt và cổ chân cũng tròn trịa nữa!”

Milly Higley rúc rích cười và bảo ông đừng nói thế. Cô biết các quý ông người Pháp rất hay nịnh đầm.

Poirot chẳng màng dính chính với cô quốc tịch của mình. Cái kiểu ông liếc mắt đưa tình với cô ta khiến tôi hoang mang và suýt choáng váng.

“Voilà,”^[46] Poirot nói, “tôi đã xong ở Bexhill. Giờ tôi sẽ đi Eastbourne. Tôi muốn điều tra một chút ở đó - thế thôi. Các anh chị không cần phải đi theo tôi. Giờ thì chúng ta hãy về khách sạn và làm một ly cocktail nào. Ly trà Carlton lúc này dở ẹc!”

Trong lúc chúng tôi thưởng thức cocktail, Franklin Clarke tò mò hỏi:

“Tôi nghĩ mọi người ai cũng đoán ông đang muốn tìm kiếm điều gì đúng không nào? Ông phải phá được cái chứng cứ ngoại phạm đó. Nhưng tôi không hiểu điều gì khiến ông hài lòng đến thế. Ông đã tìm được thông tin nào mới đâu.”

“Đúng là chưa có.”

“Ồ, vậy thì sao ạ?”

“Hãy kiên nhẫn. Mọi thứ sẽ đâu vào đấy thôi, chúng ta cần thêm chút thời gian nữa.”

“Dù vậy trông ông vẫn có vẻ hài lòng lắm.”

“Cho đến giờ thì chưa có gì trái với suy tính của tôi cả - đó là lý do tôi hài lòng.”

Về mặt ông trở nên nghiêm nghị.

“Ông bạn Hastings của tôi kể rằng hồi trẻ ông có chơi một trò chơi có tên gọi là Nói Thật. Ở trò chơi này, mỗi người lần lượt được hỏi ba câu hỏi - hai câu trong số đó phải trả lời đúng. Câu thứ ba thì thế nào cũng được. Câu hỏi thường là những câu chột lóe ra trong đầu. Nhưng trước khi bắt đầu chơi mọi người phải thề rằng sẽ nói thật, và chỉ sự thật mà thôi.”

Ông ngừng nói.

Megan lên tiếng: “Thế thì sao ạ?”

“*Eh bien*, tôi muốn chơi trò đó. Nhưng chúng ta không cần phải hỏi ba câu. Một câu thôi là đủ rồi. Mỗi người một câu.”

Clarke nói về cốt ruột: “Đương nhiên chúng tôi sẽ trả lời bất kỳ câu hỏi nào ạ.”

“À, nhưng tôi muốn trò này nghiêm túc hơn thế. Các anh chị có dám thề rằng mình sẽ nói thật không?”

Ông nghiêm nghị đến độ những người khác đang lúng túng liền trở nên nghiêm túc. Tất cả họ đều thề theo yêu cầu của ông.

Poirot nhanh nhẹn bảo: “Bon.^[47] Vậy chúng ta bắt đầu nhé...”

“Tôi đã sẵn sàng,” Thora Grey nói.

“À, thường thì tôi mời phụ nữ trước - nhưng lần này chúng ta không phải lịch sự thế. Chúng ta sẽ làm khác đi một chút.”

Ông quay sang Franklin Clarke.

“*Mon cher M. Clarke*,^[48] anh nghĩ gì về mấy cái mũ mà các quý cô quý bà đội ở Ascot năm nay?”

Franklin Clarke trợn tròn mắt nhìn ông.

“Ông đang hỏi đùa ạ?”

“Dĩ nhiên là không.”

“Câu hỏi này nghiêm túc?”

“Ừ.”

Clarke mỉm cười.

“Ồ, thưa ông Poirot, tôi chưa từng đến Ascot nhưng tôi thấy họ đội khi đang lái xe thì tôi cho rằng mũ Ascot của các quý cô đúng là kỳ quặc hơn mấy cái mũ họ thường đội.”

“Kỳ quặc quá à?”

“Khá là kỳ quặc ạ.”

Poirot mỉm cười và quay sang Donald Fraser.

“Còn anh, năm nay anh đã đi nghỉ lúc nào thế?”

Đến lượt Fraser nhìn ông chằm chằm.

“Kỳ nghỉ của tôi ạ? Hai tuần đầu tiên trong tháng 8.”

Đột nhiên khuôn mặt anh ta run run. Tôi đoán câu hỏi đã khiến anh nhớ lại nỗi đau mất cô bạn gái yêu dấu của mình.

Tuy vậy, Poirot chẳng quan tâm gì đến câu trả lời. Ông quay sang Thora Grey và tôi nghe giọng ông có chút khàng khác. Giọng ông có vẻ nghiêm nghị hơn. Câu hỏi ông thốt ra sắc sảo và rõ ràng.

“Thưa cô, nếu phu nhân Clarke qua đời và nếu ngài Carmichael hỏi cưới cô, cô có đồng ý không?”

Cô gái đứng bật dậy.

“Sao ông dám hỏi tôi câu đó chứ! Thật là... ông đang sỉ nhục tôi đấy!”

“Có thể thế. Nhưng cô đã thề nói thật mà. Ồ, có hay không?”

“Ngài Carmichael hết sức tốt với tôi. Ông xem tôi như con gái ông. Và tôi cũng yêu quý ông như thế - chỉ là tình yêu thương và lòng biết ơn thôi.”

“Xin lỗi, nhưng đó không phải là câu trả lời Có hay Không, thưa cô.”

Cô ta ngáp ngừng.

“Đương nhiên, câu trả lời là không rồi!”

Poirot không nhận xét gì thêm.

“Cảm ơn cô.”

Ông quay sang Megan Barnard, sắc mặt cô gái rất nhợt nhạt. Cô thở khó nhọc như thể đang chống chọi với điều gì.

Giọng Poirot bật ra như tiếng roi vút.

“Thưa cô, cô hy vọng gì từ kết quả điều tra của tôi? Cô có muốn tôi tìm ra sự thật... hay không?”

Cô gái ngẩng đầu lên vẻ kiêu hãnh. Tôi nghĩ tôi biết chắc câu trả lời của cô là gì. Tôi biết Megan khao khát tìm ra sự thật.

Câu trả lời của cô ấy bật ra rõ ràng - và làm tôi sững sốt.

“Không!”

Tất cả chúng tôi đều giật nảy. Poirot chồm tới trước để nhìn kỹ khuôn mặt cô.

Ông nói: “Cô Megan này, cô không muốn sự thật nhưng - *ma foi*^[49] - cô có thể nói ra được sự thật đấy!”

Ông quay ra phía cửa rồi quay lại và nhìn về phía Mary Drawer.

“*Mon enfant*,^[50] nói cho bác biết cháu có bạn trai chưa?”

Mary hiểu câu hỏi của ông, cô gái hơi bối rối và đỏ mặt.

“Ồi, bác Poirot. Cháu, cháu, ờ, cháu không chắc lắm.”

Ông mỉm cười.

“*Alors, c’est bien, mon enfant.*”^[51]

Ông nhìn quanh để tìm tôi.

“Nào, Hastings, chúng ta phải đi Eastbourne thôi.”

Xe đang đợi bên ngoài và chẳng bao lâu chúng tôi đã bon bon trên đường ven biển nối từ Pevensey đến Eastbourne.

“Tôi muốn hỏi ông vài điều có được không, Poirot?”

“Không phải lúc này. Hãy tự đưa ra kết luận về những gì tôi đang làm đi.”

Tôi rơi vào im lặng trở lại.

Poirot có vẻ đang vui, ông ngâm nga một đoạn nhạc. Khi chúng tôi đi ngang qua Pevensey ông đề nghị chúng tôi dừng lại và thăm tòa lâu đài ở đó.

Lúc chúng tôi quay lại xe, chúng tôi dừng một lát để xem lũ trẻ - nhìn trang phục của các cháu, tôi đoán các cháu gái này là hướng đạo sinh, chúng đang hát một đoạn đồng dao nghe rất chói tai...

“Chúng đang hát gì thế Hastings? Tôi không nghe được lời bài hát.”

Tôi lắng nghe cho tới khi nghe ra được đoạn điệp khúc.

“... *Bắt được một con cáo*

Nhốt vào trong chuồng báo

Không cho nó chạy tháo.”

Poirot lặp lại: “Bắt được một con cáo, bỏ vào trong chuồng báo, không cho nó chạy tháo!”

Đột nhiên khuôn mặt ông nghiêm lại và lạnh tanh.

“Thật là kinh khủng, Hastings ạ.” Ông im lặng vài giây rồi nói tiếp. “Ở đây người ta săn cáo à?”

“Tôi có biết đâu. Tôi chưa bao giờ có điều kiện đi săn. Và tôi nghĩ ở đây người ta không đi săn nhiều đâu.”

“Ý tôi là ở nước Anh nói chung ấy. Một môn giải trí kỳ quặc. Ngồi rình bên ngoài hang rồi hú lên vài tiếng đúng không? - rồi cuộc rượt đuổi bắt đầu - chạy qua cánh đồng - qua hàng rào rồi kênh mương - còn con cáo thì cứ chạy và đôi khi nó chạy vòng lại - nhưng mấy con chó nhà...”

“Chó săn chứ!”

“... chó săn lần ra dấu vết và cuối cùng họ bắt con cáo và nó chết - thật chóng vánh và man rợ.”

“Tôi thấy có vẻ dã man quá, nhưng thật sự...”

“Con cáo thích điều đó à? Đừng có nói chuyện les bêtises^[52], ông bạn. Tout de même^[53],” chết dã man và chóng vánh còn tốt hơn là những gì mà những đứa trẻ kia hát... Bị nhốt trong chuồng mãi mãi... Không, điều đó chẳng hay ho tí nào.”

Ông lắc đầu. Rồi ông nói, giọng có vẻ khác chút xíu: “Ngày mai tôi đi gặp ông Cust,” rồi ông nói thêm

với tài xế: “Chúng ta quay về Luân Đôn thôi.”

Tôi la lên: “Không phải ông muốn đi Eastbourne à?”

“Không cần nữa đâu. Tôi biết... đầy đủ những thứ mà tôi cần rồi.”

ALEXANDER BONAPARTE CUST



Tôi không có mặt ở buổi nói chuyện giữa Poirot và người đàn ông kỳ quặc Alexander Bonaparte Cust. Vì Poirot có mối quan hệ với cảnh sát và vì một số tình huống đặc biệt của vụ án nên ông ấy dễ dàng xin được giấy phép của Bộ Nội vụ nhưng giấy phép đó không bao gồm cả tôi; hơn nữa, theo ý Poirot thì cuộc nói chuyện phải hoàn toàn riêng tư - chỉ hai người đàn ông mặt đối mặt.

Tuy nhiên, ông kể cho tôi chi tiết sự việc diễn ra giữa họ nên tôi có thể tự tin viết xuống rành rọt như thể tôi đã có mặt ở đó.

Ông Cust co rúm người lại khiến lưng càng khòm xuống nhiều hơn. Mấy ngón tay ông cứ vô thức búng búng vào áo khoác mình.

Tôi tưởng tượng ra Poirot ngồi im lặng và nhìn người đàn ông ngồi đối diện một hồi lâu.

Không khí đã trở nên yên bình, dễ chịu, và thư thả hơn...

Hắn đó là khoảnh khắc đầy kịch tính khi hai đối thủ gặp nhau trong một vở kịch dài đằng đặc. Nếu tôi là Poirot, có lẽ tôi sẽ thấy rất hồi hộp kịch tính.

Tuy nhiên, Poirot không thế, ông rất thân nhiên. Ông chú tâm tạo một chút ảnh hưởng lên người đàn ông đối diện.

Cuối cùng ông nhỏ nhẹ nói:

“Ông có biết tôi là ai không?”

Người kia chỉ lắc đầu.

“Không, không, chắc là tôi không biết. Hay ông là người của ông Lucas? - Họ gọi là gì nhỉ? - Cấp dưới. Hay có thể ông Maynard cử ông đến?”

(Maynard và Cole là các luật sư biện hộ).

Giọng ông Cust lịch sự nhưng không hào hứng lắm. Dường như ông ta đang mãi mê với cái thế giới trừu tượng bên trong con người mình.

“Tôi là Hercule Poirot...”

Poirot nói ra những từ ấy rất nhẹ nhàng... và đợi đối phương phản ứng.

Ông Cust hơi ngẩng đầu lên.

“Ồ, vậy à?”

Ông ta nói câu đó tự nhiên theo kiểu thanh tra Crome hay nói - nhưng không hề có chút gì là hợm hĩnh cả.

Rồi vài phút sau, ông ấy lặp lại câu đó.

“Ồ, vậy à?” ông nói, và lần này giọng khác hẳn - có chút gì đó quan tâm và tinh táo hơn. Ông ta ngẩng đầu lên nhìn Poirot.

Hercule Poirot cũng nhìn lại và gật đầu một hai lần gì đó.

Ông nói: “Đúng thế. Tôi là người mà ông đã viết thư đây.”

Ngay lập tức ông Cust không nhìn Poirot nữa. Ông ta cụp mắt xuống và nói với vẻ bức mình cáu kỉnh.

“Tôi chưa bao giờ viết thư cho ông cả. Những lá thư đó không phải do tôi viết. Tôi đã nói đi nói lại mấy lần rồi mà.”

Poirot đáp: “Tôi biết chứ. Nhưng nếu ông không viết thì ai viết?”

“Kẻ thù. Chắc tôi có kẻ thù. Họ đều hại tôi. Cảnh sát... tất cả mọi người... đều chống lại tôi. Đó là một âm mưu rất lớn.”

Poirot không nói gì.

Ông Cust nói tiếp:

“Mọi người đều chống lại tôi... lúc nào cũng thế.”

“Ngay cả khi ông còn nhỏ ư?”

Ông Cust có vẻ như đang cân nhắc câu trả lời.

“Không... không phải... hồi đó thì không. Mẹ tôi rất yêu quý tôi. Nhưng bà tham vọng lắm... cực kỳ tham vọng. Đó là lý do vì sao mẹ đặt cho tôi cái tên kỳ quặc ấy. Mẹ có một ý nghĩ buồn cười là sau này tôi sẽ trở thành một nhân vật tầm cỡ thế giới. Mẹ luôn giục tôi phải khẳng định mình - nói về ý chí... mẹ bảo ai cũng có thể làm chủ số phận của mình... mẹ bảo tôi có thể làm bất kỳ điều gì!”

Ông ta im lặng một chốc.

“Đương nhiên mẹ tôi hoàn toàn sai. Tôi tự nhận ra điều đó khá sớm. Tôi không phải là loại người có thể thăng tiến trong cuộc sống. Tôi luôn làm những điều ngu ngốc - tôi cư xử kỳ quặc. Và tôi rất nhút nhát - tôi sợ con người. Ở trường tôi rất khổ sở - bọn con trai biết được tên của tôi và trêu tôi suốt... Ở trường tôi rất tệ - cả trong các hoạt động vui chơi cho đến học tập và mọi thứ khác.”

Ông ta lắc đầu.

“May mà mẹ tôi đã qua đời. Lúc nào bà cũng thất vọng... Ngay từ hồi học ở trường Cao đẳng Thương mại tôi học rất ngu - tôi mất thời gian nhiều hơn người khác khi học đánh máy và tốc ký. Tuy thế tôi không hề thấy mình ngu - ông hiểu ý tôi chứ.”

Ông ta đưa mắt nhìn Poirot với vẻ van lơn.

“Tôi hiểu ý ông mà. Ông cứ kể tiếp đi.” Poirot đáp.

“Chỉ là tôi có cảm giác mọi người nghĩ tôi ngu. Điều đó khiến tôi như tê liệt đi. Sau đó khi đi làm tôi cũng bị thế.”

Poirot nhắc: “Và sau đó ra chiến trường ông vẫn bị thế à?”

Bỗng dưng mặt ông Cust sáng bừng lên.

Ông ta nói: “Ông biết không, tôi thích chiến trường lắm. Những gì tôi trải nghiệm ở đó, tôi rất thích. Lần đầu tiên tôi có cảm giác mình cũng như bao nhiêu người khác. Chúng tôi đều như nhau. Tôi có thua kém gì ai đâu.”

Nụ cười trên môi ông ta dần tắt.

“Và rồi tôi bị thương vào đầu. Bị nhẹ thôi. Nhưng họ phát hiện ra tôi hay bị kích động... Đương nhiên tôi biết có những lần tôi không ý thức được mình đang làm gì nữa. Bị đãng trí ấy mà. Và đương nhiên, một vài lần tôi còn bị ngã. Nhưng tôi nghĩ chắc không phải vì thế mà họ cho tôi giải ngũ. Không, tôi không nghĩ thế.”

Poirot hỏi: “Rồi sau đó thì sao?”

“Tôi kiếm được một chân làm thư ký. Đương nhiên, hồi đó tôi cũng kiếm được kha khá tiền. Và sau khi giải ngũ tôi sống cũng không đến nỗi tệ. Dĩ nhiên là lương tiền ít hơn bây giờ... Và... tôi không được thăng tiến gì. Tôi thường bỏ lỡ những cơ hội lên chức. Tôi chưa cố gắng nhiều. Càng ngày càng khó khăn hơn... khó khăn hơn... Đặc biệt là sau khủng hoảng kinh tế. Nói thật với ông, lúc đó tôi kiếm không đủ tiền mà sống (và làm thư ký thì về bề ngoài cũng phải coi cho được) thì tôi được công ty chuyên sản xuất bút tất nhận vào làm. Tôi vừa có lương vừa có tiền hoa hồng!”

Poirot nhẹ nhàng hỏi:

“Nhưng ông có biết là cái công ty mà ông bảo ông làm việc cho họ nói rằng họ không hề thuê ông không?”

Ông Cust lại bị kích động.

“Đó là vì họ có âm mưu - hẳn là họ đang có mưu đồ gì đó.”

Ông ta nói tiếp:

“Tôi có chứng cứ viết tay - chứng cứ viết tay hằn hoi. Tôi còn giữ những bức thư họ gửi để hướng dẫn tôi những nơi cần đến và danh sách những người tôi phải chào hàng.”

“Thật ra không phải là chứng cứ viết tay mà là chứng cứ đánh máy.”

“Cũng như nhau cả thôi. Đương nhiên một công ty sản xuất hàng bán si lớn như thế thì phải đánh máy thư từ chứ.”

“Ông Cust, ông không biết là máy đánh chữ có thể nhận dạng được sao? Tất cả các lá thư đó đều được đánh từ một chiếc máy đấy.”

“Thì sao chứ?”

“Mà cái máy đó là của ông - cái máy tìm thấy trong phòng của ông đấy.”

“Cái máy đó công ty gửi cho tôi khi tôi mới được nhận vào làm mà.”

“Vâng, nhưng những lá thư này được nhận sau đó. Vì thế có vẻ như ông đã tự mình đánh máy chúng và gửi đi đúng không?”

“Không, không phải! Đó chỉ là mưu đồ hãm hại tôi thôi!”

Đột nhiên ông nói thêm:

“Ngoài ra, những lá thư của họ cũng được đánh bằng một loại máy giống thế.”

“Giống loại máy nhưng không phải là cùng một máy.”

Ông Cust khẳng khái lặp lại:

“Đó là một âm mưu!”

“Và mấy quyền thông tin đường sắt ABC cũng được tìm thấy trong tủ của ông mà?”

“Tôi chẳng biết gì về mấy quyền đó cả. Tôi tưởng mấy thùng họ gửi chỉ toàn bít tắt.”

“Sao ông lại đánh dấu tên bà Ascher trong danh sách đầu tiên ở Andover?”

“Bởi vì tôi quyết định bắt đầu từ nhà bà ấy. Người ta phải bắt đầu từ đâu đó chứ.”

“Vâng, đúng thế. Người ta phải bắt đầu từ đâu đó chứ.”

Ông Cust nói: “Ý tôi không phải thế! Ý tôi không giống như ý ông đang ám chỉ đâu!”

“Ông biết tôi đang ám chỉ điều gì à?”

Ông Cust không nói gì. Ông đang run lẩy bẩy.

Ông nói: “Tôi không làm chuyện đó! Tôi hoàn toàn vô tội! Tất cả đều là sự nhầm lẫn. Ồ, ví dụ vụ án thứ hai - cái vụ ở Bexhill nhé. Lúc đó tôi đang chơi domino ở Eastbourne. Ông phải thừa nhận điều đó chứ!”

Giọng Cust có vẻ đắc thắng.

Poirot nói, giọng ông ấm chiều nhưng ngọt xót: “Vâng. Nhưng việc ghi sai một ngày thì quá dễ nhỉ? Và nếu ông cũng ương bướng cứng đầu như anh chàng Strange, thì ông chẳng bao giờ nghĩ có khả năng ông sẽ mắc lỗi cả. Những gì ông đã nói thì ông cứ bám riết nó thôi... Anh ta là loại người thế đấy. Còn về sổ đăng ký lưu trú khách sạn người ta rất dễ ghi nhầm ngày khi họ ký tên - có thể lúc ấy chẳng ai để ý điều đó.”

“Tôi đó tôi đang chơi domino mà!”

“Hình như ông chơi bài domino rất giỏi nhỉ.”

Câu đó khiến Cust khá bối rối.

“Tôi... tôi, ờ, tôi cũng nghĩ vậy.”

“Trò này hấp dẫn và đòi hỏi nhiều kỹ thuật chơi đúng không?”

“Ồ, có nhiều cách chơi lắm, nhiều lắm! Hồi trước chúng tôi hay chơi trong thành phố vào giờ ăn trưa. Ông sẽ rất ngạc nhiên khi thấy những người hoàn toàn xa lạ tụ tập lại với nhau để chơi domino.”

Ông cười khúc khích.

“Tôi nhớ một anh nọ - anh này tôi không thể quên được vì những gì anh ta nói với tôi - chúng tôi vừa uống cà phê vừa nói chuyện và chúng tôi chơi domino. Ồ, chỉ sau 20 phút tôi thấy như tôi đã hiểu anh ta từ lâu lắm rồi.”

Poirot hỏi: “Anh ta đã nói với ông điều gì thế?”

Mặt ông Cust tối sầm lại.

“Những lời anh đó nói khiến tôi sợ - sợ hãi khủng khiếp. Anh ta bảo số phận của con người được viết trong lòng bàn tay của họ. Rồi anh ta đưa tôi xem bàn tay của anh ta và mấy đường chỉ tay chỉ ra rằng anh ta đã từng hai lần suýt chết đuối - và anh ta đã suýt chết hai lần thật. Rồi anh ta nhìn chỉ tay của tôi và phán những câu hết sức kỳ lạ. Anh ta nói tôi sẽ trở thành một trong những người nổi tiếng nhất nước Anh trước khi tôi qua đời. Và nói là cả nước sẽ bàn tán về tôi. Nhưng anh cũng nói... anh ta nói...”

Ông Cust trở nên suy sụp... ông ấp úng...

“Nói sao?”

Cái nhìn của Poirot đầy sức hút. Ông Cust nhìn ông rồi quay đi rồi nhìn lại như một con thỏ đang sợ hãi.

“Anh ấy nói... nói rằng... có vẻ tôi sẽ chết bất đắc kỳ tử - anh ta cười rồi nói: ‘Có vẻ như ông sẽ bị tử hình’, rồi anh ta cười bảo là anh chỉ nói đùa thôi...”

Bỗng dưng ông Cust trở nên im lặng, ông không nhìn Poirot nữa - mắt ông liếc qua liếc lại...

“Đầu tôi... Tôi bị đau đầu ghê gớm... chúng đau đầu đôi khi là một căn bệnh đã mãn. Và có những lúc tôi không biết - tôi không biết...”

Ông ta suy sụp.

Poirot chồm tới trước. Ông nói rất khẽ nhưng rất quả quyết.

“Nhưng ông biết ông đã gây ra án mạng đúng không?”

Ông Cust nhìn lên. Cái nhìn bình thường và trực diện. Tất cả những sự chống cự đều tan biến. Kỳ lạ thay ông ta trông rất bình an.

“Vâng, tôi biết.” Ông nói.

“Nhưng ông không biết tại sao ông lại ra tay? Tôi nói thế có đúng không?”

Cust lắc đầu.

Ông đáp: “Không, tôi không biết.”

POIROT CHỐT LẠI VỤ ÁN



Chúng tôi ngồi tập trung cao độ để nghe Poirot đưa ra những giải thích cuối cùng về vụ án.

Ông nói: “Từ trước đến nay tôi đã lo lắng suy nghĩ về nguyên nhân vụ án này. Hôm trước Hastings bảo tôi rằng vụ án đã kết thúc. Tôi đáp vụ án là người gây án! Điều bí ẩn không phải ở những kẻ giết người nói chung, mà là bí ẩn về ABC. Tại sao hẳn ta thấy cần phải thực hiện những vụ án mạng này? Tại sao hẳn lại chọn tôi làm đối thủ?”

Nói rằng hẳn ta bị bệnh tâm thần là không chính xác. Lập luận người ta làm chuyện điên rồ chỉ vì người đó bị điên thì thật là hồ đồ và ngu ngốc. Một người điên cũng hành động logic và hợp lý như người tỉnh táo - nếu như ông ta có quan điểm thiên kiến riêng. Ví dụ, nếu một người đàn ông đi ra đường và chỉ mặc độc nhất một tấm khố mà ông ta lại thích ngồi xổm thì hành vi của ông ta đúng là cực kỳ lập dị. Nhưng một khi chúng ta biết người đàn ông đó khẳng khái cho rằng mình là Mahatma Gandhi, thì hành vi đó trở nên vô cùng hợp lý và logic.

Mấu chốt của vụ án này là chúng ta phải tưởng tượng một bộ óc minh mẫn đến độ hẳn cho rằng thực hiện bốn vụ án mạng hay nhiều hơn và thông báo trước việc đó bằng thư gửi cho Hercule Poirot là logic và hợp lý.

Ông bạn Hastings đây có thể xác nhận với các anh chị rằng từ lúc tôi nhận được bức thư đầu tiên tôi bồn chồn, lo lắng lắm. Ngay lúc đó tôi cảm thấy bức thư có điều gì rất bất ổn.”

Franklin Clarke lạnh lùng nhận xét: “Ông đã phán đoán đúng rồi mà.”

“Vâng. Nhưng vấn đề là, ngay từ ban đầu, tôi đã mắc một sai lầm nghiêm trọng. Tôi đã để cho cảm giác của tôi - cảm giác rất mạnh về bức thư đó - vẫn chỉ là cảm tưởng thôi. Tôi xem như là một trực giác thông thường. Đối với một bộ óc ổn định và sáng suốt thì không có cái gọi là trực giác - một sự phỏng đoán cảm tính! Đương nhiên người ta có thể đoán - và đã là đoán thì có thể đúng hoặc sai. Nếu đúng, người ta gọi là trực giác. Còn nếu sai thì thường người ta không đề cập tới nó nữa. Nhưng cái người ta thường gọi là trực giác thật ra chỉ là cảm tưởng dựa vào suy luận logic hay kinh nghiệm. Khi một chuyên gia cảm thấy có gì bất ổn ở một bức tranh, một món đồ nội thất hay một chữ ký trên tờ séc, thì cảm giác của anh ta hoàn toàn dựa vào nhiều dấu hiệu và chi tiết nhỏ. Anh ta không cần phải kiểm tra tỉ mỉ - nhờ vào kinh nghiệm của anh ta - kết quả cuối cùng là cảm tưởng đã được xác định rằng có gì đó bất ổn. Nhưng đó không phải là sự phỏng đoán mà là cảm tưởng dựa trên kinh nghiệm.

Ồ, tôi phải thừa nhận rằng mình không đánh giá bức thư đầu tiên đúng mức. Điều đó khiến tôi cực kỳ bứt rứt. Cảnh sát cho đó chỉ là trò đùa. Tôi thì xem đó là chuyện nghiêm túc. Tôi tin rằng có một vụ giết người sẽ xảy ra ở Andover như đã nêu. Và như các anh chị biết đấy, một vụ án mạng đã xảy ra thật.

Lúc đó tôi hiểu rằng chưa có cách nào để biết được kẻ gây án. Cách duy nhất là cố gắng hiểu xem kẻ gây ra vụ đó là người như thế nào.

Tôi có được một vài dấu hiệu. Bức thư - loại tội phạm - người bị giết. Điều mà tôi phải tìm hiểu là: động cơ phạm tội, động cơ gửi lá thư.”

Clarke gợi ý: “Sự quan tâm của công chúng.”

Thora Grey thêm vào: “Chắc hội chứng sợ thua kém là nguyên nhân chính.”

“Đương nhiên đó cũng là thông tin cần để ý. Nhưng sao lại là tôi? Sao lại là Hercule Poirot? Sẽ có nhiều người biết hơn nếu gửi những bức thư đó đến Scotland Yard chứ. Và thậm chí sẽ được lan truyền rộng hơn nữa nếu gửi cho một tòa soạn báo. Báo sẽ không in bức thư đầu tiên nhưng khi vụ án thứ hai diễn ra, ABC sẽ được báo chí giúp chuyển tải đến nhiều người liền. Vậy thì sao hẳn chọn Hercule Poirot? Phải

chẳng là vì lý do cá nhân? Trong thư có thể thấy rõ có chút khuynh hướng bài ngoại nhưng chưa đủ mạnh để giải thích vấn đề thật thỏa đáng.

Sau đó bức thư thứ hai đến và rồi xảy ra vụ giết Betty Barnard ở Bexhill. Bây giờ có vẻ tôi biết rõ ràng hơn (những điều tôi nghi ngờ) rằng các vụ án được tiến hành theo bảng chữ cái nhưng trong khi mọi người đã kết luận như vậy sự việc đó vẫn để lại trong đầu tôi câu hỏi chính. Tại sao ABC cần phải thực hiện những vụ giết người này?”

Megan Barnard cựa quậy trong ghế ngồi.

Cô nói: “Chẳng phải hành động đó được gọi là... khát máu sao ă?”

Poirot quay sang cô gái.

“Cô có lý, cô gái ạ. Đúng là như thế. Thèm muốn giết người. Nhưng điều đó không khớp với những dữ kiện của vụ án lắm. Một kẻ cuồng sát thích giết người, thường mong muốn giết càng nhiều người càng tốt. Đó là một thèm muốn lặp đi lặp lại. Kẻ giết người loại đó thì tốt nhất là hẩn giấu nhem những dấu vết của mình - chứ không phải rêu rao cho người ta biết. Khi chúng ta xem xét bốn nạn nhân hẩn chọn hoặc đúng ra là ba trong bốn vụ (vì tôi hầu như chẳng biết gì về ông Downes hay ông Earlsfield cả), chúng ta nhận ra nếu kẻ sát nhân muốn, hẩn có thể giết nạn nhân mà không để lại bất kỳ nghi ngờ gì. Franz Ascher, Donald Fraser hay Megan Barnard và cả ông Clarke nữa - đây là những người mà cảnh sát sẽ tình nghi đầu tiên nếu họ không lấy được bằng chứng trực tiếp. Người ta sẽ không nghĩ đến một kẻ cuồng sát giấu mặt đâu! Vậy thì vì sao tên sát nhân lại cần phải gây chú ý về phía mình? Sao lại phải để lại ở mỗi thi thể một quyển thông tin đường sắt ABC? Có phải hành động đó là do bị ép buộc? Liệu có khả năng có một hội chứng nào đó liên quan đến quyển thông tin đường sắt?”

Tại thời điểm này, tôi thấy khó mà xâm nhập vào trí óc của tên sát nhân được. Chắc chắn không phải là vì lòng hào hiệp đúng không? Hay hẩn sợ người vô tội bị quy trách nhiệm gây ra vụ án đó?

Mặc dù tôi không thể trả lời câu hỏi chính của mình, những thứ mà tôi linh cảm được giúp tôi biết nhiều hơn về tên sát nhân.”

Fraser hỏi: “Cụ thể là gì ạ?”

“Đầu tiên là hẩn có một đầu óc tư duy theo hệ thống biểu bảng. Đối với hẩn chuyện các vụ án xếp theo bảng chữ cái rất quan trọng. Tuy vậy, hẩn chẳng đặc biệt quan tâm gì đến loại nạn nhân cả - bà Ascher, Betty Barnard, ngài Carmichael Clarke, tất cả họ đều cực kỳ khác nhau. Nạn nhân không hề được phân theo giới tính, tuổi tác và điều đó khiến tôi rất tò mò. Nếu người ta giết người không cần phân biệt giới tính hay tuổi tác thì thường là hẩn muốn loại bỏ những ai cản trở hẩn hay làm hẩn khó chịu. Tuy nhiên, giết người theo thứ tự bảng chữ cái lại bác bỏ suy đoán đó ở vụ án này. Những kẻ giết người loại khác thường chọn một loại nạn nhân nhất định nào đó - thường thường là người khác giới. Hành động bừa bãi của ABC khiến tôi thấy mâu thuẫn với việc hẩn chọn nạn nhân theo bảng chữ cái.

Thế nên tôi dám đưa ra một suy luận nho nhỏ. Đó là sự lựa chọn của ABC khiến tôi nghĩ đến một anh chàng yêu thích đường sắt. Thường thì đây là đam mê của đàn ông nhiều hơn đàn bà. Bé trai thường thích tàu lửa hơn các bé gái. Ngoài ra, nó có thể là dấu hiệu của một bộ óc chưa trưởng thành. Mô-típ mang tính ‘con trai’ vẫn chiếm ưu thế.

Cái chết của Betty Barnard và cách gây án cũng cung cấp cho tôi những dấu hiệu khác. Kiểu chết của cô ấy đặc biệt gợi lên nhiều nghi vấn. (Xin lỗi anh Fraser) Nghi vấn đầu tiên, cô ta bị thắt cổ bằng chính dây thắt lưng của mình - thế nên hẩn cô ấy bị một người mà cô thân thiết hoặc có quan hệ tình cảm giết. Khi tôi biết một vài đặc điểm về tính cách của cô ta thì trong đầu tôi xuất hiện một hình ảnh.

Betty Barnard thích được tán tỉnh. Cô ấy thích những anh chàng điển trai chú ý đến mình. Thế nên để thuyết phục được cô đi chơi với hẩn, ABC hẩn phải là người có chút hấp dẫn - sự hấp dẫn của người khác giới! Nói như kiểu người Anh các anh chị thì anh ta phải có khả năng ‘ve vãn’. Anh ta phải có khả năng nhanh chóng làm quen! Tôi tưởng tượng cảnh trên biển như sau: người đàn ông khen cô gái có chiếc thắt lưng đẹp. Cô gái cười nó ra rồi anh ta quần nó quanh cổ cô gái như đang trêu đùa, rồi có lẽ anh ta nói: ‘Anh thắt cổ em nhé’. Hoàn toàn với vẻ đùa cợt thôi. Cô gái cười khúc khích rồi anh ta siết chặt...”

Donald Fraser đứng bật dậy. Anh ta nổi giận đùng đùng.

“Trời ơi, ông Poirot.”

Poirot đưa tay ra dấu.

“Chừng đó thôi. Tôi không nói thêm nữa đâu. Xong rồi. Chúng ta chuyển qua vụ án tiếp theo, vụ ngài Carmichael Clarke. Ở vụ này tên sát nhân trở lại với phương pháp đầu tiên - đánh vào đầu. Vẫn là theo chuỗi thứ tự bảng chữ cái nhưng có một yếu tố khiến tôi hơi lo lắng. Để cho chắc chắn lẽ ra tên sát nhân phải chọn các thị trấn theo một chuỗi nhất định nào đó chứ.

Nếu Andover là tên thứ 155 trong chuỗi các tên bắt đầu bằng chữ A, vậy thì vụ án B cũng phải là ở thứ 155 chứ hay nó là thứ 156 còn C là là 157. Nhưng ở đây các thị trấn cũng được chọn theo kiểu tùy tiện.”

“Chẳng phải ông suy diễn vấn đề hơi quá sao, Poirot?” tôi gợi ý. “Chính ông cũng thường ngần ngại, gợn gàng đấy. Nó gần như trở thành bệnh của ông rồi còn gì nữa.”

“Không, đó không phải là bệnh! Ông suy nghĩ gì kỳ quá! Nhưng tôi phải thừa nhận tôi suy diễn vấn đề đó hơi quá. Bỏ qua nhé phần này nhé!

Vụ Churston chẳng giúp ích gì thêm cho việc điều tra của tôi cả. Chúng ta không gặp may vì bức thư thông báo vụ đó đi lạc thể nên chúng ta không có sự chuẩn bị nào.

Nhưng ngay khi vụ D được thông báo, một hệ thống bảo vệ dữ dội đã được lập ra. Hẳn ABC không còn hy vọng thoát tội nữa.

Ngoài ra, vào lúc này, tôi đã có trong tay những manh mối về vụ mấy cái bít tắt đó. Rõ ràng sự hiện diện của một người bán bít tắt tại hiện trường của mỗi vụ án hoặc gần đó không thể là một sự trùng hợp ngẫu nhiên được. Do đó, người bán bít tắt chắc chắn là kẻ sát nhân. Tôi cho rằng, miêu tả của cô Grey về hấn không tương ứng với hình ảnh người đàn ông siết cổ Betty Barnard mà tôi hình dung ra.

Tôi sẽ nói nhanh qua những phần tiếp theo. Vụ giết người thứ tư diễn ra - vụ giết người đàn ông tên George Earlsfield - có vẻ như là nhầm lẫn với người tên Downes. Hai người này có cùng cỡ người và cùng ngồi gần hấn ta trong rạp chiếu phim.

Và giờ đây rốt cuộc tình huống đã đảo ngược. Mọi thứ đang chống lại ABC thay vì đứng về phía hấn. Hấn bị nhận diện - truy lùng - và cuối cùng là bị bắt.

Theo cách nói của Hastings thì vụ án đã kết thúc!

Đối với công chúng thì đúng là vậy. Người đàn ông bị bắt vào tù và cuối cùng chắc chắn sẽ bị giải đến Broadmoor. Thế là không còn vụ giết người nào nữa. Sân khấu hạ màn! Kết thúc! An nghỉ ngàn thu.

Nhưng đối với tôi thì chưa! Tôi chẳng biết gì, chẳng biết gì cả! Chẳng biết tại sao hay vì nguyên cơ gì.

Và có một điều bực mình nhỏ. Ông Cust đó có chứng cứ ngoại phạm vào cái đêm vụ án ở Bexhill xảy ra.”

Franklin Clarke nói: “Ngay từ đầu tôi đã thấy rất lo lắng.”

“Vâng. Tôi lo lắng lắm. Cái chứng cứ ngoại phạm đó nghe có vẻ rất thật. Nhưng nó không thể là sự thật ngoại trừ... và giờ đây chúng ta lại đi đến hai suy đoán rất thú vị.

Thưa các anh chị, giả sử thế này, Cust thực hiện ba vụ là A, C, và D mà không gây ra vụ B thì sao?”

“Ông Poirot. Không thể nào...”

Poirot đưa mắt ra hiệu cho Megan Barnard yên lặng.

“Im lặng nào, cô gái. Tôi ủng hộ sự thật! Tôi đang cố gắng xử lý những lời nói dối đây. Giả sử ABC không thực hiện vụ thứ hai. Nên nhớ vụ án xảy ra vào sáng sớm ngày 25 - đó là ngày ông ta đến gây án. Giả sử ai đó đã hót tay trên cửa ông ta thì sao? Trong trường hợp đó ông ta phải làm gì? Thực hiện vụ giết người thứ hai, hay trốn luôn và chấp nhận vụ đầu tiên là do quỷ thần ra tay?”

Megan nói: “Ông Poirot ơi! Ông suy nghĩ hoang đường quá! Tất cả các vụ án hấn phải do cùng một người gây ra chứ ạ!”

Ông không để ý gì đến cô gái và tiếp tục:

“Giả thiết đó cũng góp phần giải thích một dữ kiện - sự mâu thuẫn giữa tính cách của Alexander Bonaparte Cust (người này không thể ve vãn một cô gái nào) và tính cách của người giết Betty Barnard. Hồi trước, người ta có kể mấy vụ về nghi phạm giết người lợi dụng những vụ án do người khác gây ra. Ví dụ, không phải tất cả các vụ án của Jack Đào Mò đều do hấn ta ra tay. Cho đến bây giờ mọi thứ điều diễn ra suôn sẻ.

Nhưng rồi tôi lại phải đương đầu với một khó khăn khác.

Cho tới thời điểm xảy ra vụ giết cô Barnard, không có bằng chứng nào về các vụ án mạng ABC được đưa ra công chúng cả. Vụ Andover không có ai để ý nhiều. Chi tiết quyền thông tin đường sắt đang mở đặt cạnh nạn nhân cũng không được báo chí nhắc đến. Thế nên, có thể kết luận rằng bất kỳ kẻ nào giết Betty Barnard thì hẳn đã có những chứng cứ mà chỉ có một số người biết - tôi, cảnh sát, một vài người bà con và hàng xóm của bà Ascher.

Điều tra theo con đường đó dường như đã đưa tôi tới ngõ cụt.”

Những khuôn mặt đang nhìn ông cũng nghếch ra. Trống rỗng và bối rối.

Donald Fraser nói về trầm ngâm:

“Suy cho cùng, cảnh sát cũng chỉ là con người thôi. Và họ là những anh chàng bảnh trai...”

Anh ta ngừng nói và nhìn Poirot về dò hỏi.

Poirot khẽ lắc đầu.

“Không... còn đơn giản hơn thế nữa. Tôi từng nói là có cách suy đoán thứ hai mà.

Giả sử Cust không phải là người giết Betty Barnard? Giả sử ai khác giết cô ấy thì sao. Vậy liệu kẻ đó có phải là người gây ra các vụ kia không?”

Clarke kêu lên: “Nhưng nghe chẳng hợp lý chút nào!”

“Không ư? Lúc ấy tôi làm điều mà đáng lẽ tôi phải làm đầu tiên. Tôi xem xét các bức thư tôi nhận được theo quan điểm hoàn toàn khác. Ngay từ đầu tôi đã cảm thấy chúng có gì đó bất ổn cũng giống như các chuyên gia về tranh sẽ biết ngay nếu một bức tranh có vấn đề...”

Tôi đã cho rằng, mà không dừng lại để nghĩ ngợi, điều khiến những bức thư có vấn đề là vì chúng được viết bởi một kẻ điên!

Bây giờ tôi xem xét lại và lần này tôi đưa ra một kết luận hoàn toàn khác. Điều khiến những bức thư có vấn đề là vì chúng do một người đàn ông tỉnh táo viết!”

Tôi la lên: “Cái gì?”

“*Mais si!*^[54] Chúng có vấn đề như một bức tranh có vấn đề - bởi vì chúng là đồ giả! Những bức thư đó được giả là những bức thư do một người điên viết - một kẻ cuồng sát hoang tưởng viết, nhưng trên thực tế không phải như thế.”

Franklin Clarke lặp lại: “Vô lý quá.”

“Vậy mà đúng thế đấy! Chúng ta phải suy luận và nghiền ngẫm chứ. Mục đích viết những bức thư đó là gì? Là để người ta chú ý đến người viết, đến kẻ giết người! Nói cho đúng lúc đầu điều đó có vẻ không hợp lý. Nhưng rồi tôi thấy một tia sáng lóe lên. Lá thư đó là để tập trung vào một vài kẻ giết người - một nhóm sát nhân... Chẳng phải đại thi hào Shakespeare của các ông đã từng nói ‘Chúng ta không thể chỉ mới thấy vài cái cây mà gọi đó là rừng được’.”

Tôi không chỉnh sửa trí nhớ văn chương của Poirot. Tôi đang cố hiểu xem ông muốn nói gì. Một tia sáng chợt lóe lên trong đầu tôi. Ông nói tiếp:

“Khi nào chúng ta ít để ý cây kim nhất? Đó là lúc nó được cắm trên cái gối cắm kim đấy! Khi nào chúng ta ít để ý một vụ giết người riêng lẻ? Đó là khi nó nằm trong một loạt các vụ giết người liên quan với nhau.

Tôi phải đương đầu với một tên giết người thông minh và giỏi xoay xở - một con bạc liêu lĩnh, táo bạo mà thận trọng. Không phải là Cust rồi! Ông ta không thể thực hiện những vụ giết người này được! Không, tôi phải đối đầu với một loại người rất khác - một người đàn ông có tính khí giống con nít (bằng chứng là bức thư như của một cậu học trò viết và quyền thông tin đường sắt), một người đàn ông có sức hấp dẫn đối với phụ nữ, một người đàn ông nhẫn tâm coi thường mạng sống của người khác, một người đàn ông nổi bật lên ở một trong các vụ án!

Ví dụ khi một người đàn ông hay đàn bà bị giết, cảnh sát sẽ hỏi những câu hỏi gì? Thời cơ. Mọi người ở đâu vào thời gian vụ án diễn ra? Động cơ. Ai được lợi từ cái chết của nạn nhân? Nếu động cơ và thời cơ khá rõ ràng, kẻ tình nghi giết người phải làm gì? Làm giả chứng cứ ngoại phạm - nghĩa là bằng cách nào đó hẳn làm giả mạo thời điểm? Nhưng làm như thế thì hơi mạo hiểm. Thế nên tên giết người này nghĩ đến một cách đề phòng thật là khó tin. Hẳn tạo ra một tên cuồng sát!

Bây giờ tôi chỉ phải xem xét lại nhiều vụ án khác nhau và tìm ra kẻ tình nghi. Vụ án Andover? Người dễ bị nghi ngờ nhất là Franz Ascher nhưng tôi không tin ông Ascher có thể nghĩ ra và tiến hành một kế hoạch tỉ mỉ đến thế hay lên phương án trước cho một vụ giết người. Còn vụ Bexhill? Donald Fraser có thể là kẻ giết người. Anh ta có trí thông minh và có khả năng và suy nghĩ rất khoa học. Nhưng động cơ giết người mình yêu của anh ta chỉ có thể là sự ghen tuông và sự ghen tuông thì thường không dẫn đến hành động lập mưu tính kế. Ngoài ra tôi biết anh ta đi nghỉ vào đầu tháng 8, điều đó có nghĩa là anh ta không liên quan gì đến vụ án Churston. Tiếp theo là vụ Churston và ngay lập tức chúng ta có bằng chứng đáng tin cậy hơn.

Ngài Carmichael Clarke là một người cực kỳ giàu có. Ai sẽ thừa hưởng tiền của ông? Người vợ sắp chết của ông có quyền thừa hưởng trọn đời và tiếp đến là người em Franklin.”

Poirot từ từ quay đầu lại nhìn vào mắt của Franklin Clarke.

“Bây giờ thì tôi hoàn toàn chắc chắn. Người đàn ông mà bấy lâu tôi suy nghĩ trong đầu và người đàn ông mà tôi quen biết bằng xương bằng thịt chỉ là một. ABC và Franklin Clarke là một! Tính cách mạo hiểm và táo bạo, cuộc sống phiêu bạt giang hồ, và sự thiên vị nước Anh được thể hiện đôi nét qua việc anh ta thích chế nhạo người nước ngoài. Có phong thái dễ gần và cuốn hút nên việc chọn một cô gái trong quán ăn đối với anh ta quá dễ dàng. Đầu óc suy nghĩ kiểu bảng biểu và cẩn thận - một ngày nọ anh ta làm một cái danh sách ở đây, đánh dấu trước mấy đầu mục ABC - và cuối cùng là suy nghĩ trẻ con - điều này phu nhân Clarke có lần nhắc đến và điều này cũng thể hiện trong cách anh ta chọn tiểu thuyết - Tôi chắc chắn rằng trong thư viện nhà anh ta có quyển sách *The Railway Children* của tác giả E. Nesbit. Trong đầu tôi đã xác định chắc chắn, ABC, người viết những bức thư đó và người gây án là Franklin Clarke.”

Clarke bỗng phá lên cười.

“Thật là tài tình! Thế ông bạn Cust bị bắt tận tay của chúng ta thì sao? Vết máu trên áo ông ta thì sao? Và con dao ông ta giấu ở chỗ trọ nữa? Ông ta có thể chối tội...”

Poirot cắt lời.

“Anh nhầm hoàn toàn, ông ta đã nhận tội rồi.”

“Gì cơ?” Clarke trông rất bối rối.

Poirot nhẹ nhàng nói: “Ồ vâng, ngay khi tôi nói chuyện với ông ta tôi đã nhận ra Cust tin rằng chính mình là kẻ có tội.”

“Dù thế ông Poirot vẫn chưa hài lòng sao?” Clarke nói.

“Không. Vì ngay khi gặp ông ta tôi đã biết ông ta không thể nào phạm tội được! Ông ta không đủ dũng khí cũng không có gan và tài trí để lên kế hoạch! Suốt cuộc điều tra tôi đã để ý thấy có hai tính cách tồn tại song song trong con người của kẻ sát nhân. Vụ này có hai kiểu người tham gia: kẻ sát nhân đích thực thì quý quyết, giỏi xoay xở và liều lĩnh còn kẻ giả mạo thì ngu ngốc, hay do dự, và dễ bị ảnh hưởng.

Dễ bị ảnh hưởng - chính cụm từ này bao hàm sự bí ẩn của ông Cust! Anh Clarke ạ, anh chưa có đủ công cụ để lập mưu thực hiện một loạt vụ án nhằm làm người ta đừng chú ý đến một vụ án. Anh cũng cần có người thể thân.

Tôi nghĩ trong đầu anh lóe lên ý tưởng đó sau khi anh tình cờ gặp con người kỳ quặc có cái tên nghe rất kiêu này ở một quán cà phê trong thành phố. Vào thời điểm đó trong đầu anh đang suy tính nhiều phương án khác nhau để giết anh trai.”

“Thế ư? Vì sao chứ?”

“Bởi vì anh thật sự lo sợ cho tương lai của mình. Anh Clarke ạ, tôi không biết anh có để ý không nhưng anh đã vô tình tiếp tay cho tôi khi anh đưa cho tôi xem bức thư anh trai anh viết cho anh. Trong bức thư đó, ông ấy nói rất rõ tình cảm và lòng yêu mến của ông đối với cô Thora Grey. Sự quan tâm của ông ấy có thể chỉ như tình cha con hay ông ấy cố nghĩ như thế. Dù sao đi nữa, điều đó cũng tiềm ẩn nhiều nguy hiểm vì khi chị dâu của anh qua đời, trong lúc cô đơn, ông ấy có thể quay sang cô gái xinh đẹp để tìm nguồn cảm thông và an ủi. Và kết thúc có thể là ông ấy sẽ cưới cô ta, điều đó hay xảy ra với những người đàn ông lớn tuổi lắm. Càng biết về cô Grey thì nỗi lo sợ của anh càng lớn. Tôi nghĩ anh là một người rất đa nghi. Anh đánh giá, đúng hay sai cũng mặc, rằng cô Grey là loại phụ nữ trẻ ‘bất chấp tất cả để có được danh vọng’. Anh chắc chắn cô ấy sẽ chớp lấy cơ hội để trở thành phu nhân Clarke. Anh trai anh vẫn còn rất

khỏe và cường tráng. Họ có thể sẽ có con và thế là cơ hội thừa hưởng gia tài của ông anh tan thành mây khói.

Tôi nghĩ bấy lâu nay từ trong sâu thẳm lòng mình anh thấy thất vọng với chính bản thân. Anh là hòn cuội lẫn nên tích góp được rất ít của cải. Thế nên anh đem lòng ghen tị với sự giàu có của anh trai.

Tôi nhắc lại ý lúc này, anh có rất nhiều âm mưu trong đầu và cuộc gặp gỡ của anh với ông Cust đã làm lóe lên trong đầu anh một ý tưởng. Cái tên khoa trương, bệnh động kinh, đáng vẻ rúm ró và không có gì nổi trội của ông ta đã khiến anh biến ông ta thành công cụ anh muốn. Toàn bộ kế hoạch bằng chữ cái lóe lên trong đầu anh chủ yếu dựa vào những chữ cái đầu tiên trong tên của ông Cust và tính cờ tên của anh trai của anh cũng bắt đầu bằng chữ C và ông ấy ở Churston. Ngoài ra anh còn dám nói với ông Cust tiên đoán của anh đối với cái chết của ông ấy dù anh cũng không dám mong lời nói đó của anh sẽ mang lại kết quả, thế mà có đấy!

Những sắp xếp của anh quả là hoàn hảo. Anh lấy tên ông Cust để đặt một kiện hàng bí mật lớn gửi vào địa chỉ của ông ta. Chính anh cũng gửi cho ông ta những gói nhỏ tương tự khác mà ABC nghĩ đó là hàng hóa. Anh gửi cho ông ta một bức thư mà thật ra là thư đánh máy giả mạo như được gửi từ công ty đó để giao cho ông ấy một công việc lương cao. Mọi kế hoạch của anh đều được sắp xếp trước hết sức chu đáo mà bằng chứng là anh đánh máy những bức thư để sau đó anh gửi đi và tặng luôn cho ông ấy cái máy mà anh đã dùng để đánh máy mấy bức thư đó.

Tiếp theo anh tìm hai nạn nhân có tên bắt đầu lần lượt bằng chữ A và B sống ở những nơi cũng bắt đầu bằng những chữ cái tương ứng.

Anh chọn Andover để ra tay và sau khi do thám trước anh quyết định chọn cửa hàng bà Ascher là nơi gây án đầu tiên. Tên của bà được viết rõ ràng trên cửa lớn, và qua thăm dò anh biết bà luôn ở cửa hàng một mình. Giết được bà ấy đòi hỏi sự táo tợn, liều lĩnh và cả may mắn nữa.

Đối với chữ cái B, anh phải thay đổi chiến thuật. Rõ ràng những người phụ nữ đơn thân và bán ở cửa hàng đều đã được cảnh báo hết. Tôi đoán anh thường xuyên lui tới mấy quán ăn nhỏ và quán trà để trêu đùa và cười cợt cùng với mấy cô gái ở đó nhằm tìm ra cô nào có tên đúng với chữ cái phù hợp mục đích của anh.

Ở Betty Barnard anh tìm được đúng loại con gái mà anh cần. Anh rủ cô ấy đi chơi một hai lần và giải thích rằng anh đã có vợ nên những buổi hẹn hò phải là những nơi hơi bí mật chút xíu.

Thế là mọi sự chuẩn bị đã hoàn thành, giờ thì anh bắt đầu ra tay! Anh gửi danh sách những người ở Andover cho Cust và hướng dẫn ông ta đến nơi này đúng vào ngày đó rồi anh gửi bức thư ABC đầu tiên cho tôi.

Vào đúng ngày đã định anh đến Andover và giết bà Ascher mà không bị ai ngăn trở cả.

Vụ giết người thứ nhất đã hoàn thành xuất sắc.

Đối với vụ thứ hai, anh tiến hành thận trọng hơn, thực tế anh ra tay ngay ngày trước đó. Tôi khá chắc chắn Betty Barnard bị giết ngay trước nửa đêm ngày 24 tháng 7.

Bây giờ chúng ta qua vụ thứ ba - vụ án quan trọng hay nói đúng hơn theo quan điểm của anh thì đây mới thật sự là vụ giết người anh nhắm đến.

Và ở vụ này mọi công trạng đều thuộc về Hastings vì ông ấy đã nhận xét một cách đơn giản và rõ ràng một chi tiết mà không ai để ý.

Ông ấy cho rằng người ta cố ý để thất lạc bức thư thứ ba!

Và ông ấy đã đúng!...

Chỉ trong chứng cứ đơn giản đó thôi tôi đã tìm ra câu trả lời cho câu hỏi mà bấy lâu tôi thắc mắc. Tại sao những bức thư đó ngay từ đầu đều được gửi đến cho Hercule Poirot, một thám tử tư mà không phải là gửi cho cảnh sát?

Tôi từng tưởng nhầm là vì một lý do cá nhân nào đó.

Nhưng hoàn toàn không phải thế! Những bức thư đó gửi đến cho tôi vì mấu chốt của kế hoạch của anh là anh muốn một trong những bức thư đó viết sai địa chỉ và bị thất lạc - nhưng anh không thể lên kế hoạch để một bức thư gửi cho Bộ phận Điều tra Tội phạm của Scotland Yard bị thất lạc được! Điều tiên quyết là nơi nhận phải là địa chỉ của một cá nhân. Anh chọn tôi vì tôi là người khá nổi tiếng và tôi chắc chắn sẽ đưa

những bức thư đó cho cảnh sát, ngoài ra với bản tính hẹp hòi của mình, anh lấy làm vui sướng khi thắng được một người ngoại quốc.

Anh ghi địa chỉ trên bì thư rất khôn ngoan - Whitehaven - Whitehorse - những từ viết nhằm rất hay để mắc phải. Chỉ có Hastings là đủ tỉnh táo để không quá tập trung vào những thứ xa vời mà nhìn thẳng vào thứ rõ ràng trước mắt!

Đương nhiên bức thư đó người ta cố ý để nó bị thất lạc! Cảnh sát vào cuộc tìm kiếm chỉ khi vụ giết người đã diễn ra trót lọt. Anh trai anh có thói quen đi dạo vào buổi tối đã tạo cơ hội cho anh ra tay. Nỗi kinh hoàng về ABC hoàn toàn chiếm trọn tâm trí công chúng nên chẳng ai nghi ngờ gì anh cả.

Sau cái chết của anh trai, đương nhiên mục tiêu của anh đã hoàn thành. Anh không muốn tiến hành thêm vụ giết người nào nữa. Tuy vậy, nếu những vụ giết người đột ngột dừng lại mà không có lý do gì thì người ta sẽ nảy sinh nghi ngờ.

Thế thân của anh là ông Cust đã đóng vai người tàng hình hết sức thành công, vì ông ta chẳng có gì nổi bật nên cho đến bây giờ không ai nhận ra cùng một người đã xuất hiện ở gần hiện trường ba vụ án mạng đó! Anh rất bức mình vì ngay cả chuyện ông ta đến Combeside người ta cũng không hề đã động tới. Ngay cả cô Grey cũng chẳng nhớ gì đến chuyện đó.

Vốn có máu liều lĩnh, anh quyết định ra tay thêm một vụ nữa nhưng lần này phải để lại dấu vết.

Anh chọn Doncaster làm nơi ra tay.

Kế hoạch của anh khá đơn giản. Theo lẽ tự nhiên, đích thân anh có mặt ở hiện trường. Cust sẽ được công ty cử đến Doncaster. Kế hoạch của anh là đi theo ông ta và tìm cơ hội ra tay. Mọi thứ diễn ra tốt đẹp cả. Cust vào rạp chiếu phim. Điều đó khiến cho việc ra tay càng dễ. Anh ngồi cách ông ta một vài ghế. Khi ông ta đứng lên để ra về anh cũng đi theo. Anh giả vờ ngã và rướn người về phía trước rồi đâm một người đàn ông đang ngủ gật ở hàng ghế trước sau đó đặt quyền ABC lên gối ông ta và rồi cố tình tông mạnh vào Cust ở lối ra tối om, quệt con dao vào tay áo ông ta rồi chuôi nó vào túi ông ấy.

Anh chẳng cần nhọc công chọn nạn nhân phải có tên bắt đầu bằng chữ cái D. Ai cũng được! Anh cho rằng người ta sẽ coi đó là một sự nhầm lẫn, và anh đã đúng. Chắc chắn trong đám khán giả có người tên bắt đầu bằng chữ D ngồi cách đó không xa. Người ta sẽ cho rằng ông ta mới chính là nạn nhân anh định giết.

Các anh chị ạ, bây giờ chúng ta hãy xét từ quan điểm của ABC giả, của Cust.

Vụ Andover chẳng có ý nghĩa gì đối với ông ta cả. Còn vụ Bexhill khiến ông ta ngạc nhiên và sùng sốt - vì sao, là vì chính ông ta cũng có mặt gần đó khi vụ án xảy ra! Rồi đến vụ Churston và các tiêu đề bài báo. Vụ ABC ở Andover ông ta cũng có mặt ở đó, vụ Bexhill cùng thế và giờ đây một vụ khác xảy ra... Cả ba vụ án, vụ nào ông ta cũng có mặt ở hiện trường. Những người bị mắc chứng động kinh thường hay đăng trí, họ không thể nhớ họ đã làm gì... Nên nhớ Cust rất hay căng thẳng và lo lắng quá mức và rất dễ bị ám thị.

Rồi ông ta nhận lệnh đi công tác ở Doncaster.

Doncaster! Và vụ án ABC tiếp theo sẽ diễn ra ở Doncaster. Hẳn ông ta có cảm tưởng như số phận đã an bài. Ông ta mất bình tĩnh, nghĩ rằng bà chủ nhà đang nhìn mình với vẻ nghi ngờ nên ông ấy nói với bà là ông chuẩn bị đi Cheltenham.

Ông ta đi Doncaster vì đó là nhiệm vụ. Buổi chiều ông ta đi xem phim. Chắc là ông ta ngủ thiếp đi một vài phút.

Hãy tưởng tượng cảm giác của ông ta khi quay về nhà trọ và nhận ra có vết máu trên tay áo và con dao dính máu trong túi áo của mình. Những dự đoán mơ hồ của ông ta trước đây trở nên chắc chắn hơn.

Ông ta - chính ông ta - là kẻ giết người! Ông ta nhớ đến những cơn đau đầu của mình - trí nhớ nhầm lẫn của ông. Ông ta tin chắc rằng - ông ta, Alexander Bonaparte Cust, chính là kẻ cuồng sát.

Sau đó, hành xử của ông ta như con thú bị săn. Ông quay lại nhà trọ ở Luân Đôn. Ở đó ông ta được an toàn - ông nghĩ thế. Họ sẽ cho rằng ông ta mới đi Cheltenham về. Ông ta mang cả con dao về - đương nhiên đó là hành động quá đại dột. Ông ta giấu nó phía sau giá treo mũ áo.

Rồi một ngày nọ ông ta được cảnh báo là cảnh sát đang đến bắt ông ta. Thế là hết! Họ biết hết rồi!

Con thú bị săn cố chạy thoát thân lần cuối...

Tôi không biết sao ông ta lại đi đến Andover - tôi nghĩ việc đó thật không sáng suốt chút nào vì đi xem nơi vụ án đã diễn ra - vụ án ông ta gây ra mà chính ông ta không hề nhớ gì về nó cả...

Ông ta không còn một xu dính túi - ông ta đã kiệt sức... chân ông tự đưa ông ta đến đồn cảnh sát.

Nhưng ngay cả con thú bị dồn vào chân tường cũng sẽ kháng cự. Cust hoàn toàn tin ông ta gây ra những vụ án mạng đó nhưng vẫn một mực cho rằng mình vô tội. Và trong cơn tuyệt vọng ấy, ông ta vịn vào cái chứng cứ ngoại phạm ở vụ giết người thứ hai. Ít ra, vụ đó người ta không thể quy cho ông ta được.

Như tôi đã nói, khi tôi gặp ông ta, tôi biết ngay ông ta không phải là kẻ sát nhân và cái tên của tôi chẳng có ý nghĩa gì với ông ta cả. Tôi cũng biết ông ta nghĩ ông ta là kẻ giết người!

Sau khi ông ta thú nhận mọi tội lỗi với tôi, tôi càng chắc như đinh đóng cột rằng giả thiết của tôi hoàn toàn đúng."

Franklin Clarke nói: "Giả thiết của ông vô lý quá!"

Poirot lắc đầu.

"Không đâu anh Clarke ạ. Anh được an toàn vì không ai nghi ngờ anh cả. Một khi anh bị nghi ngờ thì chứng cứ sẽ dễ tìm thấy lắm."

"Chúng cứ ư?"

"Đúng thế. Tôi thấy cây gậy mà anh sử dụng ở vụ Andover và Churston nằm trong tủ ở Combeside. Một cây gậy bình thường có cán dày. Một phần gỗ bị đẽo đi và được đồ chỉ vào đó. Ảnh của anh được chừng sáu bảy người nhận diện, họ nói họ thấy anh rời rạp chiếu phim mà lẽ ra lúc ấy anh phải ở trường đua ngựa ở Doncaster chứ. Anh cũng bị Milly Higley và một cô gái ở Scarlet Runner Roadhouse - nơi anh đưa Betty Barnard đến ăn tối vào buổi chiều định mệnh đó nhận ra. Và chứng cứ cuối cùng cũng quan trọng nhất, đó là anh xem nhẹ một khâu đề phòng cơ bản nhất. Anh đã để lại dấu vân tay trên chiếc máy đánh chữ của Cust - cái máy đánh chữ mà nếu vô tội anh đã không sờ mó gì vào đó rồi."

Clarke ngồi bất động trong vài giây rồi anh nói: "Chẳng qua chỉ là trò đồ đen thôi! Ông thắng rồi đó, ông Poirot! Nhưng cũng đáng thử lắm!"

Với một động tác rất nhanh, anh ta lôi từ trong túi ra một khẩu súng lục và chĩa vào đầu mình.

Tôi la lên và vô tình chững lại chờ nghe tiếng nổ. Nhưng không có tiếng nổ nào phát ra cả, cò súng đánh tách một tiếng trống không.

Clarke nhìn khẩu súng ngơ ngàng rồi thốt ra một tiếng chửi thề.

Poirot nói: "Không được đâu, anh Clarke ạ. Chắc anh đã để ý thấy hôm nay tôi có một người giúp việc mới - anh ấy là bạn tôi - một tay trộm chuyên nghiệp. Anh ta lấy khẩu súng lục từ túi của anh, tháo đạn ra, rồi trả lại chỗ cũ mà anh không hề hay biết gì."

Clarke la lên, mặt anh ta tím lại vì giận: "Ông đúng là thằng ngoại quốc lão xược khốn khiếp!"

"Vâng, vâng, anh nghĩ thế mà. Không được đâu, anh Clarke, không có cái chết dễ dàng cho anh đâu. Anh kể với Cust rằng anh đã vài lần suýt chết đuối. Anh biết nó có nghĩa là gì không - nghĩa là anh sinh ra để nhận lấy một kết cục khác."

"Ông..."

Anh ta nghẹn ngào không nói nên lời. Khuôn mặt anh ta xám ngắt. Anh ta nắm đấm tay lại vẻ đe dọa.

Hai thám tử của Scotland Yard ở phòng bên xuất hiện. Một trong hai người đó là Crome. Anh ta bước tới và trịnh trọng nói: "Tôi cảnh cáo ông rằng những gì ông sắp nói với chúng tôi sẽ dùng làm bằng chứng ở tòa."

"Anh ta nói đủ rồi đấy," Poirot đáp, và quay sang Clarke: "Anh đúng là con người cao ngạo hẹp hòi nhưng tôi cho rằng vụ án của anh không phải là vụ án của một người Anh chân chính - không thẳng thắn - không có tinh thần thể thao chút nào."

HỒI KẾT



Tôi xin lỗi phải kể rằng ngay khi Franklin Clarke đi rồi và cánh cửa đã đóng lại thì tôi ôm bụng cười chảy cả nước mắt.

Poirot nhìn tôi với vẻ hơi ngạc nhiên.

Tôi vừa thở hổn hển vừa nói: “Vì ông bảo anh ta là hành vi phạm tội của anh ta chẳng có tinh thần thể thao chút nào.”

“Đúng thế mà. Thật kinh tởm - không phải vì anh ta giết anh trai mình - mà là đã tâm đưa một người đàn ông không may vào chỗ chết. Bắt được một con cáo, nhốt vào trong chuồng báo, không cho nó chạy tháo! Đó không phải là thể thao!”

Megan Barnard thở dài.

“Không thể tin được, thật không thể tin nổi. Đó là sự thật sao?”

“Đúng thế cô gái ạ. Ác mộng đã qua rồi.”

Cô gái nhìn ông, mặt cô ửng hồng.

Poirot quay sang Fraser.

“Bấy lâu nay, cô Megan cứ bị ám ảnh và lo sợ rằng anh chính là người gây ra vụ án thứ hai.”

Donald Fraser lặng lẽ nói:

“Có lần tôi cũng nghĩ thế mà.”

“Vì giấc mơ của anh đúng không?” Ông nhích lại gần chàng trai trẻ và thì thầm vào tai anh ta về bí mật. “Giấc mơ của anh có cách giải thích rất đơn giản. Đó là vì anh nhận ra rằng hình ảnh của cô em mờ dần trong tâm trí anh và thay vào đó là hình ảnh cô chị. Cô Megan đã thay thế em mình trong trái tim anh nhưng vì anh không chịu được ý nghĩ mình thay đổi quá mau nên anh cố gắng dập tắt ý tưởng đó, vùi dập nó đi! Đó là lời giải cho giấc mơ của anh đấy.”

Đôi mắt Fraser nhìn về phía Megan.

“Đừng ngại phải quên đi,” Poirot nhẹ nhàng nói tiếp. “Cô ấy không đáng để anh nhớ. Còn Megan là người phụ nữ hiếm có - một trái tim tuyệt đẹp!”

Đôi mắt Donald Fraser ánh lên rạng ngời.

“Tôi tin ông nói đúng đấy ạ.”

Chúng tôi xúm quanh Poirot để hỏi và làm sáng tỏ những điều chúng tôi chưa rõ.

“Poirot này, những câu hỏi lần trước mà ông hỏi mọi người ấy, chúng có ý nghĩa gì không?”

“Một vài câu chỉ là hỏi đùa thôi. Nhưng tôi khám phá ra được một điều mà tôi muốn biết - đó là Franklin Clarke đã ở Luân Đôn khi lá thư đầu tiên được gửi đi - và tôi cũng muốn xem anh ta phản ứng như thế nào khi tôi hỏi cô Thora câu hỏi đó. Anh ta đã mất cảnh giác. Tôi thấy trong mắt anh ta trào lên sự hận thù và giận dữ.”

Thora Grey nói: “Ông chẳng màng gì đến cảm nhận của tôi cả.”

Poirot lạnh lùng đáp: “Tôi nghĩ cô sẽ không thành thật trả lời tôi, cô gái ạ. Và giờ đây, mong ước thứ hai của cô cũng lại không thành rồi. Franklin Clarke sẽ không được thừa kế tài sản của anh trai đâu.”

Cô ta hất đầu lên.

“Tôi có cần phải nán lại để nghe ông sỉ nhục không chứ?”

“Đương nhiên là không rồi,” Poirot nói và lịch sự mở cửa cho cô ta về.

“Dấu vân tay đó đã móc nối mọi chứng cứ lại với nhau, Poirot nhỉ,” tôi trầm ngâm. “Anh ta hoàn toàn suy sụp khi ông nhắc đến chúng.”

“Ừ, những vân tay đó - có ích thật.”

Ông nói thêm về thận trọng:

“Tôi đưa nó vào để làm ông hài lòng đấy, ông bạn ạ.”

“Poirot,” tôi la lên, “không phải là thật sao?”

Hercule Poirot đáp: “Hoàn toàn không, ông bạn.”

• • •

Tôi phải kể chuyện ông Alexander Bonaparte Cust ghé thăm chúng tôi vài ngày sau đó. Sau khi đã bắt tay Poirot thật chặt và cố gắng nói thật rõ mà không tài nào nói được lời cảm ơn ông bạn tôi, Cust đứng thẳng người lên và nói: “Ông biết sao không, một tờ báo vừa mới đề nghị trả cho tôi 100 đồng bảng Anh - 100 đồng bảng Anh - để kể cho họ nghe về cuộc đời và tiểu sử của tôi... Tôi... Tôi thật sự không biết phải làm gì.”

Poirot đáp: “Nếu là tôi, tôi sẽ không nhận 100 bảng đâu. Ông phải quyết đoán. Nói với họ giá của ông là 500. Và đừng bán thông tin của ông cho một báo thôi.”

“Ông thật sự nghĩ rằng... tôi có thể...”

“Ông phải biết giờ đây ông là người rất nổi tiếng,” Poirot mỉm cười nói. “Chính xác là người nổi tiếng nhất nước Anh lúc này.”

Ông Cust đứng thẳng người lên chút nữa. Niềm vui hiện lên rạng rỡ trên khuôn mặt.

“Ông biết sao không, tôi nghĩ ông nói đúng! Nổi tiếng! Ở tất cả các báo. Tôi sẽ nghe theo lời ông, ông Poirot ạ. Có tiền thật là dễ chịu... dễ chịu thật đấy. Tôi sẽ làm một chuyến đi nghỉ ngắn ngày... Rồi tôi sẽ mua một món quà cưới thật đẹp để tặng Lily Marbury - cô bé ấy dễ thương lắm - rất là dễ thương, ông Poirot ạ.”

Poirot vỗ vào vai Cust để khích lệ tinh thần ông ta.

“Ừ, đúng thế. Ông phải tận hưởng cuộc sống chứ. À, và có chuyện nhỏ này nữa, tôi nghĩ ông nên đi khám bác sĩ nhãn khoa. Những cơn đau đầu có thể là do ông cần phải thay kính mới.”

“Ông nghĩ lâu nay tôi bị đau đầu là do thế à?”

“Vâng.”

Ông Cust nồng nhiệt bắt tay Poirot.

“Ông là một người vĩ đại, ông Poirot ạ.”

Như thường lệ, Poirot không chối từ lời khen của ai. Ông thậm chí còn không giả vờ tỏ ra khiêm tốn gì cả.

Khi ông Cust oai vệ bước ra về, ông bạn cũ của tôi nhìn tôi cười nói:

“Thế đấy Hastings - chúng ta đã lại đi săn lần nữa, đúng không nào? Thế thao muôn năm.”

HẾT

○ **Chú Thích**

- [1] Ông bạn.
- [2] Thật là khủng khiếp!
- [3] Chẳng phải thế sao?
- [4] Đúng thế.
- [5] Không nhiều lắm.
- [6] Chưa.
- [7] Gì cơ?
- [8] Cảm ơn.
- [9] Sao cơ?
- [10] Đúng rồi.
- [11] Có chứ.
- [12] Ngay bây giờ.
- [13] Tội nghiệp bà cụ.
- [14] Ủ, có lẽ ở đây...
- [15] Đúng thế.
- [16] Cảnh thận nào.
- [17] Đúng lúc lắm.
- [18] À, đúng thế.
- [19] Trời ơi!
- [20] Nhanh lên... nhanh lên nào...
- [21] Muộn quá rồi.
- [22] Ông đang làm gì thế kia?
- [23] Ông xúc động quá rồi, Hastings.
- [24] A, thông minh ghê!
- [25] Ủm.
- [26] Anh nghĩ thế sao?
- [27] Lại nữa rồi!
- [28] Tôi chỉ việc câu thôi.
- [29] Ý kiến hay.
- [30] Cũng giống nhau thôi.
- [31] Hoàn toàn tách biệt.
- [32] Như thế này này.
- [33] Nhưng tôi yêu cô tóc vàng hơn cô có nước da ngăm!
- [34] Chuyện tự nhiên thôi mà.
- [35] Thật là thời thượng.
- [36] Tất nhiên rồi.
- [37] Tài thật. Hấn tưởng tượng quá giỏi.
- [38] Các cháu ạ.
- [39] Đến lượt cô nói rồi đó!
- [40] Còn gì nữa không, thưa cô?
- [41] Gì cơ?
- [42] Không sao đâu!
- [43] Robert Browning (1812-1889): nhà thơ và viết kịch người Anh.
- [44] Ông bạn Hastings thân mến.
- [45] Tôi cam đoan với ông.

[46] Thế này nhé.

[47] Tốt.

[48] Anh Clarke thân mến.

[49] Tôi tin.

[50] Cháu ơi.

[51] Thế là tốt rồi, cháu gái ạ.

[52] Vô lý.

[53] Cũng vậy thôi.

[54] Nhưng đúng thế đấy!